

VƯƠNG HỒNG SEN

CUỐN
SÁCH
VÀ
TÔI

Thú phong lưu sót lại

Dị cảo



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

VƯƠNG HỒNG SEN

CUỐN
SÁCH
VÀ
TÔI

Thú phong lưu sót lại

Dì ideo

Tái bản lần thứ nhất

BÌA GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM

Vương Hồng Sen, 1902-1996

Cuốn sách và tôi : di cảo / Vương Hồng Sen. - Tái bản lần thứ 1. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2012.

284 tr.; 20cm.

1. Vương Hồng Sen, 1902-1996. 2. Sưu tầm sách. 3. Sách và đọc sách. 4. Hứng thú đọc sách.

1. Vuong Hong Sen, 1902-1996. 2. Book collecting. 3. Books and reading. 4. Reading interests.

028 — dc 22

V994-S47

ISBN 978-604-1-00593-8

VHS - Cuốn sách và tôi



8 934974 110002

Tranh này chắc là mang bức họa, tên hội vụ có sau trán bức tiền mu
tên trùm được bao nhiêu "ngòi-nét" của "bút-quan"? Tranh treo ngược và qui
nhay, rồi giật nắp côn vút nhổn-nhổn, ông giáo-nghiêm họ lại khen "thần huy
ết", tức, tiêu chửi mắng, tranh đá được mài và triển-lâm ở viện bảo-tàng ("On

VƯƠNG HỒNG SEN

CUỐN SÁCH VÀ TÔI

Thú phong lưu sót lại

CUỐN SÁCH VÀ TÔI (dài)

Sa-Đéc, March 1, 2015

Quyển "Thú chơi sách" của nhà văn - học giả Vương Hồng Sển được in năm 1960 và cái tên sách đó đã trở nên quen thuộc với nhiều người, nhiều thế hệ. Ngày hôm nay, tức đúng 50 năm sau lần in đầu của "Thú chơi sách" - khi mà cụ Vương cũng đã ra người thiên cổ từ lâu - một di cảo đặc biệt của ông được xem như "Thú chơi sách, quyển 2", với nhan đề *Cuốn sách và tôi* được xuất bản. Có lẽ điều này cũng gây nên một cảm xúc đặc biệt đối với những độc giả mong đợi nó từ lâu. Còn với những bạn đọc trẻ, cuốn sách này chắc hẳn là một "món ăn tinh thần" mới lạ, bổ ích.

Cụ Vương Hồng Sển viết *Cuốn sách và tôi* trong năm 1984, như là một sự "tỏ bày cảm tình riêng với sách" - trút hết nỗi lòng, kinh nghiệm viết và đọc sách; một chút tiếc nuối cho những cuốn sách có số phận long đong, cũng như cho bản thân ông không còn nhiều thời giờ để lang thang trong thế giới bao la khôn cùng của

sách... Những ghi chép của ông về thú chơi sách bao giờ cũng gắn với một kỷ niệm nào đó trong quá khứ, chuyện riêng tư lẫn câu chuyện chung của thời cuộc (như chuyện "thu gom sách" vốn gây tranh luận một thời), dẫu đã xa xôi nhưng khi đọc lại vẫn khiến chúng ta bâng khuâng không ít...

Với cụ Vương Hồng Sển, chơi sách cũng như những thú chơi khác, vẫn thường có những lúc thăng trầm, và người chơi tùy cảnh tùy thời phải biết cách giữ cho lửa say mê không tắt, và với một người chơi có lòng đam mê thực thụ thì cho dù hoàn cảnh nào họ vẫn tìm thấy được lạc thú.

Cũng vì cái tình yêu sâu đậm đó, mà qua thời gian, *thú chơi sách* của cụ Vương đã được nâng lên thành một nghệ thuật, với tất cả sự sâu thẳm của nó. Trong *nghệ thuật chơi sách* của ông, có thể thấy được sự hòa trộn của tính tài tử (choi sách) và tính bác học (đọc sách). Ông thường đánh máy những đoạn văn, những sử liệu từ nhiều loại sách đồng tây kim cổ, lưu lại phòng khi sách bị mất hay thất lạc; lúc rỗi rảnh, ông lại dịch ra tiếng Việt, vừa thỏa cái thú văn chương, vừa để nhẩn nha thưởng thức...; nhờ vậy mà chúng ta lại có cơ hội đọc được những bài tuyệt hay chúng tỏ trong lĩnh vực dịch thuật ông cũng là một bậc thầy.

Với *Cuốn sách và tôi*, cụ Vương Hồng Sển không chỉ dâng hiến sự hiểu biết của mình về nhiều mặt của đời sống, mà còn mang theo những hương xưa độc đáo,

tràn trề xúc cảm qua từng trang viết - văn chương của ông giản dị, tự nhiên mà lôi cuốn vô cùng, - một lối hành văn duyên dáng lạ lùng và luôn luôn gây bất ngờ.

Trước khi xuất bản tác phẩm này, chúng tôi đã làm việc rất cẩn trọng nhằm giữ lại hầu như nguyên vẹn di cảo của cụ Vương, từ văn phong rất riêng biệt cho tới những từ ngữ xưa mà ngày nay ít người dùng đến, thiết nghĩ đó cũng là một cách để bảo tồn những vốn quý (phong vị cũ) của tiếng nói Việt Nam.

Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu tập di cảo *Cuốn sách và tôi* với mong ước chia sẻ cùng bạn đọc một phần nhỏ di sản tinh thần mà cụ Vương Hồng Sển để lại.

Tháng 3 năm 2010

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Chuyện của mình, phải nói trước

THAY LỜI TỰA (1)

Sự sống trên thế-gian này, có thể ví như một cơn bệnh triền-miên bất tận, và cái chết mới đúng là vị thuốc làm tan cái “sống” kia, nói cách khác, chết là lành bệnh, hoặc hiểu “sống là sống tạm, chết là hết và vĩnh-viễn”. Có sách đã nói: nếu ai kia có thể gom nước mắt trên thế-gian làm một chỗ, thì chỗ ấy là một “khổ-hải” rộng vô ngần. Và nếu gộp lại những rầu buồn của mọi người làm một, thì sẽ có một đám cháy, và trời đất sẽ bị bao phủ bởi một bầu khói đau thương vô cùng tận, ghê chưa? Đó là triết-lý, vốn không phải chuyên-môn của tôi. Cái chuyên-môn của tôi là tôi rất giống mọi người trên thế, vẫn ham vui và biết giận. Cái giận của tôi thì tiểu-nhọn không chỗ nói. Tôi từng đọc trong sách: “cô-phụ hàm oan, tam niêm bất vũ” (người đàn-bà góa chịu

hàm-oan, trời ba năm không làm mưa). Nhưng mình đâu phải là cô-phụ? Trước đây tôi có tức giận một người – khi ưa, đề cao tôi lên tột mây xanh, đến khi không ưa, đã hạ bệ tôi bằng ba bài báo đăng liên tiếp làm ba kỳ trong một tờ báo nợ trong Nam, nhưng sau đó, y tích-trữ non một trăm triệu tiền cũ, thời trước 1975, đúng là 96 triệu gởi trong ngân-hàng quan trọng Thiệu, tưởng rằng mỗi năm lấy tiền lời ngót 20 triệu thì làm gì vợ chồng không con “ăn cho hết”, ngờ đâu tính già ra non. Giải-Phóng vô đây, chuong-mục tiết-kiệm bằng mua công-khổ-phiếu, bỗng tan ra mây khói, nhưng tôi vẫn chưa nguôi cơn giận, rõ tôi là tiểu-nhơn chưa, nhưng cũng rõ người kia là kẻ sĩ vô hạnh, nên tôi tuyệt giao, y vẫn muốn bắt tay giải-hòa, nhưng như đã nói, tôi vẫn là con rùa nhở-mọn, một lần cắn, thì ngoặt đó, trời gầm ba năm chưa nhả!

Năm 1960, cơ-sở báo-chí và xuất-bản TƯ-DO của ông Phạm-Việt-Tuyên, có in của tôi tập nhỏ “Thú chơi sách”, nay bán đã hết. Nhưng xét lại, đó là bước đầu chập-chủm, việc nghe thấy còn nông-cạn, tôi viết để kiểm com, mà người kia thẳng tay đốn mạnh, nên tôi giận lâu, hôm nay, tôi viết tiếp tập này, chỗ hiểu-biết, xin thú thật vẫn không giàu hơn trước, nhưng tôi đã quá già, nên cẩn-thận, và cố tật cũ, tôi vẫn không chữa, - người kia xưa trách tôi “có gì nói ra hết và viết không biết chữa”, hôm nay tôi vẫn “tóc tơ cạn kẽ đôi điếu”, tôi xin cống-hiến và phơi-bày hết ra đây, chỗ nào

thanh-nhã thì mừng, chỗ nào tục-tằn, tôi cũng xin nhận và nếu bài này lọt vào mắt xanh người kia, thì người ấy trọn quyền “rùu búa”, không ắt đói ta đúra nào còn sót lại mà tôi nay đè-phòng.

Cẩn tự.

Nghệ-thuật chơi sách

THAY LỜI TỰA (2)

(viết ngày 5-V-1984)

Cái tuổi “bảy mươi, tám mươi” có cái hay của nó mà ít ai chịu biết. Con người vào tuổi ấy, đã thuần nết lại, kẻ dữ thấy bót hung-hăng, vì nhuệ-khí đâu còn, người hiền càng thêm hiền-tù, vì muôn gân đao và tránh xa niềm tục-lụy. Biết thân thì có lẽ cầu may kéo dài thêm một ít, không biết thân, thì bước xuống hố đã đào sẵn càng mau...

Tôi biết nàng đã lâu lăm, biết chó không quen, tuy những năm nay, nhớ-nhớ, ngùi-ngùi, ngấm-ngầm trong tâm không bao giờ tắt. Và đó là nguồn thơ, há để tắt hay sao? Tuổi bảy mươi, tám mươi, “sự đời đã tắt lửa lòng”, tuổi ấy là tuổi sám soi cây cảnh, nhồi-giốn vật nhỏ cầm trên tay, (vì vậy mà có danh-từ “ngoạn-hảo”),

choi chim choi sách. Nhưng những thú ấy, ngày nay đã lỗi thời, đất để trồng cây sanh trái, người thì quanh năm ăn độn, và lâu ngày lại quen miệng, bữa nào thiếu món rau muống, thì “com” mất ngon, và tiếng “ăn com” là nói lâu đời quen miệng, chớ bình thường, nhứt là miền Bắc, “com” là ngô bắp, củ khoai... Vừa rồi, có người lại nhà, hỏi tôi có tập thơ sáu-tám “Dương-Ngọc”, vì trong ấy dẩn tích một thái-tử con vua, vẫn chê nhành vàng lá ngọc từ các nước lân-bang đưa nhau đến cho ông lựa vợ, ông thái-tử nầy đều chê và cho về, kế đó, con gái ông trời, khôi nói, đẹp hơn tiên, nhưng ông thái-tử vẫn chê vì không hợp nhãn, và sau rốt, ông trốn lên rừng, lấy một gái núi, để cùng nhau, ngày ngày “Dương-Ngọc, Thái-tử ra đồng, đốn cây giấy cổ, vun giồng, trồng khoai”. Người hỏi tôi cuốn thơ, vốn là bạn học từ nhỏ, đồng xứ, đồng song. Tôi nghe hỏi mà cười thầm, chớ chi lúc đầu đừng hốt đừng đốt, thì có đâu bữa nay phải hạ mình đi tìm thơ và thần: Muốn có mấy vần thơ lục-bát, thì hãy đừng tịch-thu đem về nấu làm giấy, đừng chê sách ngụy, văn không hạp thời. Người bạn rằng tích Dương-Ngọc, hoàn-toàn là tích của ta, ta là Việt, và khoai lang là món quốc-túy “cầm thực”, thay cho hột lúa. Thơ Dương-Ngọc, từ nhỏ, lúc ở Sốc-trăng, tôi đã có mua, duy khi tôi lên học và sau nầy định cư luôn trên nầy, thì sách-vở chầu xưa, mấy em tôi lớp cho mượn chuyền tay, lớp vì không biết giữ gìn, nên đã nát beng rách tuối. Năm 1965, tôi đã mua một mớ thơ, văn khác, để thay thế những loại đã mất,

và tôi xin mách cho ai kia, nếu muốn sắm mua, hãy vào Chợ-lớn, thỉnh-thoảng tôi còn gặp bày bán vỉa hè, vỉa đường, do mấy người sat nghiệp nhưng gốc thơ hương may còn sót lại, và do một người tên gọi Phạm-văn-Thình (sic) mua những bản cũ của các nhà in xưa Pháp-Toán, Nguyễn-văn-Viết nhượng bản-quyền và ông Thình nhờ nhà sách hiệu Thuận-Hòa, số 54 đường Tháp-Mười (Chợ-lớn mới) in lại, tái đi tái lại, đến cuốn của tôi mua là “in lần thứ 9”, chánh-tả sai bét, nhưng vẫn còn dùng được, và có những bản “tam sao thất bản” ấy, sửa sai không khó gì. Chính tôi, nội chữ “vân, vân-tuồng”, tôi vẫn mới hiểu nghĩa gần đây thôi, và tỷ dụ, năm 1962, tôi mua được một tập dày bìa đỏ, đề ngoài bìa năm 1912, gồm nhiều tập xưa đóng chung lại, in lần thứ ba tại nhà in Imprimerie de la Mission, Tân-Định (Sài-gòn), năm 1895, “Vân và Tuồng ông Gióp, Thánh-tổ tông Gia-cóp, Đa-Vít thánh-vương tuồng, Thánh An-tôn, Thánh Vi-tô, Thánh A-lê-xù, A-Nê tử đạo, Thiên Chúa thánh-giáo, Tứ dân tứ thú, vân vân...”. Đọc gần hụt hơi, tai nghe vù-vù gần muốn điếc, mà vẫn không hiểu nghĩa là gì (ý là tự xung thầy giảng năm xưa trường Đại-học cũ, ra Huế vào Nam khét tiếng!), - tuy vậy tôi vẫn mua, vì giá bán chỉ có 20\$ (hai chục bạc cũ) – mua xong về nhà xem lại thì đó đều là tác-phẩm quý và vô giá, như:

- tuồng ông Gióp là sự tích ông Job, thánh đạo Da-tô,
- truyện Thánh-tổ tông Gia-cóp, là chuyện ông Jacob,

- Đa-Vít thánh-vương tuồng là chuyện ông thánh David,

- Giu Dít vân là chuyện bà thánh Judith,

- Tô-Bia vân, Giáng-sinh vân, Cê-ci-lia tử-đạo tuồng (Cécilia), Thánh An-tôn vân (Antoine), Thánh Vi-tô tử-đạo vân, Thánh A-lê-xù vân (Alexis), Hoàng-hậu Sa Ve vân, A-nê tử-đạo vân, Gioang Lều tuồng, Bồ Gioang tử-đạo vân, Cố Bè Trên Phan tử-đạo vân, Tự Thánh Thục Đàng vân, Thiên Chúa Thánh Giáo Yếu-lý Chính Giải tổng-lược vân, và sau rốt là tập “Tứ Dân tú thú” vân, tám trang, một bài thi trích ra đây làm thí-dụ:

“Giàu trối ai, quỉ trối ai,
Khó vui đạo chích dạ chi nài,
Trên thờ một Chúa lòng nghiêm kinh,
Dưới thảo hai thân chí dễ sai,
Xác đất chi hèm noi thế-tục,
Linh hồn miễn đặng chốn Thiên-thai.
Để cho thế-sự đua danh-lợi,
Bao quản thân này chịu đặc dài.

(chép y nguyên-văn trang 514)

và luôn tròn, chép luôn bài thơ sau, nơi trang 517, cùng tập:

“Tiếc bấy trời sinh thatem uổng công,
Khó giàu đều ở ngái nhon không,
Người no ý thế đà vô ngái,
Kẻ đói phân bì lại bất trung,
Phần xác đã nghèo noi thế tục,
Linh hồn phải đọa chốn âm cung,

“Chữ rằng: Thiện ác sau đều báo,

“Mưa khá theo đòi đảng bạo hung.

(y nguyên-văn trang 517)

Tiếp theo là Ngũ canh tư tưởng hạ thiên vân (9 trang), Chí thiện ca, vân (8 trang) và theo tôi, quý trọng hơn hết là “Nhứt trình Đông Cung ký vân, Tây-bang tái-hồi bốn quốc, vân (13 trang) (ngày nay chuyện Đông Cung Cảnh đã lật qua trang khác, ở đây tôi không bàn, nhưng kể về sử-liệu, về văn-liệu, thì không ai chối từ không đọc đến, huống hồ trong tập giá 20 đồng này, còn thêm “Hàm oan chi từ, vân” (20 trang chuyện bắt đao), một bài nữa tựa là “Quảng-Nam tỉnh, án-sát sứ quan yết-thị” (4 trang), tiếp theo là “Chúng nhọn ca”, lúc dán yết-thị quan án-sát (4 trang), Hối tình thuật đạo, vân (8 trang), Cha mẹ dạy con, vân (17 trang), chót hết là hai trang thơ bát-cú: thơ mừng đức Mẹ lên trời, kính Đ C B đồng trinh, Kính các thánh Nam Nữ, Thơ Ba Vua tìm Đ C G, tôi xin miễn kể, chừa các vân kia sau này sẽ nghiên cứu, duyên chép lại đây bài thơ khoai lang, thơ rằng:

“Uổng công cuốc đất bữa săm soi,
Lang hối sao mi béo cẳng cỏi,
Đất cứng nhành trùn nén rái rác,
Dây khô lá quánh khiến lòi xòi,
Ngõ là tướng đặng ăn no bụng,
Ố hô! còn đâu nấu đủ nồi,
Lảng lảng trẻ thơ đừng than khóc,
Mùa sau mặc sức để con moi.

(trang 615, sách dẫn thương)

Nội trang rót 616, có in bài thơ sau đây,

Thơ dai khôn

Tạm kết luận thay lời tựa.- Lấy hai chục đồng
châu trước, mua được tập dày "Văn và tuồng" này,
đóng bìa năm 1912, riêng tôi, nhờ có cuốn này mà
truy nguyên biết được xuất xứ bài "Dại-khôn" mà tôi
thường đọc đi đọc lại trong nhiều tập "văn-uyển",
"thi-văn trích-lục" khác, nhớ tới tình trạng sách vở
từ ngày giải-phóng 30-4-1975, tôi bỗng ngao-ngán
và ân-hận buồn-bã cho số phận Nam và Bắc. Đã đắc-
thắng, quét sạch quân thù, còn lại trong nước toàn
là dân Việt, mà tại sao không chút lòng Nhân? Bắc
như Hoàng-Diệu, thì là Trung, vốn vẹn trong Nam,
một tấn-sĩ là Phan-Thanh-Giản, thì buộc về tội "bán
nước", một nhà giáo là Trương-Vĩnh-Ký thì là tội
"theo Tây"? Những sách thí dụ như xấp "Văn và
tuồng" này, lẽ đáng nên xem quí như "Sách sổ sang

chép các việc của Philippe Bình” (viện đại-học Đà-lạt xuất bản, theo bản tay năm 1823) – tại sao phải thủ tiêu, oan hối là oan.

Tôi viết đến đây, khôn cầm giọt lệ, và mặc dù sấm sét búa rìu, tôi nguyện còn một hơi thở nào, xin ngồi đây ôn chép lại văn xưa nào tôi biết, - còn còn hết hết, tùy rủi may và lương người sau này soi xét.

Nghĩ cho: "... cũng dung kẻ dưới mói là lượng trên" kia chứ?

Nói chuyện nàng

(viết ngày 6-V-1984)

Nói bài "Thay lời tựa", vì tôi quen tánh nghêu-ngao, mà bỏ lửng chuyện Nàng. Nay xin viết tiếp: gọi "nàng" e chưa đúng bức dây đòn; gọi "phu-nhon" tuy khen-kiệu, nhưng đúng dây và ăn khớp hơn. Thôi thì cứ "phu-nhon" mà gọi.

Tôi thấy mặt trong một buổi tình cờ. Ngờ đâu hột duyên đã gieo, dây nợ cứ theo đà mà lớn. Cách nay đã lâu, sau ngày Giải-phóng, có người nhẫn tôi đến nhà, nhờ xem và cho biết ý-kiến về vài món đồ cổ, muốn đem ra xứ ngoài. Người này là một nhơn-vật đang xuống dốc, đi cải-tạo về, bao nhiêu phong-độ "nạt đường" "thép ra khói" "ít ra lửa", nay (hôm ấy), chỉ còn một cây gậy xấu, cái mặt phù-thủng, vì biết không còn lâu nên họ tha mà cho yề. Tuy ốm nặng, nhưng cặp mắt còn tia chớp, giọng nói còn nghị-lực, và thỉnh thoảng

trong câu chuyện, vẫn có lúc chọc cười và duyên-dáng; theo tôi, tử-thần làm dấu nơi cửa, nhưng chưa mời gấp đâu. Trước đây, có viết ít bài "rùng cười" đã biểu tôi một xấp, hôm tôi đến nhà, ông vẫn đang ngồi nhà sau, trên một chiếc ghế bô xích-xạc, trên tay là một cuốn dày báo Bách-khoa cũ. Đang nói chuyện không đầu không đuôi, chuyện hàn-huyên nước ốc, bỗng phu-nhon, từ nhà trên, bước xuống. Người tầm-thước, đàn-bà Việt, cao trên một thước sáu, đã là quá cỡ thợ mộc, nhưng xinh thật là xinh. Y như một nàng tiên, mặc chiếc áo trắng ôm sát mình, lồ-lộ phuong-phi, da đỏ hồng-hào, đặc-biệt nhứt là mái tóc trắng phau, thêm đợn sóng, rẽ một làn ngay giữa, chia hai có hai lưỡi mèo bạc phếu, không biết sẽ liếm ai đây, và đã "ăn thịt" con chuột 35 nào chưa. Tôi đứng dậy thi-lẽ, phu-nhon nhoén miệng cười, hàm răng hạt dưa thật đều, khít rịt, đôi mắt long-lanh sáng tự sao, tôi lật đật ngồi xuống, không thì đã bị hớp hồn, khó vê thấy mặt mụ xã. Phu-nhon sai con lấy cho tôi xem hai bộ tam hường, thẻ bằng ngà, vừa lớn vóc vừa chạm khéo, răng của mẹ để lại, dòng họ Đỗ ở Chợ-lớn, và cho tôi xem luôn hai lộc-bình ngọc, răng dấu-tích bên nội, họ Trần ở Hóc-môn. Hai bình này nhỏ thôi, cao độ non một tấc Tây, bề kính độ bốn phân, nhưng thật nặng, hình thù giống-giống cọng lục-bình trôi dưới sông, có người quen gọi "bèo hay sen Nhựt-bồn". Tôi cầm hai vật này lên tay, xem kỹ, lật qua lật lại, rồi dâng hai tay trả lại phu-nhon, lỡ dụng mấy ngón, vẫn mát lạnh như ngọc kia không khác. Tôi

không khen mà cũng không chê, phu-nhon biết ý, vói tay lấy ly nước lạnh rót vào hai bình, chưa tàn điếu thuốc, nói cách xưa, chưa giập bã tràu, phu-nhon nghiêng bình rót vào đĩa trà, thì nước lâ ban nãy nay đó như nước son Tàu, phu-nhon liếc tôi một liếc cho thấy noi khoe miệng vẫn có một răng vàng duyên-ngầm, tuy chưa ra độc-thủ nhưng tôi đã phải coi chừng..., phu-nhon tươi cười giải thích bình này mình trắng có mấy đốm hồng-hồng, vốn mang từ bên Trung-quốc thuở Đỗ tướng-công sang Choi bên ấy đem về, đồng thời với bà Từ-Hi thái-hậu và đó là "hồng mã não" có đặc-điểm khi cấp-bách dùng nước trong bình này viết thì ra chữ son dẽ như Choi-Choi.

Nghe mấy lời, tôi càng thêm giục mình, người này chẳng những xinh mà lại rất là lợi-hại, có sắc giết người mà hiện còn đang tranh-thủ với mình "nghè coi và biết giá-trị đồ xưa". Nhưng mình há nhịn! Chẳng động tới thì thôi, nay bà muốn cai, - cai làm chi cho mếch lòng người tiên, tôi trớ qua bàn về ngọc và nhắc khéo, phàm ngoạn-hảo kỳ-trân, hoặc chuộng về niêm-kỷ (xưa, cổ), hoặc chọn về tinh-xảo (khéo, công-phu); còn về huyền-bí, về kỳ-quặc (quái-lạ), riêng kẻ này không sa-dám. Câu chuyện đến đó thì bỏ dở, tưởng đã dứt và cũng quên lần. Cách đó vài năm, người đàn ông, bạn của tôi, nhắm mắt lìa đời mà tôi vẫn không hay, khi hay thì xác đã đem về tinh nhà ở Bến-Tre mai táng vào thời xê-dịch còn dẽ và phong trào "không cho nằm dưới đất" còn chưa triệt-để như sau nầy.

Rồi đường ai nấy đi, lúc tôi đọc báo thấy cáo-phó, cũng không tìm tâm gởi lời phân-uru. Sự thật, tôi tuổi già bóng xế, còn ham chi gieo gió hái hoa. Bỗng, chuyện gì y như sắp đặt trước, cứ tuần-tự đến, quả lạ cho chưa? Ngày thứ ba 17-4 vừa rồi, tôi khệ-nệ ôm cái đế gỗ của chiếc lon "ức bò-câu Minh-đại" lên nhà một bạn ở Xóm Gà, để nhờ săn keo săn thợ, gắn y lại như cũ, vì đế lâu năm, bị lon nặng đè, chầy ngày đã rã ra từng mảnh, may thay hay kịp lúc, không thì đế vỡ, rớt ra từng cánh vụn, và sẽ ôm theo cái lon rớt xuống đất, đi đời nhà ma. Nghịch ngợm thay chú thợ Tàu, làm cái đế nọ! Vì bởi Trung-quốc ít có gỗ quý, nên họ tiện-tặn và mót từng ly từng chút. Họ có keo tốt, xú họ là xú sản-xuất từ mấy ngàn đời hai thứ "keo" và "son", dùng để hàn-gắn chiếc bàn, cái hộp, và ông thợ Tàu này, đã ghép gỗ vụn rồi tiện và mài mấy miếng vụn vặt ấy đến biến thành cái đế gỗ này. Câu chuyện gởi-gắm cái đế cho bạn o-bế lại vừa xong, tôi ra về. Và để đỡ tốn năm đồng tiền xe lam, và cũng để cho giãn giãn cốt, chuyến về, tôi thả bách-bộ từ xóm chùa Dược-sư về nhà ở gần chợ Bà Chiểu, tôi đang đi nui mé trái trên đường, khi gần đến đầu ngả Tư Xóm Gà, bỗng nghe nơi sau lung tiếng người hỏi với: - Ông ơi ông, ông có phải ông Năm chồng bà Năm Sa-Đéc. Tôi vừa dừng bước vừa gật đầu thì một thiếu-phụ ăn mặc lam-lũ vừa lấy tay chỉ qua bên kia đường, vừa thưa: - Thưa ông, có bà này nói có quen và muốn mời ông ghé lại có chút chuyện cần. Tôi chăm-chỉ ngó theo lằn tay của thiếu-phụ, mà quên lửng

cám ơn. Trước mắt tôi, - "rõ ràng trước mắt còn ngờ chiêm-bao", đúng là phu-nhơn năm trước. Đúng là nàng tiên năm nọ, thêm đẹp hơn nhiều. Vẫn pho-pho mớ tóc trắng phau-phau, càng thêm trắng bạc dưới ánh nắng ngọ giữa đường, nhưng da mặt hồng-hào và trẻ trung hơn năm trước bội phần, xưa kia chồng còn sống và là phế-nhơn ăn-hại phải nuôi phải săn-sóc, nay trống chòn trống cảng, chảy ngày bồi-bổ bằng nệm ấm gạo thơm, nên quả "sắt mặt đỏ như hoa vông", "cổ tay tròn như ống chỉ", càng nhìn càng muốn cắn muốn nuốt luôn vừa hồn vừa xác mới vừa lòng. Ô hay! tình cờ hay ba-sinh túc-trái?

Không đợi tôi ngoảnh lời chào hỏi, phu-nhơn cười chumm-chím và nói thật lẹ:

- Còn nhớ tôi không? Mời anh bước vào trong này, đôi ta nói chuyện!

Tôi ríu-rít đi theo, bụng khấp-khổi mừng còn hon bắt được ngọc. Con đường vẫn hẹp, buổi ấy trời chưa mưa, đường đầy bụi và sạn-sỏi chom-chóm. Tôi không cố ý mà đã mấy lần tay đụng vào mông vào đùi, mông cứng-cáp như cửa gái tân, đùi thon-thon dội lại noi đầu ngón tay êm-êm mát-mát, vẫn không nghe phản ứng! Ngày xưa Lưu, Nguyễn rẽ lối Thiên-Thai, phải như vậy cùng chặng? Tôi chả cần biết, và đường dẫu dài, dài vô tận, tôi cũng chẳng nài-hà. Một bên đường, phía tôi đi là một dãy cây keo cổ-thọ, phía phu-nhơn bước là một dãy phố lá mặt tiền sát hẻm và đường mòn vẫn

không có lề. Năm ba chị đàn-bà sồn-sồn ngồi ngạch cửa vẫn dòm trân-trân hai cái đầu trắng xóa... Đi đến tận chót là một cái am nhỏ xịch-xạc thờ Phật, một người thanh-niên mặc y-phục cũ nhà-bình đang cắm hương, vài ba người đàn-bà có tuổi đứng vọng-bái, hai tôi cúi đầu nép mình lách qua, phía trong lều này là một căn hẹp, đưa ra sau bếp, và đã có đặt sẵn hai cái ghế đầu: hai tôi ngồi xuống.

- Tôi sắp sang Pháp, giấy tờ xong đã lâu, chỉ chờ được giấy nhập-khẩu.

- Lúc này qua Pháp không hay gì lắm. Sao không đi Canada, tuy lạnh mà hay hơn.

- Ấy! chính tôi đã xin chuyển bỏ Canada để qua Paris, vì cháu nội cháu ngoại đều ở bên đó.

- Bà lúc này đẹp quá! Còn trẻ hơn lúc trước nữa kìa. Đẹp như tiên, rõ là tiên-phong đạo-cốt.

- Ối! đẹp gì đâu, và rõ là tiên mắc đọa. Nhà anh vẫn ở chỗ cũ chứ? Nhớ như tôi có đến một lần rồi.

- Xin mời bà, bữa nào rỗi rảnh, vui lòng đến chơi... nhà không mất món nào, có sắm thêm là khác.

- Không đâu, mời anh đến nhà, anh vẫn nhớ địa chỉ mà, như vậy tiện hơn. Tôi nay đã nâu sòng trai-lạc, nhưng tôi sẽ cho cháu nấu mặn cho anh dùng. Trong tuần nhựt này, tôi đợi anh.

Phu-nhơn đưa tôi ra cửa, tôi bước lẹ, tay xách gậy chớ không chống, không biết mình đi trên mây hay trên

hởnh nhỏ gồ-ghè, và mường tượng sau lưng và bên phố có nhiều mắt ngó theo.

Về đến nhà, trong trí vo-vơ vẩn-vẩn, đêm ngủ khó nhắm mắt, trọn một ngày sau không làm gì được, không đọc sách mà cũng không viết được một chữ nào. Đầu óc trống không, trí cứ suy-nghĩ mãi. Đi hay là không đi? Đã hẹn, nếu để sai lời, thì bất nhã, đến mà có nên trò-trống gì không? Bồng-bồng bột-bột, mệt-mệt hai-hai, con gà nuốt phai sợi dây thun, là cảnh lúng-túng của tôi lúc ấy. Cà-phe nhạt phèo, cơm sáng cơm tối, tôi lấy đũa khều mà nhớ đâu đâu Xóm Gà, đường Xách-lu cũ-ký...

Tôi đã lấy hết bình-tâm xét trước xem sau, bụng muốn lẩm: cơm đà dọn, vĩ-véo quá sức tưởng-tượng, còn đợi gì mà chưa cầm đũa? Giá thử như buổi trước, thì đâu có đợi mòi! Nhưng nay tuổi đã tám-mươi-ba, còn cầm thương lên ngựa gì nổi? Phải lượng sức trước đã. Nhớ lại câu đọc trong sách: "Kỳ ký thanh tráng chi thời, nhút nhát trì thiêng lý, chí kỳ suy lão, nỗ mã tiên chí" Thuở nhỏ không diễm-phúc lân-la cửa Khổng sân Trình, nay không mấy thuở nói chữ, và gãm lại, câu này rất hạp với tình-cảnh hiện nay của mình. Vả chăng con kỳ con ký là giống ngựa trong sách dạy chạy một ngày trên ngàn dặm vẫn không biết mệt, nhưng đó là lúc còn tơ còn trai tráng, còn sức-lực dồi-dào kia, chí như lúc trẻ về già, sức gân đã yếu đã giảm, thì tài nào còn được như xưa, cho nên khi kỳ-ký trở về già, dẫu con ngựa hạng bét, cũng có thể qua mặt ngựa kỳ ngựa

ký như chơi! Ô hay! Ý là nói về ngựa kỳ ngựa ký, huống hồ chi như mình đây, làm sao dám ví? Khí huyết đã suy, lụt-đụt lạt-đạt, như đèn hut bắc, như ô-tô hết xăng, đang ăn muối nuốt mà nó nghẹn ngang trọn trảng, nhảy ngựa kéo cương, còn làm nổi hay không? Làm không nên thân, ở dưới nó cười, có nước cắn răng giãy chết. Chừng ấy càng thêm xấu hổ, mười ngón che hết cũng không kham, không vừa.

Sau hai ngày hai đêm cạn xét, sáng bữa hôm sau (thứ năm 19-4-84), tôi dậy thật sớm, tắm gội sạch-sẽ, không quên lấy áo lót mới ra thay, (cũng phải đê-phòng), phòng hờ tưởng-tượng như ngày xưa đi thi võ-trạng, hay như nghe đâu y như các cô tiểu-thơ thuở trước đi thi muốn được tuyển vào trong Nội, gấm-ghé long-sàng; đến cây ba-ton là vật cầm tay, cũng lựa cây gậy thật bóng-nhoáng cho ra phết phong-lưu, giày mới, bít-tết mới, y-phục mới, bánh-lanh béo-lèo y như hồi còn đi làm nơi viện bảo-tàng, - may thời bà xã không để ý nên không hỏi, - khi ra cửa còn dừng lại rót miếng trà nóng uống cho ấm bụng, đổi rằng đi viếng bạn từ bên Pháp về, mà kỳ thật là dốc lòng đi "ăn vụng bột"! Ngày thường quen đi xe buýt cho đỡ tốn, nhưng bữa nay là ngày đặc-biệt, ngồi xe xích-lô cho sướng cái đã. Xe đến chỗ, không cho đậu ngay nhà, và bắt ngừng từ xa cho không phuong biết địa-chỉ. Đến noi, gõ cửa, đợi hồi-lâu, có một trai độ mươi, mười-hai tuổi, thanh-mi tuấn-tú ra mở cổng trước, mời mình vào khách-phòng..., ngồi đợi lâu hoắc, chưa thấy ai. Tôi thừa dịp nhìn kỹ,

chỗ tôi ngồi là nơi hàng ba, ngay cửa vào khi nãy, nơi sân có một tượng Thiên-tôn bằng gốm Biên-hòa, trông bằng đứa trẻ lên mười, và ngay cửa, đối diện với Thiên-tôn là tượng Phật Quan-Âm đứng trên quả địa-cầu, vẫn bằng gốm Biên-hòa nhưng thật khéo và tân-thời, tay xách giỏ hoa-lam, áo Phật vẫn màu xanh da trời thật đậm, tương phản với màu vàng lợt quả đất, cũng là đặc-thể, nhưng lấy điển-tích nào mà nắn Phật-Bà đứng trên trái đất, thì tôi xin chịu dốt. Gương mặt Phật, hiền-tử ra mặt, nửa giống gương mặt Đức-Mẹ bên Da-Tô, nửa giống mặt trái xoan đặc-diểm của gái Việt độ bốn mươi ngoài, thừa kinh-nghiệm, trải tuổi đời, khá khen cho người nghệ-sĩ nắn tượng nào đây quả nhiều từng-trái và giàu tâm-lý, đã thành công khi nặn-nắn tượng này, tôi đang thầm khen nén hương sớm mới bắt đầu cháy, chủ nhà quả có lòng thành, thì có tiếng xô cửa phòng trong và phu-nhơn tay cầm quạt giấy, bước ra...

Phu-nhơn hôm nay còn đẹp và giàn hơn hôm trước rất nhiều. Hôm trước, gấp là buổi tinh cờ, phu-nhơn đi lễ bái Phật: trưa nắng và cũng không dốc lòng làm đẹp với Phật! Hôm nay hoa tại vườn, quen hơi quen chậu, hơ-hớ một cành, tuy tuổi đã tròn trèm lục tuần, tóc trắng, nhưng mắt xanh da ngọc, ngũ nhạc hân-hoan, quả phong-lưu chi tướng. Duy có một điều, hôm nay kẻ nầy đến đây, không dốc lòng “vinh cành quế”, trái lại lại đây để hẹn qua kiếp sau, nên nhìn kỹ hơn trước: “đôi chang mày quá rậm, ngọc cơ hồng-hồng”, sách tướng đã dạy gái mà: ...”chon mày rậm rạp, ngọc cơ

hồng-hồng. Có chồng mà lại giết chồng. Hình đi như rắn bụng trung bao giờ”. Thêm nữa: “Người nào mặt láng da ngà, trai đôi ba vợ, gái đôi ba chồng”; rồi còn nữa: “Gái mà hai má hồng-hồng, con mắt điên đảo có chồng theo trai”; Lại nữa: “Đôi tròng trắng bạc quá ưa, Nam dâm nhon-phụ, nữ hòa gian-phu”, và chót hết: “Khao khao giọng thỏ tiếng cười, Vân-vân tóc trán là người khôn ngoan, đêm ngày tư-lụ tân-toan, phỉnh người lấy của, dỗ người lấy công”...

Từ thấy mặt lúc chồng còn sống, mơ mơ ước ước, đến gần đây gặp lại, vẫn chưa nhìn kỹ, và chỉ định-ninh đó là người đẹp, muốn được biết thêm nhiều, nhưng hôm nay lại khác: đến để khuyên chờ qua kiếp khác, và mặt nhìn mặt phen nầy, tay đôi giữa một nhà trống, bao nhiêu sách Ma-Y thần-tướng, tôi ôn lại trong mấy câu như trên, và khi ngồi tiếp chuyện, mở đầu là tôi xin “đình chiến”. Hai tôi ngồi cách nhau không đầy năm tấc, phu-nhơn cầm quạt quạt hơi để thêm kiều-diễm, tôi nghiêm-nghị không bắt tay lúc chào hỏi, xưa quá, nhà quê quá, - và chỉ đàm-đạo suông. Tôi ngồi day lung ra cổng, mắt ngó vào trong: phía trong trước kia là phòng khách, nhưng nay là phòng ngủ, tro-vơ một cái giường ọp-ẹp có treo một cái mùng nhỏ bằng nylon xanh lá cây, treo lồng-thòng trên đầu bốn cột giường xiên-xẹo không mỹ-thuật chút nào, nệm drap không vén-khéo, nhứt là màu ngà-ngà của buổi thắt lung buộc bụng như thời-buổi nầy, nếu thật là “mời” tôi thì cảnh không khuyến-dụ chút nào, huống-hồ tôi đến đây để từ-chối!

Phu-nhon nghe tôi nói mở hoi ra, nên có lẽ vì vậy bữa này không thấy sốt-sắng được như hôm đầu mới gặp. Thêm nữa, tôi không biết nhập-đề, lại bàn về chuyện "trồng xoài", chuyện viễn-vông, phu-nhon tỏ bày trước đã có một đời chồng, hiện ở tại Paris, vốn quốc-tịch Đài-loan, tý-phú và đã bao-bọc các con riêng của phu-nhon, tức con của bạn quá cố có bức ảnh nhỏ để trên bàn, gần giường ngủ, bàn thờ không phải bàn thờ, bàn table de nuit cũng không phải luôn. Phu-nhon đưa tôi bước vào xem nơi bàn thờ Phật, tôi vẫn thấy lại hai cái bửu-bình "hồng mã não" năm xưa, đặt trong lồng bằng kính cẩn-thận, nhưng tại sao thờ Phật-Bà (bằng thủy-tinh quí) giữa hai tượng Quan-đế, một tượng ngồi tay vuốt râu tay nọ cầm cuốn sách (Quan-đế khán Xuân-thu kinh) đặt ở bên tả tượng đức Phật, và bên hữu tượng này lại đặt cũng một tượng Quan-đế khác, ngồi trên lưng Xích-thố mã, tay thủ thanh-long-đao (Quan-đế xuất chiến, lúc thủ Kinh-châu thành), tôi thấy cách thờ như vậy, chưa được phái lẽ, phu-nhon lại chỉ cho tôi xem một bộ ghế trường-kỷ kiểu Tàu, bằng gỗ táo, có khâm đá Đại-Lý, nhưng đá tầm-thường không vân-hoa đẹp-dẽ như loại đá lựa để trang-trí loại ghế cổ này, tôi để ý thấy trên một chiếc ghế lại có một bức tượng vẽ thủy-mặc khác, vẫn chấm hình Quan-đế ngồi trên ngựa, tay thủ đại đao, mà lưỡi đao day vào trong, - theo ý tôi hiểu "như vậy là sát-chủ" rất ky, tôi định mách cho phu-nhon nên day bức tượng, đặt qua ghế đối-diện, tức làm cho "lưỡi đao trở ra ngoài" (khỏi cù-

chỉ sát-chủ) – tôi vừa nói chưa dứt câu, - phu-nhon đã cúp lời, không nghe nữa, - tôi cười, biết bà này rất cứng đầu và có nói cũng vô ích, tôi cúi chào và bà đưa tôi ra cửa ra về.

Nay tôi nghĩ lại, từ 8 giờ tôi đến đến 11 giờ tôi từ giã, người trong nhà không cho một tách nước, có lẽ là cố ý để cho cuộc hội-diện này không có nhân-chứng hay chăng?

Kết luận.- Có người khi đọc bài này, hoặc chê tôi dại, không biết thừa-hưởng dịp may, hoặc cười tôi gàn, cờ đến tay không biết phất, hoặc giả tôi quá quân-tử Tàu com dọn sẵn không ăn, muốn nói chi tôi cũng xin chịu. Tôi dại mà còn sống như vậy, để viết thêm cho người khác đọc cái ngu của tôi, tôi cũng giàn thật, không phất cờ, vì tự xét rủi đang phất mà gãy cán cờ là điều bất lợi, không nói là đại họa có khi, và com dọn không thường-thức vì tật ưa mắc nghẹn với tuổi già.

Thiếu chi người, gấp cơ-hội như vậy, đã chụp lấy hai tay và nữa sau tối đâu sẽ biết. Những người ấy có lẽ là người trời dành sẵn để cho hưởng hạnh-phúc, và họ có hạnh-phúc thật. Trái lại, tôi là con chim bị đạn, đã hai lần trong đời, bị nạn người khác giựt hạnh-phúc trên tay, hai lần tôi bị con bạn chung-tình chẳng chung tình và đã ôm cầm nhảy sang thuyền khác. Nay tôi dứt khoát như vậy, lòng mừng thầm vì hôm ấy không làm việc trái với lương-tâm trước tấm ảnh của người bạn quá cố; xe còn chút xăng, muốn nhín lại, mong xe chạy đến

nơi đến chốn, nếu còn muốn chuyện hoa tường liễu ngõ, thì ngoài đời thiếu chi người đẹp “trống chun”, sòng phẳng với nhau tay xả tiền trao là dứt khoát, hoặc giả thiếu chi bạn gái đồng lứa, đang thiếu-hụt khát-khao, mình đến thăm, đôi bên đều bằng lòng, cười với nhau “miếng giữa làng, sàng xó bếp”, cửa trăm tặng nhau lúc đói, bằng bạc muôn bạc ngàn, như vậy có lẽ hơn là rủi ró tỳ như bà lớn này, cao-sang rườm-rà thật đấy, nhưng phiền-phức lòng-thòng ghê xương, chưa lọt vào vòng thì ham thì muốn, chó khi lọt vào rồi, cắt không đứt, bứt không rời, của tuôn bạc mất mà không chuộc được tiếng nhơ. Vả lại, tôi dám chắc tôi còn nước-nội gì, có lẽ họ muốn là vì ba món đồ xưa, còn riêng tôi, hẽ già thì có kinh-nghiệm, “ban đêm mèo nào cũng vẫn mèo mun, tắt đèn rồi bà tiên và dạ-xoa cũng đồng một thứ”, và câu tục-ngữ Pháp thường dặn: “Muốn đi xa phải biết nương sức con ngựa già”.

Cái bánh, để nhìn ngon hơn đã cắn. Và thà để cho người ta mến tiếc hơn là ra tài hóp-tóp, chúng thấy bất lực, cười dai. Ô hô! Mỹ-nhon tự hữu như danh tướng, bất hứa nhân-gian kiến bạch đầu. Cổ-ngữ không sai: c'est vrai: mà thiệt vậy!!

Và thưa phu-nhon, tôi nay chỉ còn tài giỏi viết!

(viết xong 7-V-84)

Nếu đời lấy 100 năm

làm hạn, thì:

- 1 tuổi, tuổi “ứng trong quà”, chưa đáng kể;
- 11 tuổi, còn trong tay cha mẹ, cho đi học cung nên, bắt đi bán cà-rem cây, ráng chịu;
- 21 tuổi, mỗi đêm mỗi đòi vợ, “đừng nói”;
- 31 tuổi, dẫu cắp đất vẫn thấy ngon, trốn nằm chuồng heo, vẫn thấy sướng;
- 41 tuổi, ưa làm càn và thường làm bậy;
- 51 tuổi, khởi sự biết hồi-tâm;
- 61 tuổi, biết sợ chết;
- 71 tuổi, hũ dưa chua ở chợ thấy bất thèm, mua về ăn; dở ẹt;
- 81 tuổi, ai mặc ai, ta mặc ta;
- 91 tuổi, đuối ruồi, ruồi không bay, cho gì ăn nấy và lẩm cẩm;
- 101 tuổi, có đến chưa mà biết? Vẫn chưa thấy hồi-ký để lại.

Hôm nay, 20 octobre 1982, thấy phụ-nữ, còn biết chào, nên viết tập này, đúng vào tuổi “khúc quanh 81”.

Chủ-nhân VÂN-ĐƯỜNG phủ,
9/1 đường Nguyễn-Thiện-Thuật, Gia-định

Cảm hùng lan man, chữ là mạn-hùng

Đọc trong bản ronéo mua ở Chợ Trời năm 1977, giá 15 đồng mới, nguyên của b.s. Trần-Ngọc-Ninh chạy bỏ lại, - ngày nay có một trăm đồng không ắt gì mua được, "Thơ chữ Hán Nguyễn-Du" rắp theo bản "Nhà xuất bản Văn-học Hà-nội năm 1965", trang 127, gấp bài thơ sau đây của Tiên-Điền, viết khi chưa xuất xứ và còn lang thang vùng Hồng-Lĩnh. Thơ rằng:

Mạn hùng

*Long-vĩ chau biên đa bạch âu,
Lam-giang đường thượng hữu hàn nho.
Nhất sinh từ phú tri vô ích,
Mạn giá cầm thư đồ tự ngu.
Bách tuế vi nhân bi thuấn túc,
Mộ niên hành lạc tích tu du.
Ninh tri dị nhật tây lăng hạ,
Năng ẩm trùng dương nhất trích vô?*

Hai ông Nguyễn-Vũ-My và Trần-Thanh-Mại đã dịch sẵn trong tập như vậy:

*Long-vĩ bờ bên một đám cỏ,
Sông Lam trên bến, bắc hàn nho.
Suốt đời thơ phú rồng vô bổ,
Đầy giá sách đần, chất mãi ngu.
Cuộc sống trăm năm coi mấy chốc,
Chuyên vui tuổi cả tiếc từng giờ.
Phía tây bãi cỏ khi nằm xuống,
Chén rượu trùng dương ai tưới cho?*

Sau hai bài, có chú thích sẵn:

Long-vĩ chau là bãi Long-vĩ. Lam-giang cũng gọi Long-giang (bãi nổi giữa sông Lam). Mộ-niên đây là một cách nói, vì khi viết, Nguyễn-Du chưa trên ba mươi.

Tôi là kẻ hậu sanh, học chưa tới đâu, bắt chước người xưa, cũng viết "cảm-hùng lan-man", thế cho bài tựa tập "Thú chơi sách, tập nhì" này, chữ là "mạn hùng".

Ban đầu, tôi định đặt nhan sách là "Choi sách nay đã một thú", tôi có ngờ đâu dốt mà biết nói chữ, vì:

Một có nghĩa: chìm mất, chết, hết, không có, lấy hết, giấu kín; và Một thú có nghĩa là không có hùng thú gì nữa.

Như vậy có phần không rõ trắng đen. Để giữ phận dốt, tôi không dùng nhan này, và xét kỹ, chơi sách vẫn còn thú, - hút xách phải trốn hút mới ngon, hầu gái phải lén lút bà xã và đưa nhau trốn chuồng heo chuồng bò mới thú!

Ông Ninh không chạy, làm sao có dịp gặp sách ngộ,
Chợ Trời không bày, làm sao biết chỗ mua, chơi sách
ngày nay, là tai-họa còn nằm trong hỏa-diệm-son,
nhưng như đã nói, có nguy hiểm mới thấy sướng, vì vậy
tôi để y nhan cũ:

"Thú chơi sách" (chỉ thêm đây là tập thứ nhì) cho
khỏi lộn.

*

* *

Vừa rồi có người đến cậy dịch một đoạn Pháp-văn
trong quyển L'Empire d'Annam của Charles Gosselin,
khi tôi đọc đến trang 319 gặp một câu như vầy:

*"Tout est relatif dans la vie, et le suprême bonheur
doit évidemment consister sur notre terre, à se trouver
satisfait de la situation que le sort nous assigne"*,

bèn dịch: Cái gì trên đời, đều là "tùy, thuộc", và hạnh-phúc tuyệt vời trên thế gian là biết an vui với phận do mạng-số định-đoạt. Dịch xong, mình cười lấy mình, ông Tây này dài dòng quá, hay là từng đọc câu của ta "an phận tùy duyên"? Rắc rối vậy thay, và hơi đâu lo việc bao đồng?

Sở dĩ hôm nay làm tác-giả mươi cuốn sách còn người
đọc còn người tìm mua, phải nói tôi nhờ hai bạn tốt:
Ngọc-Toàn, Lê-Ngọc-Trụ và Lộc-Đình, Nguyễn-Hiến-Lê.

Mấy lúc gần đây, tôi thường lui tới đường Kỳ-đồng

là để nhờ anh Lộc-Đình duyệt lại mấy dấu chánh tả.
Lộc-Đình kỹ và khó ai qua mặt, nay anh lui về Long-xuyên,
tôi như cua rụng càng, càng nhớ càng tiếc anh
Lê-Ngọc-Trụ.

Năm 1947, tôi bỏ quê cha mẹ là Sóc-trăng, chạy lên
đây, đầu quân vô làm công-nhụt, ăn lương tho-ký ngày
nơi viện bảo-tàng, thì anh Trụ cũng đầu quân nơi Tho-
viện 34 đường Gia-long. Trụ bao sân, làm hết công việc
vặt vãnh trong sở, đêm ngủ lại đó, trừ đêm chủ nhụt
anh về thăm nhà trong Chợ-lớn, ban ngày, anh lanh
tiếp người đến mượn sách mà tìm sách không ra, phiền
dịch nhan sách Hán để ghi vào sổ mục-lục, viết bài, sửa
chánh tả cho tập kỷ-yếu của Hội Khuyến-học, làm bí-
thư thí công cho ông quản-thủ Đoàn-Quan-Tấn, sau
này anh Trụ tự vạch con đường đi, lên đến giáo-sư thực
thự diễn-giảng tại trường Đại-học Văn-khoa và trường
Đại-học Sư-phạm ở Sài-gòn, sở dĩ anh không dạy ở Huế
vì anh rất sợ đi xa, tội nghiệp làm xăng cà-đung như
con vụ quay, mà khi ở thư-viện, lương vẫn nhỏ hơn
lương các bạn đồng sự "ngồi chơi xoi nước", và hưởng
không được mấy năm lương dạy ăn giờ, thì vì bụng tốt
anh Trụ vẫn để các giáo-sư khác sai chạy có cờ, mượn
làm tưới sự, từ ra bài thi, chấm bài thi, rồi gác lớp thi
cũng một mình, một tay Lê-Ngọc-Trụ, tôi nói tội nghiệp
vì anh hưởng chưa bao lâu kể từ năm 1975, anh bị mất
sách gởi nơi sở làm, mất lương vì thủ-tục hành-chánh
quá chậm, rồi đến ngày 11-8-1979, anh thở hoi cuối
cùng, anh mang mệt, để lại tiếng thơm trong sạch và

dẽ-dãi, như trên đã nói anh bao sân, không phải vì bị lợi dụng mà vì tánh sẵn lòng không xấu bụng, giúp được ai việc gì thì Trụ chẳng từ nan. Nay anh mất rồi mà nhà vẫn nghèo khô, tội nghiệp quá, tôi khóc anh, mà ai sẽ khóc tôi?

Nhớ ngày nào, tôi lắc cốc, thường phá anh, và cũng vì yêu mến anh mà phá. Vốn hai đứa tôi có một ân-nhân chung là bác-sĩ Diên-Hương, khi mũi thuốc khi bữa tiệc nhỏ, đều trả bằng văn-chương. Trụ còn gọi đèn ơn bằng duyệt bản-thảo mỗi lần bác-sĩ cho in sách, duy tôi, nói không biết xấu, chỉ hả rúa bằng tiếng cười và giọng móc họng. Hai tôi thường bàn lén, anh Trụ hỏi nhỏ: "Tại sao lấy bút-hiệu Diên-Hương?" Tôi làm tinh đáp: "Anh về xem lại Đường-thi, có câu: 'Ngọc-Án, diên hương, hương bất mãn' ấy mà!". Trụ tin bằng lời, và khi tra mãi không thấy, Trụ không giận, tình anh em như vậy mới quí.

Tôi không khác con gà chọi, chủ ôm vô trường, may rủi một cựa, có khi tôi cũng trả được ơn lúa thóc, vì tôi không cấp bằng, đá bất kể đếm, Tổ đai cũng thắng đê như ai. Vừa dốt chữ Nho, vừa quê chữ Hán, bụng đói chọn phải bò, tôi học đường học xá, mà quen tánh móc lò, chữ tên viết không xong mà chuyên bắt giờ mấy ông đồ ông cử ý tài, dịch ẩu không coi trước coi sau, đọc sai địa-danh miền Nam mắc mỏ. Năm 1963, bị một con quạ áo đen làm mất chén cơm "giảng-viên Đại-học Văn-khoa", quạ đưa anh Đông-Hồ vô lấy chỗ,

ngờ đâu nhở vậy sau này khỏi cho đi học tập. Năm còn học trường Chasseloup-Laubat, thầy dạy tiếng Nam là ông Nguyễn-văn-Mai vô lớp chỉ bắt đọc tuồng hát-bội. Dạy Việt-văn, lúc đó gọi giờ Annamite, nhưng ông giảng ròng bằng Pháp-ngữ, ông nói rất trôi chảy, chỉ hiềm ông ưa hăm he bằng câu nay còn nhớ: "Si je trouve quelqu'un qui nói đót, je lui colle tout de suite un zéro!". Có bữa tôi hỏi Lộc-Đinh: "tiếng Tây gì mà "quelqu'un qui nói đót?", hai đứa cùng cười. Tôi vẫn lang thang làm công-nhựt nơi viện bảo-tàng, nói chí đáng, nhờ vậy mà kiếm cơm đắp đỏi qua ngày, cho đến nay, lên tám-mươi-mốt trót năm mà chưa có tiền đai bằng-hữu một bữa ăn khao, phở mì đều lên giá, thôi thì xin anh em táp gió.

Ngày mồng-một tháng chạp năm mậu-ngo (30-12-1978), gạo một lít, đong được ba lon sữa bò, giá bốn ngàn đồng bạc. Mót một cuốn "Sài-gòn năm xưa" và một bộ gồm sáu cuốn "Hiếu-cổ đặc-san", ôm ra Chợ Trời đường Cá Hấp (Bùi-Quang-Chiêu), bán được sáu-mươi-tám đồng, về nhà mua được mười lăm lít gạo, không đủ ăn bảy ngày. Ngày nay, vàng y giá ba-mươi mấy ngàn một lượng, tính theo tiền đài Thiệu là có hơn mười-sáu, mười-bảy triệu bạc cũ, mà vàng nào còn, chỉ còn trong tưởng-tượng. Duy nhớ lại, nếu không có Chợ Trời, làm sao mua sách các nhà bỏ chạy?, và có khổ có đau, - đau chon há miệng, - có đau có khổ mới viết nên hồn, và ngày nay sách vở bị tóm thâu, mớ nào còn lại, leo thang lên giá nghe mà ngộp, và mới biết giá-trị

cuốn sách. Hôm 2-V-1976, thả ra chợ trời sách, mua được hai cuốn, cuốn "Les vins de Bourgogne" về học khôn thêm bộn, và không có rượu nho, đọc sách này cũng đỡ thèm. Qua ngày 3-XII-1978, gấp thêm cuốn "l'Art de la table" dạy phép ngồi ăn cơm Tây, món rượu nào nên uống với thức ăn gà cá hay thịt rừng, lại biết tục xưa bên Pháp, khăn ăn khi chưa bày thì chủ và khách chùi tay vài đầu lông chó nằm chực sẵn dưới bàn, sau lại khách được mời dự yến, đem theo khăn ăn lớn bằng tấm màn che gió hay tấm chăn đắp bụng, vì gấp món ngon, cứ đưa vào khăn ăn ấy, cho đứa hầu mang về nhà cho vợ con cùng thưởng thức, chớ khăn ăn đâu có bé xinh như hiện nay, và nhà văn Pháp khi viết cứ sự ngay trình bày chớ đâu có vì sỉ-diện mà giấu giếm. Duy nhà văn ta, viết mỗi mỗi đều ưa không nói về tài liệu trích-lục!

Năm 1978, tôi đã có ý định viết thêm về "Thú chơi sách", nhọn đọc quyển khảo-cứu "La jungle Moi (Vùng rừng rậm của đồng-bào Thượng), thấy tác-giả Henri Maitre ghi:

- trái thầu thì người Lào gọi "yayan", người Mèo gọi "xi-ying", còn hột thầu - hột này dùng được - khi nướng cháy, - thì Lào gọi "ken-ya" và Mèo gọi "nong ying";

- á-phiện, loại sớm gọi "ya do", loại muộn gọi "ya pi";
- cây dao ba lưỡi dùng để rọc trái thầu cho mủ chảy, thì gọi "tia-ying";

- cây dao khác dùng cạy mủ thầu lại gọi "houa ying", vân vân...

(nguyên-văn Pháp: "le pavot est nommé Mak yayan" (Laotien), "Xi-ying" (Méo); les graines peuvent être consommées après cuisson, sont nommées ken ya (Laotien) et nong ying (Méo); ya do: opim hâtif; ya pi: opium tardif;...)

Đố ai biết tôi ghi mấy đoạn văn lủng-cứng này để dùng vào việc gì, ấy thế mà tôi vẫn cứ ghi, và hôm nay lôi ra chép lại mà thành sách này, đó cách tôi viết là lầm-cầm như vậy, và phương-pháp tôi soạn thảo, vừa tùy may rủi vừa lủng-lắng vừa lẩn-thẩn buồn cười như vậy đó!

Trông người rồi gãm đến mình, mà thêm thẹn. Người thì tinh-thông hai ba ngoại ngữ và luôn chữ Hán, người thì học tối noi tối chốn, bằng-cấp giắt đầy lung, duy mình vẫn ương ương hèn hèn, mỗi lần viết mỗi lần tra tự-diễn! Hán dốt, Tây dát, mà cũng chen đứng hàng viết lách. Đã hai cái chúa nhụt, bữa 2-7-1978, vừa xách gậy trúc định đi một vòng lót dạ và thăm chị em, nhọn đêm thứ bảy 1-7-1978, nghĩ được mấy ý vật-vanh có thể dùng viết thêm về nghệ-thuật chơi sách, định sáng ngày viết lẹ kéo quên, rủi sáng hôm 2-7, có khách đến chơi, rồi ngày nọ qua ngày kia, vẫn không được rảnh. Chúa nhụt kế đó là ngày 9-7, vừa dợm bước ra cổng thì cũng có khách đến tìm, anh em thương mà mình nào biết. Nhớ câu liền treo nhà:

"Mạc phóng xuân-thu gai nhụt khứ, Tối nan phong
vũ cố nhân lai", ấy nợ khách nợ văn là cương-tỏa.

Tôi thấy ngày nay em trẻ thấy đều rành chữ Hán
hơn mình mà tại sao không viết? Tôi thì: "phẫn-nộ với
phản phản cứ lộn," nghe người bàn về "kinh cúc" giựt
mình không biết viết cúc này c hay t nơi đàng đuôi. Vì
vậy, thuở nay tôi vẫn ham viết nôm cho đỡ khổ, thay
vì kinh-cúc, tôi nói "chông gai", và thay vì viết "phẫn-nộ",
tôi viết "nỗi giận" cho êm chuyện.

Tôi không thích nói "tệ-nội", vì bà nào có tội, và tôi
cứ nói "vợ tôi" cho mau hiểu và khỏi lầm vấp khi dùng
sai chữ Hán.

Ngày 16-7-1977, thả rếu ở Chợ Trời, bỗng xuất ra
năm hào (0\$50), mua được một cuốn Pháp-văn nói về
tiểu-sử nhà văn-hào André Maurois, do Michel Droit
soạn. Học được một sàng khôn. Nói truong 102, đọc:

"Conserver l'espérance, c'est également ne pas vieillir. La vieillesse, c'est plus encore que les cheveux blancs et les rides, ce sentiment qu'il est trop tard, que la partie est jouée, que la scène appartient désormais à une autre génération. La vraie maladie de la vieillesse, ce n'est pas l'affaiblissement du corps, c'est l'indifférence de l'âme."

Dịch: Conserver l'espérance, còn nuôi hy-vọng, ấy
đó là vẫn chưa già. Cái già, không phải vì mờ tóc bạc,
vì da trổ đồi-mồi, mà vì có quan-niệm sai lầm rằng đã

muộn-màng rồi, canh bạc đã xén, tấn tuồng đã vãn,
sân-khiếu đã về tay thế-hệ khác; không, không nên nói
già là vì thân thể bạc nhược, chỉ biết già, bệnh già đúng
ra là mình không còn thiết tha với sự thế, cuộc đời đã
buông xui. Nhựa sống đã cạn, là già, già hẳn.

Tôi mê sách vì chỉ tốn năm hào mà khỏi sang Pháp
để học Pháp-ngữ, và tội gì không viết bài để khuyến
dụ người mê sách như mình?

Sách thuật lại rằng André Maurois, tên thật là Emile
Herzog, sinh năm 1885 tại noi sản-xuất hàng nỉ trú danh
xứ Elbeuf. Học trò cung của Emile Chartier, giáo-sư dạy
triết trường Sorbonne lẫy lừng và ông lừng lẫy với biệt-hiệu
Alain (1868-1951). Hai thầy trò tương đắc và tương trợ
nhau: nhờ Maurois mà Alain nổi danh dạy giỏi, và nhờ
học với Alain mà Maurois nổi danh viết văn sâu-sắc.

Khi học xong, năm ra trường, Maurois nói với thầy
tô ý muốn bước vào học thêm nơi trường Ecole Normale
Supérieure là trường sư-phạm cao-học chuyên đào-tạo
các tay cù về văn-chương Pháp (ở đường d'Ulm, Paris).
Nhưng Alain cản, khuyên chí lý: "Nay trò đã cứng về
văn, học thêm ở Not-manh-xúp, bất quá sẽ trở nên một
thầy đồ khenh kiệu. Trò sanh ở Elbeuf, cha trò có hăng
sản-xuất nỉ. Thầy thợ ở hăng rất đông, sao không về
đó, nghiên-cứu về tâm-lý của họ? Thấu hiểu những
người ấy nỗi, thì lo gì không trở nên một nhà văn có
biệt tài? Làm thầy đồ xoàng, sao bằng làm nhà tài-tử
có bản-lĩnh?"

Ấy đó, học bên xứ người ta và thầy dạy bên xứ người là vậy. Có đâu nhu bên mình, học vay viết mướn, và khi còn trong trường, học theo “chó đất”, trên thì nhồi sọ, không cho trôi đầu, dưới thì cha mẹ nghèo, thêm thiếu người chỉ dẫn, lựa đường đi. Có khiếu về toán mà học văn-chương, vào học trường thú-y ra làm bộ trưởng, học về cổ-điển học-hiệu bên Pháp (Ecole des chartes) về xứ không đọc được chữ Hán mà đẻ ra thuyết cần-lao nhon-vị, chết cha mồ tổ.

Ấy tôi đã mắc tội nói xấu người đã chết, duy xin nhớ tôi đã thố lộ cái thiếu sót trăm bề của tôi, cái dở dang bất tài của tôi, duy tôi muốn các bạn nhỏ chớ ty hiềm, hãy mạnh dạn viết đi, lâu ngày thành quen, là được.

Trở lại “Thú chơi sách”, quyển 2 này, thú chơi sách chưa “một”, và nay tôi chọn nhan sách nhứt định là “Nghệ-thuật chơi sách”, mới vừa.

*
* *

Sau năm 1975, tôi biết một bạn chắt mót sắm được một bộ đại-từ-điển Pháp Littré “Grand dictionnaire” nhan là *Dictionnaire de la langue française par E.Littré*, bản in năm 1873 của nhà Hachette, Paris, format 31x22, không thiếu trang nào, gồm bốn cuốn xộn-xện, bỗng anh bạn chạy sang Pháp, bỏ bộ sách lại, lọt về tay chệt ve chai, rồi ra nằm ỉnh tại một hàng sách lạc-xon ở Chợ

Trời, lúc ấy còn ở khu Tràng-tiền, ngay trường máy Cao-thắng, giá đè “30 đồng” mà không một con ma nào rờ. Suốt mấy ngày tôi ra đó nhưng không mua, vì nghĩ mình đã già và chữ Tây đã hết xài, tuy vậy tôi đau lòng không nỡ để sách quý về tay kẻ khác, nên tôi làm mai mua lên và gả Littré cho một anh bà con ở Bắc vê. Tưởng mình làm được một chuyện hay nên khoe với một bạn luật-sư, anh này ngó tôi với cặp mắt cận-thị ngạo-nghẽ mà rằng:

“Tưởng anh là nhà chơi sách sành-sỏi, nhưng sao dốt thế? Bộ Littré đó, nguyên xuất-bản từ xấp nhỏ, bán lần hồi, thuộc 1^{ère} édition (in kỳ đầu), quý lắm, nếu anh chê lỗi-thời, thì gởi thơ qua Pháp, mua một bản phụ (supplément) là có một bộ độc-đáo, sao dành để lọt tay người khác”. Tôi biết tôi hớ thì đã muộn, nhưng sau đó tôi cũng nòng nả tìm cách chuộc về, ấy có duyên với sách cũ và “nghệ-thuật chơi sách” gồm bao nhiêu đó. Nay tôi viết tập này, để khoe cái dốt của tôi, tự tôi đưa tôi lên bàn mổ, thí thân làm vật mung-xung mặc tình xoi-xia, nên trong câu chuyện, thường lấy tôi làm nề, xin chớ cười sao ham nói chuyện mình.

Sách cũ sách hay, trong Nam lúc trước còn sót lại sách của Trương-Vinh-Ký, của Huỳnh-Tịnh-Của, nay tìm không ra một cuốn nào.

Quyển “Thú chơi sách” của tôi ra đời cuối năm 1960, tiền nhuận bút là mười ngàn bạc hồi đó, nếu đổi ra tiền mới, chỉ được hai chục đồng. Sách vất vả lang-

thang, bán với giá bốn chục đồng, rồi bán son (solde), bán chồm-hồm, bán ôm trên tay, bán lè đường, tháng sáu năm 1975, sau Giải-phóng vô đây, tôi mua được mấy chục cuốn để tặng-biểu với giá năm hào, nay ở Chợ Trời, đốt đuốc kiếm không ra, và sót cuốn nào họ giấu đút để bán chợ đen, ba chục bạc cũng có người mua, tiền vô túi chị bán, tôi có khi tác-giả gánh chịu.

Thân cuốn sách, bản in ở Sài-gòn, ngày nay không biết nên dùng danh-từ gì để gọi. Khi thì trải xuống hè phố, phất phơ tờ lem luốt như mặt mây cô lợ-lem cha mẹ bị đi cải-tạo, đánh hoi cảnh-sát đến thì dồn nhét vô bao, bị hốt bị rượt bị quơ lên xe cây đem vô lò lửa hoặc vô lò nấu làm giấy mới, lớp còn sót lại, biết hoàn hồn như người đau lại nghỉn được cô hàng vuốt ve o-bế, xin đăng-ký rồi được phép bày bán công khai dài dài noi Chợ Trời ngày nay đường Cá Hấp, chát chua chua chát còn thua xa tôm mó rau oi. Lạ thay, xiết bao hành-hạ mà sách vẫn tồn tại, duy người chơi đã đổi: muốn đọc chớ không lưu trữ, vì sợ lụy thân.

Nàng Kiều, không gấp họ Mã, họ Sở, làm sao đáng gọi là Kiều, và sách vẫn là sách. Có tin từ 1-4-1976 đến 10-4-1976, phải hủy bỏ các sách đồi trụy. Nhưng sách kiếm-hiệp biết chạy ra Bắc rồi trở vào Nam, giá cũng biết leo thang. Tôi vẫn cứ gấp thì mua: mấy anh cán-bộ oi, bắt được ai có tội thì cứ việc fo, xin đừng giận cá chém thớt và sai trẻ còn măng sữa xét nhà và hốt sách, nỡ lòng nào:

- quyển *Les silences du colon Bramble* đóng chung *Les discours* và *Les nouveaux discours du Dr. O'Grady*, ba cuốn nhập một của A. Maurois mua 10-4-1975, giá 0đ40;
- quyển *Les carnets du major Thompson* của Pierre Daninos, mua 10-4-76 cũng 0đ40;
- quyển *Histoire de la piraterie* của Philip Gosse (Payot, Paris), mua 1đ50 (21-5-78) thuật chuyện nạn cướp biển do Ăng-lê bày đầu, nay cướp Xiêm bắt chước theo...

Xin kể sơ vài quyển ấy đủ thấy Chợ Trời hấp dẫn thế nào, và những sách như vầy mà bị hốt thì đáng tiếc thật.

Và để xứng danh viết nghệ-ngoại tùy hứng, xin trở lại quyển “*l'Art de la table*” (nghệ-thuật ngồi bàn ăn), sách dạy rằng:

- banquet (tiệc to, hội yến) là do ngày xưa khách ngồi ghế gỗ dài, gọi banc (ghế băng);
- khách ăn bánh mì cắt khoanh tròn trên thớt, dĩa gọi tranchoir hoặc tailloir;
- khách húp nước canh trong écuelle (bát, đọi đựng đồ ăn lồng (écuelle munie de 2 anses);
- xưa, khách đi dự tiệc, thường đem dao riêng của mỗi người để cắt thịt;

Đến cái nĩa (fourchette), ai là người biết dùng trước trên đất Pháp, vẫn chưa rõ: có thuyết nói fourchette đã

có từ thế-kỷ XI^e, do một bà chúa thành Constantinople bày trước, thuyết khác thì nói đến đời đế Henri III (cuối XIV^e) mới có, lại một thuyết thứ ba cho rằng trong sổ mục-lục đồ ngự-dụng vua Charles V ghi ngày 21-01-1379, đã có fourchette bằng kim-khí, nhiều cỡ lớn nhỏ khác nhau. Lấy suy-nghiệm riêng xin hỏi: fourchette phải chăng là bốn ngón tay chia ra để xom thức ăn, còn đôi đũa của người Á-Đông là ngón cái và ngón trỏ phụ lực nhau mà bắt món ăn, fourchette và đũa, cái nào có trước, và cái nào gọn, tùy mỗi xứ mà binh-vực thuyết của mình. Và tại sao món ăn phải dâng từ bên tay trái còn rượu thì phải rót từ bên hữu, và sách dặn muốn thưởng thức rượu ngon, không nên nhấp sau món sốt trộn giấm chua (sauce vinaigrette) và sách cũng cất nghĩa tường-tận, tỷ dụ danh-từ "entremets" ngày nay chỉ là một món ăn, hoặc kỹ hơn nữa là một món phụ-thuộc xen giữa phở-mát và la-sét (un entremets est une quantité de plats doux présentés après le fromage et avant le dessert), kỳ trung trước kia, yến tiệc đã trọn ngày hoặc suốt đêm, muốn có đủ thì giờ cho đổi trở lại thì xen giữa là ca múa làm tuồng, sau bót đi cũng còn ca hát giúp vui giữa hai món thực-phẩm, không có sách, làm gì biết những cổ-tục như vậy để xung minh đã văn-minh? Nói không sợ lạc đà, ngày xưa đã dạy khi ăn kem, thức lạnh, dưa chuột (concombre), không nên cùng một lúc ăn chung với sữa, phòng thoổ-tả, vì những món ấy hàn-nhiệt kỵ nhau, cũng như bên ta dạy ăn lươn nên cữ ăn quả hồng, một mát bồ, một chát rit,

cũng kỵ nữa; bao nhiêu dạy khôn ấy xin chớ nên gọi dị-doan, và không có sách lấy gì mà biết.

Ngày 14-8-1977, gặp và mua giá 3 đồng ở Chợ Trời, quyển "Histoire naturelle des sottises, 3000 ans d'erreurs quotidiennes" của Bergen Evans soạn (Plon, Paris in), qua ngày 23-9-1978, mua được quyển "L'homme à la découverte du monde" của Paul E. Herrmann (Plon xuất bản, giá 5 đồng, hai cuốn gộp lại giá chưa bằng nửa tô phở ngày nay mà bổ ích bá bội, nhứt tự thiên kim không khác, tịch thu tội nghiệp lầm mà! Trở lại quyển nói về rượu ngon xứ Bourgogne (Les vins de Bourgogne), nơi trang 172, nhon thấy một vị khách ngồi kế bên mình, tu một hơi cạn như Tru-bát-giái ngốn nhân-sâm, người ẩm ké thực "bất tri kỳ vị", một tân khách nọ châm rãi nói: "Monsieur, quand on l'honneur et le bonheur d'être convié à boire un vin tel que celui-ci, on le regarde d'abord, on le hume ensuite, puis on le goûte et enfin... l'on en parle!". Xin dịch: "Thưa ông, khi mình có diễm-phúc và hân-hạnh được mời thưởng-thức một bồ-đào mỹ-tửu như vậy, trước tiên phải có mắt để nhìn, có mũi để hít nhẹ hương-vị, rồi nhâm-nhi từ chút và sau rốt phải khen một tiếng khà, (mới phải người phong-lưu lịch-duyệt!).

Câu trên đáng làm kết-luận bài này. (21-10-1982).

*

* * *

Tây với ta tâm lý vốn khác, giữa tiệc bên mình, nói một câu như trên chi cho khỏi có cuộc gấu-ó, đến choảng nhau cũng chưa biết chừng. Dịch tức là phản, dịch như trên, sượng-sùng như tiếng Pháp và hạt đậu mùa trước qua mùa sau lấy nấu chè, đậu hột cứng hột mềm chè mất ngon. Thà đừng dịch, nghe và thấy người kia thô-lỗ, ôm bụng chịu, về viết lại vào hồi-ký, hồi-ký được dài thêm một đoạn, nhưng vẫn không xuất-bản được, ngu vẫn hoàn ngu. Nhớ câu xưa, cụ Yên-Đỗ, khóc bạn nhậu, khéo lựa: "Rượu ngon không có bạn hiền, Không mua không phải không tiền không mua. Câu thơ nghĩ, đắn-đo không viết, viết đưa ai, ai biết mà đưa". Như vậy mới là văn để đời, nhưng đời này làm gì tìm được ông Yên-Đỗ khác? Nhưng nợ văn-chương ngứa ngáy làm sao ngủ? Phải chọc tức độc-giả với bài dịch khác:

Rượu ngon chưa uống đã say, mắt say vì sắc, mũi say vì tình;

Rượu ngon uống chén bé xinh, mát lòng mát dạ, buộc mình phải khen.

Hỏi: khen làm sao? Khen một tiếng "khà". (Chờ kiếp sau sẽ có trả lời).

Ngày 22-10-1982.

Khúc quanh 80 (Virage à 80)

(Dịch theo bản Pháp-văn của nhà xuất bản Stock Paris in lại năm 1973, do Georges Belmont và Hortense Chabrier chuyển âm nguyên văn của Henri Miller, (traduit de l'americain) viết bằng tiếng Mỹ, trang 7 đến 31).

Dẫn.- Nhà văn Mỹ, Henri Miller, bạo ăn bạo nói, viết bằng mực "nồng mắm tôm trộn ớt", nấm lên bát-tuần, ghi lại những trang xác-đáng nầy, rất hạp ý tôi, nên mặc dầu chữ Pháp bỏ lâu, tôi cũng rán dịch cho các bạn không rành Pháp-ngữ thường-thức, vì món ăn ngon, không ăn một mình được.

Sau đây là bản dịch:

"Vào buổi mộ-niên bát-thập, nếu đúng ra anh chưa què-quặt, chưa tàn-tạ chưa tay chống gậy đầu lắc lư,

nếu anh quả còn dồi-dào sức lực, nghĩa là cuốc bộ chẳng những không thấy mỏi mà còn biết khoái, anh ăn vẫn thấy ngon, chẳng luận sau bữa ăn, anh còn thèm thuồng ước mơ món khác, mỗi tối anh đánh một giấc thẳng-thết không cần dùng đến viên thuốc an-thần của vị lương-y nào, vạn nhứt chim hót anh biết khen hay, hoa cười anh biết rằng đẹp, khi leo núi khi tắm biển, anh còn thấy sáng-khoái trong lòng, nếu được như vậy thì quả anh là một đệ-nhứt tiểu-thần-tiên trên thế, anh nên sáng sảng, tối tối, nên quì hai gối chống hai tay mà tạ ân đức Thượng-đế, Thượng-đế tài-lực vô biên, đã ủng hộ anh hết lòng. Nếu quả anh tuy vẫn còn non tác nhưng già tuổi, đã gần gần biến thành thằng bù-nhin thằng “người máy” đứng đi cà-lo háp nắng, cà-lo xít-xụi, thì tưởng anh không ngàn-ngại gì mà không tìm lão xù-thầu (su-đầu), chủ cửa anh, mà thì thầm đủ lọt vào tai nó, tỷ dụ một câu như vầy: “Ê thằng chủ kia, tao giã-biệt mày từ đây! Từ đây tao làm chủ lấy tao, ngheo mậy!” Một khi huýt gió còn ra tiếng (trong Nam gọi “hút gió còn kêu”), và hút gió xích-phê (siffler) bất cứ lúc nào và bất luận đuôi đầu, thỉnh thoảng thấy ả nào mông to nhún qua nhún lại, cặp nhũ nô to trùng-trùng khiêu khích mà mi còn cung-cứng động tình, nếu mi (hay anh) giữ được tánh cộc-cần mặc-kệ, phú cho đời tới đâu thì tới, nếu mình đủ rộng lượng thứ-tha, quên đi hay bỏ lõi của người khác, giữ được tánh đừng chua như giấm Tàu, không quau quo đổi tánh, không cay không đắng đến mất hết liêm-sỉ, thì quả anh đã thắng

cuộc 50 phần trăm, ăn cuộc được nửa phần đường rồi đó. Ở đời mà, không phải sang giàu danh vọng là đáng quý nhứt đâu, trái lại đáng quý là những cái ti-tiểu nho-nhỏ bé-bé vừa kể. Những nấc cao vót trong xã-hội đời này vẫn ít người leo tới, chó mấy nấc dưới thì quả cá-mè chen chúc, tranh nhau vừa thúc cùi-chỏ vừa chửi thề. Tưởng đâu chiếm được tột bức cao sang thì đời sẽ toàn hồng, không đâu và cứ tin chắc tôi đi, nên an phận tùy duyên, và người nào chẳng ai biết mình là ai, người ấy cuộc đời mới sướng, sướng không hay không biết, sướng một cách bất ngờ đó. Riêng về đời tôi, xin nói để làm thí-dụ, nào phải vào buổi mộ-niên này mà tôi được hoàn toàn hạnh-phúc. Trừ cái sự “cứt mình mình khen, cứt mình mình không biết thúi”, sự thành-tựu nên công của một nhà văn nào, nói về một khía cạnh nào, thì quả là một tai-ách lớn cho va nếu va còn những gì muốn nói muốn viết nữa. Nên hưởng lạc thú nhàn mới phải cho, trái lại với mớ tuổi tác trên đầu mà còn nặng nợ ham viết bận rộn hơn ai, thì khổ. Chính tôi đã để lọt vào “trận đàng-xà” đó mà không hay biết, tôi đã bị lợi-dụng bởi những người hoan-nghinh tôi, muốn khai-thác địa-vị danh-vọng tôi. Đến đây phải biết tranh đấu cách nào, làm cách nào để giữ được chút ít tự-do và còn được muốn làm những gì tùy ý mình mong muốn. Đến đây mới thấy mặc dầu đa văn quảng-kiến, mặc cho triết-lý ngày thường đã dạy, đến đây mới rõ những thằng ngu-ngốc vẫn ngu ngốc và những thằng “chọc cứt không ngay lỗ” (emmerdeur) lại càng làm khuấy rầy

làm bực hơn ai. Lần lượt tử-thần đến mời đi, những bạn thân, những người mình kính trọng. Mình càng già, tựi nầy càng thua thót lần. Rốt lại, thấy mình chỉ trơ trọi còn lại một mình mình thôi. Khi ấy lại thấy nào con nào cháu, chúng vẫn lầm vấp phạm những lỗi mà khi xưa mình đã phạm, nhớ lại mà tan nát cõi lòng, khi ấy mình mới thấy lúc trước mình đã làm những tồi-tệ y như chúng nó ngày nay đã làm, mà mình đành thúc thủ, không đúc tay can-thiệp được. Nay nhìn bọn nhỏ này mới rõ lại lúc ấu thời mình đã là thằng ngu, mà ngày nay mình cũng vẫn còn ngu, không hơn xưa chút nào.

Có một việc nay tôi nhìn nhận là đúng, đó là con người không đổi tính cho mấy mắc dầu tuổi tác đã đổi nhiều. Trừ những gì phi phàm, thì cây sồi (chêne) vẫn là sồi, tru vẫn là heo, và dung-phu vẫn là dung-phu (minus) không khác. Thay vì đưa lên thiện-mỹ, sự thành công càng làm cho chúng lộ-liễu những yếu-tánh, những lầm-lạc của chúng. May thằng lúc nhỏ trong lớp học nó là thần-đồng quán-chúng, khi ra đời, chưa chắc được hơn ai. May thằng năm xưa trong lớp mình không tra, thì lớn lên, càng thấy ghét chúng thêm, khi chúng đã lên đến địa-vị nhà kinh-tài, ông chánh-khách hay ông đại-tướng năm sao. Đời vẫn cho mình vài bài học, nhứt là dạy mình càng cứ lớn già thêm lên. Nhưng phần tôi, tôi chưa thấy đủ chục mười-hai những đứa hướng-thu được bài học của đời như vậy. Và nếu tôi chịu khó chỉ ra thì chúng vẫn không biết là không biết mà thôi.

Về thế-gian xã-hội, lúc tôi tám tuổi thấy làm sao, thì nay lại thấy ngàn lần tệ hơn trước. Văn-hào J.K. Huysmans, tác-giả quyển "A rebours" (đi ngược chiều) có nói rằng dĩ-vãng đáng ghê, hiện-tại thì xám-xịt bi-khổ, còn tương-lai lại còn kinh tỤn hơn nữa. Tôi không đồng ý và không bi-quan như ông vậy đâu. Trái lại tôi vẫn chăm chú về hậu-lai, còn đối với dĩ-vãng, thì những gì ngọt như mật, tôi đã có hưởng thụ ít nhiều rồi. Hậu-lai của tôi là do dĩ-vãng làm ra, còn hậu-lai của thế-sự, tôi xin nhường cho bốc-sư và triết-gia tự lo liệu lấy. Cái mà mình, chúng ta đây thiết tha, có lẽ là sự thực-tại, nhưng ít người trong bọn ta biết sống cái hiện-tại nầy. Tôi không bi-quan đâu, tôi vẫn lạc-quan chứ?: đời là như thế nầy, đời là như thế kia, đời là tất cả những thế ấy và vẫn tùy theo sự nghe thấy của mọi người.

Đến tuổi tám mươi nầy, tôi lại thấy tôi vui vẻ hơn lúc hai hay là ba mươi. Không, tôi không muốn hồi xuân, trở lại buổi thanh-xuân kia đâu. Tuổi xuân huy-hoàng thật, nhưng cũng nặng-nề khổ cực làm sao ấy. Vả lại cái gì chúng gọi là tuổi xuân (jeunesse), đối với tôi, tôi vẫn thấy đó là tuổi già sớm (vieillesse précoce) kia chớ.

Không rõ ông trời rửa mát tôi hay đã ban cho tôi phúc lớn, mà sự thật là tôi đã có một tuổi-xuân kéo dài: đến năm ba mươi khi ấy tựa hồ tôi thấy mình đã thành-niệm chi mỹ, già giặn khá rồi, nhưng quả đến năm bốn mươi tôi mới rõ thấy là mình vẫn còn trẻ đầy, và lúc

ấy tôi đã cũ-bị sẵn sàng tất cả rồi. (Chính họa sĩ Picasso từng nói: "Đến tuổi sáu mươi mới thấy mình trẻ, nhưng cũng đã trễ quá rồi). Trong khoảng ấy, tôi đã rơi rớt biết bao nhiêu là mộng-tưởng (illusions), nhưng cũng may tôi còn giữ được mớ nào là nhiệt-tâm (enthousiasme), lạc-thú sanh-sống (joie de vivre), nhứt là lòng hiếu-kỳ bất tận (curiosité insatiable). Có lẽ nhờ tánh hiếu-kỳ ấy, hiếu-kỳ và ua đủ thứ bất chấp giông gì, nhờ tánh ấy mà tôi trở thành nhà văn-sĩ như nay vậy. Cái tánh hiếu-kỳ ấy, tôi vẫn chưa bở, và đối với tôi, một thằng "chọc cứt không ngay lô" (emmerdeur) nào, nếu nó kích thích được sở-hiếu của tôi, thì tôi cũng có thể nhẫn nhịn mà nghe nó nói cho đến cùng. Và đi cặp với cái tánh hiếu-kỳ ấy, tôi lại được một tánh khác mà tôi rất bằng bụng, đó là tánh kinh-dị và đã kinh-dị (émerveillement) cuộc đời này đến bực nào. Có thể nào gọi đó là một tôn-giáo, đạo-giáo gì được chăng? Tôi bất chấp cần biết tạo-hóa là gì, bầu trời tạo-hóa mình đang sống ở trong ấy đó mà, và tôi chỉ biết và cần biết rằng tôi đang hưởng thụ và đang tận hưởng. Tôi đã từng chế-nhạo trào-lộng những địa-vị danh-phận của từng người chúng ta, nhưng tôi nào có biết cải-cách làm sao cho hơn lên. Có lẽ riêng địa-vị của tôi tôi còn có phương sửa đổi chút gì, chứ của kẻ khác tôi thật vô phương. Cho dẫu thánh-nhon xưa hay người hiền-triết đời nay, tôi cũng chưa ắt mấy ông ấy có phép cải-thiện đời sống con người, cuộc diện con người.

Có nhiều người sơ nhứt là cảnh về già không thâu nạp được bạn-tác mới. Nhưng kẻ nào có duyên kết được nhiều bạn lúc nhỏ, thì khi già vẫn còn duyên có bạn mới dễ-dàng. Theo tôi, đi sau tình nhon-ngã, đó là tình bạn-bè, và sự kết-giao theo tôi là một đức tính quý nhứt của trời ban. Trong đời tôi, tôi có rất nhiều bầy bạn, bầy bạn tôi có khá nhiều, nhiều cho đến khi hóa ra bực và ngượng. Anh còn nhớ chớ, câu tục thường ví: "Mầy hãy nói mầy đánh đôi với ai, rồi tao sẽ nói mầy là người thế nào". Và suốt đời tôi, tôi kết nạp đủ người đủ hạng. Tôi đã từng có và nay vẫn còn có bằng-hữu xuất thân ti-tiện không ra gì, nhưng chính bọn ấy lại là bạn mà tôi cho là tốt nhứt. Tôi đã giao kết với công-đồ sát-nhon, và với bọn phú-gia mà nhiều người nhún trề khinh rẻ. Cũng nhờ có bạn đã từng cứu tôi sống cho đến nay, có bạn đã an ủi tôi tiếp tục và có can đảm sống cho đến hiện giờ, mà cũng có bạn đã từng làm cho tôi khóc hết nước mắt. Một đặc-điểm chung cho bạn sang cũng như bạn hèn, bất luận địa-vị nào trong xã-hội, là được nói với nhau thẳng thùng luôn một mạch. Nếu tôi không trực ngôn được với bạn nào hoặc chàng ta không tuồn-tuột ngay bon với tôi được, thì khi ấy, tôi bỏ xui câu chuyện kia cho rồi.

Cái thế kết làm bạn-hữu với một phụ-nữ, nhứt là khi phụ-nữ ấy mình sẵn lòng thương như tình-nhon, thì đối với tôi, tôi xem thế ấy là một trạng-thái hoàn-thiện tuyệt-đích (absolute perfection). Tình chồng-vợ (amour)

và tình bạn-bè (amitié) ít khi đi đôi với nhau. Rất dễ kết làm bạn giữa đàn-ông với nhau, mà không dễ gì kết làm bạn với một phụ-nữ, nhứt là khi người này có nhiều duyên-dáng. Trong đời tôi, tôi chỉ biết được có vài cặp vợ chồng, vừa là bạn vừa là tình.

Có lẽ một an-ủi lớn cho người già mà còn phong-vận là giữ được tánh thản-nhiên đừng xem trọng bất cứ sự gì. Sự phân biệt lớn giữa người quân-tử (le sage) và kẻ giáo-thuyết (précheur), đó là đức tánh vui vẻ, thường-lạc. Cái cười của quân-tử bắt từ gan ruột cười ra, còn bọn thuyết-giáo ít khi cười mà nếu có, thì méo-xêch cả khuôn mặt. Chánh danh quân-tử, chí bậc thánh-nhon, nào có cần dùng đến lời răn hay khuyến-giới. Đó là những đấng ở trên đạo-đức luân-lý, đó là những gì gọi tư-tưởng phóng-khoáng tự-do ấy mà.

Với mớ tuổi càng ngày càng tăng nầy, quan-niệm giới của tôi (mà tôi thường chối là không có), vẫn đã thay đổi đi rồi. Quan-niệm hiện tại của tôi nay là thoát-ly được tất cả những gì đã gọi là quan-niệm, là lý-tưởng, thoát ly tất cả những gì là "Tử viết", là "chi hồ dã giả" (libre de tous les "ismes" et de toutes les idéologies), và những gì thuộc về quan-niệm học. Tôi chỉ muốn nhập vào cuộc đời như được nhảy xuống biển như cá kia gặp nước. Khi tôi còn tráng-niên, tôi rất lo cho sự thế. Ngày nay mặc cho tôi bài-báng và tức-bực, tôi chỉ còn nước tiếc thương cho sự việc đã xảy ra. Tôi nói làm vậy, có người sẽ lên mặt tự mãn cho rằng tôi

nói gượng. Sự thật nên hiểu rằng tôi đã học được lòng tự-tốn (humilité) và thấy được mức việc tôi làm và mức ngăn của đồng loại. Tôi đã dứt tật cảm-hoa muối cho người khác theo quan-niệm của tôi và cũng dứt tật muối trị lành cái bệnh của thế-gian mắc phải. Tôi cũng không dám lên mặt mà cho rằng những người kia kém trí khôn. Với bệnh tật còn có phương trị lành, với cái ngu-dần si-ngốc, thì chúng ta dành thúc thủ vô phương trị. Tôi định ninh rằng điều kiện tuyệt hảo của thế-gian là nên sống trong hòa-bình, sống trong tình-yêu thủ-túc ái nhon, mà muối được như vậy, tôi thú nhận không tìm ra lối thoát. Tôi dành nhìn nhận, mặc dầu với bao nhiêu nặng-nề đau thương, rằng con người đang đối xử với nhau mà đến thú cầm cũng là thiện thường biết xấu. Hết dùng cách nói lấp (ironie), đến làm tuồng bi-kịch (tragédie), quả chúng ta cư-xử với nhau một cách quá hèn-hạ, lại khoe rằng đối-xử với lý-do cao-thượng. Con thú, khi nó sát hại con khác để ăn thịt, nó có cần gì xin thứ lỗi với con thú nầy? Con người, khi giết người đồng loại, nam như nữ, lại bày ra xin chúa rồi cho linh-hồn! Chúng quên rằng chúa vẫn ở bên mình chúng ta thật, nhưng chúa nào có một phe với mình!

Tôi bây giờ vẫn còn ham đọc, nhưng tôi đã xa lìa những sách. Lúc ấu xuân, tôi đọc sách để học khôn để dẫn dắt, nay tôi đọc chỉ để mua vui. Tôi hết tin-tưởng vào sách, vào tác-giả đã soạn ra nó. Nhứt là đối với sách của các tư-tưởng gia. Tôi cho ngày nay đọc loại

đó là tự đầu-độc. Nếu tôi thỉnh thoảng còn đọc những văn gọi tè-chính, đó chẳng qua là để tìm một hợp-tác hơn là một ánh-sáng. Cũng có lẽ, như lời triết-gia Nietzsche đã bảo, “nghệ-thuật là một trị-liệu (thérapeutique)”, nhưng là một cách gián-tiếp mà thôi. Quả chúng ta cần có kích-thích (stimulation) cho thêm hưng-phấn thêm cảm-hứng (inspiration), nhưng những đường đưa ta đến đó sẽ làm cho các đạo-đức gia (moraliste) nhảy dựng la lên là gương xấu vô sỉ “xì-căng-đan” (scandale)! Còn đường ta dùng ấy, khác nào ta đi trên một sợi dây căng thẳng.

Tôi ít có bạn hay người quen đồng niên hay đồng chyện. Khi tôi gặp những người cao niên tuổi tác, tôi lấy làm ngại ngùng đến mất tự-nhiên, nhưng tôi vẫn có hai vị tôi hằng kính phục sùng bái, mà hai vị này tuy lớn tuổi lắm nhưng vẫn còn trẻ trung và còn sáng-tạo được mãi mãi, đó là Pablo Casals (một nhạc-sư Y-pha-nho, sanh năm 1876, thiên nghệ cây đàn violoncelle) và Pablo Picasso (họa-sư trứ danh Y-pha-nho sanh năm 1881), cả hai lúc bấy giờ đã trên chín mươi tuổi. Những lão-mạo “cầu-thượng-thiên” tuổi này mà còn trẻ trung làm vậy, đáng làm hổ mặt bọn thanh niên ngày nay. Những bộn lòm-khòm già nua, những bộ xương chưa chôn tôi muốn nói, những sồn-sồn, nam như nữ, sống lối tiện-nghi trong đường cựu-hủ (vivant dans le confort de leurs ornières) vẫn cứ tưởng rằng nè-nếp cũ (le statu quo) được trường tồn mãi mãi, hoặc vẫn sợ những gì

trái lại và đinh ninh ẩn núp trong lều tưởng-tượng tránh nạn bom nguyên-tử và trông chờ mau qua buổi hãi-hùng như vậy.

Tôi chưa hề gia-nhập một cơ-quan từ-thiện, đạo-đức hay chánh-trị và gì gì khác. Trong đời tôi, tôi chưa đi bỏ thăm bầu cử một ai. Từ tuổi thanh-niên, tôi vẫn là một thằng pha chút triết với thuyết vô chánh-phủ chủ-nghĩa (anarchiste philosophe), tôi vẫn tự tách ra ngoài xã-hội để biến thành một thằng vong-mạng (exilé volontaire), ở đâu cũng được và tự thấy thoải-mái, trừ phi về nhà mình.

Buổi ấu-xuân, tôi nuôi nhiều ngẫu-tượng (idole). Già tám mươi, vẫn còn. Phải biết tôn trọng kẻ khác và chẳng nên giật chon mình lên chon họ, đó mới là thiết-yếu quan trọng. Nếu có được một tôn-sư mới là hay ho hơn nữa. Nhưng tìm ở đâu cho ra vị tôn-sư này? Có khi người tôn-sư ấy hiện ở giữa chúng ta, nhưng ta nào có thấy. Một mặt khác, tôi khám phá ra, nhiều khi mình học khôn được nhiều với một trẻ con măng mộng hơn là với một thằng chỉ-đạo tự xung minh làm vậy. Tôi cho rằng vị huấn-luyện-viên “Instructeur” (chữ i viết hoa), vị huấn-luyện này nên sấp ngang hàng với người quân-tử (le sage) hay bậc tiên-tri thấy xa hiểu rộng (le visionnaire). Khổ nổi là chúng ta không thể đào-tạo ra những loại này (une telle race d'animaux). Cái gì cho đến nay, gọi là “giáo-dục”, đối với tôi, toàn là phi lý, không hợp lý chút nào, nếu không nói là có hại có độc-

chất cho sự phát triển là khác. Trải qua bao nhiêu những nhiễu-loạn về chính-trị và về xã-hội chúng ta đã chịu đựng cho đến nay, đối với mắt tôi thôi, thì những cải-cách giáo-dục đã thấy trên thế-gian này, đều hoàn toàn là nhại cổ-phong vô lý và lại nhại lầm cẩm lối thời (*archaïques et radotantes*). Những cái đó đã đem cho chúng ta những hủ-tục làm cho ta thành người suy-nhuộc tàn-tật. William Blake, một thi-sĩ và họa-sĩ nước Anh (1757-1827), từng nói con hổ trong lúc bào-hao giận dữ mà vẫn còn biết khôn (triết lý) hơn con la của giáo-đường (*il y a plus de sagesse dans les tigres du courroux que dans les mules de l'instruction*). Hồi còn trong lớp học nơi nhà trường, tôi có học được những gì cho đích đáng đâu. Nếu nay bắt tôi thi lại bằng tiểu-học (*certificat*), thì không có môn nào tôi được nên thân. Hóa ra tôi từng học khôn với kẻ vô lại, bọn ngu dốt kia hơn là học với giáo-sư môn này môn nọ. Tôi nói *Instructeur* (người huấn-luyện) đây là “trường đời” chứ không phải là “bộ quốc-gia giáo-dục” (*l'Instructeur, c'est la vie, non le ministère de l'Education Nationale*). Buồn cười làm sao, nhớ đến đây, tôi bắt nhớ lời một tên khốn nạn của bọn nazisme xưa của Đức-quốc-xã, nó nói như vậy: “Quand j'entends prononcer le mot de culture, je prends mon révolver” (khi tao nghe nhắc đến chữ “culture” (phổ-thông trí-thức), là tao muốn chụp cây lục-liên của tao liền).

Những gì gọi là thể-thao thể-dục có tổ-chức, là tôi

không thiết tha đến. Tôi cóc cần biết ai đoạt giải gì và đã thắng giải gì. Các anh-hùng anh-thú thắng trong những cuộc đấu baseball, rugby (choi bóng bầu-dục), basket-ball (thảy banh vào lưới), tôi thạo qua loa vây thôi. Tôi không thích những cuộc chơi có cạnh tranh (*jeux de compétition*). Theo tôi tưởng, nên chơi thể-thao cho vui vây thôi và đừng bày thi đua và tranh thắng-bại. Tôi chuộng vừa tập vừa chơi hơn là thể-thao tranh giải hoàn-cầu. Và tôi thích tập dượt tung cá-nhân hơn là tập tập-thể. Bơi-lội, cõi xe đạp, đi tho-thẩn dạo chơi trong rừng có nhiều bóng mát hay đánh một ván ping-pong, bấy nhiêu ấy đối với tôi là đủ lắm rồi. Tôi không có chút nào tin về môn tập quả tạ (*haltères*) hay là luyện gân cốt, tác dụng của gân thịt (*musculation*). Luyện gân luyện cốt mà không có chỗ dùng, theo tôi, là không ích vào đâu. Thiết tưởng nên dạy sớm self-défense, tức là lối đề-phòng và giữ mình (võ hộ-thân) và chẳng khi nào học đến lối chuyên-môn đặc-biệt. (Nếu sau này, xảy ra chiến-tranh không phuong tránh được, thì thôi đừng gởi trẻ con đi học giáo-lý kinh-kệ (*catéchisme*) làm chi và tốt hơn nên dạy chúng nó cách giết địch cho thêm tinh-tế).

Tôi không tin tưởng chút nào về những món ăn bồi dưỡng sức khỏe, ăn kiêng ăn cũ theo régime. Trọn đời tôi, tôi vẫn ăn hoàn toàn những gì đáng cẩm kỵ nhứt, mà nhờ vậy mà tôi sống tròn trịa mạnh lành cho đến ngày nay. Tôi chỉ ăn những gì tôi biết rằng ngon rằng

khoái khẩu. Tôi không tin thứ gì danh gọi là “check-ups”. Nếu trong mình tôi thấy trục-trặc chỗ nào, thì tôi giả đò không biết đến, bằng chẳng vậy thì tôi chỉ làm cho con đau nặng thêm và phá hư bộ máy của tôi mà chớ. Nếu có bình, nên để cho cơ-thể, cho thiên-nhiên tự giải quyết mà hay hơn là giao bồn-mạng cho lang băm. Theo tôi, trên đời không có phương thuốc nào đáng gọi là trường-sanh đại bổ và thuốc ấy sẽ giúp mình sống được trăm năm. Mà muốn được “bá niên giai lão” để làm gì? Theo tôi, một đời ngắn-xùn nhưng đầy đủ và khoái-sáng vẫn sướng gấp mấy lần sự sống dai kéo lê-thê theo nào kinh-sợ, dè-chừng và triền miên phải tuân theo lời thầy thuốc dạy. Hãy xem với bao nhiêu phát minh của y-khoa tiến-triển không ngừng, mà những bệnh nan-y bất-trị vẫn chưa được đầy một vạn-bịnh-miếu (panthéon de maladies incurables) to tát. Thảo nào những vi-trùng (microbes), và độc-chất (virus) khác, chúng nó hoành-hành làm bá-chủ trong thân thể ta, ai nào cấm cản? Vạn nhứt, khi con bệnh đã ngặt-nghèo, mấy lão lang-băm đều chạy, khi ấy lại có lão bác-sĩ giải-phẫu (chirurgien) (mà trong tự-diển Đào-Duy-Anh dịch là “thầy ngoại khoa”, “thầy thủ-thuật”), khi ấy lão “chirurgien” nầy đến phân thây ta ra làm trăm miếng và rốt cuộc lão đưa ta vào cõi chết với hơi thở cuối-cùng. Và ấy đó là tiến-hóa! (nguyên-văn câu Pháp: “A croire que microbes et virus ont inévitabllement le dernier mot. Quand tout le mond a échoué, le chirurgien entre, nous

met en pièces et nous nettoie de notre dernier souffle. Et c'est ça que vous appelez le progrès?”)

Những gì còn thiếu trên thế-gian ngày nay, đó là thiếu vinh-quang (grandeur), mỹ-quang (beauté), lòng ưu-ái (amour), lòng từ-bi (compassion) và tự-do (liberté). Đã qua hẳn rồi thời buổi của những vĩ-nhân đại trượng-phu (grandes figures), chí-đạo (grands meneurs), và đại tư-tưởng-gia (grands penseurs). Thay vào chỗ trống đó, ngày nay ta chỉ còn lúc-nhúc những quân yêu-quái (monstre), sát-nhon (assassin), quân khủng-bố (terroriste), tựa hồ như bào-thai người nước ta chỉ lai-sanh nào bạo-động (violence), tàn-ác (cruauté), và giả-nhân giả-nghĩa (hypocrisie). Khi chúng ta ôn lại những danh-nhơn thuở cựu-thời, như Périclès, Socrate, Dante, Abélard, Léonard de Vinci, Shakespeare, William Blake, thậm chí nên kể luôn vị vua điani Louis II de Bavière, chúng ta chớ quên rằng mặc dầu vào đời cực-thịnh huy-hoàng ấy, vẫn có cảnh nghèo cùng cực, bạo-quân bạo-quyền và vô số sát-sanh tội ác, rồi nào là cảnh chiến-tranh tàn-khổc, cảnh độc-ác và phản-bội làm sao kể hết? Luôn luôn vẫn đi đôi với nhau: thiện như ác, xấu như tốt, cao-sang như đê-hèn, hy-vọng như thất-vọng. Làm như trong một xã-hội văn-minh thì những mâu-thuẫn ấy luôn luôn phải có và không sao tránh khỏi.

Nếu chúng ta vô phương cải thiện đời sống của ta, thì ít nữa chúng ta săn có một lối thoát cấp-kỳ và khỏi đau đớn. Đó là “euthanasie” (Pháp-Việt tự-

điển Đào-Duy-Anh dịch “euthanasie: sự làm cho người sắp chết ngủ mê đi, làm cho chết bình-an”). Vì sao đối với những kẻ khốn cùng, những kẻ không còn hy-vọng, những kẻ muốn sống khổ như chó cũng không được, đối với những kẻ ấy, vì sao ta không cho họ một liều euthanasie cho xong cuộc đời? Con người như chúng ta đây, đã không có quyền từ chối đầu thai lên kiếp nầy, lại cũng vô quyền hay là bị từ chối rút mất quyền tự mình tự liệu lấy thân khi vạn sự đã hưu-hỉ? Phải đợi sau nầy một trái bom nguyên-tử giải quyết một lần một hay sao?

Tôi không ưa chấm dứt bài tôi viết với một giọng chua như toan-thúy. Các độc-giả của tôi vẫn quen với câu phuong-ngôn tôi thường dùng là “Toujours gai et joyeux” (luôn vui và mừng). Có lẽ vì vậy mà tôi vẫn thường nhắc đi nhắc lại nhà văn-hảo Rabelais với phuong thuoc trù bá binh là cái cười. Khi tôi nhớ lại khoảng đời dĩ-vãng của tôi với nhiều đoạn bi-ai bi thảm, thì tôi thấy dường như nhiều hài (comédie) hơn bi-kịch (tragédie). Nhiều khi trong lớp hài-kịch ấy tôi cười gần lộn ruột mà cũng gần nát bấy quả tim. Các anh có biết tấn tuồng hài nào cup-lạc (kịch-liệt) hơn chăng? Theo tôi, đứa nào thích lập nghiêm thì đứa đó tự ký án-tử cho nó vậy. (Quand je considère ma vie passée, qui a abondé en moments tragiques, j'y vois plus une comédie qu'une tragédie. Ung de ces comédies où, tout en riant à se tordre les boyaux, on sent son coeur

se briser. Connaissez-vous meilleure comédie? Qui se prend au sérieux, signe son arrêt de mort.)

Nhung tấn bi-kịch mà phần đông người trên thế này đang diễn, lại là một chuyện khác. Trong tấn tuồng ấy không có phần nào chọc cười để an ủi. Khi tôi nói đến giấc ngủ thiên thu (euthanasie) đem lại cho muôn triệu người cùng khổ, không phải tôi chó má như bọn khuyến-nho học-phái kia đâu. Đời người không có đến nỗi nào đâu. Đời người ví như một biển rộng bao nhiêu người lội, có kẻ thì quen chịu mà sống, còn kẻ khác thả trôi và chìm luôn xuống đáy. Chỉ có vậy thôi, cần nhứt là ta không nên làm cho đục дօ những nguồn sống, lẽ sống và không nên thủ tiêu trí sáng suốt còn lại trong ta.

Cái điều khó nhứt đối với đấng tạo-hóa (*l'individu créateur*), là không nên cượng lý muốn làm cho thế-gian đều tạc hệt như khuôn-mẫu của mình, và hãy để cho đồng-bào đồng loại tốt như xấu hoặc không tốt không xấu, vẫn được y như cũ, và được như vậy, đã là khá lắm rồi.

(Dịch xong ngày 18-9-1982)

Trích ra đây hai câu của Henri Miller:

“C'est une chose merveilleuse que d'assister à un beau spectacle; mais il est encore plus merveilleux de croiser dans la rue un heureux clochard qui ne peut pas plus s'arrêter de chanter que de respirer. Et qui n'attend

pas non plus la moindre récompense pour ses efforts".
(Virage à 80, tr.141).

Dự-kiến một cảnh mỹ-quang đã là một hạnh-ngô rồi, mà đúng đầu ngoài đường một tên cùng đinh mạt kiếp hát ca không dứt và không kịp thở, và cũng cóc cần ai khen, đó mới thật là chọn hạnh-ngô vậy.

"Des généraux et des amiraux, on peut en faire quand on veut, où l'on veut – mais non des individus créateurs".

Soái-tướng, đế-đốc thủy-sư, muôn đào-tạo bao nhiêu và đào-tạo noi đâu đều dễ được, duy không dễ tạo người individus créateur (đẳng tạo-công, hóa-công hay thợ tạo).

*
* *

Cũng trong quyển "Virage à 80", tác-giả Henri Miller nêu ra những câu hỏi này mà tôi không tìm nổi câu giải đáp, vậy xin chép ra đây hầu các độc-giả bốn phương:

Hỏi. – Giữa các nhơn-vật này, ta nên chọn người nào?

- Lao-tseu ou Saint François d'Assise?
- Léonard de Vinci ou Pic de la Mirandole?
- Socrate ou Montaigne?
- Hitler ou Tamerlan?

- Alexandre le Grand ou Napoléon?
- Lénine ou Thomas Jefferson?
- Voltaire ou Emerson?
- Jeanne d'Arc ou Mary Baker Eddy?
- Keats ou Bashô?
- Rimbaud ou Walt Whitman?
- Sigmund Freud ou Paracelse?
- Montezuma ou Cortes?
- Périclès ou Charlemagne?
- Karl Marx ou Gurdjieff?
- Hokusai ou Rembrandt?
- Richard Coeur de Lion ou Saladin?
- Tchoang-tseu ou Rabelais?

(Riêng tôi, tôi xin chịu bí), 18-9-1892.

Vài câu Pháp-văn đọc đó đây: để cho thấy thú vui có sách hay để xem khiển hứng (câu này tôi viết dài dòng để tránh dùng chữ "thú đọc", "thú coi" (lái nghe tục). Khi tôi đọc sách, thấy câu nào hay thì bạ đâu tôi ghi đó, lâu ngày lấy ra chép, thì lẩn lộn không còn trật tự gì nữa, xin chư độc-giả lượng thứ và chọn lại mà dùng, nồi xào-bần trong Nam, ngoài Bắc gọi món "thập cẩm", càng lộn xà ngầu, mới thật ngon thật thú:

"Toujours nous voulons chercher l'éternel ailleurs qui'ici; toujours nous tournons le regard de l'esprit vers

autre chose que la présente situation et la présente apparence; ou bien nous attendons de mourir comme si tout instant n'était pas mourir et revivre. A chaque instant, une vie neuve nous est offerte. Aujourd'hui, maintenant, tout de suite, c'est notre seule prise".

Alain (triết-gia, thầy dạy của văn-hào
André Maurois)

Dịch.- Ta luôn tìm sự bất-diệt vô thủy vô chung trong một nơi khác hơn nơi hiện-hữu, ta luôn đưa mắt nhìn một nơi khác hơn là nơi hiện-tại và nơi tựa hồ như hiện-thật, tuồng như chúng ta mong chờ cái chết sẽ đến mà quên lửng ta đang chết lần chết mòn từ mỗi phút một, ta vẫn sanh-sanh hóa-hóa nào ngờ. Ngày nay đây, giờ này đây, tức khắc đây, ấy đó mới là cái gì ta nắm bắt, chiếm được.

"Un amour qui va très bien, c'est-à-dire cahin-caha, c'est difficile, mais un amour qui ne va pas, c'est l'enfer"

(Climats, A. Maurois, tr.172)

Dịch.- Mỗi tình suôn-sẻ, nghĩa là đi cà-hê cà-ha, đã là chập-chủm; khi trở chứng, com không lành canh không ngọt, thì quả là địa-ngục.

"Ne donne pas à ton mari l'impression que tu l'aimes trop, ou tu es perdue". (Climats, tr. 181)

Dịch.- Đừng cho chồng biết con thương nó chí tột, nó biết thì con đi đòi, hay rồi đòi.

"C'est comme le sel, nous ne savons même pas que nous en absorbons, mais supprimons-le de tous nos repas, et sans doute, nous mourrons". (Climats, tr.228)

Dịch.- Ái-tình như muối, vẫn xắng-lè, nhưng không có không xong. Ngày ngày thức ăn đều có nêm, thử đừng nêm, là chết ngay cán cuốc.

"La maladie est une forme de bonheur moral, parce qu'elle impose à nos désirs et à nos soucis des limites fermes." (Climats, tr.230)

Dịch.- Bệnh đau là một triệu-chứng hạnh-phúc ấp ú trong cõi lòng; đau là mức thang của sự ham muốn, lòng dục-vọng.

"L'amour supporte mieux l'absence ou la mort que le doute ou la trahison." (Climats, tr.231)

Dịch.- Về ái-tình, thà chịu cảnh sanh-ly, tử-biệt hơn là bán tín bán nghi, cảnh bị mọc sùng.

20-9-1982

Sa-Đéc, March 1, 2015

Một thú

Tôi nào ngờ khi nói “một thú” là đã nói chữ. Ô hay! Nói nôm: một thú là một cái thú, thú chơi trăng, chơi gái, cờ bạc, uống rượu, ngâm thơ, đều là thú; còn tý như, nếu tôi nói: “ngày nay, chơi sách đã là một thú”, thì bất ngờ tôi đã hóa ra thầy đồ thầy điếc, nói chữ mà không dè, vì Hán-tự: một là chết, là chìm mất, mai một, là chôn mất (mai một hiền-tài), và một thú là không còn hứng thú gì nữa.

Hôm nay (11-5-84), sở dĩ tôi nói vòng vo tam quốc, là để thuật một chuyện khào thuộc về “thú chơi sách”. Từ ngày sách bị hốt, bị tịch, người trong Nam này, ít nhà còn dám trữ sách: sách hay, sách quý, sách dạy nghề, sách chỉ thuốc uống, hàm-bà-lăng (tất cả), đều gói vào lò ông Táo, hoặc nhờ chị đi mua dạo chở về lò giấy hay nạp cho Ba Tàu đầu-nậu bán ve chai và sách báo cũ.

Khi làn sóng náo-động ấy dồn-dập tới nhà Vương, thì lão già trời đánh này cũng một phen lay-động tâm-thần. Lão ta có đến hai-mươi-lăm tủ sách bằng gỗ danh-mộc quý (cẩm-lai và trắc hổ-bì), đánh số từ A đến Z, hoặc nói cách khác, từ 1 đến số 25 La-mã, mỗi tủ chứa một loại sách phân-biệt, tỷ dụ A (sách Pháp để học: tự-diển, v.v.), B (sách sử và địa), C (truyện Tàu, tuồng hát, v.v.), D (văn-chương Việt), nhưng đó là thứ-tự có trước ngày Giải-phóng (30-4-1975), và hại thay, từ ngày “sóng dữ hốt sách” đánh tới nhà lão, lão ta núng-động cũng như ai, và để gìn-giữ những sách yêu-dấu kia, lão làm như “chó nghe pháo Tết đút đầu vào kẹt”, lão trót giấu sách, chỗ này một mớ chỗ kia một cuốn và từ ấy, trật-tự cũ đã không còn. Ngày xưa, lão nhớ mỗi cuốn sách nằm ở tủ nào, bìa là gì (đóng da hay để y không đóng bìa), số mục-lục là số mấy, và lão không mất thì giờ để kiểm. Trái lại, ngày nay, lão tuy trí nhớ vẫn tinh-anh như buổi thiếu-thời, nhưng lão đã lộn đầu lộn đuôi, và vì vậy lão mới than như trên: “ngày nay CHƠI SÁCH đã là MỘT THÚ!”

Sự việc xảy ra như sau: Vừa rồi, cách nay độ nửa tháng, có giáo-sư N.V.T. đến nhà nói chuyện về sách. Tôi vội đi lục trong tủ, lấy ra một cuốn cho ông. Trong khi lục-soạn, tôi lại gấp một cuốn mục-lục số 150 – tủ “sách cầu-tự”, rõ ràng bìa giấy trắng cứng, nhan viết “la vie et les amours de Mr. Jivease, le nègre par Cecil Brown, Calmann-Lévy 1972”. Tôi mừng quá vì lòng

đang khao-khát muốn xem sách loại này để giải trí buổi này. Tôi lật đật lấy sách ra để riêng một chỗ, và khi giáo-sư nọ ra về, tôi để cách một đêm và khi nhớ lại, đi tìm cuốn sách thì sách đã biến đâu mất dạng. Tôi đậm ra hoảng-hốt, vì tánh tôi, một phần gần như dị-đoan, rất sợ mất vật đã có, và khi vật ấy lạc-dấu lạc-chỗ, thì tôi phải tìm cho ra, mới ưng lòng. Và tôi đã phí cả tuần nhưt, lục đi lục lại, tìm tới tìm lui, gần trọn mấy tủ sách trong nhà, mà tìm mãi như vậy vẫn không gặp. Tôi trở nên mất bình-tĩnh, mỗi ngày cứ lục-đục bên các tủ sách, xốc-xáo đã khắp, thậm chí mỗi đêm, cứ ngủ một giấc cho tỉnh-táo, rồi khuya thức dậy, tôi vặn đèn, chăm-chỉ cứ một-tủ-một mà lục-xáo, trọn cả mấy đêm dài nay cũng không nhớ, tôi chán nản quá, - trọn mấy ngày liền không viết được chữ nào, - bỗng một buổi trưa, cơm nước xong, tôi lại noi bàn viết, tôi kéo một cuốn sách trên kệ ra, tôi mừng quỳnh, vì đó là cuốn bấy lâu đang tìm. Sách để ngay trước mắt, trước sống mũi, mà không ngờ, cũng tại vì, tôi định-ninh tìm cuốn có bìa giấy trắng cứng, noi bìa có in hình đèn “một bàn tay nắm lại, chỉ chừa ngón giữa ló ngay” (tục) nào ngờ bìa tuy như vậy, nhưng cuốn sách lại một bìa khác bọc ngoài, các-tông đỏ lung da, mình sơ ý cứ tìm cuốn bìa trắng, nên tìm mãi luồng công, lùng-khùng là tại mình, lại muốn đổ tội trách cô-hồn che giấu. Lấy sách ra đọc, khoái-trá vô ngần, lại tự trách mình, mua giá 5 đồng từ ngày mua août 1979 mà đến nay mới đọc. Và nay

đọc mà tức-tối, vì cuốn sách này vẫn của co-sở Văn-hóa Pháp trước đây, có con dấu đỏ đóng nhiều chỗ, đề rõ ràng: “BIBLIOTHÈQUE, Institut Français de Saigon. Nơi lung-bìa sau, trong túi giấy, còn đựng thẻ ghi tên người mượn và sách cho mượn ra ngày 14 mai 1976 (sau Giải-phóng), thế là sách mất cắp đem ra bán ở Chợ Trời, vì có lẽ người mượn kia, quá túng thiếu đã hóa ra chuột và mang danh trộn-đạo (đạo sách); trên đây tôi nói “đọc mà tức-tối”, vì sách của Văn-hóa Pháp, thì “đâu phải là sách khiêu dâm”, sách sạch-sẽ khi đọc mới biết, nhưng bởi vốn viết quá đúng sự thật, có hơi hăng-hắc cay-nồng, và cơ sở Văn-hóa Pháp cẩn-thận đã thiến bót (lấy ra) nhiều chỗ quá cup-lạc (kịch-liệt), như hiện nay sách mất những trang:

- từ trang 97 đến 102 (tả một thiếu-nữ thoát y và dặn chàng trai đừng dòm lén),

- từ trang 127 đến 132 (tả một trai đưa gái về phòng ngủ... vừa đóng cửa phòng, thì cắt những trang tiếp); sách còn trang 133 và 134, tả lại lúc chàng trai được gái để lại 40 đô-la trước khi ra về, chàng xuống đường mua một tờ báo, vừa trở lên nằm trong phòng, thì có tiếng chìa khóa rọc-rạch noi cửa và đó là mụ Tình-nhon da trắng mướn phòng chúa trai tơ Hắc-Mỹ (Mỹ da đen), cửa phòng vừa mở, mụ Bạch-Mỹ bước vào, thì sách bị cắt lìa trọn những trang 135 đến 138; rồi sách ngon vọt đủ trang cho đến trang 202, tả một mụ Bạch-Mỹ khác, chồng đi vắng, dắt trai da đen về nhà, thì đứt mất

những trang 203 đến 206; và từ trang 207 đến trang chót là 269, thì “đường sá tron tru”, sách rất sạch sẽ và kể lại một việc răn đời, là người đàn bà da trắng – giàu sang quá nên sanh tật thèm của lạ, ham hưởng lạc-thú với mọi da đen, “nó có đồ chơi dai-dẻo và lớn vóc hơn của đức-ông chồng; gái xứ Danemark, nhút là gái Đa-noa thành Copenague, “đụng ai lấy nấy, ngủ với trai, bất-chấp lạ hay quen, còn hơn con thú bốn chân như heo-chó” và gái Bạch-Mỹ thèm thuồng củ to Mọi đen, gầy dài Hắc-chủng, cũng vì quá giàu-sang quá tự-do sanh-sứa nọ kia, rốt lại quyển sách này, theo ý tôi, nên cho đọc nhiều và phổ-biến thêm rộng, bởi hình-thức tuy “khiêu dâm” nhưng đúng là vạch ngay những tệ-đoan của nhóm tư-bản da trắng, - một bằng-chứng là sách của Văn-hóa Pháp, đã chọn-lọc và nào có ý tuyên-truyền dâm-đãng.

Tôi đã nói “khi đọc, tức-tối”, nhưng nay nghĩ ra đó là một phần “lạc-thú” của “thú chơi sách”. Nhớ lại câu “Thiếp ưng tự-tử lang-quân thủ, bất khảng phòng-vi vi tận hoan”, xưa anh bạn quá cố Đặng-văn-Ký tự Minh-Tài, đã dịch: “Thà anh đánh chết cũng ưng, hon là ắt đến nửa chừng đứt ngang”, (hay là anh thôi gì đó), gãm lại nếu sở Văn-hóa không thiến và cứ để y, tôi vẫn đọc trọn nguyên-văn, thì cái gì đã no vẫn hết thèm, và sao bì “ăn thiếu”, “ăn chưa no chưa đã” và “con cá sẩy là con cá to và tiếc hoài”, và “sách đọc đứt khúc đứt đẫn” vẫn có cái thú-vị riêng bất ngờ và khó kiểm.

Khi tôi viết bài này, như đã nói: “choi sách không còn thú-vị gì nữa, nó đã mệt thú” đi rồi. Lê đáng tôi không nên viết làm chi, đâu còn hứng-thú tìm sách đóng bìa khéo, sách giấy tốt giấy đẹp loại Japon, giấy dó, Holland hay giấy Bible, vừa mỏng vừa chữ rõ nét, nhưng đất Nam này, không khác “nước lâ”, hoặc “bùn non”, nước không dao bén nào chặt rời, và bùn tuy xáo-trộn ba-đào, trọc-bẩn đi một lúc, rồi vẫn trở lại “béo bồ, sanh ra gạo thơm cơm trắng”, và đâu phải luôn luôn tanh bùn?

Chứng nào như tật này, người Miền Nam không chơi sách đẹp thì chơi sách chứa chuyện hay, và không chơi giấy sang thì chơi sách in trên giấy nhựt-trình cũng được, và “thú chơi sách” cuốn II này, sẽ nói về “nghề ra chợ trời lượm mót sách còn sót lại” mặc kệ xấu rách, miễn chuyện được hay và có ý-nghĩa răn đời.

Bởi con người đã chán cảnh sớm làm giàu chiều phủi tay không, lốp bức bỏ ra xứ ngoài, ai ở lại biết an phận thủ thường, lại thấy hé lầm hạnh-phúc. Chơi sách vẫn còn và chưa “mệt thú” đâu. Thú chơi sách ngày nay tóm tắt lại là thú “mót máy những gì đã mất, làm lại sự-nghiệp ngày trước nay đã tiêu-tan, và sưu-tập sách cũ, biết đâu chừng, một ngày nào đây may thời gặp lại cuốn sách đầy đủ, vá-víu lại những trang đã mất trong cuốn sách kia, thì đó quả “Ngọc bích Triệu hoàn”, “Châu về Hiệp-phố”, còn gì thích-thú bằng? Nếu không đau ốm bệnh-hoạn thì đâu có hiểu giá-trị của sức-khỏe

dồi-dào, khi nào răng đã rụng mới thấy buổi thanh-xuân dẫu nghèo nhưng còn răng là sướng, và khuyên đừng kén chọn, chiếu manh ngủ thẳng giấc là hơn.

Vả lại, cái gì ngày nay cũng tùy thời, tùy cảnh ngộ: xưa tiền nhiều, gởi mua sách mới, từ Mỹ từ Pháp bay qua, lựa đẹp lựa gọn, ngày nay "buổi chợ đông, con cá hồng anh chê lạt, (đến khi này), tan chợ rồi, con tép bạc anh khen ngon"! Lại nữa, sau cơn bão tố, cái nhà hư-tệ biết sửa biết dọn, vẫn che nắng che mưa được, hè tất kén nhà cao ốc, nhà lát gạch hoa. Cao-ốc, chúng càng thèm, lót gạch bông, chúng cướp lệ-lẹ, chi bằng làm "con ốc mượn hồn" ở trong vỏ ốc khác, người ở phố nhỏ, trong hẻm kẹt, lại thấy sung-sướng hơn ông cựu bộ-trưởng, vợ đã bay ra nước ngoài, (có còn chờ mình chăng?), còn con thì trai đi cải-tạo chưa về, gái có chồng bên xa-xôi, thỉnh-thoảng gởi quà về, mà đâu gởi cho cái ấy. Xưa, chồng với mấy người ăn bài này thì "ủ tờ hiển-hiện", ngược lại nay bợ đỡ họ mà vẫn cho đi học tập như thường. Vi-nhơn nan là vậy? "Sanh Ngô hà sanh Lượng" là lời Châu-Du nói trong Tam-quốc-chí. Sanh ta sao nỡ sanh y, y là ai thì cứ biết! Và chơi sách vẫn còn và còn thú riêng của nó!

(Viết ngày 11-5-1984)

Hiện giờ dường đã nhu có phương-pháp mới lạ, là "thùa giấc ngủ mê, nhà chuyên-môn có thể dùng điện, chuyển-tiếp sự hiểu-biết vào trí óc người dốt và làm cho

người ấy, khi tỉnh giấc, sẽ có đủ kiến-thức và hiểu-rộng y như người giỏi đã đọc sách hay, v.v. Khi tôi nghe người bạn tôi tán-dương sự khoa-học tân-tiến làm vậy, tôi vẫn bình-tĩnh đáp rằng việc ấy không có gì là mới-mẻ, vì ông bà chúng ta há chẳng dạy rằng "muốn đa văn quảng-kiến theo lối ấy, nghĩa là muốn biết nhiều học rộng, chỉ cần mua cuốn sách ấy, đốt nó thành tro, rồi nuốt tro ấy vào bụng, là học rộng tài cao liền, khỏi cần đọc sách"! Một ngày kia, không xa đâu, máy truyền-hình, máy thâu-thanhs, sẽ tinh-vi thêm mãi, con người chỉ cần có tiền mua những máy ấy, và sẽ học bằng thấy rơi và nghe lời nói từ trong máy dạy ra, khỏi cần cắp sách vào trường. Nếu quả có như vậy, tôi cũng cóc cần, vì theo tôi, những lối tân-tiến ấy, ví không khác lối bác-sĩ bơm thức ăn vào bao-tử, khói nhai khỏi nuốt, nhưng như vậy thì đâu còn cái hứng-thú "tú-khoái", nhút là thú ăn thú uống, thú nhai xương gà hay "lấy cốt chí-quách" (gặm xương heo). Tôi đây là giống lạc-hậu cần đọc sách như xưa, đọc chậm-rãi thật lâu, mới tiêm-nhiễm cái hay cái thâm-trầm câu văn lời nói, chứ đọc thoáng "như chạy giặc", đọc quá mau, thì tôi xin nhường cho người khác... Cố tổng-thống nước Mỹ là ông Kennedy có tài một ngày đọc năm ba cuốn sách, theo tôi, đó là vì thì-giờ của ông rất ít và ông có bộ óc hơn người, nhưng riêng tôi, tôi không cần máy robot, cũng không cần tàu bay siêu-thăng, tôi chỉ ham đi thuyền theo xưa mới có đủ thì-giờ ngắm cảnh xem

trăng, và “đọc sách” là một thú hưởng-nhàn, phải thật thảnh-thơi, một chiếc vông, một lùm cây, một cuốn hay trên tay, và tha hồ gởi hồn-trí theo mây theo gió. Giả tỗ tôi mua cuốn sách nói đây đủ trang thì có lẽ tôi đâu thấy cái lạc-thú đọc sách ấy đứt đoạn đứt khúc như hiện giờ. Cho hay sự thấy lộ-liễu chán-chường đối với nhiều người, như tôi chẳng hạn, vẫn không thích-thú bằng khi thấy úp-úp mở-mở và thuở nay, dòm kẹt lỗ khóa vẫn hay-ho hơn thấy tận mặt tận mày! Nói về sách khiêu-dâm, sách truy-lạc, cũng đồng một thế. Vẫn tùy noi và tùy lúc. Một đứa trẻ bên Tây-phương, cha mẹ sai đi mua báo, nó chạy ra quán, mua lẹ về liền, tuy sách tục-tiểu bày đầy trước mắt, vì tại nhà nó đã thấy đến ngán kia rồi. Trái lại, trước đây, khi chợ trời sách còn bày noi đường Trường-tiền, tôi đã thấy rõ ràng một nhà tu, áo đen có cột sợi dây noi thắt lưng (dòng cordelier), ông ta vẫn hết quán này qua quán kia, ông tìm Play-boy và tạp-san lõa-lồ, ông hết lật tạp này qua tạp kia, không mua tờ nào, và chỉ chuyên xem “báo cop”, xem thật mãn nhãn, không kể trời mưa trời xế, và các người bán sách vẫn để ông xem, vì buổi ấy, vô tình hay cố ý, ông nhà tu này, tuy không mua nhưng đã thí công rao hàng và bày sách, người nào ưa thì cứ “mại vô”. Tôi không rõ ông xem như vậy mà có xúc động tâm-hồn gì chăng, hay đúng ra ông mới thật là chọn-tu, “mục bất khuy viên”! Dầu chi, đó cũng là, đối với tôi, một khía-cạnh của “thú chơi sách”.

(Viết thêm chiều 11-V-1984).

Tôi và cuốn sách

(Cảm tưởng viết ngày 12-6-1984)

Nói chuyện năm.- Năm là năm ấy, nói ríu lại. Chuyện năm là chuyện năm xưa năm xưa.

Năm 1960, tôi có được Cơ-quan xuất bản Tự-Do của ông Phạm-Việt-Tuyền giúp và chờ ra đời một cuốn sách nhỏ, khổ giấy 14x21, mỏng, 167 trang, lấy nhan là “Thú chơi sách”. Ngày nay nhiều người đã biết chơi sách và thành-ngữ “chơi sách” này nghe đã nhảm tai, nên hết lạ. Tôi còn nhớ, trước năm 1945, lúc tôi còn ở Sóc-trăng, một ông đốc-phủ-sứ (N.V.N.) đi học ở Hà-nội về, ngồi chủ-quận quận châu-thành, ông làm hội-trưởng của chi nhánh “Hội Khuyến-học” do ông Đoàn-Quan-Tấn cầm đầu ở Sài-gòn, ông đốc-phủ biết tôi ưa sách nên có nhờ tôi nói về sách cho các hội-viên nghe, vừa giúp vui cho thấy hội hoạt-động chớ không ngù gục, và cũng vừa có nhã-ý giới-thiệu tôi cho anh em trong tỉnh. Khi tôi đem bài dọn-nói, cho ông xem, ông lấy bút chì xanh-

đỏ, gạt ngang chữ “choi” trong nhan-đè “Thú chơi sách” và sửa lại “đọc”. “Thú đọc sách”. Tôi làm tinh, cung kính thưa: “Thú đọc” nói lái nghe kỳ lăm! Ông lườm tôi và sửa: “Thú coi sách”. Tôi lại thưa: “Dạ, Thú coi, cũng còn kỳ”!

Ông buông cây viết, nheo cặp mắt hí, cười hỏi: - Anh S. cũng kỳ nữa! Làm sao? Anh muốn gì thì nói! Rõ là giọng dài-quan đường-bệ, quen ăn trên ngồi trốc, nói từ trên nói xuống, vả lại ông phủ với tôi là bạn mày tao, tuy trước có chung học dưới một mái trường Xách-u, nhưng ông có ra Bắc học thêm, còn tôi lẹt-đẹt thơ-ký, ông khinh tôi nhưng ông không nói, sở dĩ ông cậy tôi làm cho hội bót nguội, nay ông thấy tôi gai-góc, ông có ý không bằng lòng. Tôi chậm rãi trình: - Tôi để bài đây cho anh xem lại. Cốt ý của tôi là nói về thú-vị có cuốn sách trên tay để mân-mê, rờ-rãm, chơi với sách như ta vui chơi với “gái” với “mèo”, với một nhơn-tình bằng xương bằng thịt... Tôi còn nói nữa, nhưng ông ngắt lời: - À! Tôi hiểu rồi! Được! Anh về đi. Chúng ta sẽ gặp nhau ngày hội nhóm.

Thế là từ ấy, sách đã thành một vật đồ chơi, tuy đối với Âu-Tây là cũ, chớ đối với mình, còn là mới-mẻ, biết nhau, chơi với nhau, chưa tới nửa thế-kỷ, thế mà từ năm đất nước được Giải-phóng, từ 1975, chơi sách đã “một thú”, và tôi là đứa dốt mà không dè nói được câu chữ, vì “một thú” theo Hán-tự là mất thú, tức không còn hứng-thú gì nữa.

Hôm nay, nhà ai còn trữ-chứa, còn sợ hồn chúa đồ độc, sau 75, hoảng sợ bán lẹ cho chèc ve chai, nay tinh hồn bót, nhưng cũng tê-tái trong lòng, thỉnh thoảng mót hay mua được cuốn nào, cũng không thiết tha gì nữa, trẻ con lôi đi đâu cũng mặc, bỏ đi thì tiếc-tiếc, mà để trong nhà lại e hôm nào có khám-xét, rủi gặp anh ấy dốt bắt tội, không biết nói làm sao. Than ôi! cuốn sách nào có tội-tình gì, và chẳng qua một lần đẹp gai thì tốn đến già, thấy cái gì nhọn nhọn cũng nhớ lại chuyện và quên rằng ngày nay cán-bộ vẫn tìm sách để mua và vẫn nhìn nhận lúc mới vào, làm có hơi quá trớn.

Tôi nói sách có số-mạng, có người cười, nhắc tôi đời này thần-thánh không còn, “không còn gì hết thảy”, lời người ấy nói, người ta kia mà còn không có số, chết, bị tù bị bắt, đâu biết được, và anh nói sách có số mạng, là cái mốc-xì!

Tôi để cho bạn tôi nói, nói xong, tôi chầm chậm cắt nghĩa: - Anh hiểu khác, còn tôi, tôi vẫn tin: con người có số, kẻ thì sung-sướng quanh năm, cũng đồng một tuổi, mà người này làm lụng tối ngày mà vẫn thiếu, cùng một nặm sanh, một ngày đẻ, đứa thì mắctoi, chết yếu, đứa đau rề-rề, đứa cop vật không chết, đứa lai-rai báo đời; cũng thì tập-kết, người thì làm tối nầy kia, còn anh nọ, cu-li về hoàn cu-li, thêm mất nhà, vợ có chồng khác... Sách có số phận của nó: có cuốn được đóng bìa da, có cuốn lấy lót đít ngồi, rồi từ tháng 5 tháng 6 năm 1981, lớp bị hốt, bị tịch, bị kê-khai, làm

biên-bản, lôi thôi lắm. Rồi bắt bén, năm nay 1984, bán mắc thấu trời.

Nếu sách không có sổ, tại sao một chồng tự-điển, tự-vị, anh Tam-Ích lấy kê cao để đút đầu vào dây thông-lọng: sách có sát-nhơm đâu, tại dùng không nhầm chỗ.

Có cuốn được truyền tử lưu tôn để dành làm của quý, ấy là sách thời-bình.

Có cuốn mua mắc tiền, chưa kịp rọc bìa đã bị hốt và chủ sách bị tội: sách thời loạn.

Nhờ có cuốn sách tốt trong nhà mà bắt tay người cán-bộ: sách cứu chủ.

Nhờ cuốn sách mà nêu tình chồng vợ: sách có duyên ngầm.

Vì đòi cuốn sách hiếm có mà sanh oán sanh thù: sách hại chủ.

Có cuốn thì, á mà thôi, khéo kiếm chuyện, và nói sao cho hết?

Đi khập-khieng chon cao chon thấp, quyển "Thú chơi sách", in năm 1960, tiền nhuận-bút được 10.000 (tiền cũ, năm 1975, đổi 500 ăn 1 đồng nay), năm 1976, bán lạc-son chèc nài 0\$75 mỗi cuốn tôi không mua, năm nay 1984, muốn có tặng bạn mới, ra Chợ Trời hỏi, chị bán sách nói một giá, tôi đi luôn, may thời chỉ cũng không biết tôi đây là tác-giả. Đòi đổi đổi, sách giá cũng đổi đổi, biết như vầy năm trước mua 200 cuốn 150

đồng, nay bán theo lời chị ấy nói mỗi cuốn 100\$ tức sẽ được $100 \times 200 = 20.000$ là 10.000.000 cũ, trời hối trời, ăn được lâu hoáy.

Ông tòa ngày nay rõi-rảnh vì không ngồi xử-kiện nữa, mỗi sáng thứ năm đi nghe đòn ca ở xóm Cây-điệp chợ Đakao, ông còn sướng hơn ông thầy cãi, nay thất nghiệp, bán từ cái chén cái tô xưa, của phụ-ấm bên vợ, và hai ông sướng nhiều hơn cha con một nhà nợ luân phiên đạp xích-lô, ông xưa bán thuốc Tây, con là cựu sinh-viên trường thuốc.

Ông bên xóm như ông trước nhà, đưa vông cho cháu ngủ, mắt lèm nhèm dưới nhãn-kính xập-ký-nìn (thập-kỷ niêm), tay cầm cuốn Lục-Vân-Tiên cũ rích. Như vầy, cuốn sách chưa là đồ bỏ. Từ Giải-phóng, dân ở đô-thành phải tìm cái gì để đọc, buồn quá mà, vì thất nghiệp cá đám. Trước 1975, có ai có thì giờ để đọc sách đâu vì mãi lo làm giàu và lo hốt bạc. Hôm nay, tôi cặm cụi viết tiếp về "Thú chơi sách", biết là một việc trái mùa nếu không nói là lỗi thời, nhưng sách với tôi, làm sao quên nhau được, và may phước, tôi còn sách đầy nhà, nên vì sách, tôi biết chút gì, xin nói để tỏ cảm-tình riêng với sách. Sách là một bạn tốt, không biết chữ "bạc-tình" (Le livre est un ami, qui ne vous trahit jamais, nhớ như là lời của bà George Sand).

(viết 12-6-84).

Trước đây tôi biết ở Sài-gòn có hai hạng chơi sách:

- hạng có tiền nhiều và phong-lưu, mua sách quý sách đẹp về chung trong tủ;
- hạng có máu con buôn, biết sách nào có giá-trị, ra chợ trời mua đem về cắt xén, o-bé, chờ có ai hỏi, sẽ mài dao cắt cổ.

Tôi biết một nhà nọ chứa sách trong phòng rộng, có máy đo nhiệt-độ, sách không hư và một nhà kia, trữ sách lạ, phần nhiều đều có in hàng chữ "Edition spéciale tirée exceptionnellement pour Mr X." (Bản đặc-biệt in riêng dành cho ông X.) sau ngày Giải-phóng, sách quý kia biến mất, cũng không thấy cuốn nào chướng mặt ở chợ trời, người ấy mới thật là "nhà chơi sách". Còn hai hạng chơi sách nói trên, cũng mất dạng.

Anh Lê-Ngọc-Trụ, lúc còn sanh-tiền, thấy giọng văn tôi không giống ai, có khuyên tôi, nay tôi gấp lại tuồng chữ của anh, đọc mà ngùi-ngùi: "Với lối văn duyên-dáng của anh, nếu được anh siêng, viết nhiều về các loại giấy, các loại đóng sách để chỉ chỗ quý của nó cho người chơi sách đến mê thì càng hay lắm, mà quyển sách được "cơm". Vả lại, đó cũng là lối chỉ dạy cho tay mơ như tụi tôi học thêm với..."

Anh Trụ ơi, tôi đọc mấy hàng này mà muốn khóc, về đóng bìa, trong quyển trước tôi có nói sơ-sài rồi, về loại giấy, quả tôi có cớp nhóp nhưng chưa đủ, kể Giải-phóng vô, cuộc-diện đã đổi, bây giờ còn lòng và tiền

đâu để kén chọn và tìm giấy tốt giấy lợ? – Theo tôi ngày nay nên chuộng "phẩm" mà thôi, và bất cứ tác-phẩm nào, in trên giấy gì, hễ hay thì nên mua để dành, chờ đã hết mùa kén giấy rồi. Anh không còn, để tôi nói nhỏ anh đủ nghe, chờ hạng hư và trắc nết như tôi, tôi chỉ ham đọc chuyện hay, dầu in trên giấy dơ giấy nhụt trình gì cũng xong, cũng xí-xóá và kể thuộc loại quý được hết. Nơi tr.152 trong sách "Souvenirs d'un marchand de tableaux", tác-giả là Ambroise Vollard kể rằng ông ta biết một người a-lo-măng là le comte Kessler, ông này khoái có quyển Daphnis et Chloé của Vollard xuất-bản, và mê cho đến đỗi quảng-cáo rùm-beng, dặn dò các bạn hiếu sách lạ, nên tìm mua mà đọc, mà cuốn ấy, các bạn biết cho chǎng, nếu bên nước ta ngày nay có ai tàng-trữ, thì có lẽ ủ-tờ ở tủ bô mang, tài-sản bị tịch thu là khác, vì đó là loại sách dâm. Theo tôi dâm ở chỗ nào, già đến tuổi "không làm gì được", lấy mắt nhìn, còn nhứt khoái đó mà cũng cấm nữa hay sao? Thì sống nữa làm chi chở? Sách gọi "dâm thư" là tại mấy thằng Mỹ quá tự-do bày ra hại đám trẻ hư theo, chờ thuở ban sơ, mấy ông vua "bất lực" mới có trò múa bụng (danse du ventre) để kích-thích, có nhiều cuốn dạy về sinh-lý, chỉ đường, viết sạch, thì nên kể là sách "dẫn đạo" phải hơn. Xin cho tôi liệt sách ấy vào hạng "sách cầu-tự" (sách dạy kiểm con), miễn đừng phổ-biến, không nên cho lọt tay trẻ chưa biết gì, và tưởng không nên tịch thu, cho

người sưu-tập để trong nhà y như các bác-sĩ thương nghề, phải chứa và cất vi-trùng để tìm hiểu cho nghề thêm chuyên thêm kinh-nghiệm. Nhưng Kessler nói trên đây vì mê sách hiếm đến đỗi từ nhà hiếu sách hóa ra nhà xuất-bản, ông ta ra vốn cho nhà họa-sĩ Maillol chế ra một loại giấy đặc-biệt, làm bằng vải rách, vì sản-xuất ở làng Montval (Marly-le-Roi, chỗ Maillol ở), nên gọi papier de Montval.

Sách in ra là bộ Eglogues (mục-đồng-ca) riêng dành cho người chơi sách Tây-phương thường-thức, chớ ai mang lợt qua xứ mình, vô khâm nầm chơi, và ai tàng-trữ, không chắc làm giàu và ở tù là số vốn. Maillol nghiệm thấy giấy Montval, lâu ngày trổ màu vàng-vàng, có lẽ vì vải tẩy không sạch chất mặn bồ-tạt, chất muối soude, bèn cho Kessler hay, ông hầu-tước này nghe lợt tai, và phong-lưu tài-tử thay, ông sai tìm mua vải cũ đến tận các làng xa-xôi xứ Hung-gia-lợi, vì làng này dùng xà-phòng giặt-giệmt, từ đó giấy Montval để đến bao lâu vẫn giữ màu trắng, không mốc không trổ vàng-vàng, hỏi xứ mình chừng nào được vậy.

Viết đến đây, tôi nhớ lại, sách trong Nam, xuất-bản đồi ông Trương-Vĩnh-Ký, có nhiều bộ, - tỷ như "Uớc-lược truyện tích nước Nam", in năm 1887 nhà Rey et Curiol, không dám lật mạnh vì động tới là sách rơi nát theo tay, có lẽ vì dùng loại giấy còn bồ-tạt này.

Theo tôi, chơi sách trớn nên có ý-vị là mình mua kịp thời được cuốn sách lạ, vừa trả tiền xong ôm sách lên xe

buýt thì hay tin có xe cây lại hốt sách, trễ chừng vài phút là cuốn sách đi đồi nhà ma, - hỏi như vậy sách có số chặng? Vừa về tới nhà, mừng khoe với bà xã, Năm Sa-Đéc đã không chia mừng lại phê bình lảng nhách: "Thay vì mua cuốn sách làm mồi cho con cá bạc hai đuôi, lấy tiền ấy đai một chầu phở, chẳng là hai đứa đều no bụng! Hoặc bồi thêm chầu xi-nê càng thêm thú hơn nữa!"

Nay thử bàn chơi ít lời về hình-thức cuốn sách: Tôi nói đây có chẽn dừng, chớ ngày nay mỗi ngày mỗi biến khác, không theo kịp được, và giống gì nói hôm qua ngày mai đã thấy lỗi thời, chớ gần đây xin lấy hai tỷ dụ:

- anh chủ trại hè, cây gỗ trên rừng khó về, còn ván cũ, đóng hèm bán khá khum. Dùng một cái, có lịnh hốt cốt và hóa-táng, hèm mắc tiền không ai mua nữa, hèm ế, gỗ đầu sảng cộp cộp cũng chẳng thấy khách tới, chết chưa?

- anh bán thịt bò, thịt heo. Nhờ tiệm phở, tiệm hủ-túi, mọc như nấm sau đêm mưa dai, người thiếu sinh-tố, bác-sĩ khuyên xực bít-tết, thịt bò tươi càng chạy, bỗng thiếu thực-phẩm, bót người nuôi heo, người ta đồn cá dưới sông có ghẻ có mủ, ghê quá, đua nhau xoi đậu hủ, vừa chay lòng, vừa rẻ tiền, vừa ít sanh bệnh, thuế lại cao, anh bán thịt bò ngó anh bán hèm, hai đứa thấy nhau òa lên khóc, tôi anh tâm sự nói làm gì! Dẫu cho thói-bình trở lại, nghề nào phát thanh chớ nghề làm cuốn sách chắc còn chai. Sách ế-mả vì từ ngày có ra-dio và tivi, đã ít người ham đọc, sách có

cũng không cần, không có cũng vô hại. Ngày nay lại đẻ ra một phong-tục mới là mượn sách người khác đem về đọc chơi cho biết sự tích rồi trả (có khi chuyền tay người khác) đã khỏi nạn trũ sách trong nhà, lại khỏi bức mình lo sợ vì sách thuộc loại cấm.

Ngày xưa ông cha ta đọc sách chữ nôm, cuốn nào như cuốn này, gần y một kiểu, xưa nhà ít sắm tủ bè bộn, sách đều giữ kín, thâu vào hòm rương, cũng không có nhiều, nên dùng tiêu rắc lên trên, kỵ mối nhấm kỵ mọt kỵ con hai đuôi, con cháu ngày nay không đọc được chữ, thường lấy sách làm giấy cuốn thuốc ván, sách nôm càng hiếm-hoi, thiếu người đọc và ít nhà giữ còn đủ bộ.

Nước ta, ở Bắc có một thứ giấy chế bằng vỏ cây dô, giấy dó rất bền, mỗi một chè không xoi, - tôi có một bộ "Lều chõng" của Ngô-Tất-Tố, Mai-Lĩnh xuất-bản năm 1941, in trên giấy này, nay thành "cảo thơm", tiếc thay ít người biết dùng giấy dó và cứ đòi hỏi giấy Japon, Holland, Alpha, Bible, làm giàu cho nước ngoài,

Danh-từ "níp" cái rương đựng sách có nhiều ngăn dễ quay theo thầy, đó là đồ nghề của cậu ấm học-trò kiểu Kim-Trọng, kiểu bà Giác-Duyên, - ngày nay sĩ-tử-râu, đi thi ít biết trả lời: "đeo bầu quay níp rộng đường vân-du" (Kiều), và "cầm-thư một níp rủ nhau lên đường" (Phương-Hoa truyện). (Viện bảo-tàng Dân-tộc có nên bày cho hậu-sanh biết hay chưa?)

Người nhà binh bên cõi Tây dùng "cantine" đựng hành-lý và đựng sách, ông Pétain vẫn có và để

Napoléon 1^{er}, khi đánh ở Nga, vẫn đem theo nhiều cantine chứa sách, ông vừa đánh giặc vừa đọc sách, và sách của ông bỏ tại trận, ngày nay quý hơn vàng.

Nhà sách Gallimard của Pháp có xuất-bản một loại sách bìa túi 11x17cm, giấy Bible thật mỏng và thật bền, chữ in rất rõ nét và lạ thay không thấu qua bên kia trang, dành cho người du-lịch trên máy bay, đó là collection de la Pléiade, gồm toàn tác-phẩm trú-danh. Bây giờ tôi hiểu rồi, người Mỹ người Âu, dư sức sản-xuất giấy không bị mối mọt ăn, nhưng nếu sách không hư thì làm sao nhà sách làm giàu, khiến nên các nước đua nhau in một tác-phẩm có danh làm nhiều bản trên đủ mọi thứ giấy tùy theo tiền túi của người hiếu-học, và bên Tây họ quen xa-xí, loại báo lá cải và loại roman-feuilleton (tiểu-thuyết rẻ tiền), họ xem xong là vứt đi ít để dành, loại sách in trên giấy nhụt-trình ấy, dán dối-dá chớ không may bìa băng chỉ, coi rồi bỏ.

Người nước ta, trung-bình cao cỡ 1,65 mét đã là đúng tầm-thước, ngày nào có nhà có cửa, sắm tủ sách, tủ cao 1,80 mét đã là vừa, bè thâm-hậu 0,50 mét để được đôi ba lớp sách, ít chật chỗ, ngang 0,90m dẽ dẹn, để tủ khít nhau làm vách cũng xong, và cao hơn nữa (trên 2 mét) là mỏi tay, nhiều khi với trặc xương, sách dày, nặng và lớn vóc (format in-folio, in nguyên tờ thành 4 trang) nên để từng thấp chót, vì cúi xuống cũng trặc xương như với cao) (xem hình lược-đồ), một điều

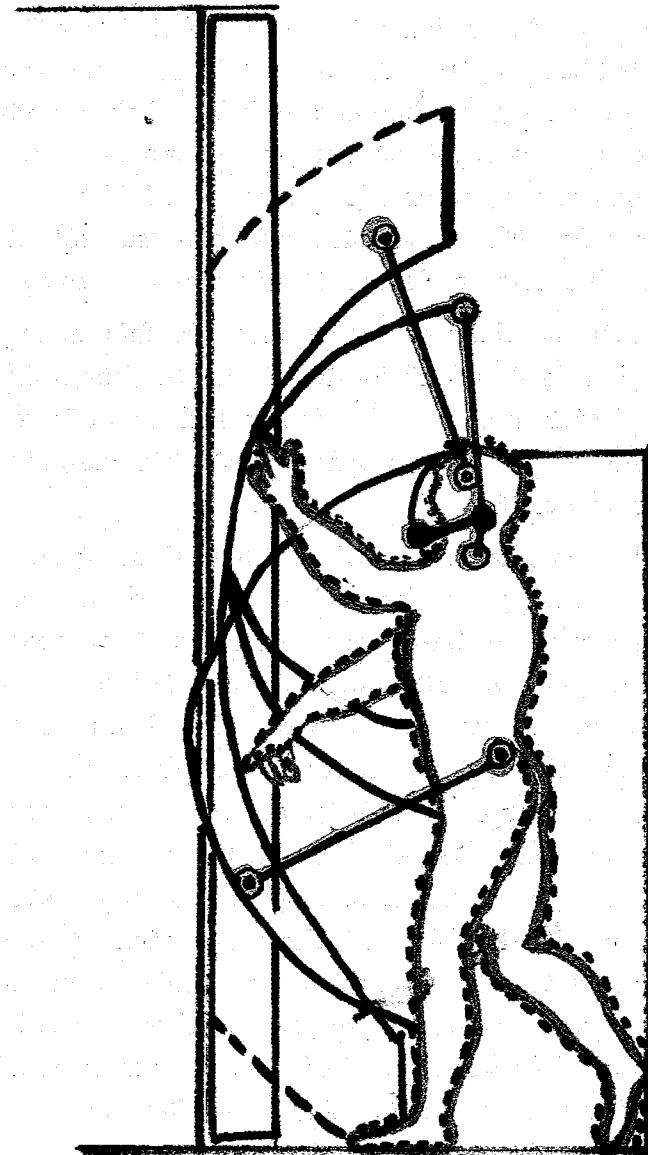
cần-thiết là không nên tiếc tiền, tủ gỗ tạp thì mối ăn, dùng gỗ thao-lao (bằng-lăng) là được rồi, vì gỗ này mối-mọt không ăn, trong lúc chưa định như nay, sắm ruong gọn hon, ngày nào thư-thái, sẽ sấm tủ cẩm-lai, tủ gỗ (gụ) là loại danh-mộc vừa bền vừa xuê-xang nhà.

Ngày nay sách Tây-phương ít người đọc được, sách giấy sang, ở đây nói cũng bằng thừa. Nào giấy Bạch-Tuyết, nào Đại-La, Trữ-La, Lụa Tây-Hồ, giấy dó thường, giấy thủy-ấn, giấy có chữ triện riêng, giấy bạch, giấy tín-chỉ, còn tim đâu ra, giấy bouffant, arche, vélén, impérial, giấy Annam (đã thành danh như vậy đổi gọi giấy Việt-Nam thì nhà chơi sách Tây chưa hiểu), những loại giấy quý ấy nay nào thấy mặt, thôi, nhắc nội mấy danh-từ ấy nghe chơi cũng xong một ngày hoài-vọng (12-6-84).

Trong buổi sách đang khó khăn, tưởng trong nhứt thời rồi cũng thôi, đất Nam này cái gì bồng-bột một lúc rồi cũng lành-mạnh như cũ, xin khuyên đừng giấu sách trong thùng-bộng, tuyệt-đối không nên dùng thùng gỗ trắng (ván thông Tây) vì loài mối hảo-thích cây trắng như ta thích kem thích kẹo ngọt. Loài mối sợ ánh-sáng và sách để nơi chỗ có nắng rọi tới thì tránh được mối đục. Tôi nay nói sơ đủ hiểu.

Xin bàn đại-lược về vài danh-từ Pháp thuộc về sách:

Edition originale là thế nào.- Đó là nguyên bản, gọi chính-bản cũng được.



Những quyển nơi bìa thấy đề “1^{ère} mille” hay “15^e mille” rất khác với “1^{ère} édition”, “3^e édition” vân vân, tôi không dài dòng, các bạn chơi sách biết rành hơn tôi. Chính tôi chơi sách đã già đời, nhưng vẫn phân-vân, một tác-phẩm hay, tỷ như “les fleurs du Mal” tôi vừa mua bản 1 (vì hiếm lạ) và cũng mua bản “sau rốt” để hầu mong biết ông Baudelaire đã thêm hay bớt câu nào.

Có nhiều tác-phẩm bán chạy, mình vừa thấy quảng cáo, đến hỏi đại-lý thì trả lời đã hết, có khi không phải nói dối, vì sách in có hạn, do các nhà sách nhỏ đặt tiền cọc đã chờ sách về bán, và phải đợi một thời-gian, sách dư ối trở về đại-lý.

Có khi nhà phát-hành quá cẩn-thận và sợ lỗ-lã, in ít hơn số dặn. Lại có nhà sách ở xa dư vốn dặn hờ 100 quyển, vẫn bán lai-rai, nếu cuốn sách được hoan-nghinh thì giá sách mỗi nơi mỗi khác đôi chút tùy lương-tâm và tùy sức tham nhà bán. Khi đi mua sách có may có rủi: may gặp người bán có thiện-tâm thì được nói tiền, gặp cá xà cá mập, họ còn thả câu nhon-đạo, để chờ kiếm giùm, đủ thời-giờ họ mài dao khúa cổ. Luật giang-hồ cá lớn cá bé, một đôi khi quyển sách đã hết bán, biết điệu tìm nhà cho mướn sách đặt tiền thế chon, lấy được cuốn sách, tuy bèo nhèo nhưng o-bế lại không mấy hồi. Trong quyển Thú chơi sách 1960, tôi đã có kể phần đông sách Xuân-lan và sách in ngoài Bắc, tôi đều rút-ria (vỏ quít dày, móng tay nhọn) và mướn đọc rồi giữ luôn của nhà Fabrinat bà Nam-Đình

vừa bán chiếu vừa cho mướn sách, sau này ông Nam-Đình nhờ in kiếm-hiệp Kim-Dung mới trở nên tỴ-phú là chuyện khác.

Nhiều nhà tập-tênh chơi sách (néo-bibliophile) tưởng rằng sách có đánh số (ouvrage numéroté) in trên giấy xinh (luxe) là thuộc loại nguyên-bản (originale), tôi xin trả lại vấn-đề lôi thoi này để cùng hiểu với nhau:

- 1) loại sách Pháp, nhứt là sách loại tiền-chiến, vẫn ít khi có đánh số cũng không hề in trên giấy đặc-biệt; cuốn nào có in “1^{ère} édition” xin cứ tin chắc chỉ có một kỳ độc-nhứt ấy, và tôi chưa gặp những bản 2^e hay 3^e édition lần nào;
- 2) vẫn có bản có đánh số hẳn hoi, nhưng chưa phải là nguyên-bản (originale);
- 3) một số sách đẹp có in hình (nhà Le Sablier, La Belle Page, nhà Mornay, v.v.) khoe sách của nhà mình là originale, nhưng không lấy gì làm đảm-bảo.

Những tác-phẩm hay, in từ trước hai trận chiến, ít lọt qua đây, những cuốn có mang chữ ký của tác-giả đều lọt về tay chơi thiện-nghệ từ lâu, chờ kiếm thất công.

Ngày nay nếu gặp sách thời tiền-chiến có đánh số (numéroté) thì xin tin đó là sách mới đe nhu vậy để bán ngon lành cho nhà chơi sách còn non tay ấn, những loại ghi tên tác-giả Tharaud là do Emile-Paul xuất-bản và nhà Plon tái-bản để thủ-lợi (tin-tức này lấy trong

quyển *Conseils aux bibliophiles* của Yvonne Périer soạn, nhà Emile Hazan, Paris phát-hành, trang 39).

Nên phân biệt: nếu sách in lại vẫn hệt bản trước, thì đó là "không chó bắt mèo thay thế"... Yvonne Périer kể nỗi trang 40 sách dẫn thương, cụ hàn Valery lợi dụng lòng thị-hiếu nhà chơi sách, đã xuất-bản tác-phẩm của mình làm nhiều lần và đánh số lung-tung, sau đó nhà báo Crapouillot khui ra, làm nhà xuất-bản dẹp tiệm, đáng đời.

Nếu cuốn sách in lại, nhưng có thêm nhiều trang đặc-biệt hoặc bổ-túc cách khác, thì nhà chơi sách ham sưu-tập sách lạ, vẫn phải chịu mất tiền một phen nữa, và một đôi khi, quyển sách in lần sau lại được ưa chuộng hơn quyển in lần đầu, vì bản kỲ nhứt chỉ là sơ-bản hoặc vụng-về hoặc thiếu sót. Tỷ dụ quyển "Les chants de Maldoror", in từ năm 1874 lại giá không cao bằng bản in năm 1926 do nhà Elpenor in lại vì bản sau, tác-giả Giraudoux nhìn nhận đó là bản thiêt-tho (*édition définitive*).

Tôi đã nói trong tập trước: mình đi mướn sách rồi giữ sách luôn, như vậy có phải không lương-thiện và chọt sách chăng. Không đâu, tôi xin thưa, vì mình đã ký quỹ rồi. Nay hỏi: "đối với nhà xuất-bản in lại sách thời tiền-chiến, chọn giấy đẹp hơn, và in thêm nhiều tranh-ảnh vui mắt, như vậy có thiếu lương-tâm chăng? Về tình-trạng này, nên phân biệt có hai ca:

1) nếu nhà xuất-bản cẩn-thận đã ghi câu: "L'édition

originale de cet ouvrage comprend..." (nguyên bản gồm... trang", ca này, nhà xuất-bản có lỗi.

2) nhược bằng câu ấy đổi lại, viết: "Il a été tiré de cet ouvrage..." (sách này, trước in làm... bản), trong ca này, nhà xuất-bản không có lỗi. Theo tôi đó là oái-oăm của các cha cầu kỳ chơi sách bên Pháp, mình không hơi đâu mà theo. Tôi nói thật, đối với tôi, những nguyên bản, chính bản (originale), bản in lần đầu, chứng-bản, bản quyền (copyright), bản di-trước (posthume), bản thủ-tả (manuscrit), thủ bản (manuscrit), tôi đều luộc sạp, ăn hết, mua hết, miễn xin đừng ai lấy của tôi và để cho tôi chơi mãn đời, vì miễn tôi mua được sách, cuốn đầu, cuốn chính, tôi đều cho là hay, cuốn này bổ-túc cuốn kia, tỷ dụ như quyển "Vang bóng một thời" của Nguyễn-Tuân, biết xuất-bản đã bao nhiêu lần, duy tôi biết bản Tân Dân Hà-nội in năm 1940 là quý nhất vì có các câu mà sau này bị đục bỏ trong bản khác, trái lại bản Thời Đại Hà-nội, năm 1943 in trên giấy dó, lại quý cách khác, và bản Cảo Thom in năm 1962 ở Sài-gòn do anh Nguyễn-văn-Long xuất vốn và in theo bản Tân-Dân của tôi cho mượn, in trên giấy luxe, tôi cũng cho là quý một cách khác, nhưng ngày nay, sách này nói về bóng nhoáng thời xưa, - còn cho giữ hay a-lê hốt hết cho tao, - thì cũng tùy và làm sao tôi dám nói, và cũng chẳng làm sao dám biết.

Xét ra mình ở xứ nghèo, cầu có tác-phẩm hay để đọc, không nên kén chọn nguyên-bản thật hay nguyên-

bản “mạo”, cái hại nhứt là tốn tiền mà gấp đồ mạo-tể đó thôi.

Lại có một tình-trạng thứ 3 là tác-phẩm đã không còn trên thị-trường mà nhà chơi sách cứ theo hối mãi, thì nhà in cho tái-bản trên giấy tốt như ý muôn, và đó là do sự ưng-thuận của cả đôi bên, người bán như người dặn, kèo-nài nỗi gì? Chỉ tội nghiệp cho những nhà đến trễ, làm vào tình-trạng Sơn-tinh, Thủy-tinh, tóm lại:

- nếu in lủng xác là lợi-dụng lòng thi-dục của nhà chơi sách;

- nếu số in có hạn, bán giá phải chăng, thì nên ngả nón chào nhà xuất-bản.

Còn gì quí-hóa bằng khi mình vẫn muôn được tiếng là nhà chơi sách, nhưng túi tiền có chừng, cuốn sách thèm muôn lại giá quá cao với không tới, ấy mà nhờ hay vì thời cuộc có người bỏ chạy, anh ở chợ trời không biết giá-trị, bán như cho, thì cũng đừng nói lớn kêu họ biết khôn, kỳ sau mình không gặp dịp may như vậy nữa.

Còn bây giờ xin hỏi: originale collective (nguyên bản đồn-lại) là gì? Xin đáp: đó là nhiều tập nhỏ, gom lại đóng chung làm một cuốn, để cho người đến trễ an ủi.

Một tỷ dụ: quyển “Le Cabaret de la belle femme” của Dorgelès, có đến bốn bản:

1) bản của Edition Française Illustrée, do Joseph Hémard trình bày, đó là bản chính;

2) bản in lại của nhà Albin Michel, bán có 3fr75 mỗi cuốn;

3) bản có hình của hiệu à la banderolle, do Dunoyer de Segonzac phụ-họa, có giá-trị;

4) một bản thiệt-thợ và khó kiếm do nhà Albin Michel tái bản, bán 12 fr, dày gấp đôi bản kể trên và có in thêm nhiều chuyện hay trích les Croix de bois, của cùng một tác-giả Dorgelès, bản này không đánh số, và chỉ in cho người dặn sách trước.

Như vậy tùy noi vầy may khi gấp. Riêng tôi, tôi mua đủ bốn, không phải ý có tiền, duy tôi vừa mua sách mà cũng vừa là sâm-sách và mê sách. Đến nay giựt mình, còn còn hết hết biết sao?

Đến đây, hỏi nhỏ: “Thế nào mới đúng là bibliophile, nhà chơi sách đúng 72 phần dầu, như quảng-cáo của lão Trương-văn-Bền khi còn bán xà-bong nhại của Marseille?

Xin thưa: kén cá chọn canh là quyền của mọi người, tôi xen vô làm chi. Muốn rõ, đọc tiếp thêm thì rõ. (viết đến đây, 13-6-84). (và nên xem lại quyển trước đã giải nghĩa rồi).

*
* *
*

Từ sau ngày 30-4-75, trữ sách trong nhà, không khác “nuôi ong tay áo” (nuôi tay áo, đụng tới, ong chích

kêu trời). Cũng chẳng khác nuôi khỉ trong nhà, khỉ có tài bắt chước, thấy chủ nhà quẹt diêm đốt thuốc, chủ đi vắng, khỉ quẹt diêm cháy nhà. Sách là vật vô tri, hóa ra vật hữu hình. Ghét sách giận lây đến người chưa-chấp. Khi thì cung như vàng như ngọc, sách bọc bìa da còn chưa vừa lòng, ai nài cũng không khứng nhường lại. Bỗng thịnh không có lệnh xe cây đang hốt sách của người khác, sợ va lây gởi sách cho người có thế-lực, sách mất luôn sạch tủ, người ta để mình yên mà sợ bậy, khi biết thì sách đã thay chủ, trẽ rồi.

Ngày nay ra công học cho biết nhiều, viết sách kể những ngón gian-xảo cũ, mánh-lới của họa-sư, danh-công cũng gian-manh như nay không khác, khôn đâu chưa thấy, chỉ giúp giáo cho giặc, giặc đây là con buôn đồ cổ và sách cũ ở chợ trời, chúng ăn học không nhiều nhưng ngón gian đã săn, và giỏi tài đánh hơi, tùy thị hiếu người ham, chúng bán giá đến ông thiên cũng lắc đầu, chúng nào có đọc Fénelon, nhưng vẫn biết quyển Télémaque là bán được tiền, bèn giấu sách và treo giá mốc. Thấy tôi ham bộ Đô-thành hiếu-cổ (bulletin des amis du vieux Hué), chúng thấy tôi hỏi nhiều lần thì làm cao chịu không nổi, hoặc lòn cho người khác bán, hoặc để riêng chờ mình, siết cổ cắt họng mà còn nói câu nhơn-đạo.

Trữ là chứa, giấu, viết với dấu hỏi hay dấu ngã đây? Theo anh Lê-Ngọc-Trụ trong bộ Chánh-tả tự-vị: lưu-trữ, oa-trữ (dấu hỏi rõ ràng), nhưng bấy lâu viết

với dấu ngã đã quen, vậy mình cũng ngã luôn cho vui cả làng và được xuôi việc. Trữ: chờ, đợi, đúng lâu: trữ hậu, trữ lập.

Trữ sách ngày trước là một thú vui, khi mình có mà người ta không có thì thấy vui vui. Khi có dư được một hai cuốn, lấy đó mà biếu tặng anh em, lại thấy quý hơn vàng bạc. Từ sau 30-4-75, trữ sách bỗng thành mối họa, lớn hay nhỏ, tùy thương hay ghét. Cũng một cuốn sách khi bắt, gặp lúc thương thì tịch-thu trọn và tha người giữ sách, mất của mà không khổ thân, khi khác gặp lúc ghét, lại tùy cuốn sách kể là dơ hay sạch. Mà cơ khổ, trong một cơ-thể con người đây, vẫn có chỗ chứa chất không thơm và có ống bài-tiết để đưa những chất ấy ra ngoài, nếu cứ thẳng thùng cắt bỏ những bộ phận không sạch ấy đi, thì con người làm sao sống? Tự-vi, tự-diễn, tư-dụng, ngoài những chữ đẹp, xin, phải có chữ xấu mới đầy đủ và đúng như thiên-chức của cuốn sách dạy đời. Tôi lúc nhỏ, chưa biết gì, hễ được tiền, mua dictionnaire, vẫn lật tìm những chữ tục xem trước. Không có cu, dài, tôi chê chưa đủ, ngày nay không lẽ đốt tự-vị à? Viện Pasteur, chúa vi-trùng cả ống nầy qua ống kia, có vậy mới tìm ra gốc bệnh mà cho thuốc.

Ngày xưa bên Pháp có ông Louis Barthou là nhà chơi sách nức tiếng, ông vì làm chánh-trị, nên bị ám-sát, để lại một tủ sách quý giá vô cùng. Khi phát mãi, khách chơi sách từ bốn phương đua nhau về Paris giành giựt và tranh nhau từ cuốn một. Cuộc bán đấu giá ấy xảy

ra năm 1936, tôi ở Sốc-trăng, không mua được sách mà nài được cuốn sách mẫu rao hàng cũng đủ an-ủi và biết được tủ sách Barthou chứa những gì.

Có số phần với sách.- Tôi xin thuật lại đây vài vầy may của tôi đối với sách.

1) Ngày 3-3-1976, tôi ra chơi nơi chợ trời bán sách, tôi gặp một cuốn Pháp-văn đóng bìa lại mới, cất xén sạch-sẽ, nhưng thiếu mất tờ nhan, duy vô trang đầu, thấy ghi tựa bài là "la prise de Khi-hoa", tôi lưỡng ước không định mua, vì không giá-trị cuốn sách. Nhưng như có cô-hồn độ, anh bán sách, nhớ là anh Liêu, nài-ép mãi, một hai biểu tôi mua, vì giá bán chỉ Hai đồng. Hai đồng tức 1.000 tiền cũ, lúc đó, vừa đổi tiền, tôi dụ-dụ nửa tiếc tiền nửa ngại mua sách bá-láp, nhưng rốt cuộc, tôi xia 2 đồng, lấy sách về nhà, tra cứu lại rồi sẽ hay mình xuất hai đồng ban nay là phí-phạm đồng-tiền "mồ-hôi xót mắt", nay vô nghè-nghiệp, không dễ gì kiếm, hay là mình dùng nó vào một việc hữu-ích. Đến đây tôi xin mở một dấu ngoặc, có đôi lời luận về người bán sách chợ trời và mấy người chơi sách. Về người chơi sách, tôi không dám nói biết hết bụng người, nên không dám nói nhiều. Phàm một số người chưa chạy mà bất-đắc-dĩ phải ở lại chở không gan góc hay thương mến quê-hương nhà cửa gì, thì chơi sách, đổi với họ là gượng-gạo, thả rong chợ trời, gấp phải và ngộ và rẻ thì mua, không thì thôi, chở không tha-thiết. Tôi hiểu mấy người kia như vậy, rồi tôi khai thiêt phần tôi. Đối với tôi, tôi

không bao giờ có ý-định tẩu ra ngoại-quốc. Tôi đã từng nếm cảnh sống vài tháng ở Tây-phương, tôi sợ lạnh và sợ cái nhon-tinh lãnh-noãn gần như "vô nhon-tinh" của người phương Tây lắm. Nói cho cùng, chở tôi qua bên ấy, tôi cũng lội sông lội biển thà chết, trở về đây, vì chỉ có Miền Nam, ở trần được, mặc quần cụt được, và không đến đói chết đói chết lạnh, lỡ đường khao-khát cũng có một tô nước mua tế-độ, sinh-sống vẫn rẻ hơn bên ấy nhiều, thì tội gì mà phải xa lìa xứ-sở v.v. Một cái đam-mê không muốn nói ra, là tôi ham sách, nay nhiều nhon-vật tài-tử, bỏ sách ra đi thì đối với mình là một cơ-hội tốt để thả mồi câu cá. Duy lợi hại nhứt là mấy con cá ấy, - tôi muốn nói sách của mấy ông kia bỏ lại, vẫn ở trong tay bọn con buôn chợ trời. Chỉ có họ là mau biết nhà nào ra đi, và nhà ấy có những vật gì đáng làm ra tiền. Họ mua hốt mó với bô-bếp của Tây, hoặc họ kỳ-kèo mua rẻ với mấy nhà trữ sách, ông đốc-tờ, cụ cựu bộ-trưởng hay chánh-văn-phòng. Họ giỏi hơn bọn chèc ve chai, vì chèc mua sách là mua giấy vụn; đổi với họ, người Việt bán sách cũ, họ cao hơn một bậc, nhưng trời kia có mắt, khiến họ "biết đánh hơi" mà chưa có học-vấn uyên-thâm. Họ mua sách về, bàn-bạc với nhau, "cuốn này có nhiều người hỏi, kiếm", "cuốn này, vẫn có ông ấy dặn hẽ gấp là đem lại ông", vân vân, họ rõ tâm-lý người mua. Tây đang kiếm sách chỉ-nam (guide), tại Đức đọc được chữ Pháp đang tìm cuốn địa-tác-giả là Teston et Percheron, mấy thằng mới

thì ít tiền, rồi họ tùy theo đó mà định giá cuốn sách bán ra. Thỉnh-thoảng họ gấp sách quá tệ, rách nhừ hay mối gặm, họ nhờ đồng bọn đóng bìa và cất-xén o-bé lại cho dễ coi, và khoảng 1975 cho đến 1980, sách thừa-thãi, họ bán giá rẻ mạt rẽ-rẽ, rồi sách hút, hiếm có lẩn, họ bắt đầu leo thang, tỷ dụ sách của tôi viết, bộ Hiếu-cổ đặc-san, 6 cuốn, năm 1979, chợ trời bán 15\$ mỗi cuốn, không thấy ai hỏi, năm nay, họ góp lại đủ sáu cuốn họ ra giá 1.200\$ cũng có người mua, tôi tiếc hùi hụi, chớ chi mình có đỡ khổ biết mấy, và mỗi cuốn như số 1 (Phong-lưu cũ mới, có đá gà), số 2 (Thú xem truyện Tàu, có chuyện con ngựa biết đường của ông Tam-Tạng), cuốn số 4 (Khảo về đồ sứ cổ Trung-hoa), tôi là “thợ rèn không còn dao ăn trầu” còn họ là “trung-gian, ư trung thủ lợi”, họ bán 200\$ mỗi cuốn, vẫn chạy vo vo... Nay giờ tôi đã quá đông dài, trở lại cuốn sách mua của anh Liễu:

Cuốn sách, khổ giấy 11x17cm, 222 trang giấy cứng, đóng bìa cẩn-thận xinh-xinh, nơi đâu cuốn sách có chừa năm trang giấy trắng, thiệt là đúng điệu, ông nào đây tinh-vi quá, đã biết sách thiếu nhan và thiếu bài tựa, nên để sẵn giấy cho người chủ bổ-túc sau này, tôi cầm cuốn sách vừa nghĩ nội cái bìa cũng đủ hai đồng bạc, nhưng vài ngày sau, tôi tìm ra nhan sách, tôi mừng còn hơn ai cho tôi một ngàn đồng bạc. Rõ là trời đã cho tôi một viên ngọc quý giá, vì trong tập BSEI (*Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises*) tập số XV của năm 1940, nơi trang

163 có ghi rõ ràng: “H. Le Verdier et H. Maubryan. – Scènes de la vie annamite. – Khi-hoa (Recueil de nouvelles: le meutre du Capitaine Barbé, la surprise de Rach-gia, etc.) Paris 1884 (exemplaire appartenant à la Bibliothèque Centrale de Ha-noi (prêt)”. Lật cuốn sách ra sau, nơi trang chót, trang 223, có ghi mục-lục:

- Prise de Khi-hoa: 1 (trận đánh chiếm thành Chí-Hòa)
- Thy Ba Đô: 37 (sự-tích Thị Ba Đô (liệt-nữ chống Pháp))
- Le révérend père Tubapétun: 83 (cố-đạo Tubapétun)
- Au Mess: 115 (chuyện nơi phòng ăn trại lính)
- L'opium: 135 (chuyện hút á-phện)
- Une brimade: 149 (ma cũ ăn hiếp ma mới)
- Le dernier Annamite: 177 (chuyện quan lớn Phan-Thanh, người Việt sau rốt)

Cha mẹ ôi, mỗi bài đối với tôi là một thỏi vàng, bảy bài là bảy thỏi, thế mà Liễu bán có hai đồng, xin cảm ơn Liễu vậy! Đốt đuốc mà kiếm cũng không có cuốn thứ hai, vì rõ ràng trong sách SBEI, ghi “sách mượn của Thư-viện Trung-ương Hà-nội” đủ biết các thư-viện ở Nam không có, vì trung bày nhơn triển-lãm sự-tích ông cố-đạo học-giả Luro nêu hội Án-Hoa phải mượn từ Hà-nội về, sách hiếm và quý biết mấy.

Không phải nói để khoe tài, nhưng phải biết đó biết đây, có cái gì gọi “bác lâm” mới biết trong sách nào để tra cứu tìm ra cẩn-nguyên cuốn 2 đồng này chứ?

Và tôi nói “của Trời cho” là vì quả may thời mà gặp, chớ trước tôi nào định mua.

2) Nhưng “vầy may” nào phải nội có một dịp đó! Trước đây, tôi vẫn thơ-thẩn gần như mỗi ngày noi khu chợ trời sách, vì lúc đó xe buýt chưa chật nứt như nêm, chưa có nạn điếm móc túi trên xe, và còn gì hơn mỗi sáng xuống Sài-gòn điếm-tâm tò bún-bung của bà Bắc nơi vỉa hè (nay đã dọn về phố Thủ-khoa-Huân), ních một bụng no lòng rồi xách gậy bước qua nhìn các em bán sách. Mai nay đã theo chồng ở cải-tạo về (bay giờ bay qua Pháp), Oanh, vẫn còn đây, nhưng đâu dám tin lòng; bỗng ngày 12-10-1981, tôi ghé quán hàng của Lãng (giỏi mua được tủ sách giáo-sư bác-sĩ Trần-Ngọc-Ninh), và cũng là quán bán chung của Hoàng, đã quen nhau từ trước nơi báo-quán “Bách-khoa thời-đại” của hai anh Hoàng-Minh-Tuynh (đã từ trần) và Lê-Ngô-Châu, nơi đây tôi gặp và mua, giá 20 đồng (sách đã leo thang), một cuốn, nhan là “Les cinquante-deux serviteurs de Dieu Français, Annamites, Chinois, mis à mort pour la foi en Extrême-Orient de 1815 à 1856, dont la cause de béatification a été introduite en 1840, 1843, 1867, - Biographies par Adrien Launay, de la Société des Missions étrangères”, Paris, Téqui, libraire-éditeur, 1893.

Tựa sách đã dài, đọc sơ cũng hiểu nói về các vụ bắt-đạo và tử-đạo đời Đàng Cựu Thiệu-Trị, Tự-Đức, và lại khi lật bên trong cuốn sách, tôi gặp một con dấu tròn, đề: “Sacerdos Cochinchine Occidental, Cau Kho, P. NHI”, thấy mấy chữ này, tôi lật đật xia 20 đồng, ôm sách ra về một nước.

Như nhan đã kể, sách này thật quý, vì ghi lại các đoạn sử từ đời xưa chưa từng đọc, thêm có con dấu triện của Cha Nhi, tôi vốn quen biết từ thuở mua được bộ “Thông-loại khóa-trình” (Miscellanées) của ông Trương-Vĩnh-Ký. Nơi tập số 10, tháng 2 năm 1889, trang 16 có chép một bài bát cú như sau:

“Bắc Nam xưa cũng một son-hà,
“Cương giải sau nầy mới cắt ra;
“Một nước một phương cùng một hội,
“Đồng thì đồng tuổi lại đồng khoa;
“Một năm thu chẵn sum vầy chắc,
“Bốn chín năm dư biệt cách xa;
“Những tưởng trọn đời không tái ngộ,
“Mảng nay ngư thủy lại đồng gia.

(Thơ linh-mục Lê-Minh-Triết ở Bình-Định
cho linh-mục Nguyễn-Biểu-Đoan ở trong Nam kỳ)

Qua số 11 tháng 3 của Miscellanées, cũng gọi “Sự-loại thông-khảo”, có hai bài này:

Linh-mục Lê-Minh-Triết kiêng linh-mục Nguyễn-Đức-Nhi ở họ Cầu-Kho:

"Cách sông lỡ bùa dạ chi lo,
"Qua lại có cầu thiếu có kho;
"Thủy-bộ kìa ai ưng tẩn thối,
"Xe thuyền mặc kẻ muốn ra vô;
"Cỏ hoa tươi tốt đường tiên cảnh,
"Địa-cuộc đàng-hoàng tợ đế-đô;
"Ngôi thánh ngôi vua đành có thuở,
"Gãm câu hữu xạ át thơm-tho.

Hòa vận lại:

Biệt sở tha hương chí nõ lo,
Vì chúa on đầy phước thiêng kho;
Mặc tình ong bướm lòng rửa vây,
Nhấm mắt làm thinh tiếng hư vô;
Gia-dình tan-tác miền cổ-lý,
Chép sách dạy người dấn thiên-đô;
Vị dưới vị trên đà ý rõ,
Chắc trang quân-tử chí thơm-tho.

Bài thơ dưới không đề, nhưng định chắc là của cha Nhi, và ông này là cha họ ở Cầu-Kho, sống đồng-thời với Trương-Vĩnh-Ký.

Tôi nhờ có trước bộ nhựt-trình của ông Ký, sách gối đầu nằm, mỗi ngày mỗi đọc, biết được chút ít văn-chương cũng nhờ đọc sách ông, nay có linh lấy cốt hốt xác đốt thành tro, hằng vái van tượng đồng bị hạ bệ cũng chưa sao, miễn ông được nằm yên không bị dời không bị đuổi, kể cũng tạm xong đi, nay gấp cuốn sách này, quả là hạnh-ngộ.

Sách khổ 13x30cm, 350 trang, mỗi mọt găm đã nhiều, kể chuyện tử-đạo, nhưng hiếm có nhứt là hình các hình-phật khi xưa, gông cùm, chém đầu, thấy mà đủ ghê-sợ.

Tôi không nhắc lại đây làm chi các sách mua không mắc lăm, mà chưa chắc gì gởi thơ qua Pháp mua còn được, tỷ như những sách nói về mấy năm đầu khi Tây qua đánh chiếm nước ta. Thấy cuốn sách của cha Nhi, vẫn lạc-loài đến Chợ Trời, nghĩ mà đau-thương cho nhà thờ nhà thánh, cuốn sách Hoàng bán cho tôi 20\$, ắt mua chưa tới mươi, mươi-lăm đồng, ai lấy tủ sách Thánh-đường bán đây, cha Nhi đã mất từ lâu, nhưng các cha kế tiếp nay đã đi đâu để cho sách không có chum mà chạy lạc?

Những sách gấp và mua:

- les premières années de la Cochinchine par Paulin Vial, mua 2-10-1978, 20 đồng,

- nos premières années au Tonkin par Paulin Vial, mua 21-XI-1980, 60 đồng; hai cuốn này, cộng 80 đồng, chưa dám dãi bạn một chầu phở, thử nay đốt đuốc tốn bạc ngàn cũng chưa chắc gấp, (tôi nay chỉ ước ao gấp quyển "L'Annam du 5 juillet 1885 au 4 avril 1886, par le général X..., Paris, 1901" mà mãi tìm chưa thấy, vì tướng X... đây là général Prudhomme, từng cầm binh nhập đế-đô thuở ấy, và mất vàng mất bạc, luôn mất châu-ngọc bao nhiêu của nhà Nguyễn, ông này biết rõ hơn ai, vì là chánh-phạm.

Không kể những sách như vậy, không chủ bỏ đi, mình làm gì có, vả lại, muốn vào thư-viện của nhà nước, chắc gì lục ra các sách này để tra cứu, và mua được tôi cho là phải có vầy may...

3) Nhưng chuyện mua cuốn Parallèlement kể dưới đây mới thật là kỳ-thú vô song:

a) Ngày 16-7-1974, tôi theo thói quen xách gậy đi lang-thang khu chợ trời lúc ấy còn đóng đô ở xóm Trường-tiền đường Công-lý. Anh Liễu, cũng thi anh Liễu, kéo tay tôi lại đưa cho xem một cuốn thật to vóc, in-folio, nhan viết ngoài bìa chữ thật sắc-sảo PARALLÈLEMENT, tôi lật-lật xem, sách có in hình, toàn những bàn-tay sờ-mó, vài hình đùi-ech ngắn ngang xà-neo, còn thơ của Verlaine, in chữ khoan-thai nhưng không được toàn-bích, vì sách mất vài trang. Tôi trả sách lại anh Liễu, chê thiếu, không đủ trang, tôi không mua. Anh Liễu thấy “câu” tôi mà cá không ăn câu, anh Liễu rụng-rời, ngã giá 300 bạc đài ông Thiệu, tính theo bạc nay, chưa đủ một đồng đúng ra chỉ sáu hào, nói theo Nam là sáu cắc bạc. Đem sách về, để dẹp đó, chưa cần biết.

b) Ngày 10-01-1979, anh Hoàng bán cho tôi một cuốn đóng bìa săn, giá 10 đồng, nhan là "Souvenirs d'un Marchand de Tableaux", do nhà Albin Michel xuất-bản năm 1959, tác-giả là Ambroise Vollard, người xứ Bòn-Bon (îles Bourbon, cù-lao Réunion) lên Paris lập nghiệp, mở

ra nhà bán tranh, nức tiếng lão-luyện trong nghề, thêm có tài viết văn minh đọc rùng mình mê-mẩn, duyên-dáng vô song, muốn bắt chuốc mà làm sao theo kịp.

Mua cuốn Vollard về, đọc sơ biết ông là người cho ra đời tập Parallèlement, lòng thấy yêu-yêu cuốn sách mua khi trước sáu cắc, nhưng cũng chưa biết quí ở chỗ nào.

c) Ngày 10-X-1980, tôi thả lại đường Cá Hấp (Bùi-Quang-Chiêu) tức khu chợ trời sách, bỗng gặp Phạm-văn-Sa, con ông bác-sĩ Ngõi Sa-Đéc, Sa kéo tôi vô nhà, biếu tôi một cuốn báo Crapouillot xuất-bản năm 1951, đem về nhà đọc, bỗng giựt mình vì trong báo này có đăng một quảng-cáo tìm mua quyển Parallèlement in năm 1902 với giá 210 milles francs.

d) Đến đây vẫn chưa hết kể-lể và phải đợi ngày 28-XII-1981, Hoàng, cũng thi Hoàng, Hoàng Bách-Khoa, bán cho tôi quyển oeuvres complètes de Verlaine (texte établi et annoté par Y.- G. Le Dantec, - édition révisée, complétée et présentée par Jacques Borel, collection "Bibliothèque de la Pléiade" NRF, giấy Bible khổ 10x17cm, bìa mềm mát tay, 1493 trang, bề dày cuốn sách 3 phân ruồi, Hoàng bán chỉ có 50 đồng.

Nay tôi đã có đủ trong tay bốn cuốn, - cuốn này bổ túc cuốn kia, thơ Verlaine biết trọn, giá sách có lời rao tìm mua 210.000 francs (năm 1951 với 2.000fr đủ làm sở-phí ăn học tại Pháp trong mười-hai tháng, lời Trần-Quang-Diệu nói với tôi), bây giờ tôi mới kể có vỹ có vạc câu chuyện tập sách mua 300 bạc cũ này.

Tôi lấy cuốn của Ambroise Vollard ra xem kỹ lại, chuyện tập Parallèlement, theo tôi hiểu, thật là ly-kỳ và hiếm có. Tôi xin chép nguyên-văn bản Pháp cho người sành chữ Tây thường-thức trước, rồi tôi sẽ dịch lại cho người kém chữ Pháp:

Trong 368 bản năm 1959 thuật lại chuyện Vollard vừa in quyển Parallèlement, lại vừa in quyển Imitation de Jésus-Christ (ký-kiểu chúa Da-Tô) đồng một cõi giấy in-folio 25x32cm, câu chuyện đầu đuôi như vầy:

"En 1903, je fis une édition de l'Imitation de Jésus-Christ" illustrée par Maurice Denis. Sur un vieux japon – devenu depuis introuvable – avaient été tirés cinq exemplaires dont je réservais le numéro 1 pour être offert en hommage à Sa Sainteté le pape Léon XIII. En même temps que cet exemplaire, j'avais remis au brocheur un Parallèlement de Verlaine que j'avais publié quelque temps auparavant. Or, par une inadvertance où l'on serait tenté de voir une machination diabolique, un cahier du Parallèlement glissa dans l'Imitation destinée au Souverain Pontife, et vice versa.

Le lendemain de la livraison du Parallèlement, je vis arriver mon acquéreur avec son exemplaire dépareillé. Comme je voulais remettre les choses en l'état: - Ma foi, dit-il, c'est trop drôle... Je garde mon exemplaire tel quel.

Or, les autres "japons" de l'Imitation étaient tous distribués; je n'eus donc pas le moyen de remplacer le cahier absent. Il ne me restait plus qu'à attendre que

mon bibliophile revint à un sentiment moins fantaisiste. Cela arriva, mais après plus de trente ans. Voulant alors se défaire de son Parallèlement, il s'entendis objecter que dans l'état où il était, son livre avait perdu de sa valeur. C'est donc lui qui vint me prier de consentir à l'échange que je lui avais autrefois vainement proposé.

L'exemplaire maintenant reconstitué, il ne me restait plus qu'à aller en faire hommage au successeur de Léon XIII qui, de sa longue gestion d'une bibliothèque illustre et d'un commerce quotidien avec les livres, en a conservé et le culte et le goût.

Une fois à Rome et en l'absence de l'ambassadeur, M. Charles-Roux, je trouvai le meilleur accueil auprès de M. le Conseiller d'ambassade Jacques Truelle. Celui-ci demanda pour moi au Vatican une audience que Sa Sainteté voulut bien accorder.

En arrivant à Castelgandolfo, où le Pape séjournait à ce moment, je fus introduit dans une vaste salle commune où un "monsignore" vint me recevoir.

- Vous avez le livre? ... me demanda-t-il.

Puis il me fit entrer dans une autre salle où vint me chercher un second "mon signor" qui m'introduisit finalement dans une petite pièce aux murs nus, sans aucun siège. Pour tout ameublement, dans un coin, un petit bureau. L'Imitation était dans un étui qu'il m'invita à enlever.

- Maraviglioso! s'écria-t-il en voyant la reliure.

Je reconnu à ce mot la courtoisie romaine, car la reliure était de la plus grande simplicité.

- Lorsque Sa Sainteté sera annoncée, me dit le prélat, vous vous mettrez à genoux et vous tendrez l'ouvrage au Saint-Père.

Debout dans l'embrasure de la porte qui faisait communiquer la pièce où je me trouvais avec les salles que j'avais traversées en venant, se tenait un superbe officier, les yeux fixés sur une porte fermée. Tout à coup, il commanda:

- A genoux!

J'avais eu à peine le temps d'obéir que le Pape était devant moi. Ce vieillard de taille moyenne, dans son vêtement blanc, au milieu de cette médiocre pièce nue, me parut plus imposant encore que je ne me l'étais représenté dans toute la magnificence pontificale.

Sa Sainteté m'invita paternellement à me relever, ce que je ne pus faire qu'aidé du "monsieur" qui m'avait introduit, car j'étais gêné par le livre que je continuais à tenir en mains et, dans mon embarras, je ne vis pas l'anneau que le Souverain Pontife tend aux pèlerins.

Quand je fus debout, le Saint-Père prit le livre et l'ayant ouvert:

- Nous sommes très sensible à votre présent; nous connaissons déjà cet ouvrage sous une forme, il est vrai,

moins somptueuse. Mais comment, ajouta-t-il, ce magnifique exemplaire est-il parvenu entre vos mains?

- Mais, Saint-Père, j'en suis l'éditeur, lui dis-je.

Comme les yeux de Sa sainteté s'étaient portés sur le millésime du livre:

- Trente-quatre ans! fit-il, se remémorant peut-être l'époque lointaine où il n'avait pas la lourde charge de Chef de l'Eglise.

Je m'enhardis à demander au Saint-Père la faveur, lorsque j'éditerais un ouvrage qui me semblerait digne de la Bibliothèque Vaticane, de lui en faire l'hommage.

- Nous sommes toujours sensible aux beaux livres... et aux bons livres, ajouta-t-il. Je me considère toujours un peu comme le bibliothécaire de l'Ambrosienne... Maintenant, je vais vous donner ma bénédiction.

J'exprimai au Saint-Père la joie que j'aurais d'avoir sa photographie signée de lui.

- Vous vous adresserez, pour cela, au Maître de Chambre.

Puis ce vieillard de quatre-vingts ans passés et que je voyais droit et ferme, pendant que les journaux de Paris annonçaient qu'il était gravement malade, porta ses pas dans la salle suivante où il bénit une dizaine d'ecclésiastiques rangés à genoux le long du mur, puis dans d'autres salles où une véritable foule de gens appartenant aux milieux les plus divers, des ouvriers, des

bourgeois, des jeunes mariés... attendaient sa bénédiction. Le Maître de Chambre qui accompagnait le Souverain Pontife revint vers moi après que le Pape se fut retiré dans ses appartements:

- Je viens de laisser le Saint-Père, me dit-il, avec, entre les mains, le livre que vous avez apporté... Maraviglioso!

Et ce fut à mon tour de m'écrier: Maraviglioso! quand me fut remise la photographie du Saint-Père où, au-dessous de sa signature, Sa Sainteté avait ajouté ces mots: De tout coeur. (chép đến đây ngày 14-VI-1984)

Dịch ngay trên máy, không giấy giáp.-

Năm 1903, tôi có xuất bản một cảo-thơm nhan là "Imitation de Jésus Christ" (Mô-phỏng theo đức chúa Giê-su) có hình và tranh đẹp do ông Maurice Denis vẽ-vời. Tôi dùng giấy tốt gọi "vieux Japon" (Cổ-Nhật), thứ này nay tìm không đâu có nữa, - tôi cho in riêng năm bản thật xinh, và bản số 1, tôi định dành riêng để dâng, kính dâng lên đức Giáo-hoàng Léon Thập-tam. Cùng một lúc, tôi giao cho thợ đóng sách, một cuốn khác, xuất-bản trước đó không lâu, nhan là "Parallèlelement". "Ma dắt lối, quỉ đưa đường" hay sao ai nào biết rõ, lão thợ nhè đóng lộn xấp này qua cuốn kia, và một cai-dê (cahier) Parallèlelement lọt tuốt qua Imitation, thật báo đòi! Và nhè lọt qua cuốn dành riêng cho Giáo-hoàng, mới báo.

Sách vừa giao và phân-phát tới tay các nhà thân-chủ cuốn Parallèlelement, qua hôm sau, bỗng có một bợm đến phàn-nàn sách đóng lộn một xấp, tôi phân-trần hon thiệt, lão ta lấy sách về, vụt nói: - Như vậy, chuyện cũng khá ly-kỳ, sách tôi, tôi giữ.

Những bản japon quyền Nhại Giê-su, tôi đã phân-phát không còn bản nào, nay biết làm sao đây? Chỉ còn một nước chờ anh chơi sách biết điều, mà việc "tỏ ra biết điều ấy", phải đợi tam thập niên hậu, mới có. Độ đó lão ta định "mãi" cuốn cảo-thơm của lão, đi đâu cũng bị chè sách lâm vào tình-cảnh kia, đã mất giá-trị, thành thử lão phải đem lại giao cho tôi với các điều-kiện tôi muốn thương-lượng với lão từ trước.

Tập lạc mất nay đã qui-hồi chon-vị, tôi mới định lên đường ôm sách giao về giáo-hoàng Léon XIII, trước kia ông từng làm quản-thủ thư-viện lâu đài, có tiếng là người rất sành-sỏi, vừa nhã vừa biết thương cuốn sách.

Khi tôi qua tới thành La-Mã, thì gặp lúc vị đại-sứ Pháp, ông Charles-Roux vắng mặt, tôi được hội-kiến ông Jacques Truelle, cố-vấn tòa đại-sứ, ông này ngỏ lời và tòa thánh Vatican ưng cho tôi bệ-kiến đức Giáo-hoàng.

Khi tôi đến điện Castelgandolfo là nơi ngài ngự, tôi được đưa vào một gian-phòng thật rộng, nơi đây có một đức ông (monsignor) đón tôi. Ông hỏi: - Có đem theo quyển sách ấy chứ? - Rồi ông đưa tôi qua một vuông phòng khác và giao tôi cho một đức-ông khác, ông này

dẫn tôi vào một phòng thật bé, vách để trần, không một ghế để ngồi, trơ trọi nơi góc, thấy đặt một bàn viết “bia-rô” nhỏ, nơi đây tôi liếc thấy quyển Imitation có bọc giấy, và đức ông dạy tôi lật bọc ấy dẹp đi. Vừa thấy lời quyển sách, đức ông khen lấy khen để “Maraviglioso”, cơ khố quyển sách quá đơn-sơ, bìa lèng-xèng có gì đẹp lắm đâu, tôi nghe lời đức ông mà độ biết phong-nhã của tòa thánh. Đức ông dẫn tôi, khi nghe hô đức Giáo-hoàng xuất-hiện, thì phải cúc-cung quì gối, hai tay dâng cuốn sách lên ngài nhé.

Trong góc cửa tiếp qua những phòng vừa qua ban nãy, tôi thấy đứng túc-trực một võ-quan đường-đường diện-mạo cặp mắt ngó trân-trân vào một cánh cửa còn đóng, bỗng nghe hô to: - Quì xuống!

Tôi chưa kịp quì thì đức Giáo-hoàng đã đứng trước mặt tôi. Vị trưởng-lão này, vóc nấm thấp bức trung, nhưng trong bộ nhung-phục toàn sắc trắng và giữa căn phòng bé-xíu đơn-sơ này, trông người đường-bệ uy-nghi hơn trong trí tưởng-tượng của tôi nhiều. Đức thánh cha, như người từ-phụ, ra lệnh cho tôi được bình thân, mà tôi mảng bị ôm quyển sách to gập trở, đang lụm-cụm phải nhờ đức ông (monsignor) giúp tôi đứng dậy và trong khi bối-rối ấy, tôi đã không kịp ngó chiếc khăn quí mà những người đến yết-kiếm được phép quì hôn. Đức thánh cha, khi tôi đã đứng, với cầm cuốn sách, mở ra và phán rằng: - Min lấy làm cảm-động trước lẽ-vật con dâng đây, tuy trước kia Min đã từng biết cuốn sách

này, tuy không trang-trọng như cuốn hiện nay. Mà làm sao sách ấy lọt vào tay con vậy?

- Dạ bẩm Giáo-hoàng, chính con đây là người xuất-bản sách ấy.

Người chợt nhìn qua niên-hiệu năm xuất-bản, chép miệng than: “Đã ba mươi bốn năm rồi”, và hình như người hồi tiếc lại buổi xa-xăm lúc người chưa là Da-tô giáo-chủ.

Lúc ấy tôi đã lấy lại bình-tâm và cung kính xin ban ân huệ nếu sau này xuất-bản được tác-phẩm nào xứng đáng, xin đức thánh cha săn lòng huệ-cố.

- Min luôn luôn chuộng loại sách dáng đẹp, nhứt là loại sách tốt. Min vẫn chưa quên đã trước là quản-thủ thư-viện Ambrosienne của tòa thánh. Thôi, để Min ban phép lành cho.

Tôi còn rán xin một bức ảnh, bức thánh-ảnh của ngài, đức thánh cha phán:

- Được, con cứ hỏi vị chủ-tọa đầu phòng.

Đó rồi, vị trưởng-lão đã trên tám-mươi dư tuổi mà còn đứng đi lanh lẹ vững-vàng, trong khi các báo ở Paris tuyên-bố ngài mang bệnh trầm-kha ấy, ngài thong dong bước ra gian-phòng kế bên ban phép lành cho độ một chục giáo-chức đang quì dài theo bên tường, rồi ngài bước qua các phòng khác, xiết bao người đang chờ ngài ban phép lành, thợ thầy, sang hèn đủ mặt, có cả những cặp mới thành lễ tân-hôn. Xong các lễ, vị đầu phòng

(Maître de Chambre) đưa Giáo-hoàng vào nội-điện xong, đầu phòng cho hay:

- Bốn quan đã trân trọng giao đức thánh cha, quyển cảo-thơm, Maraviglioso!

Đến lượt tôi tung-hô theo "Maraviglioso" khi tôi nhận bức ảnh Giáo-hoàng, dưới chữ ký tặng, có hàng: "Thành tâm đa tạ!"

Tôi xin chấm dứt mấy trang này nơi đây và xin tiếp lời, tác-giả Ambroise Vollard viết thật khéo và có duyên, tả ti-mi từ chút, và hoàn toàn để người đọc sách tự nhận ẩn-ý Vollard không nói ra, là giáo-hoàng cũng là "người" như chúng mình, lúc làm quản-thủ thư-viện đã nhìn mấy trang xếp lộn trong cuốn Imitation, nay được cuốn Mới thay mà cuốn Cũ, có trang xếp lộn, vẫn giữ luôn không "Ngọc bích châu hoàn" như Vollard mong muốn. (viết đến đây ngày 15-XI-1984).

Tái bút.- Sau ngày tôi gặp anh Nguyễn-Hùng-Trương, tức chủ cũ nhà sách Khai-Trí, anh cho xem một bản sách Souvenirs d'un marchand de tableaux in trước bản của tôi, trong bản ấy có chỉ Parallèlement xuất-bản năm 1902 mới cao giá (210.000 fr.) còn bản của tôi tuy có đánh số Exemplaire No 237, nhưng đó là bản in lại ngày 26-février 1949. Tôi vẫn không buồn phiền, tôi lấy ảnh người phụ-bạc xưa thay vào ảnh mất, và biến cuốn Parallèlement trước mua sáu cắc, hóa ra sách riêng của Sển, như vậy mới đáng hai chữ "Song hành" dịch Pháp-ngữ "Parallèlement". Biết chơi sách là vậy đó.

Sa-Đéc, March 1, 2015

Tay, ngón tay, bàn tay

Trong tập Parallèlement, gồm thơ của Verlaine, và mười-lăm bức minh-họa của Mariette Lydis, quyển sách ác-ôn, xuất-bản năm 1902, do nhà tài-tử Ambroise Vollard tác-giả "Souvenirs d'un marchand de tableaux" trông nom và xuất vốn in, qua năm 1949, tái bản vỏn vẹn có năm trăm cuốn dành cho nhà chơi sách đặt tiền dặn trước, có một bức vẽ toàn là "bàn tay, ngón tay" tiếp theo là một bài thơ như vầy:

MAINS

Ce ne sont pas des mains d'altesse,
De beau prélat quelque peu saint.
Pourtant une délicatesse
Y laisse son galbe succinct.

Ce ne sont pas des mains d'artiste,
De poète proprement dit,
Mais quelque chose comme triste
En fait comme un groupe en petit;

Car les mains ont leur caractère,
C'est tout un monde en mouvement
Où le pouce et l'auriculaire
Donnent les pôles de l'aimant.

Les météores de la tête
Comme les tempêtes du cœur,
Tout s'y répète et s'y réflète
Par un don logique et vainqueur.

Ce ne sont pas non plus les palmes
D'un rural ou d'un faubourien;
Encor leurs grandes lignes calmes
Disent: "Travail qui ne droit rien".

Elles sont maigres, longues, grises,
Plalange large, ongle carré.
Tels en sont aux vitraux d'église
Les saints sous le rinceau doré,

Ou tels quelques vieux militaires
Déshabitués des combats
Se rappellent leurs longues guerres
Qu'ils narrent entre haut et bas.

Ce soir elles ont, ces mains sèches,
Sous leurs rares poils hérisrés,
Des airs spécialement râches,
Comme en proie à d'âpres pensers.

Le noir souci qui les agace,
Leur quasi-songe aigre les font
Faire une sinistre grimace
A leur façon, mains qu'elles sont.

J'ai peur à les voir sur la table
Préméditer là, sous mes yeux,
Quelque chose de redoutable,
D'inflexible et de furieux.

La main droite est bien à ma droite
L'autre à ma gauche, je suis seul.
Les linges dans la chambre étroite
Prennent des aspects de linceul,

Dehors le vent hurle sans trêve,
Le soir descend insidieux...
Ah! si ce sont des mains de rêve,
Tant mieux, - ou tant pis, - ou tant mieux!

*

* *

Khi họa-sĩ Cézanne lật xem tập Parallèlement, thấy mấy minh-họa, buột miệng hỏi: - Ai vẽ vậy? (De qui est-ce?) Vollard đáp: Của... Cézanne. – C'est dessiné dans la forme: - Vẽ đúng tinh-thần. (Trích tr.108 Souvenirs d'un marchand de tableaux). Đó là lời khen văn tắt nhưng đúng cõi thợ mộc của một người trong nghề. Đến lượt thơ uốt-át nhưng bóng-bẩy, thanh-bai bài “Bàn tay” của Paul

Verlaine trên đây, tôi xin chịu và không dám dịch. Theo tôi, muốn dịch cho ra thơ và cho sát nghĩa, tưởng chỉ có Khái-Hung, người đã dịch bài Sonnet d'Arvers, tôi còn nhớ:

"Mon âme a son secret, ma vie a son mystère

"Un amour éternel en un moment conu.

"Lòng ta chôn một khối tình,

"Tình trong giây phút mà thành thiên thâu.

Dịch như vậy mới là dịch. Hay là bản của Trần-văn-Tấn:

"Hồn vi-ẩn, đời mình bí-mật,

"Tình muôn năm một lúc phôi thai...

vẫn lột hết ý và êm-ái một cách khác. Thơ của Verlaine, ẩn-ý súc-tích, thanh về lời, ý lại hiểu rất là chèm-nhèm, tôi chỉ là một sách, tôi lục các quyển tôi có, bụng muốn dịch mà nhớ câu "Thi chi tinh thần" dành nói bâng quơ:

a) trong quyển "Vingt-quatre heures de la vie d'une femme" tác-giả Stefan Zweig, đã tả cặn-kẽ bàn tay của các bợm đánh bạc "roulette" (trái lăn may-rủi) của sòng-bài ở Monte-Carlo; nhưng bức minh-họa nhỏ trong Parallèlement, vẫn vẽ với một ẩn-ý khác hơn ở sòng-bài, minh-họa ấy, lại gọi là "pointes sèches" phải dịch là gì, bởi bên xứ ta tôi chưa thấy, có lẽ dịch "hạ cát" được chăng? Hạ-cát là một danh-từ chuyên-môn của nghề làm nǚ-trang kim-hoàn, khi chạm một chiếc

vàng, "hở láng" là chạm thấp xuống làm cho chỗ chạm láng bóng như gương soi, còn hạ-cát, là làm cho chỗ chạm ấy nổi mịt lên như hột cát, và ai chạm được đều, mịt tròn như trúng cá, trúng rận, thì gọi người thợ chạm ấy là hay là khéo. Và "pointes sèches", tưởng dịch là "hở cát", được lầm chứ. Tạm thời, chưa biết chữ khác, thì dùng tạm chữ này. Nhớ lại trong tiếng nói xưa nay của ông bà để lại, nào ngón tay như mũi viết, ngón như dùi đục, nhưng nay bút lông và dùi-đục đã ít thấy rồi, và hai tỷ-dụ kia đều chưa được sáng nghĩa; nhớ lại tay ông bộ-trưởng X... uớt như tay天堂 cùi, mỗi lần được bắt tay ông, về phải vọt xà-bong rửa lại xăng-cồn như mấy ông bác-sĩ trước khi mổ xẻ, làm thịt ai kia; hoặc khô-lạnh như tay thây ma chưa chôn; hoặc mềm và mát như tay chị L., máu 35 nổi dậy rần-rần, nắm tay chị muốn theo phong-tục Lang-sa, hun không bao giờ đỡ-thích; tay phong-lưu đỏ như son Tàu; tay bần-tiện, nứt da gãy ngón; tay dài-các gấp buổi phong-trần, thoa nhót thoa lợ-nghe mà天堂 Pol Pot vẫn "cáp" giết tươi oan-mạng; tay hở-hang không khít như tay hoàng-đế Reza Pahlavi nước Iran, có trên năm tỷ đô-la gói nhà băng, mà vẫn móng-trần, thất-thổ ly-hương, bần-cùng số-kiếp; tay bà Từ-Hi thái-hậu, ngón dài còn tra móng-bạc móng-vàng cho thêm sang, đeo ngọc, đeo kim-cương cho thêm quý; tay đeo cà-rá nhện thủy-xoàn, không phải cho thấy mình giàu, nhưng rõ lại đó là một cách điếm-gian, mỗi lần chia bài cào hay đánh phé, nó lật mặt cà-srá vào trong, nó chia bài nó biết hết cây

"già" cây "ách"; tay quí-phái đời xưa, "làm không động móng tay"; tay dài-các lớp gần đây, bên Pháp bà hoàng-hậu Marie-Antoinette, mỗi việc nhỏ, mặc áo, thay xiêm, đều có mấy bà hầu-hạ, bà ba-tước A dâng yếm, bà hầu-tước B dâng mũ, khi bà té ngựa, giận hỏi "Ai đỡ tôi đây?"; tay các phi-tần lớp trước trên Nam-vang, ra choi phố rủi tuột chǎn váy, phải đợi mấy đày-tớ gái đến kéo chǎn lên, việc hạ-tiện không xứng đáng cho ta làm, và lại muốn làm cũng không xong, vì móng quèo-quào, ró đến là gãy móng, và ta đây vẫn là mẫu-nghi thiên-hạ, ta là mẹ của dân, lõ sút chǎn, chúng bây coi là lõ đạo thần-dân, nhưng muốn coi bà vẫn cho coi, nó có mòn có hao chút nào mà ngại; tay mấy bà già trầu thấy ngán; tay mấy ông hương nhà quê, để móng dài gãi nghe sột-sột, không biết làm như vậy trước mặt công-chúng là thiếu xã-giao, nếu không nói là vô giáo-dục, và nhớ lại cần chi đọc sách cho thêm gàn, cứ nhớ sòng tài-xỉu năm xưa trong Chợ-lớn, mỗi lần con "phì-phà-chảy" (tỳ-bà-tử) la hối-a, tiếng thanh-thao ngọt lịm như đường phèn, mắt dao cạo liếc sạch túi khách làng chơi, và có một "á-múi" (a muội, em gái) mặt xinh như ngọc, nó đeo một lượt ba chiếc nhẫn ma-dê (mariée), một mình nó chở ba công-tử, con chúa tàu, chủ häng, và nó xung là "Tân Vũ-hậu". Ấy chính đến sòng tài-xỉu, hoặc nay cứ mấy sòng bạc, người có mắt tinh-đòi, mặc sức nhìn tay các con bạc mà đoán không sai chân-tướng. Trên bức minh-họa "pointes sèches" tập Parallèlement, thấy đủ kiểu tay, tay sờ-mó, tay thỏa-thuê, tay dục-vọng, tay

toại-nguyện, tay thèm muốn, tay đeo nhẫn là có chồng còn vựng, và tay... cần gì vẽ lõa thể mới là khiêu-dâm, đặc-biệt có bàn tay cùn-mắn, ngón cái lớn và to, đầu ngón chù-vù, sách tướng của thầy Tư Nên dạy đó là tay "sát-nhon", tay đúra giết người không gớm tay, và tướng lộ trên tay, ngón chù-vù, nó (chủ bàn tay) không chịu nhịn và chịu thua sút ai và trên đời này, có tay như vậy, không làm vua (lớn hon hết) thì làm thằng criminel, assassin (tội-nhân, sát-nhân) chứ gì? (viết ngày 19-6-1984). Tay lông lá xồm xàm, vũ-phu nặng tay đánh đàn bà mà đòn đau sướng đít, thương lại thêm thương, nuông chiều nhẹ tay, "vợ chê không sướng" nên căm sùng, tay đếm tiền, tay hốt bạc, tay sờ mó thủ-dâm, tay bắt ấn trừ tà, chọt một ổ bánh khi đói thì tội khổ sai (mes misérables), lấy bạc triệu của kho lại "dân chi phụ mẫu", tay yếu nhót trói gà không chặt, khi ấm thực thì tiên-sanh tại tiền, khi lâm trận tiên-sanh tại hậu, và xin nói nhỏ tay nào móc túi áo khỉ của bà xã chuyển ngân qua túi gái, tay giựt nón giựt bóp là tay gian phi, tay cầm súng ra trận là tay đáng làm trai, tay trốn tránh phân-sự mà không biết then lòng, tay rảy nước thánh, tay gõ mõ, làm so dám nói tay nào tay lương-thiện và làm sao kể cho hết? (viết thêm 22-6-84).

Nghè viết lách

(soạn ngày 7-VI-1984)

Tôi đang ham viết, cặm-cụi gõ máy lóc-cóc nghe êm tai, nên có người gõ cửa mà tôi không hay. Tiếng đầu, bị tiếng máy gõ lấp; tiếng nhì, tôi chưa kịp linh-hội, vẫn tiếp-tục gõ; qua tiếng thứ ba, mạnh hơn, tôi giựt mình, vừa day đầu ra cửa, thì hai bóng lù-lù trước mặt, một mẹ một con, ngó tôi mà cười, khiến tôi cũng cười theo, vừa đáp lẽ vừa cáo lỗi. Chị Long, ủa quên, bà Tấn đưa con là Tuấn đến nhà mà không báo trước. Tôi lật-đật bỏ máy, bao nhiêu ý-nghĩ cũng phải ngưng lại để nhìn hai thứ bông-hoa này: con sao giống mẹ quá, thanh-xuân phơi-phói, rất là bô-trai, đẹp như vầy, con gái nó cắn môi cho mà biết, nhưng đẹp chưa bằng mẹ. Phu-nhơn đã trên ngũ tuần, khỏi tuần tết kinh, còn dư sức chơi mà không để lại dấu-tích! Hảm răng khít rịt, môi mọng cắn chỉ, đỏ không cần thoa son, cặp mắt sáng chớp sao, tóc tráng vân-vân như mây mùa thu, như tuyết buổi sáng trên hòn Bạch-lanh, da mặt hồng-hồng

không một nếp nhăn, tôi vừa nhìn, thầm khen tuy đúng tuổi mà sắc kia chưa xuống, bỗng trực nhớ câu Ma-thần-tướng: "Gái mà da đỏ hồng-hồng, quăn-quăn tóc trán, có chồng lấy trai", nhớ đến đó tôi tự hối quá, người ta lâu ngày đến thăm, tội-lệ gì mà coi tướng! Hành-huyên bõ-ngthõ, tuần trà chưa kịp mời, phu-nhơn mở lời:

- Cháu nó vừa lấy chứng-chỉ tân-khoa cử-nhon, nay muốn nhờ chỉ cho cách-thức viết văn...

Tôi nghe đến đó, không để dứt lời, bụm miệng không kịp, vụt nói: - Mẹ vừa cử-nhon trường Marie-Curie cũ, thêm giỏi Hán-văn, vừa có chứng-chỉ Anh-văn, con là con một, sao không chỉ cho con, lại bảo thằng không bằng-cấp!

- Ú cái anh này, bộ ghen hả? Người ta phục, người ta mến, cho nên người ta mới đến cậy nhờ, chưa chi đã đỏ thừa "không bằng cấp"! Anatole France, văn viết lẫy-lừng, có nghe đâu bằng nào? Còn học cao, đỗ bằng nhiều như kỹ-sư Nguyễn-Ngọc-Bích, nay đã chết, mà có mấy văn-nghiệp để lại? Làm-bộ làm-tịch hoài, không dạy thì nói!!!

- Xin chị, mà bà, đừng nóng, hớp miếng trà đi, và cho tôi bày tỏ cạn lời. Tôi chưa vội cho biết có nên chấp-nhận làm thầy ngang xương cậu cử tân-khoa, tôi chỉ nhắc chị dầu sao cũng thuộc thế-hệ cũ, khoảng chị và tôi còn nhỏ bé, lối bốn năm mươi năm về trước, lúc mấy ông cử ông đồ nho còn đông-đủ và chữ nho còn thanh-hành, và phần đông Bắc như Nam, ai còn giữ gốc nho-

phong, có phải đều cho rằng “con nhà văn” là một giống người ở ngoại cản-khôn, và con cái nhà nền-nếp, cậu nào cô nào ngứa ngáy làm thơ làm văn, thì cha mẹ vẫn xem như những quái-vật, sau này khổ mong lấy vợ kiếm chồng, vì thuở đó, ai ai cũng đều ngán cho con người cầm viết. Phần lớn phần đông các cha cầm bút trước đây, không nằm tiệm hút, thì ngồi tiệm nước, ghiền chè Tàu, uống toàn cỏ-nhác huýt-ky, ăn đàng sóng nói đàng gió, động-động là dở chuyện phong-trào nầy phong-trào kia, xui giục tẩy-chay và mết-tinh đả đảo. Các cụ hồi xưa, chưa thấy nhiều việc mới vẫn quen ăn chắc mặc dày, vẫn có thành-kiến săn xem nhà văn, nhứt là nhà văn chuyên viết chữ quốc-ngữ không hơn không kém, giỏi lắm là ông cử nhỏ bỏ đạo Khổng-Mạnh theo đạo mới Tin-lành, Da-tô, hoặc một thứ cuồng-sĩ, cha mẹ cho học bên Pháp, đậu cử-nhơn luật, ngồi trên đầu trên cổ thiên-hạ làm ông Tòa ông thầy-kiện không muốn, lại chọn nghề làm cách-mạng, mặc áo dài trắng viết báo chữ Tây và bốn thân đứng đường bán từ tờ báo, vào tù ra khám, vợ con nhà giàu chán quá phải lấy chồng khác, có cái bằng hốt bạc làm quan lại vui đổi lấy cảnh nay bị xét nhà, mai bị ma-tà bắt dẫn lên dẫn xuống...

- Còn gì nữa, nói hết nghe chơi!

- Còn chó! Ngày nay nghĩ là đã thấy khác. Bạn có xu có máu mặt, giai-cấp trung-lưu trong xã-hội, thứ bên Pháp đã tặng “bourgeois gentilhomme” trong kịch Molière, họ tập lên chun, và đã biết hoan-nghênh con

nha văn, có lẽ cũng vì nghề văn nay cũng như nghề khác, vẫn kiểm xác được, cũng sanh-lợi để đồng ra đồng vào, tuy không phủ-phê như chủ đồn-điền nhưng vẫn ăn sung mặc sướng khỏi đầm sương dai nắng như người làm ruộng, và biết đâu chừng, ngoài các lý-lẽ vật chất ấy ra, trong thâm tâm họ đẹp cút trưởng-giả học làm sang, muốn trong bụng lấy văn-chương tô-điểm “chẳng phải san-hà đâu”, duy muốn gia-dình mình khỏi mang tiếng với đời là chỉ biết bo-bo phoi cút giắt đầu nầm, bốn sén, keo-kiết, chuyên môn làm giàu bằng lối bán cái áo len áo thun, làm chợ đen, bán cây đinh lô-canhh ra Bắc mua về bán lại cái áo chẽc chết bắn, ác ôn hon nữa, bán dây kẽm gai của Mỹ, nhảy dù đồ lậu rác-rến sa-thải mà dưới đống đồ bỏ ấy vẫn giấu ti-vi, tủ lạnh và đồ P.X.

- Nói nhiều quá, nghe không hết!

- Không nhiều đâu! Chị vả chẳng là con một công-chức trung-lưu, lúc nhỏ chị học giỏi có tiếng, thêm lịch-sự hạng nhứt trong lớp, ngày thường mỗi sáng chị ôm cát-táp (cartable) có bọc vải trắng chờ giờ tựu-học, học trò như tôi thèm nhẽo nước miếng...

- Mắc dịch anh vậy hả? Tại sao khai tệ tôi hôm nay?

- Không đâu, tôi ý nói muốn chị chó! Tôi vốn con nhà thơ bạc, Ba tôi từ thơ lên làm chủ lò, thơ cũng Ba tôi mà chủ lò cũng Ba tôi duy nhứt, bình sanh tay làm hàm nhai, trọn đời không ăn gian cân thiếu một ly một tơ-hào, nhờ vậy mà đứa con là tôi đây, thơ-ký quét

bu-rô cho Tây thuở trước, nay vẫn bình-yên như chiếc vạc đồng còn giữ đủ ba chân. Tôi có tật ưa nói dài dòng, nãy giờ mà chưa khen chị đến buổi này mà chị vẫn “mặt đỏ tơ hoa vông, cổ tay tròn như ống chỉ”.

- Dịch vật, thúc đít anh này đi! Nói tầm xàm hoài, vô đê mau mau đi, đặng tôi về.

- Về làm chi, nếu cúp điện, vẫn còn đèn dầu lửa. Xin để tôi nói hết. Sở dĩ văn của tôi ngày nay còn cho bày bán Chợ Trời, cũng vì tại thuở nay người ta để ở yên, dại gì đi nói xấu. Cám ơn không hết và xin cứ được như vầy hoài hoài để viết xong hồi-ký “Hơn nửa đời: HU!”

Tôi học sút-kém chị rất xa, vì vậy mà khi chị “bình roi trâm gãy”, bụng ao-ước lấm mà chẳng bao giờ dám mò tới. Lấy được chị, rủi nói tiếng Tây chị bắt về văn-phạm, thì còn gì mặt-mũi ông chồng; Mỹ đến nhà, chị châm tiếng Anh, tôi mắt công ghen, và ra Đại-hội Giáo-khoa, chị biết chữ Hán, tôi mù-tịt, xung chồng sao xứng-đáng. Chị thạo cổ-văn Hy-lạp La-mã, chị ăn lương ba vạn quản-thủ thư-viện Mỹ, tôi làm công-nhựt coi cái viện bảo-tàng này đồng lương ba cộc, đói cả tháng mới mua được một cái dĩa “Mai-Hạc” xưa. Trời khiến sao, ngày nay đã bớt dùng tiếng Pháp tiếng Anh, và tôi viết cu-cu chằn-chằn, mà vẫn có người đọc, còn văn chiếm lèo giựt giải, vì xúc-phạm và ham nói “chánh-chị chánh-em” mà nay bị hóa ra tro hay nấu làm giấy mới.

Tôi rào trước đón sau là để nói, thà chị muốn viết

văn Việt thì hãy xít lại gần đây và đi một mình cho tôi chỉ, còn như cháu đây, tôi thấy “giỏi” hơn tôi nhiều, học Đại-học Văn-khoa trước nhứt phải đậu tú-tài, còn tôi vẫn lem-nhem cái bằng brò-vê ê-lê-măng-te và cái đít-lôm, trước quả có làm giảng-viên Đại-học Huế, Sài-gòn là để chạy gạo kiếm cơm, “đọi, đọi ruồi là gì”, tôi cắt nghĩa chưa thông, còn tôi nói “dọc-ngang”, chị chưa lại “tung-hoành”, tôi chỉ còn nước “chạy thẳng ống, vắt giò lên cổ”.

Được, để không phụ lòng chị, tôi sẵn sàng chỉ nước cho cháu đây viết văn xuôi. Cứ mỗi tuần, hãy lại đây chiều thứ năm, tôi biết chút gì chỉ cho chút ấy.

Hôm nay đã trễ, đại khái tôi xin tóm tắt, và vì dạy mà không nhận tiền công, cháu là con nhà nòi, ắt mau hiểu và lẹ trí khôn, trong đôi ba tuần là đã hơn thầy thập-bội. Tóm-tắt là phải có chút vốn văn-học Pháp làm nồng-cốt, tôi xin chỉ sơ-sơ rồi cháu đọc sách cho nhiều mà lấy kinh-nghiệm thêm. Văn Việt, tôi muốn nói là văn quốc-ngữ, lớp tôi thuở trước chưa cho văn-phạm và dấu hỏi dấu ngã, trong Nam vẫn là một dấu! Bọn chúng tôi, ra trường còn viết chưa sạch, có đâu dám gọi “văn cứng”, và hiện nay, tôi viết cả ngàn tờ mà nào dám rời quyển “Việt-ngữ Chánh-tả tự-vị” của anh bạn quá cố Lê-Ngoc-Trụ. Trên bàn chỗ ngồi đánh máy có một bộ, bên phòng văn kể luôn là phòng ngủ, có cái giường gỗ cẩn đá hoa “Phi-nga-sàng”, vẫn có một bộ nữa, mỗi ngày mỗi tra-cứu mà chánh-tả vẫn còn sai nhiều. Tôi

nhắc lại về văn-chương Pháp, lấy cổ-văn Hy-lạp La-mã làm gốc, ít nữa phải đậu bằng Tú-tài Tây, thi rót lên rót xuống mới có thể viết vài câu “ngủi” được, nhưng vẫn “sujet-verbe-complément” chớ nào dám bóng bẩy ra ngoài lề. Năm 1945, sụp đổ tòa nhà Tây vì chum tường làm bằng đất sét. Tòa nhà Việt mọc lên, viết thông-thông Việt-văn, ít nữa phải có chút vốn chữ Tây hay là chữ Ăng-lê nêm chút chữ Hán thì càng tốt. Phải đọc cho thật nhiều và có bản-lĩnh, bỏ túi vài mớ của người hay giỏi làm vốn nhà, trong bụng có chút tư-tưởng thì mới viết ra thành chữ. Văn Việt dễ viết nhất mà viết được hay không phải là dễ đâu. Chữ quốc-ngữ học sáu tháng đã viết được k e là ke, xin đừng chê đó là tục, ví dụ chữ “L...” (cửa mình đàn bà) học 25 chữ cái là viết trúng ngay, trong khi bên tiếng Nôm, phải mượn chữ “luân” thêm chữ “nguyệt” thật là rắc-rối, học mười năm mò chưa trúng chỗ!

Tôi nói văn Việt khó viết cho hay, vì là không có chuẩn-thẳng văn-phạm. Văn Tây, khó viết nhưng vẫn có grammaire (mẹo, văn-pháp), cứ theo đó là không sai. Một câu thơ Tây, hoàn-cầu cùng học y nguyên-văn, từ Pháp-Nhựt-Miên-Lèo-Việt học giống nhau không đổi một dấu chấm. Duy văn Việt, truyện Kiều, truyện Lục-Vân-Tiên, mỗi bản mỗi khác, mạnh ai nấy in nấy viết nấy nhớ nấy đọc. Lại còn đổi cho theo ý của mình, và tưởng mình vẫn tài hơn tác-giả hai ông. Lấy Lục-Vân-Tiên làm tỷ-dụ:

1) Tạm lấy bản của nhà xuất-bản Văn-Học 1971 Hà-nội làm gốc, đếm được 2080 câu.

2) Lấy bản của Ngọc-Hồ và Nhất-Tâm, nhà Sống-Mới Sài-gòn xuất-bản năm 1974, có 2106 câu.

3) Bản của Nghiêm-Liễn (Lê-văn-Tân, Hà-nội 1917) có nhiều câu hơn cả, nhưng không đánh số nên tôi không đếm được mà ghi ra đây.

Đó là về “lượng”; còn về “phẩm, ngày nay thật khó mà biết chữ nào là của ông Đồ Chiểu “nói” ra, vì ông vẫn mù-lòa, nào viết bản-thảo để lại, và Lục-Vân-Tiên, tôi từng nghe ông già bà cả thuật ông Đồ nằm võng vừa ngâm vừa tìm vận, và các môn-đệ sao-chép không giống nhau.

Tôi nói Tam-Hoàng, văn viết bất cứ của nước nào, phải cho có duyên mới tồn-tại sống đời, và về “có duyên cùng chặng” cái ấy nhờ chị chỉ-biểu cho cháu, con của ai nấy biết, cho tôi nói tục: “... ai thơm mũi nấy”, chớ tôi đây đã bảy tám mươi tuổi trên đầu, mà còn kh López, gặp phụ-nữ thua chị đây nhiều mà tôi còn cà-lăm cà-lặp, nói chặng ra lời, duyên sao bằng ai mà mong chỉ với bảo. Chị biết hôn, theo tôi sở dĩ thơ-vận tiếng Tây, nguyên-văn khó đổi, vì tiếng họ là tiếng đa âm (polysyllabe, polysyllabique), trong một câu đổi chữ khác là sai chum sai cảng (pied) liền, còn tiếng của ông bà mình để lại, vốn là độc-âm, đơn-âm (monosyllabique) cho nên mạnh ai nhớ sao thì vá-víu chữ khác thay vào dễ ợt, khiến nên cũng một câu trong Kiều, tỷ-dụ “Gõ

cho ra nữa còn gì là duyên” (1880, bản Đào-Duy-Anh, Từ-diển truyện Kiều),

- bản Bùi-Kỷ và Trần-Trọng-Kim (Vĩnh-Hưng-Long, 1925) vẫn giữ y;
- bản Hà-Huy-Giáp (xuất-bản Đại-học, Trung-học, Hà-nội, 1972) “Gỡ cho ra nợ” (nữa đổi ra nợ);
- bản Lê-văn-Hòe (Quốc-học thư-xã, Hà-nội, 1953) “Gỡ cho khỏi nợ...” (số 1575);
- bản Abel des Michels, Ernest Leroux Paris 1885: “Gỡ sao ra nợ...” (câu 1879).

Ối mà thôi, chị ơi, kể bao nhiêu đây cũng đủ, làm song-tàn, kể thêm chị ghét tôi càng ân-hận, chớ thiếu chi bản khác, một hôm tôi được nghe cụ cử Bình, giáo-sư Đại-học Văn-khoa Sài-gòn, gác lớp thi chung, nói với tôi câu ấy là “Gỡ cho hết nợ, còn gì là duyên”. Nay trời đã tối, tôi không dám cầm chị và cháu ở lại đây, duy xin hỏi: trong bao nhiêu câu, câu nào đúng là của Nguyễn-Du, vì tôi sức học non nót, thấy chữ nào cũng hay và câu vẫn có tám chun, dễ chạy quá, phải hôn chị? Nói thêm nữa sẽ lạc đề là vô duyên vậy. Ngày nay, con nhà bình dân, học chưa chín nõi com, chưa kịp thi bằng tiểu-học, vác súng đánh Tây, kháng-chiến trở về, cho giải-ngũ, bỏ súng cầm viết, phải là bực thiên-tài mới có thể làm văn trôi chảy được. Ở các nước khác, Anh, Nga, Đức, thì không tất nhiên như thế, vì tuy chưa bước chân đến các nơi đó, nhưng nhờ đọc sách nhiều nên vẫn biết mấy xứ ấy, về văn-chương xuất-phát từ dân-

gian, thì khác nào là của chung của mọi người, ai khéo xếp-đặt lời nói cho suôn-sẻ, thì gọi là hay, và việc ấy gẫm ra cũng dễ, không cần phải có cao-học mới viết văn có nhiều người ham mua ham đọc. Như bên Nga, văn-hào Maxime Gorki, thuở nhỏ xuất thân làm phu tàu và làm nghề nấu bếp, không từng học chữ-nghĩa nhiều, thế mà sau này nổi tiếng, vì ba bộ sách còn nhiều người và nhiều nước thường-thức:

- Ma vie d'enfant (đời ấu-thơ của tôi);
- Les vagabonds (bọn du-côn, du-đảng);
- La mère (bà mẹ).

Gorki khéo đưa bản thân và tấm lòng ái-nhơn như ái-kỷ, nên ông đọc nghe thống-thiết, dễ cảm-động, ông lại biết pha thêm chút tả-thực kể chuyện hết sức tầm-thường của một xã-hội bình-dân ăn cơm nhà máy, uống nước phong-tên, thiệt-thà thấy sao nói vậy, không cần tô-điểm văn-hoa mà văn trở nên hấp-dẫn.

Ở nước Pháp, ít học mà nổi tiếng trước đây có Murger, Pierre Hamp, không xuất-thân trung-học mà bọn đào-tạo từ trung-học viết văn không lại, thì thiệt là hiếm có. Nhưng ngày nay, phần nhiều văn-sĩ Pháp đều được hun-đúc đào-tạo trong các trường lớn, cái lò danh tiếng nhứt là trường Nott-manh (École Normale Supérieure đường d'Ulm, có từ 1847, lập từ Cách-mạng vào năm 1794, sản xuất phần đông nhon-tài của Pháp, về văn, gần đây kể sơ Romain Rolland, Herriot, G. Pompidou, nước ta có Phạm-Duy-Khiêm từng học) và

thầy dạy đều xuất sắc như giáo-sư Alain, một mình rèn-đúc bao nhiêu thế-hệ kỳ-tài, nói ra đây chi xiết nỗi thèm thuồng biết kiếp đời nào được học nơi đó, và tóm lại văn của Pháp có mèo luật, phải ném thật nhiều mùi cổ-học La-Hy mới trông-mong viết văn cứng-cáp.

Chị Long thấy tôi quá ư trường-giang đại-hải, có lẽ các bà đang trông về đậu-chến, nên hỏi tôi câu chyện bản họng: - Xem cháu có nên theo nghề văn-chương được?

Câu hỏi làm cho tôi như trên mây rót xuống, không phải mình đa ngôn mà đàn bà thích, và trở về thực-tế, tôi thôi tán hươu tán vượn, thành-thực thưa rằng:

- Thưa chị, làm sao dám quyết? Phải chi chị muốn cho tôi chỉ cho riêng chị, thì tôi sẵn lòng, còn đối với cháu đây, thì ăn thua nơi cháu có bèn chí hay không. Nghề văn là một nghề, - còn nhiều nghề như thế nữa, như buôn-bán, làm công-nghệ, không thể nói cứ kinh-niên thăng-trật như nghề làm công-chức, "sớm vác ô đi, tối vác về", và cũng không thể "chấm công ăn tiền", "ngồi chơi xoi nước" chờ giờ cáo-lão về hưu lãnh tiền hưu-trí như nghề quan-lại buổi giàn đây. Nghề viết văn, may ra thì được, không may thì hỏng, và hỏng thì phải chịu, kêu ca với ai được mà hỏng. Làm văn, hoặc là có tài đặc-biệt quá, có khi cũng hỏng ngay. Vì có tài đặc-biệt quá, thì văn chỉ một số ít người thường thức nổi mà thôi. (Trước đây có một giáo-sư lên tới khoa-trưởng, mỗi lần diễn-thuyết, người nghe chật rạp mà hỏi ra

không ai hiểu gì và sách ông, ít người kiếm mua). Số độc-giả ít, tuy vậy mà vẫn có vì còn tiền viện-trợ nước ngoài, nhưng đừng mãi trông mong vào đó mà kiếm ăn, vì mong manh lắm. (Việc ông diễn-thuyết ít ai hiểu, không nên lấy làm lạ, vì đời này, nói ít ai hiểu, càng hay và càng có nhiều người dư-thính).

Cái câu "gạo chau củi que", có ngờ đâu ngày nay hóa ra sự thật. Trước ngày giải-phóng, tiền bạc dồi-dào, có nước ngoài nâng đỡ, sách viết để tặng không vẫn nhiều hơn là bán chác. Lại có thứ nút kết viện-trợ, miễn có viết có chữ đem in thành sách, lanh tiền nhuận-bút xong, cân sách bán kí-lô. Thêm ngày nay, viết để mà chơi, trông gì xuất-bản? Tôi chủ-trương viết tầm-thường vừa-vừa thôi, duyên may còn người hỏi kiếm thì hy-vọng vẫn còn, tác-giả quen sống bằng gió mát trăng trong, cũng chưa khổn đốn lắm. Một mai, sách có ngày in ra được, thì mình không ăn, con cháu mình nhờ hoặc hưởng thì cũng vô đó, gọi sướng hay không sướng, còn chờ hỏi chị. Nghề viết báo, nghề viết bài phổ-thông để tiêu-thụ giấy ứ-đọng đầy kho, tôi không quen làm, nên không dám lạm bàn. Ngày nay, thành-phố thì chật nứt, người ăn không ngồi rồi càng đông, nhiều người vỗ ngực tự xung văn-sởi, hạng đó không khác ngựa mờ, có con chưa đến là vô-dụng, đôi khi nó qua mặt ngựa có độ rồi, khi ấy chủ câng, được chút tiếng tăm, lúa thóc già hơn xưa, danh-giá tăng, viết văn được vây cho nên nhiều người mua bút hành nghề, không chỉ cũng đủ khoe cùng bà xã.

Sau bữa tiếp xúc ấy tôi mừng chưa thoát, vì lỡ lời, chị Long không đến nữa, mà giao cho tôi cục nợ, xin lỗi, cậu Tuấn, cứ ba ngày thì đến một lần, rằng để "học nghề cùng chú" và mặc dù tôi đa đoan thật, nhưng tật 35 không nỡ cắt ngang cái cầu liên-lạc, trông hàm răng của cậu, con người gì khéo đúc giống mẹ như một khuôn, thôi thì ngó hàm răng nầy tưởng hàm răng kia, vô duyên chẳng sớm đãng gần kề, và nay đã đến tuổi hết còn gì là hồng-hồng tuyết-tuyết!

Tuấn là một bậc thanh niên tuấn-tú, không như các chàng tóc dài đời nay, mình giẹp kiểu đồng-hồ hiệu Oméga, Tuấn lanh gia-tài cắp mắt bò-câu của mẹ, và vì cắp mắt bò-câu mà số tuổi bảy tám mươi trù riết còn 35 vòn-vẹn.

Hôm nay Tuấn có đem lại một bài văn mà Tuấn khoe "giòn như bánh mới ra lò" và không để cho tôi xem, giành đọc lớn (chép y nguyên văn):

"Đầu sao thì các em thuộc "băng" (bande) Bạch-Đằng, coi còn ướt át hơn phần lớn gái "sồn-sồn" đóng đô khu Công-trường Chiến-sĩ chạy dọc Duy-Tân.

Sau đêm 15-2, một đêm chạy vắt giò lên cổ, khu vực nầy tương-đối ế khách hơn. Mặc dù trước đó có bố mấy lần, nhưng em nào đã rét đâu, chỉ có chiến-dịch mới đây mới làm cho em hoi "ren rét" một chút.

Có lẽ mấy em có điểm đặc-biệt sao mà người ta trông thoáng qua đã "điểm" mặt ngay và hết "sẩy".

Đường Duy-Tân có hai thành-phần: 1 độc-lập, 2 là có đầu-nậu. Thường hạng "sồn-sồn" độc-lập tuy nhung rao giá cao hơn khu công-trường Mê-Linh và đa số là mấy sồn-sồn đến "thương hiệp". Hạng đầu-nậu ấy mà lại được cái ướt át. Muốn đưa em về đêm nay là phải thanh khoản trước tại chỗ khu vực gốc cây cổ-thụ cho mụ tú hoặc mấy tay "mặc-rô" xong rồi thì đưa em đi. Quanh khu vực nầy, cứ vài em thì chọn một gốc cây làm chủ điểm.

Công-an, Tuần-cảnh chạy ngang em bèn lui vào bóng tối, mặc dù thấy nhưng mấy thày "thông qua".

Phải mùa bối ráp như vừa qua là "thày" chẳng tha đâu, lăm khi các thày ngụy trang đến thương hiệp xong rồi xuất trình thẻ hành sự bắt quả tang, lúc bấy giờ em mới té ngửa mình bị tổ trác".

Tuấn đọc đến đó, tôi ra dấu xin miễn cho nghe thêm, nhưng Tuấn nào chịu. Tuấn cất nghĩa bài ấy, nhan là "Đường Duy-Tân tựa gốc cây, em bị tổ trác" nghe giống trong Tam-quốc-chí, và Tuấn ép tôi nghe tiếp bài nầy trước khi tôi muốn chỉ dạy điều gì, tôi chưa kịp trả lời, thì Tuấn đã đọc:

"Công-trường Quách-thị-Trang nhuợng cho dân hóng mát".-

"Điểm đặc-biệt nhất là sau đêm "bố đường", các em ăn sương níu áo bấu tay, đã trả lại hoàn toàn khu nầy cho khách hóng mát. Sở dĩ khu này tương đối khá vì nằm sát bờ Lê-văn-Ken.

"Thường đêm thì khu này được liệt vào hạng 3 trong số 3 nơi, sau Mê-Linh, Duy-Tân, các em ở đây tề tựu từ mọi nơi về đủ thành phần và đưa ra nhiều "ê-kíp" khác nhau từ 1.000 tới 3.000 cho mỗi đêm hoan lạc. Người ta nói rằng ở đây có mấy "mụ tú" ngồi nhai trầu đọc "quang (sic)-báo" chờ đêm tiền trước khi giao "hoa" cho khách. Cứ hằng đêm khi đèn đã lên được vài tiếng đồng-hồ thì "bà tú" nào lo phần mấy em dẫn dắt từ Gò-Vấp, Tân-Bình, An-Nhon, Chợ-Lớn tề tựu về đây "bán hoa". Bởi thế, mặc dầu thuộc hạng áp chót nhưng giá hàng sòng phẳng không có vấn đề thông cảm giữa anh và em cho đêm nay! – Ngoài ra còn đủ thành phần đón khách có phòng, đón khách đi "buổi đời đêm nay" và thành phần "ăn trả cái mệt" sau khi đưa về nơi nào gần đó".

Đến đây, tôi xin Tuấn đừng đọc tiếp nữa, tôi có hỏi và Tuấn cho biết đó là một đoạn báo ở Sài-gòn trước ngày giải-phóng, nhan là "Cái nồn nướng sau đêm bốc ráp" Tuấn và các anh em bạn đọc và khoái lắm, nên Tuấn cất kỹ để dành nhưng quên mất không nhớ trong tờ báo nào, nay Tuấn muốn bắt chước điệu viết như vậy. Tôi thành thật giải thích,... Tuấn nhìn nhận vì thấy đời nay chuộng lối viết dễ-dàng, dùng tiếng nói hằng ngày như vậy, Tuấn chưa phân biệt rằng hay hay dở, chẳng qua là chạy theo cái thời-thượng mà thôi. Nếu không viết theo lối đó, Tuấn tiếp, thì các bạn trẻ cho là muốn đi một con đường khác, là muốn lập-dị, vân vân.

Các lẽ đó, tôi cũng cho là phải, cho vui lòng cậu, tôi lại khen như vậy tỏ ra cậu rất thức thời, nhưng tiếp theo, tôi khuyên cậu như lối văn rẻ rẽ kỳ-quặc ấy, tưởng nên tập viết theo như một cách thí-nghiệm chơi-chơi mà thôi, và không nên đeo-đuối bắt chước theo mãi, nó sẽ làm hư văn của mình đi và tôi hẹn kỳ sau tôi sẽ có lời kĩ hơn. (viết ngày 8-VI-84).

Tuần sau, Tuấn y hẹn đến, tôi mở lời. – Tuấn từng học trường Jean-Jacques Rousseau theo đủ túi-tài Pháp, tôi xin nói về văn-chương Pháp, nói sơ qua thôi, tỷ như lối văn rẻ nhứt mà khó bắt chước viết theo là văn của Anatole France, giản-dị, câu ít khi dài, chữ dùng thường ngày nhưng trúng chỗ, sâu-sắc và thâm-thúy là ở chỗ đó, cân-nhắc từ chút, hóa ra điêu-luyện thâm-trầm dẽ gì nhái theo? Thêm ông thường dùng chữ có ẩn-ý, đọc nghe rẻ nhưng về lâu thấy vừa vui, vừa độc, thôi không nói nữa, ông tác-giả quyển "Le crime de Sylvestre Bonnard" vốn thuộc hạng sư, đừng trông mong viết tiếng Tây theo ông mà chọc cười, duy có thể nướng theo cách viết của ông mà viết văn Việt, tránh cầu-kỳ và nên lựa chữ dẽ, câu văn đừng viết lồng-thòng. Ấy đại khái là vậy. Sau hai trận chiến-tranh, bên Pháp, có một lúc để ra lối văn bót gò gắt, bót theo sát văn-phạm miến hiếu là xong, nhưng khi cuộc chiến tàn rồi, họ vẫn viết kĩ lại, duy ngày nay họ chú trọng văn cho thật sáng, vắn-tắt, tránh cháo không ra cháo, com chẳng ra com, và văn Tây bây giờ đọc thú-vị lắm vì bót

lòng-thòng lễn-thẽn. Văn bóng bẩy tuyệt vời như của Chateaubriand, cũng không nên bắt chước viết theo, không khác tập Kiều mà hóa ra nói thơ và thơ là thơ con cốc. Trong mấy tủ sách tại nhà, trên mấy ngàn cuốn, tôi chấm có ba lối văn gọn và có duyên này. Đó là:

a) văn rao bán hàng, loại văn này dễ nhảm chán nhứt, thuở nay “rao bán thuốc dán Sơn-Đông”, mà mấy ai để tai nghe? Thế mà tôi chấm quyển “Souvenirs d'un marchand de tableaux” của Ambroise Vollard (Albin Michel, Paris, 1959), tôi đọc đã mấy lần mà hẹn còn đọc mãi. Cái anh làm sao có duyên quá, văn vừa mộc họng, vừa chửi đời, thế mà người đọc không giận và vẫn tìm quán ông để mua nếu trong túi có tiền, không tiền, mua được cuốn này, đọc chơi cũng thấy trẻ đi vài tuổi.

b) văn kể chuyện, mà chuyện đây là chuyện tầm thường giữa người mua vé xuống tàu làm khách quá giang, và chủ thuyền hay chủ chiếc tàu Normandie, chạy đường từ Pháp qua Mỹ-quốc, ấy vậy mà tác-giả Commodore H.Grattidge viết được cuốn “Un Commandant du Ruban Bleu” (Presses de la Cité, 1956), ông thuật lại những gì xảy ra trong mỗi chuyến giữa ông và các nhon-vật làm khách trên tàu một thời-gian, nào ông hoàng Äng-lê Duc de Windsor, mê gái nạ dòng hơn ngôi vua Anh-quốc, nào Charles Chaplin (hè Charlot) vân vân, mình chưa bao giờ đi xa trên tàu hàng-hải mà được đọc quyển này vẫn thấy thích như đã được hưởng gió biển và thưởng-thức mấy món cơm ngon trên tàu, mà ông chủ

tàu lên đến chức commodore này, xuất thân là một mạch-lô hạng bét, mới là đáng phục.

c) văn kể chuyện theo một lối khác nữa là cuốn “Décombres et souvenirs” (Xà-bần và hồi-ký) tác-giả là A.S.G Butler, sách Pháp-văn xuất-bản ở Londres nhà Constable in, năm 1944. Sách kể chuyện một kiến-trúc kỹ-sư bị kẹt ở lại thành Londres trong lúc chiến-tranh, và anh có phận-sự mỗi lần thành bị dội bom thì anh phải chun lòn vào các nhà đổ nát mà lập biên-bản và tìm cách bào-chữa cho các nhà còn lại, thế mà anh vừa làm trọn phận-sự ủy-thác vừa kể đủ ngọn ngành những gì đã thấy trong các đống gạch nát và mó nhà còn lại ấy, văn kể cao-kỳ, triết-lý lại thêm phần duyên-dáng đọc không thấy chán. Độc-giả có ai biết nhà ông Thiên-Tào, xin mách giùm, vì tôi muốn xin nán lại vài năm và nếu còn giấy đánh máy và còn ruban tốt, sao tôi ngứa tay muốn bắt chước tác-giả này để thuật lại những gì nghe thấy nhà cô Bảy Phùng-Há, nhà cô Thanh-Tùng, nhà cô Sáu Ngọc-Sương và nhà chị Tư Long, mẹ của hai cô đào Hải và Hà, đều ở chung một xóm với hai tôi (Năm Sa-Đéc và tôi) ở xóm Cù-lao (Phú-nhuận) và thiếu gì chuyện vui đáng khui ra trong buổi kẹt-giỏ như vầy, để cười với nhau nhắc lại những buổi thanh-xuân không bao giờ trở lại và nếu không viết sẽ trôi tuốt-luốt, có phải vậy chăng, má Bảy? (8-VI-84).

Tôi đang ngon vọt, vừa mạo-muội đưa ra tỷ-dụ cụ Phan-Khôi năm xưa trên đàn văn, ông chỉ-trích phê-

bình đã nhiều, ai ai đều ngán, thế mà quyển "Trở vỏ lửa ra" của ông soạn (Phổ-thông bán-nghẹt-san lấy in làm số 41 năm thứ 3, ngày 16 août 1939), nay ông Phan đã mất, nói thành nói lén, chớ đọc đâu thấy khoái bằng nhiều tác-giả khác. Nhất-Linh cũng đã dạy viết, và thiếu chi giáo-sư Việt-văn, ăn lương nhiều thì có, để lại tác-phẩm có giá-trị thì là số ít, và lại dạy viết là một đàng, làm thầy là một đàng, còn đàng khác học-trò có khi hay giỏi hơn thầy, nhứt là nghề đàn, ai ngón tui là hơn, nói cho sướng, trời đánh thánh vật mấy thằng kiêu ngạo! Tôi vừa ngon miệng nhắc tác-giả bộ "Gia-đình" (En famille) và "Vô gia-đình" (Sans famille), bỗng Tuấn bủi môi và cho rằng nay nếu có ai viết như tiểu-thuyết của H.B.C ắt ít nhà sách chịu in. Tôi nổi nóng hỏi gắt Tuấn đã chắc viết được như H.B.C chưa (vì chính tôi đang viết theo kiểu ông đốc-phủ không-ăn-hối-lộ và biết-viết-văn-nầy), Tuấn không rõ nên chọc tôi nóng mũi. Cái nghè làm thầy đời, lãnh dạy con của chị L. mà không tiền thù lao nên mạnh miệng, tôi xài-xể Tuấn rồi tự hối, bơm ngọt:

- Cháu muốn học và nhận tôi làm thầy thì hãy để cho tôi nói, cháu còn nhỏ tuổi lắm, khoan vội phê-bình. Cụ H.B.C. là người thú nhứt trong Nam, lấy giọng thiệt-thà bình-dân mà viết thành một lối văn không cầu-kỳ, trọn tuột-luốt (thằng quạ áo đen Th.L. ưa dùng chữ "thẳng tuột") lối văn tron-tru ấy nay mới thấy có đặc-diểm của nó, dầu sao đồi-chọi được với lối văn cầu-kỳ,

ham nói chữ, ham bắt chước giọng báo Nam-Phong, đem nhiều chữ nho, nhét vào lời nói, hóa ra văn nặng-nè, thiếu tự-nhiên; ông ở trong Nam ưa dùng văn nầy nay đã mất, cũng không nên nói tên ra đây làm gì.

Chính hai bộ tiểu-thuyết Pháp: "En famille" và "Sans famille", nhớ như là của Hector Malot (nay không còn bán và cũng ít người đọc), thế mà mấy chục năm về trước cụ H.B.C. lấy ý viết lại thành hai bộ "Gia-đình" và "Vô gia-đình", tả cảnh trong Nam, sông ngòi cây cối hệt như cảnh các quận-ly cụ từng ngồi chăn dân dưới danh-hiệu "đốc-phủ-sứ", phần đông làm nhơ ba chữ nầy mà với bộ áo dài xuyến đen, cụ giữ được trong-sạch xứng với hai chữ "thanh-bần" và văn-hiệu "Biểu-Chánh" mà cụ đã lựa.

Cũng ngộ, người nước ta có tài, như cụ Nguyễn-Du, đọc bộ "Thanh-Tâm tài-nhân" của Trung-quốc rồi viết lại truyện nàng Kiều cho ta làm vốn, gần đây Phạm-Duy-Khiêm, học chung trường Nott-manh với Georges Pompidou mà cho tới chết, không cầu-cạnh ông cố tổng-thống đa tài mà mạng không thọ nầy, đủ thấy thanh-cao, ông Khiêm cũng vậy, ông xem phim và đọc tuồng Pháp "Back Street", ông dọn lại chữ Việt, tác-phẩm nầy lại có phần lấn nguyên-văn bản Pháp, nhưng tiếc thay, người Nhựt chế xe chế radio, ăn cắp nghề của Âu-Mỹ mà Nhựt làm giàu, còn hai ông Việt ta lấy văn người, làm lại văn nôm, đến lượt H.B.C. cho ta hai bộ tiểu-thuyết giọng Miền Nam, nay cháu đã đọc hết các văn-

phẩm của H.B.C. chưa mà dám bỉu-môi hay bĩu môi như thế ấy.

Phàm một bộ tiểu-thuyết, tôi gần từng chữ, một bộ tiểu-thuyết hay, phải gồm biết bao nhiêu sự kinh-nghiệm lịch-lâm về cá-nhân, về xã-hội, hoặc trực-tiếp, hoặc gián-tiếp... Một bộ tiểu-thuyết bao giờ cũng phải tiếng nói riêng, ý-tứ riêng của người viết ra nó, đã phản-động đối với mình hay đối với xã-hội đang sống. Cho nên theo tôi, chưa từng trải việc đời như Tuấn đây, hoặc tuy từng trải nhưng đã lú-lắn như nhiều ông già khác, thế mà muốn làm lối văn-chương khó-khăn đó khác nào như chưa trông thấy biển lớn mà tập-tênh muốn cầm lái chiếc Normandie.(*)

(*) Tôi nhắc lại đây một ví-dụ này vẫn chưa lạc đề: xưa nay ai từng đọc bộ "Le comte de Monte-Cristo" của Alexandre Dumas, đều vẫn phục tài kể chuyện của nhà văn bất hủ Pháp này. Ông tả Edmond Dantès, vô tội bị ở tù oan, và trong ngục tối, ông đào hầm trốn qua khám giam kế bên phòng giam của ông, nơi đây ông giấu xác một ông cố-đạo đã chì bảo ông chô chôn của quí, đoạn Dantès chun vào bao đựng tử-thi, Dantès chầm-khíu chặt-chia tử-tế xong rồi thì ban giám-ngục quăng-liệng bao tử-thi xuống biển, nhờ vậy mà Dantès thoát ngục, lội lên bờ và làm cái việc trả ân báo oán, người đọc ai ai cũng đều thán-phục tài xứng khéo của Dumas, nhưng nay đã có người ché Dumas chưa từng ở tù khám tử-hình mà dám viết và tả cảnh vượt ngục một cách sơ-sót như vậy, vì theo tác-giả quyển "L'Archipel du Goulag" là Soljénitsyne, (édition du Seuil, 1974), theo ông này đã từng ngồi tù nhà lao cực-hình của Nga, thì trong chế-độ nhà tù hiện nay, trước khi quăng thây ma chết xuống nước, khám-đường vẫn lấy sắt nướng đỏ lụi-xiên cái thây xem còn cục-cựa cử-động gì không, và khi may xác chết vào bao bố rồi, lại còn lấy gươm bén thọc xiên thây ma một lần nữa xong rồi mới chịu liệng thây xuống biển cho cá ăn, nếu Dantès mà bị thử hai lần như vậy thì

Nhắc lại đến những tình-cảm riêng tư của chính mình mà còn chưa biết sắp đặt trình bày cho yên nơi yên chỗ nữa, lọ là... Làm văn, ít nữa cũng phải thành-thạo như đối với trăm nghề khác.

Và khi tôi đã đổ ngây thì tôi nói không ngừng: - Nay cứ nói là "làm văn", nhưng cái tiếng "làm văn" ấy nó nhiều nghĩa lắm. Trong Nam chúng tôi ưa danh-từ rộng nghĩa như vậy: nhà sử-học, nhà triết-học, cũng là nhà văn. Mà viết báo cũng là "làm văn". Vậy bây giờ tôi bảo thiệt, như Tuấn đây, muốn chuyên về nghề nào?

Câu hỏi hơi đột-ngoặt quá, làm cho Tuấn luống-cuống, vì thấy "ông già này đã đổ quau". Tuấn thưa hiện còn phân-vân và dựa theo ý tôi, đối rằng xin hẹn thử sức năm, mười năm nữa, khi ấy sẽ tùy tài tùy phận và sẽ định hẳn ngả về mặt nào.

(tiếp trang 148)

mười mạng cũng không còn, và lấy chi viết thành bộ "Bá-tước Éch-mong Đăng-tết"? Tôi thuật hết ra đây rồi đều cho hai nhà văn này nói không sai sự thật. Theo tôi, lời của Soljénitsyne (ông này hiện được ra khỏi nhà tù và đang sống cảnh lưu-vong) là lời thật của một người từng-trải và ta phải tin; nhưng biết đâu chừng, những gì Soljénitsyne nói đây là sau khi nhiều tù đã giả chết và trốn được như Edmond Dantès, và vì vậy mà khám-đường lấy theo kinh-nghiệm đã bị lầm nên vừa đốt thử vừa lụi thử rồi mới chôn dưới biển, và để binh-vực Alexandre Dumas, tôi cho rằng vào thời Dantès, nhà tù chưa quá dè-dặt như đời sau cho nên quả Dantès đã trốn và sống và bộ truyện của Alexandre Dumas vẫn còn hay như cũ chẳng? Một lần nữa, muốn viết cho vững câu phải cần có nhiều kinh-nghiệm (9-VI-84). (Xử cách này gọi là xử chìm xuống, đôi đàng đều hữu lý và hai bên phải hối-lộ cho quan tòa).

Tôi dịu giọng nhở lại Tuấn có thể về méc với mẹ, và làm phiền lòng chị ấy không nên, và tôi đổi lại khen Tuấn là trai có chí, nhút là biết điều. Tôi bèn tiếp:

- Tuấn nay quyết chí muốn đeo đuổi theo nghề văn, mà Tuấn quên xét nghề văn có đủ nuôi miệng sống và nuôi thêm vợ thêm con hay chăng? Làm văn có đủ kiếm ăn không? Hay là cần phải có một nghề khác làm nghề chánh thức, làm kế sanh-nhai. Sau đó sẽ đùa giỡn, vọc qua nghề viết-lách. Riêng phần tôi, kinh-nghiệm đã dạy, thật là nǎo-nè: nghề viết văn là nghề sống “trên đe dưới búa”, một đời bị người khác lợi-dụng: lúc làm công-chức, thì công-chức lớn sủa văn mình, lúc viết báo chạy gạo, thì muốn có tiền nhuận-bút, phải ưng cho ông chủ báo thay vài chữ để nịnh-hót nhà cầm-quyền, báo có xuất bản được thì mình mới trông mong có tiền xúp (soupe), các nhà xuất-bản, nhà làm báo, họ làm giàu nhờ bán giấy, vì in chữ, xuất-bản, bán sách, mấy ông có cửa hàng, chớ viết văn chỉ ăn có mười phần trăm (10%) mà văn viết muốn được hay, ăn khách, câu độc-giả, nói cho giòn, văn cho kêu, hẽ sướng con ráy chừng nào, quên rằng người viết có lấm lúc, ngồi tù vô bót lâu-lâu chừng này! Nhược bằng uốn ngòi bút, sửa câu văn để chạy gạo liếm giày, thì trở nên thằng ai nói đến làm chi, quân vô-liêm-sỉ! Nhà văn ngày nay không đủ độc-lập được, và nói theo Pháp, các nhà văn xưa nay, trước phải tập kéo vĩ-cầm, - tôi nói đây là tại tánh ưa nói xa nói gần, Tuấn có vốn Pháp-văn, xin hiểu cho: tôi muốn nói nhà cầm viết phải có một nghề làm gốc thì mới đem

lại hạnh-phúc cho gia-đình, lấy thí-dụ nhà danh-họa Tây Dominique Ingres (1780-1867), ông tinh chuyên nghề họa, bút vẽ tuyệt vời khó có ai qua mặt được, thế mà ông thêm thiện-nghệ đàn vĩ-cầm, ăn đứt một cây, và danh-từ, thành-ngữ violon d'Ingres, tức occupation secondaire où l'on excelle, tức có một nghề phụ, nhưng nghề ấy vẫn tinh-vi lão-luyện. Tánh già này quen lẩn thẩn, nói khúc mắc đã thành tật, Tuấn bỏ qua cho. Tôi ưa bắt hết chuyện Tàu qua chuyện Tây, và không kể những người đời trước, gần đây, các văn-sĩ Pháp hiện đại, thiếu gì, tỷ như ông hàn-lâm Marcel Prévost, trước vẫn làm kỹ-sư trong một hãng thuốc-lá, ông hàn Edouard Estaunié, vẫn là kỹ-sư sở Dây Thép, còn nói gì cố thủ-tướng nặng đúng 100 kí, hội-viên của một hội Club des 100 (đủ 100 người mỗi người phải trên 100 kí-lô), hội chuyên về ăn và hội-viên phải biết nấu một món ăn đặc-biệt, bữa ra mắt, Herriot khoe sẽ có một món hột gà chiên mỡ, hội-viên đều thầm chê món ăn quá xoàng-xĩnh, bất ngờ đến món ấy, Herriot sai tắt đèn, và 100 hầu-xán (bồi dọn ăn) mặc đại-phục, mỗi người bung một đĩa hột gà chiên kiểu “omelette au rhum”, trong phòng mùi mỹ-tửu bay thơm phức và một trăm thượng khách đều thưởng-thức món ăn đặc-biệt này với ngọn lửa lập-lòe ngát mũi này, còn gì khoái-khẩu và khoái-tí hơn, ông Edouard Herriot (1872-1957) này vừa hàn-lâm, vừa làm xã-trưởng thành Lyon, vừa là chánh-trị-gia hữu tài, và vốn là cựu sinh-viên trường Not-manh của Pháp, sướng đời!

Cái nghè làm nhà văn của người ta là như vậy đó, học có thầy giỏi, ra làm ăn lương cao, còn bên mình, riêng tôi, nghĩ mà tủi tẩm thân, học thiếu thầy, cha mẹ không để ra học ở Hà-nội, lại không cho học chữ nho, nay viết văn là viết gọi là. Vả lại, cái nghè chánh hay phụ-thuộc kia, khi nào có thể nghỉ được thì sẽ dứt đi cho thêm rảnh tay để dễ bè múa bút, nhưng lúc đầu làm gì cũng phải cho có, trước là dùng làm kế sanh nhai, sau là để giữ như nọc dây trầu, có nghè chắc-chắn khỏi lo về miếng com manh áo thêm rảnh-rang theo dõi đường đồi lấy thêm kinh-lịch cho bản thân, rộng tầm con mắt, vừa học-hỏi suru-tầm, vừa góp nhóp tài-liệu sau này sẽ tung-hoành, thì sự-nghiệp văn-chương càng thêm sáng rõ.

Bữa ấy tuy bài giảng vừa lẩn-thẩn có chút đụng chạm, nhưng Tuấn ra về mặt không sắc phiền, tôi riêng mừng thầm tuy tuổi già mà nói, trẻ như Tuấn còn biết nghe, thế thì duyên-may chưa bỏ, thế nào về mẹ con chẳng luận bàn cùng nhau, và muốn câu con cá mẹ, phải trước thả mồi nhử cá con cá mén. Có lẽ Tuấn là con một, mẹ góa chồng, đổ hết tình thương-dư vào đầu, Tuấn ở không, cửa ăn không hết, cần gì có nghè kiếm ăn phụ, và nếu bền chí, có thể sau này viết văn được. Ít lâu sau, Tuấn đưa cho tôi xem một bản "tập viết". Tuấn không phải không có biệt-tài. Văn Tuấn viết có đôi chỗ mới, duy chưa được đều, nhưng cái giọng văn pha nửa Tây, nửa của người mẹ quá kỹ-càng, bánh mì mua dùng, phải chải cho sạch thật sạch than lò, cho

nên mẹ con gì thấy đều ốm-nhách. Và văn của Tuấn phải ít năm nữa mới khỏi sốc nổi, chưa trọn. Lại thích dùng nhiều chữ nho, chưa tiêu-hóa kịp. Kể nhận ra Tuấn có bắt chước giọng môn-phái Hà-tiên, gió phải gió hồ Đông, nhưng bởi Nam không có tuyết nên tuyết phải là trong giấc mộng; giọng Nam-Phong mà cũng đôi khi pha lẫn giọng văn mới Tự-Lực Văn-đoàn, hóa ra chưa trôi chưa chảy... gọn. Lâu lâu có "mấy hột đậu sượng", khiến răng giả nào gấp, có khi nhảy dựng nhức thấu mây xanh. Tôi dùng lời thẳng-thắn, cứ đọc làm sao, phê-bình làm vậy, Tuấn không giận lại muốn tôi thấy hỏng chỗ nào, cứ ngay mà chỉ-bảo. Tôi được trón thong-thá đáp: - Tuấn còn xanh tóc, mới học làm văn, với bài đầu mà muốn văn minh là kiệt-tác thì còn quá sớm. Nhỏ mà phát sớm, nếu không phải là bậc thiên-tài, thì đó là một quái-vật đáng kinh. Phát sớm đời này hiếm lắm. Tuấn nghe lời tôi đi, hãy để cho thời-gian làm phát-triển và nẩy-nở, trả hết cái nhân-cách của mình trước đã, mà chắc rằng ai ai cũng đều có nhân-cách đặc-biệt hết chưa?

Trong hạng thanh-niên hiếu-học như Tuấn, nhiều bạn trai cảm đậm văn-chương và tư-tưởng của những người đi trước, nhiều khi tự phụ, lấy tư-tưởng của người làm tư-tưởng của mình, hăm hở viết, lại lối viết chưa gọn gãy, giảm lại lời người đã nói trước, hóa ra một lối văn phóng-chép không thành-thật, đôi khi lại không dẫn tên người mình trích văn, lại phạm vào cái tội "manque de probité littéraire" (thiếu thận-trọng kinh

văn người tiền-bối). Một nhóm bạn trẻ khác lại quá giàu khách-khí, “mình là thanh-niên đây mà”, nên nhất thiết muốn khác biệt với người lớp xưa, và có ý làm trái hẳn những gì đã viết từ trước, vì vậy mà có một lối văn như đã kể, thiếu tự-nhiên nếu không nói là văn kỳ-quặc. Trong hai hạng trên đây, hạng phỏng-chép gãm lại còn đỡ hơn hạng lập-dị. Nhưng thảy đều chưa phát-lộ được cái tài riêng như mình có ý mong muốn. Một hạng thứ ba nữa là hạng chắc-chắn mình có thực-tài riêng, nhưng than ôi, không khác nào một người tuy có ngôi nhà khá đẹp nhưng bên trong vẫn chưa có một bàn ghế chung dọn, một tỷ dụ khác nữa là một mỹ-nữ tuy có giọng thanh-thao, nhưng chưa ai dạy ca dạy hát thì có giọng tốt ích gì, và muốn được gọi danh-ca, thì còn xa, xa lắm!

Tuấn nghe đến đây, dường như sốt ruột, nên thành thực hỏi: - Thế thì, theo thầy, phải đợi đến tuổi bốn mươi, năm mươi, già cúp hàm-thiết (chữ trong Huỳnh-Tịnh-Của), gần xuống lỗ văn mới có giá-trị hay sao?

- Trong lịch-sử văn-học, - tôi vừa cười vừa châm rai đáp – vẫn có nhiều người như vậy. Nhân-tài, phải có ma-luyện chầy năm, lúa già nắng thêm càng chắc hột. Nhưng cũng có cách làm cho mau được. Có thứ rượu phải để lâu năm mới dịu và uống không gắt cổ. Có thứ đồ cổ, đây là tôi bị méo mó nghề nghiệp, làm gì cũng không quên sở-trường là đồ xưa, có câu “ngoạn-hảo” để lâu năm hóa ra “cổ-ngoạn”, và đồ cổ, đồ xưa, càng

cao niên, càng quý. Nhưng ngày nay đã có cách chế biến. Kinh-niên có nghĩa là trải nhiều mùa hết nóng tới lạnh luân-phiên và liên-tục, đã làm cho mỹ-tửu trở nên “thuộc” và đồ chơi “ngoạn-hảo” từ tân hóa cổ, được chữ “thành”. Nhà chế rượu, khôn trí, có thể chế biến rượu mới trở nên dịu, bằng cách chuyển rượu chứa trong chai, từ chỗ nóng qua chỗ có nhiệt-độ xuống thấp, tức là lạnh nhiều, và phải đặt người nắng xoay chai sâm-banh (champagne) tháng này qua tháng kia, một thời-gian sau thì chất rượu tự-khắc biến-hóa ngon như rượu để lâu năm. Còn về đồ ngoạn-hảo, Tuấn đừng hỏi tôi vô ích, vì cho đến chết nguyên đem theo, đại gì tôi chỉ bí-mật nhà nghè ra đây, có lẽ một ngày kia, má cháu hỏi, họa may tôi sẽ chỉ. Trở lại nói về nghề viết văn cũng vậy, đọc Việt-ân văn-uyển của nhà thơ tiền-bối Lê-Sum, chép được câu viết theo lối cũ:

“Về sự đặt-để, muốn được văn-khí “oanh-liệt thanh cao”, là nhờ bởi sự “đa văn quảng kiến”, “quảng-giao hảo-kiệt”, “thiệt lạp hải-hồ”, thấy núi cao rừng rộng, bể cả sông to, trải khắp chốn phiền-ba danh-thắng, tịch-mịch u-nhàn, mùi chung đỉnh, miếng đắng cay trước đă. Sau đó, cái tư-tưởng của mình, trong não-cân chất chứa những sự cao-lớn rộng-hẹp, cay đắng ngọt bùi, vui buồn lo sợ, nếm đủ trải đủ, chừng nắm cây viết đặt-để, khi ấy cái khí hùng hào oanh liệt, quái-xảo thôi-kỳ, tự nhiên trong cân-não sẽ tuôn ra cho mình viết chớ? (Lê-Sum, sách đã dẫn, trang 17 “Thi-chi tinh-thần”).

Đó là quan-niệm của ông Lê-Sum, một nhà viết báo cỡ 1920 mà tôi từng thấy mặt, và ông Lê-Sum tự Trường-Mậu, giỏi chữ Hán hơn chữ Tây, đã hiểu muốn viết văn, trước phải “thấy xa hiểu rộng”. Riêng tôi, cha mẹ ít tiền, chữ Hán cha không cho học, chê rằng lối thời, tôi muốn biết thứ chữ ấy ngoài nhà trường, may thời tôi học chơi đồ cổ và tìm mót cái thâm-trầm Hán-tự, trong cái tò cái chén xưa còn sót lại trong nước. Tỷ dụ trong một cái tò sứ niên-hiệu “Canh-ngo”, tra ra đó là tò chế-tạo năm 1810, do một cuộc đi sứ sang Trung-quốc dưới thời vua Gia-Long, và tò này làm tại lò ở Giang-Tây, nhưng ông sứ-thần danh tánh là gì, tôi chưa biết rõ, duy thơ đề trên tò, riêng tôi tôi cho là lạ và nên chép lại đây làm tài-liệu văn-chương, vì chưa thấy ghi trong sách vở xưa nào để lại: tò vẽ bốn hoa: Đào, Mai, Lan, Cúc. Nếu ông Lê-Sum còn sống đến nay và thấy được mấy bài thơ trên tò này, ắt ông vui thích và bằng lòng việc tôi sưu-tập như vầy lắm, vì làm gì đời 1920 ông Lê-Sum thấy được thơ lạ trên tò của vua, nay vua chúa đã chẳng những mất ngôi mà cũng mất luôn sự tôn-sùng như thuở trước, nhưng tò chén vật di-tích có tội-tình gì, và Tuấn ham học, nên tôi xin chỉ một vài khía-cạnh của “thú chơi đồ cổ” dưới mắt tôi, đó là sưu-tầm văn-hóa xưa đó.

Mặc dầu dài dòng, ai nói sao tôi cũng xin chịu, tôi đã chịu khó cậy người đọc và phiên-âm mấy bài thơ này, xin Tuấn và độc-giả chịu khó ghé mắt xem chơi:

1) Cảnh thứ 1.- Trên tò, vẽ một cành đào có ba đóa hoa và bài thơ rằng:

“Hoa khai bất vị Tây-vương sự,
Thủy lạc hoàn cung ngư phủ nguyên.

Ông Hoàng-Đầu-Nam đã dịch giúp tôi như vầy:

“Hoa nở không vì ai,
Tây-vương cũng vậy thôi.
“Nước vui không những thế,
Còn giúp suối ông chài.

Chú.- Tây-vương là Tây-vương-mẫu. Bà là một vị chúa tiên, nhưng đào đến thời-tiết tới mùa thì đơm bông kết trái, đâu phải đợi có bà? Cũng như hai ông chài lạc động Đào-hoa, cứ để tích và thơ ngâm chơi, cần gì luận chuyện có không không có?

2) Cảnh thứ 2.- Vẽ hoa lan, thơ rằng;

“Cốc trung độc báo ỷ lan thảo,
Thế thượng tri tâm tiễn Tố-vương.

Đầu-Nam dịch:

“Trong hang lúc nhàn rỗi,
Chỉ ôm khúc ỷ-lan
“Hâm mộ Tố-vương đó,
Người đời lòng chứa chan.

Chú.- Ỷ-lan-thảo là tên khúc đàn, Tố-vương là đức Khổng-phu-tử. Ông du thuyết không vua nào nghe, bận

về gấp lan mọc khe đá, ông gẩy đàn, ngụ ý thác lời vào hoa lan.

3) Cảnh thứ 3.- Chấm hoa mai, đề thơ:

"Bạch không nhượng bạch tam phân tuyết,
"Xuân cánh thiêm xuân đệ nhất chi."

Đầu-Nam dịch:

"Mưa tuyết vài ba phân,
"Đã trăng lại trăng ngần.
"Một cành kẽ bậc nhất
"Khi xuân lại thêm xuân."

Chú.- Hoa đã trong trăng săn, gấp mưa tuyết lất phát tô-điểm xinh đẹp thêm. Mai đã là bông đẹp nhất vào mùa đông, nay tiết xuân giúp hoa thêm mỹ-lệ tuyệt-trần.

4) Cảnh thứ 4.- Chấm hoa cúc, bên cạnh có hai câu:

"Đa niên cung đắc Uyên-Minh lạc,
"Mỹ nhật đồng lai dật sĩ phong.

Đầu-Nam dịch:

"Giúp vui Uyên-Minh đây
"Kể đà bao năm nay
"Phong vận chàng dật-sĩ
"Cùng lại mấy ngày rày.

Chú.- Uyên-Minh là tên tự của Đào-Tiềm, một người thích hoa, chở ở trồng nhiều hoa cúc. Ông Châu-

Mậu-Thúc khen hoa cúc có phong-vận ẩn-dật, giữ tiết-tháo thanh-cao.

Tôi nói đến đây, xin thêm, Đông với Tây, thuở nay theo nhà văn Anh Rudyard Kipling, không thể gặp nhau, tôi cho rằng đúng, vì phương Tây trồng hoa cúc trên mả trên mộ, tượng trưng cho tang-chế cảnh buồn, nhưng đây tôi chịu thuyết Đào-Tiềm và Mậu-Thúc.

Trong lúc tôi đang cao hứng, xin Tuấn cho tôi nói luôn, lại một khía-cạnh khác nữa của "thú chơi đồ cổ". Trên một lọ sứ khác, gọi "Mai-bình" (lục-bình cắm một nhánh mai duy nhứt), đề thơ và mấy câu Hán-tự như vầy:

"Thu lâm lạc nhụt Mao đường hảo,
"Nhứt phiến Giang-Nam vũ hậu son.
Phóng Thạch-Điền bút pháp, tả ư
Xuong-Giang Châu-son Sán-hà
Thư-quán chí Huân Hiên
Lập-Đạo-Nhân-Đường

Mấy chữ trên đây, viết và xuống hàng như vậy, dịch:

"Rừng thu bảng lảng bóng vàng,
"Một gian nhà lá lại càng thanh-cao.
"Giang-Nam sau trận mưa rào,
"Núi non xinh-đẹp biết bao là tình.

(quên tên người dịch)

(Phóng theo bút-pháp của ông Thạch-Điền, và viết tại Huân-Hiên của nhà sách San-hà thư-quán, tại núi Châu-son, trên bờ sông Xuong (nay thuộc tỉnh An-Huy).

Người viết hiệu Lập-Đạo-Nhân-Đường.

Thú thật với Tuấn, thầy xét lại tự thẹn lấy mình, mỗi lần nghe ai khen tặng hai chữ "học-giả" thì nổi ốc mọc gai cùng khắp. Học-giả là như Phạm-Quỳnh, tiếc thay vì ham mõi cánh chuồn mà thân chết danh chôn vùi, mất danh-vị "Nam-Phong chủ bút"; học-giả là như Trần-Trọng-Kim, tiếc thay không chịu làm tác-giả bộ Việt-Nam sử-lược, ra làm Thủ-tướng. Riêng về thầy, lúc nhỏ không bao giờ đi lính cho Tây mà động-động ham nói ham viết "kiếm-cung thi-đàn", may thời thi rót sáu keo mà khỏi bị "mò tôm"; nếu không có xảy ra cuộc "đổi đời mới" thì thầy già đổi về hưu làm thông-phán già có đâu như nay, nhờ được sống dai mà ọ-ẹ khảo về đồ cổ-ngoạn và viết "Thú chơi sách". Thầy biết chữ Hán viết nội cái tên không trúng, thế mà ham nói chữ và chưa trật đường ray (rail). Thầy có một người bạn, cho vàng không ham, nhưng ham đọc những điển-tích thầy tìm được trong tô chén xưa, và đổi với người bạn tri-kỷ này, giá-thứ cảo-thơm không mắc tiền, hay một món cổ-vật không đắt-giá, dâng nhau làm kỷ-vật lưu-tình, có lẽ ắt không từ-chối, và giá-trị cuốn sách, món vật xưa, hay-ho là ở chỗ ấy. Nhưng sách ấy ông chưa có và vật ấy có ý-nghĩa như trên đây mới ắt được.

Thầy quá đông-dài xuýt gần lạc-đè; về nghề viết, đổi với chữ Hán, thầy xin chỉ cho Tuấn nên về học với mẹ, vì má Tuấn chữ Hán biết nhiều lắm, còn đổi với chữ Tây cũng nhơn vui miệng, thầy xin kể đoạn Pháp-văn này và đây là nguyên văn:

"Mme Missia E..., de retour d'une randonnée en Hollande, dînait chez moi en même temps que Renoir. Elle avait conservé de son voyage un souvenir peu agréable.

- Là-bas, disait-elle, les gens du peuple sont de vrais primitifs. Je portais une toilette très simple. Les femmes me considéraient comme une bête curieuse. Si je vous disais que certaines venaient me regarder sous le nez quand je passais dans la rue. Quelques-unes même allaient jusqu'à tâter l'étoffe de ma robe... Ah! ces femmes avec leurs grosses joues et leurs mains rouges! Tout à fait votre affaire, Renoir!

- Mais, reprit Renoir, j'aime à peindre autre chose que de la grosse viande. Et puis, vous savez, la Hollande n'est pas du tout mon fait... A part Rembrandt et les quatre ou cinq grands Hollandais... Il n'avait pas si mauvais goût, Louis XIV, quand il disait devant des Teniers: "Enlevez-moi tous ces magots!" Et, pourtant, c'est dans ce pays que j'ai trouvé le plus merveilleux des modèles. Une vraie tête de vierge. (Se tournant vers son voisin, le peintre Albert André). Vous n'imaginez pas le téton de cette fille... lourd et ferme... Et le joli pli au-dessous, avec une ombre dorée... J'étais si content de sa docilité et tellement enthousiaste de cette peau qui prenait si bien la lumière, que je méditais d'emmener ma Hollandaise à Paris. Je me disais déjà: "Pourvu qu'on ne me la dépuceille pas tout de suite, et qu'elle conserve ce teint de pêche".

"Je dis donc à sa mère, qui me paraissait la surveiller étroitement, que, si elle voulait la laisser venir avec moi, je prenais l'engagement de veiller à ce que les hommes ne lui courrent pas après.

"- Mai alors, qu'est-ce qu'elle irait faire à Paris si vous l'empêchez de "travailler"? me demanda cette mère vigilante.

J'apprends ainsi quel était le genre de "travail" de ma "vierge", quand elle ne posait pas chez moi.

(trích quyển sách "Souvenirs d'un marchand de tableaux" par Ambroise Vollard, édition Albin Michel, Paris, 1959, trang 102).

Dịch.- Bà Missia E... đi chơi ở Hòa-lan về, bà đến dùng cơm tại nhà tôi, có họa-sĩ Renoir cùng làm khách. Cảm-tưởng của bà này về buổi viễn-du có lẽ không hoàn-hảo lắm. "Dân xứ đó, - bà nói - chúng còn rừng lắm. Tính coi, bữa ấy tôi mặc một bộ đồ đơn-sơ thôi, thế mà có tin lời tôi không, tụi đàn bà, họ xem tôi không khác một thú lạ thuở nay chưa từng thấy. Mấy con mẹ đó, chúng nó xáp lại gần, thiếu điều gí mũi vào mặt, và với cái má xè-xè bàn tay đỏ bầm, chúng rờ rẫm vào áo vào mình, thiệt là, mấy con mẹ gì, ghê-tòm quá! Ý mà anh Renoir, họ rất xứng với anh lắm!"

- Chị nói sao vậy? - Renoir đáp - Tôi đâu có thích và đâu có vẻ thứ vai u thịt bắp như vậy. Xứ Hòa-lan, chị biết mà, đâu phải chỗ tôi sở-trường. Xứ ấy chỉ có

núi ông Rembrandt và năm ba ông khác là thực có chon-tài, và quả đế Louis XIV đâu phải là ông vua khiếm nhã, vì đế đã từng phán dạy, bảo kẻ bè tôi là des Teniers: "Hãy dẹp mấy tranh khỉ (magot) kia cho khuất mắt trẫm". Nói rồi Renoir dạy qua ngó người ngồi kế bên là họa-sĩ Albert André, rằng: "Tuy vậy mà noi xứ đó tao đã gặp một mẫu tuyệt-trần, một trinh-nữ có cái đầu tuyệt-thế. Mầy đây (họa-sĩ André), mầy chưa thấy vú nó, cha chả, vừa tròn vừa cứng. Còn cái kia ở dưới nữa, úy-chà, lông lại vàng-vàng. Tao khoái quá, khoái vì da thịt mịn-màng rất ăn ánh-sáng, thêm con nhỏ gì dễ thương, mình muốn gì được nấy, tao định chở người đẹp Hòa-lan về Paris, miễn chúng đừng đỗ-lộp phỏng tay trên và để cho tao thưởng-thức cái nõn-nà da lê da quả đào. Nhưng mẹ của y-thị, cứ theo giữ chằng-chằng, tao mới hỏi mụ ấy có bằng lòng cho con bả theo tao đi Paris và tao cam đoan không cho ai ró tới. Mầy biết mủ trả lời thế nào không? Mù nói tinh bợ: - Ông dắt con nhỏ đi Paris mà không cho nó "làm việc" thì nó đi làm gì chứ? Chừng ấy tao mới biết con nhỏ này (mà tao định là trắng trong trinh-thục) nó "đã làm gì" trong mấy lúc nó không làm mẫu cho tao vẽ".

(Dịch trên máy, không giấy giáp, ngày 10-VI-84).

Đó thày dịch sơ-sơ như vậy đó, Tuấn hãy đem về cho chị ấy xem lại. Và thày cũng nói luôn và chỉ luôn cho Tuấn thấy mó-nhẩm bí-quyết của thày: "Phải viết cho thật dẽ-dàng, và khi dịch, không nên tìm chữ khó.

Thấy sao, nghe sao, thì cứ viết cứ dịch y như mình hiểu hay thấy. Mới coi tưởng rẻ, nhưng sau xét và gẫm lại, quả mắc vô cùng. Coi thì rẻ rề, nhưng vẫn khó bắt chước lầm. Tục-ngữ La-tinh có câu: "Traduttore, traditor" (traducteur, traître) (dịch là phản). Như vậy, phải châm-chế, châm-chước, mới là người biết điệu. Khi viết cũng vậy: viết phóng-túng, dễ người, ý mình hay giỏi, thì lâu ngày quen tánh, văn không thâu gọn, hóa ra bừa-bãi, cầu-thả, vụng-về, tục-tần và gì gì nữa. Mà văn viết gãy-gọn quá hớp cũng không xong, vì tiếng Việt vốn là đơn-âm, nói vắn-tắt, nói tiếng một, cha ai nghe cho kịp. Cho nên đã có sẵn trợ-từ "thì, mà, ấy, đó", vân vân, những chữ ấy dùng lót đường và biết dùng hay chăng ở trong tay thợ khéo. Dặn Tuấn cũng đừng ham nói chữ. Dùng chữ Hán mà lạm-dụng, dùng không nhầm chỗ, thì ngớ-ngẩn khó nhịn cười. Tôi thuở nay như đã nói, không rời tự-diển, và rất sợ chữ nho. Thay vì nói "kinh-cúc", "phản-nộ", tôi không biết "cúc viết c hay t ở sau", hoặc "phản" dấu ngã hay hỏi? Tôi cố tránh mấy chữ khó như vậy, và khi gặp, thay vì nói "kinh cúc" tôi nói "chông gai", và thay vì nói "phản-nộ" tôi đổi lại "giận hòn", mặc dầu có người cười tôi nôm-na, nhưng tôi đã tránh được hai danh-từ ác-ôn quá Tàu, lại được tiếng có lòng với tiếng mẹ. Ấy tôi đã không giấu nghè và nếu Tuấn mỏng tai thì biết, nghệ-thuật gồm bao nhiêu đó. Nhưng nên nhớ, văn rẻ phải viết thiệt sạch mới là "văn". Chưa sạch, "văn" hóa ra "lồng-lồng", không phải "com" và đó là "cháo". Cũng thì

"com", nấu nhão mất ngon, nấu khô khó nuốt, phải giữ thật vừa thật chín. Văn, muốn mau chín, phải du-lịch thật nhiều, giao-thiệp thật rộng, năng tối lui với kẻ sạch đời, vừa học cái khôn khéo nơi trường không dạy, lúc nhỏ, lặn ngòi ngoi nước thật nhiều, thì khi già họa may văn thêm già-dặn, miễn đừng lầm-cầm. Bị cấm sừng chưa phải là nhục, lấy vợ người mới xấu, và có đạp gai mới hiểu lòng-dạ đàn bà, họ khoe "biển ái đầy voi" voi nhiều hơn thì có. Trái cây, trái nào có con sâu đục khoét, vẫn là trái ngon. Khi Tuấn đọc tiểu-thuyết của André Maurois, hễ đọc xong "Climats" phải tìm đọc tiếp "Terre promise", "Terre promise" kể chuyện bà Claire có chồng già, rất giàu, nhưng bà không thương, ly-dị xong, bà chấp nổi với một chàng thi-sĩ, nhưng Claire bị cấm sừng, khi ấy mới nhớ tiếc chồng cũ, trái lại trong quyển "Climats", chàng Philippe ghen nê Odie ly-dị, sau Philippe tục-huyền gặp Isabelle và bị ghen ngược, chừng ấy Philippe mới hiểu ý-nghĩa chữ "ghen". Khi Maurois học thành tài, muốn vào học chữ thêm nơi trường Nợt-manh (Đại-học sư-phạm trú danh của Pháp), thầy là Alain khuyên Maurois nên xin vào làm việc noi hăng dệt của cha, học cho hiểu-biết tâm-lý tình-dời, lại hay hơn học chữ. Nếu có óc suy-xét và có mắt tinh đời, giàu kinh-nghiệm sẽ hay hơn ông đồ (agrégé) Nợt-manh, Nợt-miết! Nghe theo lời thầy là Alain, nên Maurois sau này trở nên danh-sĩ một thời.

Tuấn tốt phuốc, có cha mẹ thầy đều hay chữ, nhưng ở ăn chặt-chịa, ky-cóp đồng tiền chẻ góc tư tám,

hay chữ ích gì? Mẹ Tuấn mất tiền gởi nhà băng, mất luôn vàng ngọc ký quỹ ngân hàng, uổng công bấy lâu chắt-mót. Tôi đây không phải tự khoe, nhưng chỉ muốn lấy gương mình chỉ cho Tuấn thấy. Tôi học, chữ không đầy lá mít, lem nhem ba tiếng Pháp sáu mùa, ngoài bốn-mươi tuổi trên đầu, chưa hiểu “văn” là gì, chỉ đọc văn của người khác. Tôi đọc Liêu-trai, tự ví mình như Diệp-Sinh. Tôi lận-đận trường ốc, Diệp-Sinh cũng thi hoài không đỗ. Mỗi tình uất-ức, Sinh đau rồi chết mà chưa hay, hồn còn ở lại dương-trần, hồn của Sinh dạy con một tri-huyện, sau đó trò và thầy, con ông Tri-huyện và Diệp-Sinh cùng đỗ một khoa, hồn Sinh ngồi xe về bái-tổ vinh-quí, khi xe ghé cửa, thấy vợ còn đầu tang tóc chẽ, hồn Sinh tinh giấc, bay mất bỏ lại áo-mão tân khoa cho một đống, tôi đọc Liêu-trai, chấm tích Diệp-Sinh sao gần giống tình-cảnh của mình, từ sau cuộc đảo-chánh năm 1945, đất Sốc-trăng không chỗ dung-thân, tôi mới chạy lên đây, tưởng ở tạm chờ dứt chiến-tranh, sẽ về xứ, ngờ đâu mắc gốc mắc rễ nay trở nên người đất Gia-định. Tôi tập viết từ ngày vô làm ăn lương công-nhụt noi viện bảo-tàng. Ông Đoàn-Quan-Tấn dạy tôi gọt bớt tiếng thừa, nói “tai, mũi” đủ rồi, tránh được hai cái lỗ”. Anh Lê-Ngọc-Trụ giúp tôi về chính-tả (không quên công của Lộc-Đinh sau này), anh Lê-Thọ-Xuân giúp tôi lấy bài tôi viết gởi cho báo Xuân đổi ra tiền, đỡ khổ, lần hồi tôi biết viết, nhưng nào dám rời cuốn “Việt-ngữ chánh-tả tự-vị” giờ phút nào? Không đâu, còn phải ma-luyện thêm nữa, than ôi, quên rằng ngày

xuống lõi hầm kề, nhưng tham quá cũng không nê, trời cho sống tới đâu hay tới đó! Sở dĩ tự vạch đường đi, chờ nào có Alain dẫn dắt. Nước ngoài săn trường săn thầy, nước ta giặc đánh triền-miên, Tuấn khởi đi lính chờ đời này bồng súng rồi chết tại trận tiễn, ít được mài đũng quần nơi nhà trường như Tuấn.

Hôm nay tôi vui miệng đến phạm tội “khoai vỏ mình cũ”, Tuấn về xin đừng học với mẹ. Trở lại nghề viết văn, phải nhớ “học ăn học nói học gói học ghém”, bao nhiêu chữ học vẫn chưa là đủ, phải đừng rời cuốn sách, và khi rời phải biết để mắt nhìn đời, năng đi đó đi đây, và phải nhớ rằng có tài không chưa đủ, không khác nào trái xoài trái chuối, hái sớm không ngon, phải đợi chín bói, nhút là phải phòng thứ giú ép hoặc giú bằng hơi nóng khí đá, ngoài vỏ trông ngon mắt mà cắn vào mồm, nó chưa té đái.

Hôm nay vui miệng nói luôn, - tâm-sự đôi điều với Tuấn, tôi đâu ngờ viết được chẳng qua bụng đói phải bò. Văn tôi viết, ban sơ lúc chạy lên đây, năm 1947, chỉ có lời suông mà trống rỗng, tức như cô đào mơ trên kia, có giọng tốt mà chưa biết nhịp nhàng, giọng chưa tập luyện, hát ca nghe sống sượng, không ra điệu gì mà muốn thính-giả mê là mê làm sao được. Thú thật, lúc nhỏ tôi ham sách săn nêun mua thật nhiều, lại có tánh tôn trọng văn người khác, mua để mà đọc, học hỏi theo người, nay già té ngửa ra, các ông đồ ông cử vô dây lồng bút, phiên-âm tiếng nôm trong Nam sai bét, mà

biết nói với ai vì phần đông đi bán muối lâu rồi. Tôi bỏ xứ chạy lên đây, học đi xe buýt đi xe lam, tập cuốc bộ cho đỡ tiền, ở nhà lá tuy ọp-ẹp lại thấy mát hơn nhà lầu nhà ngói. Đến khi kiến cắn bụng, giựt mình mới lấy những gì hiểu-biết viết ra hàng, nhờ anh Lê-Ngọc-Trụ, anh Lê-Thọ-Xuân dẫn dắt, ông Đoàn-Quan-Tấn dẫn đường, đến bây giờ ba ông đã ra người thiên-cổ, thì dây trầu còn trụ-nọc, tôi may thời còn nhiều bạn quí, không có những người ấy, thì làm sao tôi ra đời "Sài-gòn năm xưa"? Nói bao nhiêu ấy đã nhiều, mặc dầu còn muốn nói, cho đến nay, "Hơn nửa đời hư" còn chết nghẹt và chưa xuất-bản. Văn của tôi, Tuấn đọc lại đi, chỉ toàn tiếng nói trong Nam, vì tôi nào biết chữ mà hòng hại văn Nam-Phong, đạp cút anh Đông-Hồ. Nếu trời cho tôi khôi viết, có lẽ tôi sung-sướng hơn ch้าง, vì tôi có giờ săm-soi đồ sứ đồ sành, đó là món sở-trường, yêu như yêu con mèo hai cẳng, một khi biết nó là giả, đập nát nó đi, tuytoi tiền mua mà cũng hả được chút hơi giận trong lòng, ch้าง như bây giờ, vợ đẹp bị chúng mượn, tiền gởi bạn không trả, mà làm gì được chúng, chúng có xe mình đi bộ, ló quở chúng cán bờ mạng, không chết cũng mang tật suốt đời.

Tuấn nên nhớ cho kỹ, học trong trường không chưa đủ, vì giáo-sư dạy văn-phạm thì hay mà có ông nào viết văn giỏi hơn một vài học-trò sau này, Tuấn nên học thêm ở ngoài đời, vì có nhiều chị hàng cá giàu tiếng chửi-rủa hơn từ-diển, và nhiều anh xa-phu ngồi lề đường "xài

chữ nho" mình nghe không hết! Có lịch-duyệt, có từng-trải, như chị nọ có đứa con trong bụng, đến ngày thì đẻ, nhiên hậu Tuấn lịch-duyệt và từng trải có thừa, thì vẫn trong bụng tuôn ra, vật-liệu làm văn có lấy thúng mà hốt! Tuấn có thấy ch้าง, gương trường luật năm xưa, ở Sài-gòn, năm thứ Nhứt, sinh-viên đăng tên đến số muôn (10.000), giáo-sư làm sao biết mặt học-trò cho đủ? Nếu ra trường giữ y số đâu, thì có lẽ ở tòa án, thầy cãi đông hơn người đi kiện-cáo còn gì? Tại sao trong số sĩ-tử ứ-đọng ế-ẩm như vậy, không có cô hay cậu nào thấy một con đường mới, lại đây cho tôi dạy cho biết về đồ cổ đồ thạch-khí, vạch cho nghè sau làm quản-thủ viện đồ xưa, như vậy ch้าง độc-đáo hơn là giẫm chon nhau học luật, không ăn bã mía thì nay bị treo giờ.

Ham nói quá đến gần lạc-dè, Tuấn nay muốn viết theo điệu truyện ngắn (đoản-thiên tiểu-thuyết) hay chuyện dài (trường-thiên). Thiết tưởng ban đầu nên tập viết chuyện ngắn-ngắn thôi, khi thành-thạo sẽ bắt qua chuyện dài, vì chuyện dài gồm nhiều nhơn-vật xung-đột lẫn nhau trong một hay nhiều hoàn-cảnh nhứt định, để rồi hoàn-cảnh phản nhau, nhơn-vật cũng có khi phản lại tình-trạng, tóm lại trường-thiên tiểu-thuyết là một cái "toàn-thể phức-tạp", tay mơ như Tuấn khó mà sắp-xếp cho khéo cho êm từ trên xuống dưới được. Chỉ cho bằng tập viết lối đoán-thiên, nó có bộ-phận giản-don, dễ sắp đặt hơn nhiều. Nói tỷ dụ, Tuấn muốn học chế-tạo một động-cơ của cái máy xe hơi, việc ấy thiết

tưởng khó lắng, vốn ít tài sơ, tưởng nên chuyên chế một cái “trái khế” cho thật khéo, các nhà chế xe đến mua của mình ráp vào xe họ, như vậy mà chắc ăn hơn chăng? Một khi nghề dạy nghề, Tuấn có vốn dư-dả rồi, khi ấy góp gió làm bão, hay lông cánh mọc xong, Tuấn muốn bay nhảy hay chế máy xe thì chế.

Sửa máy xe, sửa văn của người khác, dạy làm bát-cú, đều là nghề của mấy bợm già. Có nhiều cô nhỏ, đến một nhà văn kia, xin học làm thơ mới, ít lâu thơ chưa bụng no tròn. Ông H.B.C sanh tiền không dạy ai và hagy khoan cười điệu ông viết. H.B.C. theo tôi, là một nhà tiền-bối, đã có công mở đường cho một lối rặt giọng Miền Nam.

Tôi nhắc lại: trong đoán-thiên, thường chỉ có ít nhân-vật, mình nên tả-mặc mỗi nhân-vật cho thiệt được tự-nhiên, và nên nhớ đừng ham kéo dài, và phải vắn và gọn. Tả về một tình-trạng gì, thì nên sơ-lược, toát-yếu mà thôi. Bi-kịch rất khác hài-kịch và thơ tám câu phải cho có hồn. Một bài đoán-thiên, mặc dầu ngắn, phải có một dư-hưởng man-mát dịu-dịu về lâu sau, khi đọc xong, phải khiến cho độc-giả mơ-màng nghĩ-ngợi, y như ly huýt-ky khai vị, nếm đến giọt cuối, thấy ngọt-ngot trong cổ, khiến còn muốn uống thêm, hoặc như chén trà nhà anh Lộc-Đinh, muốn xin chủ một chén thứ hai, nhưng lại sợ sấp mình vào hạng ngưu-ẩm.

Trong làng văn, gãm lại bỗng tức cười. Ít dân số hon ai, mà không ai thuận với ai cả. Tuy vậy mà vẫn có trật-tự. Thường thì nhà viết tiểu-thuyết, làm kịch-bản, dường

nurse được sắp có giá-trị hơn nhà phê-bình, nhà làm báo. Nhưng theo tôi, xếp như vậy chưa được công-bình. Nếu nói dễ kiếm tiền hơn thì tôi xin chịu. Theo tôi, viết một bài báo cho hay, nhiều khi phải có tài hơn làm một quyển sách. Tuy vậy, cái phận nhà báo nó mong-manh làm sao, có lẽ nó giống hay còn mỏng hơn tờ nhựt-trình kia nữa. Văn viết báo “kêu” đến bực nào, qua tuần lễ sau, vẫn thấy cân kí-lô bán cho chêc ve chai, tiêu-trầm vào chốn vô cực, nếu cho nói tục, chị kia cho chì đ. còn chê! Ít ai chịu nghĩ như tôi, cắt để dành, hôm nay có tài-liệu dẫn chứng. Thông thường thế tục cho rằng nhà báo không bằng nhà văn, nhưng đừng quên rằng nhà văn muốn được chúng biết, trước tiên phải viết báo. Nhà văn được cái phong-lưu, ăn ngủ có chừng có độ. Nhà báo viết một bài nóng hổi, ngày thường đi săn tin, phải bỏ ăn bỏ ngủ, thường đau dạ dày cũng vì vậy, thêm hẽ có tiền xoc-xạch trong túi, thì thêm tật thức khuya hút-xách, đánh phé, nuôi em út. Các bà già xưa sợ không gả con cũng phải.

Nhưng đó là nói để kéo dài rồi đó, nói cho có vách ngăn thì nay đã khác xưa. Không mấy nhà văn là không viết báo, lắm khi hăng say viết tiểu-thuyết, làm kịch-bản, soạn thi-ca, thêm leo lên đài phát thanh, đưa em út thả giọng băng Mây-Tần, băng Tao-Đàn, tiền ban đầu xài không hết sau chết như Lê-văn-Truong, chuyện “Người anh cả” và các chuyện khác, bán một lần rồi không in lại.

Cuốn sách do nhà báo viết, vì tác-giả mảng chạy tới chạy lui săn-sóc tờ báo mà ít săn-sóc câu văn, văn ấy lại đã in trước vào tờ báo rồi, khiến độc-giả phân-vân không muốn đọc lại lần nữa, nhút là viết mau ít thật chải-chuốt. Mâu-thuẫn vậy thay: nhà báo có danh giá phải là nhà văn đã có tiếng tăm, lại lầm nhà văn bất-dắc-dĩ, vốn trước là xếp-chữ ở báo quán! André Heurteau, Paul Bourde, bên Pháp, xuất thân như vậy. Cũng có nhà báo cao-thượng, không nghĩ đến thân danh, không muốn ai ca tụng mình, khi buông ném cây viết xuống, nhà văn nghèo đến không bàn không ghế, tuy đã từng leo lên ghế Thủ-tướng, mang tiếng nhiều mà không làm được việc gì theo ý muốn. (Tôi muốn nói ông Nguyễn-Phan-Long). Thuộc giống chim hải-âu, sống trên luợn sóng biển ngoài khơi, ăn tuyết nằm sương, mót từ con cá con tép con, nói theo xưa, quen “lang bạt kỳ hồ”, trong Nam ưa nói “quen thả cầm-thi rày đây mai đó”, chết không vướng-víu, chết không cần ai đọc điếu-văn, theo tôi, như vậy mà sướng!

Tuấn nghe lời tôi ba hoa, có lẽ chán, nên phẩm-bình vu vơ: “Văn ông mõ “khó ngủ” văn ông Tê “khó thương”, ông này giàu săn, không chịu hưởng, lại còn xin vô làm giảng-viên đại-học cho được tiếng; ông kia vô hạnh, viết văn đủ người biết, lại bất kỳ đảng nào hội nào cũng xin gia-nhập, để cho báo chế-nhạo thường ngày.

Tôi khuyên Tuấn bớt chỉ-trích vì còn nhỏ tuổi, nhà tôi không chứa lời chê khen. Một câu thơ tục, tuy ngộ,

nhưng nói lỡ, chúng nhắc đời, nên tránh. Một chữ dùng không thanh, “trống đánh nghe ìn-ìn”, hai chữ “ìn-ìn” báo in một năm mà chưa chịu thôi và phải đúc chữ mới!

Nhà văn phải nhớ như cái bình cắm hoa quý, để chung ở sa-lông. Xưa La Fontaine, Voltaire, rất được trọng-vọng, được ăn cơm khách thường ngày, không như bên ta ngày nay, nhà báo, nhà thơ, nhà văn, má hóp, cơm không no bụng. Nhiều ông, đang viết có nhiều người đọc, bỗng ra làm chánh-trị, hoặc nuôi chim cút, hoặc làm nghề “chửi mướn”, tiền nuốt hết, thân phải chạy vong quốc tha hương.

Thân làm kẻ sĩ, phải có trãm hạnh, hạnh thứ nhứt là phải biết chịu nghèo, và dùng để cho ai ý tiền ý có quyền-thế, uốn ngòi bút của mình cong vẹo. Cũng dùng để thế-lực kim-tiền sử-dụng. Nhớ mình không khác gì con chim thằng chài. Chim này ăn toàn cá tươi của tự mình gấp, từ dưới nước xót ngon lành. Rủi bị chúng bắt, nhốt vào lồng, thà nhịn đói chờ chết, mặc cho chúng bầy lấy lồng kết mao đội đầu!

Mục-đích của nhà văn, không phải để kiếm tiền, cốt tìm sự thích chí trước đã. Rồi truyền cái thích-thú ấy cho người khác. Viết được một câu đắc ý, rung đùi ngâm vang, tuy bụng xep lép. Nhà văn nào, bắt đầu viết được một cuốn sách không dày mà chỉ trông mong bán được nhiều tiền, người ấy làm thơ đóng sách, nên hon. Thiếu chi sách nay không còn người đọc, và hốp tốp không phải thời, chỉ chọc cười cho thiên-hạ. Một

anh làm pháo, làm xong rồi đem khoe với lối xóm. Anh nhè cây pháo cốt-cán, - cây pháo thăng-thiên, lẽ đáng nên chừa lại sau chót sẽ đốt cho nó tủa như sao trên trời mới là sướng mắt, nào ngờ anh nhè pháo thăng-thiên anh đốt trước, khiến nên tiếp theo anh đốt thứ pháo gì thiêng-hạ công-chúng cũng bỏ ra về hết, hàng bán không chạy, anh đứng bơ vơ một lát rồi hốt xác pháo rung rung nước mắt, cái tiền-đồ, tưởng là huy-hoàng, ngờ đâu nó đã bỏ chạy từ ban đầu. Phát quá sóm, lun tàn không mấy chốc. Để cho tài minh tự nhiên rồi có, hơn là chọc nó trổ sóm hóa lúa lép và thứ lúa ấy không nuôi người. Lời tôi dặn chót: "Góp nhặt tài-liệu trước, sắp-xếp các chuyện, hãy chứng thực bằng lời văn, ghi sâu tâm-lý người đọc, viết tránh thô-lỗ, chẳng bao giờ bịa chuyện vô-lý, đừng quá vắn-tắt khô-khan như lối xưa, đừng ham khôi-hài không phải chỗ, tránh nhạt nhẽo của người vô duyên lấy văn người làm văn mình, nên nhớ mình chép là chép để trăm năm, phải bao hàm chặt chẽ muôn việc".

Nói nghe dễ-dàng mà việc khó vô ngần. Bí-quyết có mấy câu như trên mà viết hoài chưa được. Nước ngoài, như nước Pháp, ông De Gaulle viết sử, có thơ-ký gộp-nhớ tài-liệu sắp xếp sẵn cho ông viết. Ông Anatole France có thơ-ký nhiều người và ông đeo gọt, ông Chateaubriand sửa đi chừa lại cắt xén thêm bớt không biết mấy lượt mới cho ra cuốn édition ne varietur (tác-phẩm bất di-dịch), không như văn bên ta, in một lần,

không cải-chính và ít khi có tái-bản. Như đã nói, Đông và Tây ít chỗ gặp nhau: Samuel Butler dạy: "Il faut toujours manger le raisin en commençant par les meilleurs grains" (phàm ăn nho trái, nên lựa trái ngon ăn trước), nhưng bên ta chẳng có nho tươi và phép ăn mía vẫn khác. Ngày nay đã có máy ép mía, đâu còn cái thú vô rãy mua mía cây vừa xước bằng răng, vừa nhai nước miếng nước dãi chan hòa, vừa ngon vừa bổ. Phép ăn mía cây theo ông bà xưa, dạy "cái khó làm trước, thì sau dầu mệt đã gấp dễ ít ngán", vậy thì ăn khúc gốc trước, vừa ê răng ăn lần lên khúc ngọn, gấp mềm tuy lạt nhưng đã vớt lại bằng khúc giữa vừa mềm vừa ngọt, đó là an-ủi buổi thành công, và chó nên bắt chước kẻ ăn mía bở thầy, nhè khúc giữa xoi trước, chê khúc ngọn và bỏ khúc gốc, đó là xa-xí. Ông Valery Larbaud nói "la lecture est un vice impuni" (đọc sách là một thói xấu dễ dung-tha), ông Descartes lại nói "c'est une conversation avec les plus honnêtes gens des siècles passés" (đọc sách là luận-đàm với nhon-vật cổ-kim), tôi cho cả hai đều hữu lý, duy nhớ lại tài hèn như tôi, mà dám viết để dạy viết thì quả "Ban môn lộng phủ" ấy chết, tôi đã phạm tội ham nói chữ, Tuấn không nên bắt chước và nhớ giùm nên nói "chông gai hơn là kinh-cúc" và nên nói "giận dữ hơn là phẫn nộ". Tôi già đời còn mê cắp mắt bò câu cửa ai kia, chó Tuấn là con nhà nòi, nữa viết hơn tôi xa lắc.

(viết lại ngày 11-VI-1984 với mớ tài-liệu cũ có từ 14-IV-1972).

Nhắc lại một chuyện cũ vào năm 1972: Giải thưởng Tuyên-dương Sự-nghiệp Văn-chương - Học thuật - Mỹ thuật

Ủy-ban tổ-chức các giải-thưởng, có trách-nhiệm khảo-xét tác-phẩm và phát thưởng là Phủ Quốc-vụ-khanh đặc-trách văn-hóa, số 8, Nguyễn-Trung-Trực, do ông Mai-Tho-Truyền làm lớn, phụ-tá có: ông Võ-Long-Tê, trông-nom bài-vở, nhưng việc quản-trị thì có ông Châu-Ngọc-Thôi làm đồng-lý văn-phòng, bao hàm mọi việc ôm-đồm lem nhem cô nő thư ký.

Năm 1972 này, ban khảo-thí kể chung, thì có quý ông:

- Giản-Chi (Nguyễn-Hữu-Văn),
- Bùi-xuân-Bào,
- Ngô-đình-Hộ (nhạc-sĩ Lê-Thương),
- Lưu-đình-Khai,

- Nghiêm-Toản,
- Nguyễn-văn-Quyện,
- Võ-Long-Tê.

Trong mấy người này, kẻ còn người mất, sống sành-sành, sự-nghiệp mất hay tiêu-hao, thân đi cải-tạo, bút-mực nào dám phê-bình, thương nhau không hết, tôi biết có một ông, trên tám-mươi, xưa không nhận thù-lao công chủ-khảo là hay, nhưng ông nhìn nhận chưa đọc đủ tác-phẩm, thế sao phê chữ ký, như vậy vẫn chưa hay lầm, bây giờ ngày-ngày xê-dịch bằng chiếc xe đạp cót-kết, nhà bên kia cầu quây qua Khánh-hội, người này tôi phục, nhưng cũng ít gặp nhau, trên tám-mươi mà còn đạp xe nỗi, xin chịu thua.

Tôi đã dại, góp nhóp sách xuất-bản, và dự thi kỳ đầu, suýt quên năm thi nay nhớ có lẽ là 1972, duy nhớ giải giỏi nhứt về văn năm ấy là 1.000.000, một ông ngồi ghế trên, hàng giáo-sư, vẫn nhảy xuống ghế đăng tên ứng-thí, được chấm đậu nhứt, lãnh tiền gởi băng, ky-cóp cạn tàu ráo máng, vét túi trong túi ngoài luôn túi áo khỉ, gởi quỹ tiết-kiệm, không phải, gởi chương-mục “công-khổ-phiếu” để lời hoán-buộc-xăng (20%), cộng số tiền gởi 96 triệu, tính mỗi năm sẽ thâu tiền lãi ngót hai chục triệu, bối đồng mỗi tháng có gần hai triệu, mẹ ơi, xài làm sao cho hết, ngờ đâu súng nổ bùm-bùm, của tiền ra nước, hưởn tay không, thêm mang tiếng “sĩ thiếu hạnh”, chơi với ông ấy làm gì, nhơ tay.

Mầy kiêu-ngạo người mà mầy sạch nhớt chưa?

Tranh làm gì, dại quá. Xin dặn, nên viết, gọi giải khuây, đừng trông-mong văn của mình hon ai, nói theo Pháp, viết “pour moi seul” mình nói mình nghe, nũa chết làm cuốn kèn để liệm, như vậy là tốt nhứt.

Một phụ-nữ Pháp, trước có chồng làm đến tổng-thống nước Mỹ, sau tái-giá lấy một lão giàu số 1 số 2 trong thiên-hạ, của hồi-môn lớn không chõ nói, khiến một nhà báo hạ câu “Jamais une femme ne s'est donnée à un tel prix” (chưa có một đàn-bà nào bán mình mắng đến thế), câu nầy độc-địa vì hạ bà xuống hàng kỹ-nữ mãi thân. Nhưng tôi là người Y-nam, thích nước mắm hòn hơn maggy, tôi thấy ông Tú Xương nghĩ ra câu nầy, có lẽ độc hơn câu Pháp:

“Ba-mươi mấy độ chôn chồng,
Còn mong trang-điểm má hồng chôn ai?”

Nhưng kể về đàn bà đẹp, làm sao kể ra cho hết, có cả hon mấy vạn thứ, thứ bị tuyển vào cung vua rồi mới lên chon, - Đất-Kỷ, Bao-Tỷ, Muội-Hỷ, có thứ lấy cháu rồi ngủ với ông mà cũng là ông-vua, rồi giả làm mẹ nuôi để dễ giốn hót với con nuôi, ngoài miệng vẫn thè với vua chồng “Tại thiên ty-dực-diểu” báu hại mình mua dĩa xưa chấm kiều nầy gần sạch vốn, có thứ tân thời hon, nằm ngủ với gần khắp kép trai đẹp và gân, rồi mới câu ông già lội-sông-Duong-tử-trên-mười-mấy-số-ngàn, khi ông già ấy mê cúp hàm-thiết nói chi nghe nấy rồi, mới bán-dạng thuyền-quyên, cầm đầu tú dân-bang, đục bỏ đền miếu nét chạm hay của văn-hóa cũ, là bà Giang-

Thanh bên Tàu, lại cũng có thứ phải ăn sot-déo như cái ba-tê-sô của lò bánh Tây, ấy là đàn bà ăn nói như “dùi đục chấm nước cáy”, duy kể về sắc thì quả xinh tốt và phải làm liền mói ngon, xứng với câu từng đọc trong sách: “les femmes dont le seul mérite est la beauté sont comme les petits pâtés”, nhưng xin thêm họ tinh-ma lắm-lắm, chó tin bụng họ xẹp-lép là họ chung-tình, vì đã có câu “ventre plat, enfant il y a”, kinh-nghiệm cho biết có thai mà bụng chưa phì, mói lầm chết cha cửa tú, (bung xẹp, có thằng tí-hon trong ấy). Nhưng cần gì nói nhiều, ba chữ “của bà to”, trong câu sau đây của cụ Trần-tán-Bình mừng bà Tư-Hồng: “Ngũ phẩm sắc phong hàm cụ lớn, Trăm năm danh giá của bà to”, người hay chữ, đặt ra câu nầy đã sướng, mà mình đánh máy lại cũng thấy sướng lây. Gãm lại nghè viết văn, viết cho đã, quên việc ở tù lén ở tù xuống cũng là nghiệp-chuồng. Vả lại đây là mục “nhớ thương sách cũ”, cho phép tôi tha hồ nhắc lại những bài dí-dỏm về cô Tư-Hồng. Ông Phạm-xuân-Khôi, tri-huyện huyện Bình-Lục, tức huyện sở-tại của cô Tư, mừng cho bà (hay cô) bài nầy, ý thật thà tán-dương, chó không “soi” không “móc”:

Miêu:

“Năm mây bỗng thấy chiếu trời,
Khâm ban sắc-chỉ tối noi rành rành,
Nền phú-quí, bậc tài-danh,
Ngãm cơ hội-ngộ đã dành hôm nay.
Đội đức cao dày...”

Nói:

"Ơn vua lộc nước, há riêng gì nam-tử
mới công-khanh?"

Khách trǎm thoa này cũng trâm anh,
Cũng bia đá bảng vàng danh giá vạn.
Bạch thủ thành gia thiên hạ hǎn,
Hồng quần bạt tục nữ-trung anh".

Tout chauds dont on se détourne dès qu'ils sont refroidis (sécur).

(Khi còn nóng thì ngon, để nguội ăn lảng nhách)

"Vẻ hào hoa phong nhã tài tình,
Guong kim cổ soi chung người phấn đại.
Danh giá tự cao nhân-phẩm tại,
Bắc-Trung-Nam lùng lẫy tiếng bà Tư,
Một đài được mấy anh-thư?"

Đến đó là hết văn không vẹo, nay tối lượt văn méo-mó. Cụ Trần-tán-Bình, một bực danh-sĩ đất Bắc, lúc bấy giờ là đốc-học tỉnh Hà-nam, không biết hai tay ông có khi nào nghỉ viết hoáy, có để yên chǎng, nhưng khi mừng cha lên chức hàm, bà được ban biển, cụ đốc tập Kiều:

"Rằng nay thánh-trạch dồi dào,
Mà cho thiên hạ trông vào mới hay.
Đàn bà dễ có mấy tay?
Hoa chào ngõ hạnh, hương bay dặm phần.
Vinh-hoa bõ lúc phong-trần,
Làm con trước phải đèn ân sinh-thành.

Nền phú-quí, bậc tài-danh,
Khâm ban sắc-chỉ rành rành tới noi.
Năm mây bõng thấy chiếu trời,
Hiển thân là hiếu, cứu người là nhân.
Phong lưu rất mực hồng-quần!"

Rốt lại, lơ thơ 14 chữ trên kia, nôm na, thiết-thực, giản-dị, tầm-thường, nhưng thật là sâu sắc. Văn đẹp như mặt mỹ-nữ, nhưng ý nghĩa nọc độc hơn rắn. Còn hoa nào hơn hoa hồng, nhưng xin lỗi, hồng có gai, hí-hỏn gai đậm, bây giờ bác-sĩ chém đau lấm.

Có người hۆp-tۆp ngại: "hàm cù lón" đối với "của bà to", nghe chưa được chỉnh. Áy chết! Chính chữ "của" ấy mới là chữ đắc-ý nhất của nhà nho. Trong 14 chữ chỉ có "nó" là bật lên như tiếng trống đánh "thùng", có "nó" câu đối mới hay, một mình "nó" ký thác cả hai ý muốn, vừa khen tâng-bốc, vừa "bốc" ngấm-ngầm hang cua hang rắn, bỏ "nó" đi là bỏ thế nào, bỏ "nàm sao được".

Đến đây, xin trở lại văn đúng-đắn, có chữ ông đốc, ông huyện, cụ Tam-Nguyên đâu dẽ chịu cho qua, và cụ Nguyễn-Khuyến đã viết:

"Có tàn, có tán, có hương-án thờ vua, danh giá vang lừng bǎm sáu tinh,

Nầy biển, nầy cờ, nầy sắc-phong cho cụ, chị em hồ dẽ mấy lăm người".

Thế là vui cả làng, những sách như vậy mà đem đốt, thật là quá uổng.

(trích Cô Tư Hồng, của Hồng-Phong, Đào-Trinh-Nhất, bản Trung-Bắc thư-xã 1941).

Nhung chuyện về đàn bà, nói biết đời nào cho hết?
(viết 5-VI-1984)

*

* *

Nói chuyện đàn bà cho đã, rồi bắt qua chuyện đàn ông: già, tuổi làm ông nội, ông cố mà còn ham chuyện “phong-nguyệt” gió-trăng, người Pháp gọi “le démon du midi” (con quỷ, không rõ ắt của giờ ăn cháo trưa, “ngó”, hay giữa đường đời) hoặc văn-hoa hơn là “les feux du couchant” (bóng râm trời tà, hay lửa lóe tàn lúc mặt trời gần lặn), giữa cảnh ba lăng-nhang ba chóp bốn sáng ấy, còn bao nhiêu xăng-nhớt không giữ để lo kéo cái xác về-cho-đến-nhà, lại đi lo ham việc trai trên gái dưới, thì không khác giốn với tử-thần, xưa gọi “cõi ngựa gió” hoặc bị “hạ-mã-thượng-mã-phong”, - về les feux du couchant, trong sách Thánh-kinh vẫn có nói (hãy đọc littérature biblique) nhưng hãy nghe đây lời khuyên chí-lý của nhà văn Paul Reboux:

Câu 1.- “Si l’amour veut rôder encore autour de vous, repoussez-le. C’est plus digne. Si, renvoyé, il revient, congédiez-le, c’est plus sûr”. (Nếu dục-tình còn leo-đeo bên mình, hãy khuerc-từ, xô khéo nó ra. Như

vậy coi có thể-thống với tuổi mình hơn. Nếu đuối, nó còn trở lại nữa, thì hãy tống-khứ mạnh nó đi. Như vậy, chắc ăn hơn).

Câu 2.- “Et lorsque sonne l’heure de la vieillesse? Faut-il aller jusqu’à dire que chaque fois que l’homme se livre au coït, c’est une pelletée de terre qu’il se jette sur la tête”. Khi cái máy đồng-hồ của tuổi già đã gõ một tiếng keng mà chưa biết thân, còn ham thực-thi giao-cấu, ấy không khác mình xúc một vả đất hất mạnh lên đầu (để sớm chôn thân). (trên đây là làm quảng-cáo không tiền cho quyển “l’Amour Parfait du docteur Michel Orengo”) (sách của luật-sư Lê-văn-Trá cho đọc th.8-1977 trước khi ông lui về Marseille – Pháp).

Đọc sách, nhứt là gấp sách hay, người được mớ sầu vạn-cỗ. Tôi vẫn mua sách chợ trời về đọc, gấp thì mua, hoặc may hoặc rủi, chớ nào còn thú chơi sách như cũ, lựa giấy tốt xấu hay lựa theo ý thích. Như tôi mua về đọc cuốn này: “Un rêve de roi”, tác-giả là người Mỹ, Harry Mark Petrakis, do Jean-Gérard Chauffeteau, dịch ra tiếng Pháp, Stock xuất-bản, tôi cũng lượm được hai ba câu dạy đời, tỳ như:

Tr.38: “Les voilà bien les trois fléaux de la vie moderne: la pernicieuse influence du diable, une belle-mère, et des dettes” (Đời nay có ba nạn, tai-ách động trời là một, bà nhặc ác-ôn, nợ nần lút đầu lúc cổ và ma dắt lối, quỉ đưa đường, bêt-rât “nói hay đừng” (ba tiếng sau phải nói lái, phản trở lại mới có nghĩa). Đây

belle-mère, không rõ mẹ vợ hay mẹ chồng, nhưng theo tôi, cả hai đều ít tốt; nợ-nần bởi quá nhiều mới trốn ra khu, còn tuổi già mà còn ham muối, cho nên con cháu mới phạm tội bất-kính; tôi khi dịch, đổi trật-tự cho dễ viết, xin thông-cảm.

Tr.78: Les hommes sont comme les cloches. Il faut qu'elles sonnent pour qu'on reconnaisse celles qui sont fêlées. (Người đài ví tự chuông đồng, phải gõ phải khua, mới biết được chuông thanh khác với thứ kêu cọc-cách). Nhưng chép đến đây mới thấy nước ta giàu hơn họ. Mở từ-diễn của Hội Khai-Trí thiếu gì câu thâm-thúy:

- Chuông có đấm mới kêu, đèn có khêu mới tỏ;
- Chuông kêu thử tiếng, người ngoan thử lời;
- Mang chuông đi đấm nước người, không kêu cũng đấm một hồi kéo câm (hội Los Angelès);
- Người thanh tiếng nói cũng thanh, chuông kêu sẽ đánh bén thành cũng kêu;
- Tiếng ai như tiếng chuông vàng, tiếng ai như tiếng họ hàng nhà ta;
- Chuông già đồng điếu chuông kêu, anh già lời nói em xiêu tấm lòng (Tha hồ mà lựa).

Tr.122: Nơi trang này, có tích như vầy, tôi cho là ý-vị nhứt: "Cicéron, đến nhà bạn là Matoukas, ông này cho Cicéron ngồi trên chiếc ghế gãy hết một chon, Cicéron té, cười lớn mà rằng: "Autrefois, les fléaux que connaissait le monde, c'était la peste, les terres ingrates,

les solitudes sauvages. Aujourd'hui, c'est la peur, l'ennui, le découragement, le désespoir. Et toi, tu passes au milieu de tout ça, serein, inentamé. Tes souliers sont éculés, tes manches de chemise sont usées, ton col est élimé, et pourtant quand tu agis, on dirait que tu es le maître de ta destinée". (Ngày xưa, con người có ba tai-ách lớn, đó là bình ôn-dịch, đất khô cằn không sanh hoa-lợi và cảnh cô-độc thâm-sơn. Ngày nay tai-ách đáng kể là mối lo sợ, mối buồn bức, tình-trạng chán nản ngã lòng, mối tuyệt vọng. Còn mầy, mầy vẫn sống giữa cảnh hồn-độn đó, mà tao thấy mầy vẫn sống bình-tĩnh, y-nhiên bất-nhiễm, mặc dầu dép mầy lòi gó, áo xơ vai, tay áo rách lòi cùi chỏ, mặc dầu vậy, mỗi lần mầy hành động làm việc gì, mầy vẫn giữ được tự-chủ và cầm vững vận-mạng của mầy, bao giờ mầy cũng thánh-thoi nghêu-ngao tự-tại, sướng quá! (không y nguyên-văn, nhưng trối kệ, ngày 6-VI-84).

Cái thú vui đọc sách (tôi thêm chữ "vui" để tránh "thú đọc" (đứng lái lại), "thú xem sách" đã đem cho tôi nguồn an-ủi vô biên. Một cuốn sách xoàng-xinh, mua chợ trời, nói về chuyện anh tù vượt ngục, nhan là "PAPILLON" của Henri Charrière, bản giấy tốt của nhà Robert Laffont, Paris, năm 1978 tôi mua giá có 10 đồng, thiệt là "của Trời cho", ngày nay nếu gấp, giá không dưới một trăm, tôi lại làm tài khôn, tiền túi không nhiều mà tôi mua đến hai lần, lần nhứt sách bình-dân, giấy xấu, tôi đổi được cuốn này, mà anh bán sách, trước

quen nhau vì đều viết văn-lá-cải cho tập bán-nguyệt-san BÁCH-KHOA, anh Hoàng không nhận thêm tiền, thiệt là tử-tế quá, tôi cũng không còn thì-giờ kể lại đây, bạn đọc muốn biết cứ ra chợ trời may khi còn gấp trong sách noi trương 128, có câu nầy của một ông cố-đạo khuyên Papillon như vầy:

"Dieu donne quelquefois à ses enfants de supporter la méchanceté humaine pour que celui qu'il a choisi comme victime en ressorte plus fort et plus noble que jamai. Vois tu, mon fils, si tu n'avais pas eu ce calvaire à gravir, jamais tu n'aurais pu t'élever aussi haut et t'approcher si intensément de la vérité de Dieu. Je dirai mieux: les gens, les systèmes, les engrenages de cette horrible machine qui t'a broyé, les êtres foncièrement mauvais qui t'ont de différentes manières torturé et porté préjudice, t'ont rendu le plus grand service qu'ils pouvaient te rendre. Ils ont provoqué en toi un nouvel être, supérieur au premier et, aujourd'hui, si tu as le sens de l'honneur, de la bonté, de la charité, et l'énergie nécessaire pour surmonter tous les obstacles et devenir quelqu'un de supérieur, tu le leur dois. Ces idées de vengeance, de punir chacun en raison de l'importance du mal qu'il t'a fait, ne peuvent prospérer dans un être comme toi. Tu dois être un sauveur d'homme et non vivre pour faire du mal, même en croyant que ce serait justifié. Dieu a été généreux envers toi, il t'a dit: 'Aide-toi, je t'aiderai'. Il t'a aidé en tout et même t'a permis

de sauver d'autres hommes et les emmener vers la liberté. Ne crois pas, surtout, que tous ces péchés que tu as commis sont tellement graves. Il y a beaucoup de gens de haute situation sociale qui se sont rendus coupables de faits bien plus graves que les tiens. Seulement eux n'ont pas eu, dans le châtiment infligé par la justice des hommes, l'occasion de s'élever comme toi tu l'as fait". (Chúa Giê-su đã ban phép lành khiến các con đù súc gánh chịu bao nhiêu điều ác của loài người làm hại lẫn nhau và đã khiến ai, Chúa lựa làm vật hy-sinh, sẽ thoát nạn và trở nên thêm mạnh và thêm cao-thượng hơn trước. Như con đây, con có thấy chăng? Nếu con chưa ném nỗi thống-khổ đường đời như Chúa đã trải trên con đường Thập-tự-giá, thì con nào lên đỉnh cao để đến gần chân-lý của Chúa như hiện nay? Cha đây còn nói thêm: tất cả những gì, những người, những chế-độ, những bộ răng-cưa-ăn-khóp nhau của cái máy hung-tọn đã nghiên, tán nhỏ thân con gần tan-nát đó, tất cả những ai cực-kỳ xấu-xa ác-đức đã hại, đã tra khổ-hình cho con, bọn chúng có ngò đâu đã làm ơn cho con một ơn vô cùng trọng-đại. Chúng đã biến con ra một nhân-vật cao-thượng hơn xưa rất nhiều, và ngày nay, nếu con được có đủ vừa vinh-quang, vừa từ-thiện, đạo-đức và đủ nghị-lực để lướt qua bao nhiêu trở-ngại trên đường đời để trở nên một con người khả-lân khả-ái cao-cả hơn xưa, tất cả những điều kể đây, con đã nhờ họ mà có. Ngày nay, bao nhiêu ý-nghĩ trả thù bão oán, dầu cho con muốn trước chúng làm sao nay chúng phải đền tội

y theo một cách, đừng con, những tích-oán như vậy, không nên có trong đầu-óc con nữa. Con đã là một thượng-nhân, sanh ra để cứu-giúp đồng-loại, không phải sống để làm hại bất cứ là ai, dusk đó là lấy theo mục công-bằng cũng thế. Chúa đã hết sức nhơn-tử rộng-rãi đối với con đây. Chúa đã phán: "Hãy cố gắng đi, Min đã ban ơn sau". Và Chúa đã rộng ban cho con đủ mọi việc, Chúa đã giúp con cứu vớt được nhiều người và dẫn-dắt họ trên đường Tự-do. Con chớ nên lầm tưởng rằng những tội-lỗi con lỡ phạm là nặng lắm. Thiếu chi người trong xã-hội địa-vị cao-sang hơn con nhiều và đã phạm nhiều tội nặng hơn tội của con gấp mấy. Nhưng trong lối ân-oán đồng đều theo luật công-bằng, chúng nào được như con leo cao như vậy? Được như con ngày nay vậy".

Tôi đọc dứt đoạn này, thấy rằng đạo nào cũng cùng đi một đường, vẫn khuyến thiện trùng dâm, tôn-giáo như cái bánh-lái ghe, khi thuận buồm xuôi gió thì nào cần bánh lái, nhưng những khi phong-ba bão-táp, lúc đau-ốm bệnh-hoạn, tôn-giáo giúp mau mạnh, không mạnh thì đổ thừa tại số trời chẳng là một an-ủi lớn hay sao? Thôi, nói bấy nhiêu đã là nhiều, duy rán nói, choi sách là một thú mạnh-lành, sức bức bộ tiểu-thuyết Tàu Kim-Bình-Mai, vốn nói chuyện dâm-ô, nhưng trong bộ "Hậu Kim-Bình-Mai" thuật chuyện sau khi nhà Tể-tướng Thái-Kinh bị đèn tội và phá tan, mẹ của ông Thái-sư hách-dịch một thuở nay phải đi hành khất độ

nhụt, và khi đến chùa gần bên phủ cũ, vị hòa-thượng nhìn được và kêu trả lại bao nhiêu gói nào cơm khô, nào lương-thực nấm ngon rau quí ngày trước bên phủ xa-xí quăng-liệng xuống cổng xuống muồng, chảy qua chùa, hòa-thượng lượm mót lại, phơi khô, nay có dịp trả lại cho Thái-mẫu, chuyện dầu dơ nhung chứa một bài học như vầy, đốt đi quá uổng.

Kể về truyện Kim-Bình-Mai, đó là ngoại-sử tách ra của bộ Thủy-hử đảng-khổu-chí sự tích 108 vị anh-hùng trên Lương-son-bạc, trong Nam gọi tắt là truyện Thủy-hử, Tống-Giang, Võ-Tòng... gái như Phan-Kim-Liên dâm-loàn, sau bị Võ-Tòng bắt về tế anh là Võ đại-lang, thân nghèo bán bánh bao độ nhứt mà vì ham vợ có sắc, nên bị đầu độc, sau Võ-Tòng trả được thù nợ, thì vẫn là khuyển thiện, ngày nay ông Mao còn lấy ra phê-bình cho in lại, chớ nào đốt nào thủ-tiêu, vì vai Lý-Quì, khá quan-trọng, Quì tuy lỗ-mäng ưa chém ưa giết, nhưng ông Mao vẫn cho rằng chính đó là dân-tộc-tính của thằng dân bị hiếp. Thủy-hử có nhiều bản dịch ra quốc-ngữ, Bắc là bản Phan-Kế-Bính, Nam có bản Nguyễn-An-Khương (bác của Nguyễn-An-Ninh) gồm 37 cuốn do nhà in Imprimerie Saigonaise xuất-bản năm 1906 (trước bản ở Bắc) nhưng in phải nhiều năm mới toàn bộ. Ngày nay, xét ra có đến ba bốn bản nguyên-văn chữ Hán, một bản cổ hơn hết, gồm lối bảy-chục hồi, đến bình-khổu, chinh-phục xong đám anh-hùng trên Lương-son-bạc là dứt, đánh máy đến đây tôi bỗng giật

mình, lấy cuốn 2 của bộ Hiếu-cổ đặc-san, nơi truong 67, tôi đã kể cả thảy là sáu bộ chữ Hán, đó là:

- 1) Bản Trung-nghĩa Thủy-hử 100 hồi;
- 2) Bản 100 hồi, có đôn chô khác bản trên;
- 3) Bản gồm một trăm hai mươi bảy hồi;
- 4) Bản chỉ có bảy chục hồi, nhưng có lẽ xưa và đáng tin cậy nhứt;
- 5) Bản của Thi-Nại-Am soạn, gồm một trăm hai chục hồi, nhưng sau in lại còn 70 hồi;
- 6) Bản có lời phê-bình của Mao-Trạch-Đông, không rõ có mấy hồi. (Năm xưa tôi hỏi và kiếm mua bản này ở Đài-Bắc, tôi bị các bạn bên ấy ngây-ngà dử quá, họ trách tôi không biết họ chống cộng hay sao mà còn hỏi làm vậy, sau lại họ chỉ tôi nên hỏi ở Hồng-Kông, nhưng ghé ít thì-giờ quá, tôi không hỏi được).

Sở dĩ có nhiều bản, theo tôi hiểu, có lẽ vì hẽ con cháu của Tống-Giang thì nói tốt cho họ Tống, đưa ra thuyết anh-hùng ra đầu hàng chính-phủ được sai đi chinh-an và chết lần hồi, hoặc chết trận, hoặc bị nịnh đầu-độc, rốt lại vẫn là Trung; bản khác thì cứ theo sử mà viết, và bản khác nữa là chế biến thêm nhưm thêm nhị, Phan-Kim-Liên, họ Hoa, họ Bình, vân vân kéo dài ra nhưng chung qui Kim-Liên cũng chết về tay Võ-Tòng.

Ngoài ra, đứng về phương-diện chơi sách, tuy tôi không đọc được Anh-văn, nhưng tháng 10 năm 1976, tôi ra chơi nơi chợ trời, bỗng bắt được tin có một người

ở đường Cách-mạng tháng Tám có một cuốn chữ Ăng-lê nói về Thủy-hử, tôi lên đến nơi thì sách đã bán về tay một Ba Tàu chuyên mua bán ve chai, tôi không bỏ cơ hội và lặn-lội mất cả mấy ngày công và đã tìm ra manh mối nài lại được cuốn ấy, nhan là "The evolution of a Chinese novel, Shui-hu-chuan" by Richard Gregg Irwin, - Harvard University, 1953 (Lư-tuấn-Nghĩa viết là Lu Chun-i, quý hóa quá mà giá rẻ vô cùng (15đg, 6-X-76). Sức bức người Mỹ và trường trú-danh Harvard mà còn mê Thủy-hử! Và quả tôi có vầy may về thú chơi sách, là ngày 7-12-1977, tôi mua ở chợ trời thêm được hai quyển Anh-văn "Water Margin, written by Shih Nai-An, translated by J.H.Jackson, - The commercial Press Limited, Hồng-kông 1963, trọn bộ hai cuốn mua 20 đồng (7-12-1977) thiệt là trời cho. Cần gì đọc được chữ Anh, có sách trữ trong nhà, đủ là người chơi sách. (6-VI-84).

Nên chơi sách hay là nên mua tranh?

(viết ngày 16-6-84)

Choi sách, sách bị hốt. Hết sạch sành-sanh, nào dám than thở, tiên bảo kỵ thân. Tôi thấy lăm người, chẳng biết ắt-giáp gì, vẫn đua đòi bỏ sách chơi tranh. Nói “choi” chưa đúng, vì họ có tiền, đánh hoi tranh dễ gởi ra nước ngoài hơn sách, nên chạy theo tranh. Tranh đây chẳng phải tranh Tàu “thủy-mặc” vì làm gì có thứ cổ, cũng không phải tranh Tây của các họa-sĩ và giáo-sư trường vẽ Gia-Định (Joyeux, Le Maire, Mme Gioan...) hoặc trường Hà-nội (Tardieu, v.v.), cũng không phải của các tài-tử kỳ-cựu (Tôn-Thất-Tùng,... Thọ,... Sa), phần đông môn-đệ của họa-sư dạy vẽ Pháp hoặc thuộc lớp tiền-chiến 1914-18, bút-họa chất-phác cổ-diển, vì lớp trước chưa biết “choi” cũng chưa biết giữ-gìn, nhà cháy, mối ăn, nay không còn lại là bao, tranh tôi nói đây là tranh vẽ dầu hoặc nước màu, của các tay mới, chưa quá nửa thế-kỷ, tác-giả phần đông còn sinh-tiền, không quen mặt cũng nghe danh biết

tiếng, vốn người đồng-điệu, hoạn-nạn hiểu nhau, tôi nào dám chê khen cho mèch lòng. Không nói được về tranh mới, tranh nửa sạc, chưa già, còn non, vậy thì xin có ít trang về danh-họa cổ của Tây-phương, thường thấy in hình trên các sách nói về mỹ-thuật.

Trong một quyển nhỏ “L’Ermitage” (quên tên tác-giả), trang 106 ghi sơ: “le 15^e siècle, en Italie, les artistes élaboraient les lois de la perspective et des proportions du corps humain”. Như vậy, Tây-phương hiểu phương-pháp viễn-thị chỉ từ thế-kỷ XV, trái lại Trung-quốc từ đời Đường (Vương-Duy) lại đặt mực thủy-bình (ligne horizontale) và nhìn “từ gần vô trong xa” (cận-thị), và Mao-Diên-Thọ đời nhà Hán đã biết họa chon-dung và vì Vương-Chiêu-Quân không dâng của lót, nên bị vẽ hình xấu-xí, khiến có cuộc “hòa Phiên” rắc-rối. (Chiêu-Quân cống Hồ).

Có một ông, làm nghề bào-chế thuốc Tây (dược-su), trước năm 1975 có sáng-kiến mỗi lần có tổ chức triển-lãm bán dịp lễ Giáng-sanh (Noël), Tết Dương-lịch, ông đều không bỏ sót, đến dự, và sau nhiều ngày nhỉn-ningăm, ông mua những tranh dầu, tranh sơn-mài, luôn những bức vẽ phác,... tranh ít choán chỗ, treo choi cũng vui mắt, xếp vào các-tông cũng gọn, dùng một cái, mấy anh vô đây, ông ta xách gói thẳng xông một đường sang Pháp, nghiêm nhiên đó là nhà chơi tranh sớm nhất, có cái óc mới-mẻ mở đường cho khách mua và bán tranh tân-thời, khỏi nói ông trở nên giàu xụ.

Nhung mua sắm phải cho cẩn-thận. Thiếu chi họa-sĩ phóng-bút, cũng vẽ chơi, nhại nét bút của danh-họa cũ, gọi làm copie, những bức "ký kiểu" ấy, thỉnh thoảng thường gấp, bán không mắc tiền, các tay con buôn tinh đời, họ mua về, lồng vào khuông gỗ quý, đặt dưới kiếng năm ly có mài cạnh, các nhà chập-chủm, túi có tiền, óc chưa đủ kinh-nghiệm lân-la đến nài, đưa cổ non cho họ khứa.

Cũng may, trời sinh voi sinh cổ, họa-sĩ, con buôn, nhà sưu-tập vẫn sống nhăn, mất một tay mọc ra tay khác, cũ đi mới đến, luân phiên trong làng chơi tranh, tổng-kê lại chẳng mất bao nhiêu, còn đông hơn xưa là khác.

1) Hỏi.- Nên tin lời quản-thủ thư-viện, viện bảo-tàng, nhà giáo-nghiêm, các tay chơi sành sỏi, nhà nghề hay chẳng?

Đáp.- Hỏi và đáp cũng một mình. Có thể tin được vì họ vẫn là người có kinh-nghiêm, nhứt là khi họ có chon-tinh. Nhưng lầm khi họ cũng lầm-lạc như ai, họ cũng mắc bẫy, - khách lão-luyện hái hoa bắt rắn vẫn bị gai đâm nọc chạy, khách chơi hoa biết nói, coi chừng hoa-liễu, dương-mai, thiên-pháo nổ thật to, y hệt vi-trùng "tranh giả-mạo" không tha người chuyên-nghiệp, càng phong-lưu lầm, càng oan-trái nhiều. Trong quyển "Au pays des antiquaires"^(*) (André Mailfert, Flammarion

(*) Trong quyển "Les imposteurs de l'Art" (Fernand-Demeure, nhà Frédéric Chambriand xuất-bản năm 1951 tại Paris), (sách nói về ngón gian-trá, phỉnh gạt về mỹ-thuật-phẩm), tác-giả cho biết quyển kể trên "Au pays des antiquaires", xuất-bản năm 1929, nhưng đã trở nên

1954, sách khiêm tốn 171 trang khổ 14x21cm, mua chợ trời 22-6-1980 giá 7 đồng, bất ngờ đó là sách quý, các quán Paris nay cũng không còn), tác-giả André Mailfert tả tỉ-mỉ cách thức giả-tạo cổ vật, giá thử sách này lọt về tay các nhà "chế đồ cũ" ắt là đại họa cho giới học chơi học sắm. "Antiquaire", vừa là người nghiên-cứu cổ-vật, người hiếu-cổ mà cũng vừa là nhà buôn chuyên bán đồ cũ đồ xưa. A.Mailfert đã từng nhại, đến các hiệu buôn khác lầm, những đồng-hồ chung trên lò sưởi, khuôn hình đời Louis XV, v.v. trông như thật, ông viết sách thuật lại rành-rọt mánh-khóe cách làm, và ngón xảo của con buôn đồ cổ, tôi đọc mà ngán ngẩm cho tình đời, và hết muốn chơi. Ông thú nhận suốt hai mươi năm trong nghề, ông đã giả-tạo trên 30.000 món giả (tr.74), nhưng ông có óc chon-chất không thừa dịp dối gạt thế-

(tiếp trang 194)

introuvable bên Pháp. Thế mà ở chợ trời tôi vẫn còn gặp, phải vẩy may chăng? (Hai quyển này là sách gối đầu nằm, nếu gấp đừng bỏ qua, đáng tiếc lầm).

- Manuel d'Ethnographie par Marcel Mauss (Payot 1952) khảo về nhân-chủng học;
- La vie étrange des objets (Maurice Rheims, 1963), dạy về đời sống các vật từ-khí;
- La vie en chose (tác-giả xưng Noctuel, Calmann-Lévy, 1964), luận về gốc-tích đồ vật;
- Les scandales de l'hôtel des ventes (Sheridan, 1926), các tệ-doan nơi nhà tẩm-tẩm;
- L'Art de la table (Pierre Andrieu, Albin Michel, 1961), dạy dọn bàn ăn, gốc tích món ăn;
- Les vins de Bourgogne (P.Poupon et P. Forgeot, Presses Universitaires), rượu ngon Pháp.

gian, vật ông làm, ông vẫn bán giá hạ. Có một lần, ông làm ra một bức tranh, đề dưới góc tranh: "sáng-tác năm 1650-1670, tái tu-bổ vào năm 1750 và tranh vô khung năm 1870", có một vị quản-thủ viện bảo-tàng nọ, thấy tranh thích quá, nên nài mua với giá 100.000 francs, nhưng Mailfert không khứng bán. Ít lâu sau, vị quản-thủ gởi một ngân-phiếu 400.000 francs, kèm một bức thư hỏi nài, nhưng vị quản-thủ chung-hứng vì Mailfert gởi trả ngân-phiếu xé đôi vô dụng và viết kèm một bức thư thật nhã: "Tôi sẵn lòng để bức tranh ông muốn đó cho ông chơi, nhưng tôi chỉ tốn 90fr. tiền mua bối và màu, ông hoàn lại tôi số bạc ấy là vừa, vì tranh ấy không đúng cổ và vốn tôi sáng-tác".

Nhưng trên đài có mấy người được như A. Mailfert? Đa số vẽ tranh giả, gạ gẫm bán giá siết họng, chỉ biết có kim-tiền. Tôi nghiệp cho các nhà tay mơ học chơi, đến vẩn kẽ các sư, gặp như vị quản-thủ nói đây, thật báo.

CHỮ KÝ TRÊN TRANH - đọc sách cũ, học được đài ba tài-liệu:

Chữ ký trên tranh, bên Âu-châu, thạnh-hành từ thế kỷ XVII. Vào thế-kỷ XIV, đã có ông Orcagua đề tên mình trên tác-phẩm, có lẽ là trước hơn ai, khi thì viết Orcagua scultor (điêu-khắc), khi lại đề Orcagua pictor (họa-sĩ), phân phân bất nhứt.

Chính Michel Ange (1475-1564) ký tên mình có một lần trên tác-phẩm "la Vierge" (trinh-nữ) trưng-bày ở

thánh-đường Saint-Pierre, vì có người tròng-trành rằng tranh ấy do một họa-công ở Milan, tên Gobbo vẽ nên Michel Ange mới đề tên mình vào như vậy, cho khỏi nghi-ngờ (trang 14).

Hiện ở viện bảo-tàng Villa Borghèse, có đến hai bức tranh ký Titien, vậy tranh nào là thật, tranh nào là giả? (tr.28).

Bức danh-họa "l'Adoration des Mages" (tôn-sùng các thuật-sĩ), không rõ tác-giả là ai, kẻ rằng của Greco, người rằng của Bessan, cãi nhau ôm tỏi, sau nhò lật vào bên trong mới thấy chữ đọc được Theotokupuli, như vậy không phải Greco mà cũng chẳng phải Bessan.

Tỷ như danh-sư Van Dyck, có để lại lối 70 hay 80 bức tranh là cùng, thế mà tổng-kê hoàn-cầu có đến 2.000 Van Dyck, thiệt là rối. Nhưng nhờ bọn giả-tạo làm ăn sát-nhon như thế ấy cho nên các viện bảo-tàng bên Âu và bên Mỹ mới có danh-họa và tác-phẩm treo cho công-chúng chiêm-ngưỡng theo lòng đài hỏi của khách hiếu-kỳ.

Utrillo, đứng trước một bức tranh chính tay ông vẽ, nhưng miệng bô-bô phản-đối rằng đó không phải là tranh của mình sáng-tác. Tại sao vậy? Vì đã trót ký giao-kèo với nhà buôn Pétridès, độc quyền bán tranh của mình, nay nếu tuyên-bố tranh này vẫn của mình, thì Pétridès sẽ kiện thưa lòng-vòng lăm. (tr.68).

Riêng về Corot, mới tai hại (tr.81). Khi chưa nổi-danh, buổi hàn-vi, Corot vẽ không biết bao nhiêu tranh mà đếm.

Khi mãn phần, nhà giáo-nghiêm Alfred Capus nói: "Có cả thảy 1.500 tranh do Corot để lại", mà tranh lọt qua Mỹ-quốc có đến 3.000 bức. Sau đó Capus cải-chính và nói Corot vẽ được 2.000. Nay bên Mỹ, có bao nhiêu tranh có chữ ký Corot? Năm 1937, ở New-York, lập bảng tổng-kê thì khắp nước Mỹ có 20.000 bức! Lấy số trung-bình mà nói, chiết-trung trong 50 tranh Corot, có bức do tay Corot vẽ một vài nét chõ nầy, chõ nọ, kỳ dư đều do tay người khác, học trò học chung một lò vẽ và đẽ tên Corot vào để gây uy-tín, ai đâu đủ tài phân biệt? Theo Moreau-Nélaton, lại có thứ tranh vẫn do Corot vẽ, lâu ngày màu phai-lọt, tay khác vá-giambi vào. Như vậy bức tranh còn xứng danh là của Corot nữa chăng? Xét ra, tranh giả của Corot, do người khác vẽ, cũng chưa đúng là giả, vì Corot dẽ-dãi và nhẹ tánh, mỗi lần có người quen đem tranh lại kỳ-kéo thì ông ta lấy cọ sửa-chữa một vài chõ, biến tranh thiếu hồn ra tranh linh-động, những tranh ấy nên gọi là gì? Giả Corot, hay Corot giả?

Trang 72.- Constance Mayer là một nữ họa-sĩ đa tài mà thêm đa-tinh, nhưng bạc-hạnh. Lúc thanh-xuân theo học nghề nơi lò Suvée rồi nhảy qua lò Greuze. Đến đâu đều gieo-rắc, lưu-niệm khi chút tình khi vài mảnh tài-nghề. Nhiều tranh nàng để lại đều do Greuze phỏng-tác, thân mình do nàng phụ-họa, Greuze o-be mặt và đầu. Một mớ tranh khác nàng vẽ chung với thầy là ông Prud'hon, vì tập-tàng là tiếng Việt, nên không biết gọi những tranh ấy là gì cho đúng.

Sau ngày nữ họa-sĩ đa tình nầy chấm dứt cuộc đời bất mãn, có bỏ lại một bức lõ-dở, Prud'hon nhớ và thương cô học trò bạc mạng, nên tiếp tay hoàn-tất và để tưởng-niệm người quá cố, Prud'hon tuyên-bố đẽ-tài phác-họa là của Constance Mayer, Prud'hon nầy chỉ là người nối-điều.

Như vậy không nên hoàn toàn tin vào chữ ký trên tranh. Thuở trước, các danh-sư đều có lò dạy vẽ (không khác bên ta nay dạy đòn), học trò đến đây học phỏng bút theo thầy và vẽ theo kiểu-tức của thầy phác-họa, khi thầy rỗi-rảnh sẽ xem lại, tô-điểm, sửa-chữa rồi ký tên "thầy" vào và kể đó là tranh của thầy sáng-tác.

Trang 19.- Charles Schwab, vào thời đang vượng, xưng là "ông vua sắt-thép đất Mỹ". Một hôm lão mua một bức ký Raphael, trị giá một triệu đô-la. Có người mách với lão, tranh ấy là giả, lão cười hề hề: "Tranh lọt vào tay Schwab nầy rồi, ai dám nói rằng giả. Dầu giả, ở với lão ít lâu cũng hóa ra thật!"

Tóm lại, thời cổ, bên Âu-Tây, thế-kỷ XV, XVI, chưa có trường công mở ra dạy nghề. Vẽ tranh, chạm, khắc, làm kim-hoàn, đồ nữ-trang vàng bạc, đều học nơi lò. Xin lấy lò Ghirlandajo làm tỷ-dụ:

Ghirlandajo dạy nghề cho Michel Ange, lúc nhỏ tên là Buonarotti. Michel Ange là thần-đồng, vừa mười-ba tuổi đã tài cao, giỏi hơn thầy đến Ghirlandajo cũng ganh. Michel Ange vẽ một bức nhái hệt điệu vẽ của thầy, đến thầy nhìn không ra và quả quyết tranh ấy

do mình sáng-tạo. Michel Ange cười thầm và không tiết lộ. Vả lại Michel Ange đúng là đa tài, vừa vẽ giỏi, vừa giỏi nghề điêu-khắc, luôn nghề kiến-trúc, vừa là một thi-sĩ quán chúng. Cho đến ngày nay, chưa có người nào tài bằng ông, tuy vậy lúc chưa phát-tích Michel Ange vẫn phải ký tên người khác mới kiếm đủ ăn, họa-phẩm, tác-phẩm của mình mới có người mua người hỏi, và như vậy ai dám nói mạo-tể là một nghề nhục-nhã?

Sau này có ông Daguerre (1789-1851) chế ra máy khắc gọi theo tên ông là Daguerrotype, ký kiếu, in lại trên giấy, giống hệt nguyên-tác, có khi đến nhìn không phân biệt bức nào vẽ tay bức nào in trên máy.

Trong sách kể đức giáo-hoàng Léon X có sai Raphael vẽ chơn-dung, sau đó giáo-hoàng Clément VII lại lấy tranh Léon X, sai một bộ-thần mang qua dâng cho công-tước duc de Montoue, trước khi giao bức tranh, ông bộ-thần này có nhò Andréa del Sarto phỏng ra một bức khác, khiến nay có hai chơn-dung Léon X, một do Raphael sáng-tác, một do Andréa del Sarto coi theo vẽ lại, cả hai tương đối đều quý như nhau.

Theo tác-giả Fernand Demeure viết trong quyển "Les impostures de l'Art", có nhiều bức kiệt-tác của các viện bảo-tàng trên hoàn-cầu, nhiều bức bị liệt vào hạng khẩn-ghi, vì "chữ Trinh đã mất", tỷ-dụ:

a) La Joconde của Viện Le Louvre bên Pháp, vì tranh này kẻ trộm đánh cắp năm 1911, dầu cho nay đã phục-hồi nguyên-vị, nhưng "gái trốn nhà đi ra một đêm",

cũng đủ mấy ông khó tánh nghi-ngờ "tân-trinh, thực-đức". (viết ngày 16-6-84)

Chính thi-sĩ Guillaume Apollinaire luôn họa-sĩ Picasso vẫn bị lôi-thôi tình-nghi trong vụ đánh cắp này, G. Apollinaire bị giữ vài hôm noi bót vì tội oa-trữ bom gian, sau nhò bắt được tên trộm ở Belgique, nên mới được tha... Tranh La Joconde mặc dầu được trả về viện Le Louvre, nhưng ở Belgique vẫn còn lời nghi-ngờ bức tranh chính đã bị hỏa-thiêu và tranh ở Le Louvre là tranh vẽ lại.

Năm 1949, một nhà buôn đồ cổ ở Côte d'Azur có trưng bày một bức La Joconde y hệt tranh của Le Louvre, xin hỏi đó là tranh ký-kiểu hay quả đó là của Léonard de Vinci?

Năm 1950, bên Mỹ, bác-sĩ Yodston lại đinh-ninh La Joconde của viện bảo-tàng bên Mỹ vẫn cổ-kính hơn tranh của nước Pháp. Hai nhà giáo-nghiêm Roberto Longhi và Roberto Papini phải dày công cải-chính vụ này.

Năm 1963, tôi qua Pháp, đã thấy tận mắt ở điện Le Louvre bức tranh vô giá này, quan khách đến cung-chiêm phải đứng cách xa bức tranh hon vài mươi mét, tranh có đặt vòng rào sắt không cho đến gần, dưới chỗ trưng bày có hai lực-sĩ ngồi canh chừng, theo sách chỉ-dẫn, mỗi người có sức cự-đương trên hai chục người muốn xâm-phạm, riêng bức tranh được đặt trong khung kính dày súng bắn không thủng, - khi thu-hồi bức tranh trong tay kẻ trộm đã có ban chuyên-môn giáo-nghiêm

và minh-chứng đó là tranh “thiệt” bằng chứng là thố-bố của tranh lấy về vẫn y hệt như sơ-bố cũ giữ lại khi tu-bố tranh lúc trước (có nói rồi trong Hiếu-cổ đặc-san), và lại, bức tranh La Joconde của viện Le Louvre, một lần Mỹ-quốc và một lần sau, Nhựt-bản, hai nước có mượn của Pháp đem về nước họ cho công-chúng xem, mỗi lần tiền trả bảo-hiểm cả mấy chục triệu đô-la, không lý hai nước ấy há rước tranh giả hay sao? Bao nhiêu ấy đủ chứng nhận giả hay chon rồi, nhưng tình đời, theo tôi “gái vắng mặt một ngày đủ khiến chồng ghen”, và có như vậy mới có gai-thoại voi-cạn chén trà chung rượu của bọn hiếu-kỳ.

b) Bức kiệt-tác La Belle Jardinière của Raphael, trân-bảo của viện Le Louvre cũng bị tình-nghi như bức La Joconde không khác. Có một chàng nọ có một bức, đinh-ninh của mình mới là tranh thật, còn tranh của Le Louvre là bức “ký-kiểu” (copie), nhưng tiếng nói của chàng vẫn không có hồi-âm, vì ai lại cải-chính cùng chàng làm chi, một khi đã biết hiện La Belle Jardinière (Hoa-viên tố-nữ) có đến trên hoàn-cầu tất cả là chín (9) bức!

Xét ra đã mấy trăm năm nay, từ khi thành-lập ra viện triển-lãm, viện bảo-tàng, các tranh kiệt-tác thường bị ngờ-vực về vấn-de chon-giả, một điều không ai cải, là nếu tranh không đúng là “chân” thì còn trình bày làm mẫu cho công-chúng xem làm chi? Và có một lúc, bên Mỹ-quốc, đã toan lập một viện để trưng bày “đồ giả” (musée des faux) nhưng vấn-de này “sẩy ngay trong

trúng”, vì có bao giờ các nhà buôn đồ-cổ lại cho phanh-phui mánh-khóe và mánh-lói chuyên-nghiệp và mấy miếng sờ-trường của họ ra trước mắt mọi người, thì còn gì nghè-nghiệp “làm ăn”? (trang 106 Impostures).

c) Tóm lại, tình-hình hiện-hữu, nói cách khác: sự thật trước mắt ngày nay là: Chính tranh “La fosse aux lions”, nói rõ hơn chút nữa là tranh “Daniel dans la fosse aux lions”, tức hầm chứa sư-tử, hay là “tên Daniel bị nhốt trong hầm sư-tử”, tranh này do vua Charles 1^{er} sai đem phát mãi, ông Burton làm quản-thủ, bụng muốn mua cho viện bảo-tàng Anh-quốc “National Gallery”, viện không đủ tiền, và bức tranh giá 133.000fr. (tiền đời ấy), lọt về tay nhà tỷ-phú Beckett Denison mua được. Tông tiu chưa kịp vui mắt, đúng một cái, tranh này định do Rubens sáng-tác bỗng bị xem là đồ giả, và chính tranh thật là tranh hiện ở nhà thờ Goloshill, ai muốn xem cứ đến nơi đó mà xem. Cãi nhau như bợm mổ bò, sau rốt hai bức tranh, bức nào chon bức nào giả, chỉ có ông trời họa may biết được.

d) Cũng như bức kiệt-tác “Les joueurs de cartes” (kẻ chơi bài), tranh của David Téniens họa, lúc lấy ra phát mãi, cũng bị tình-nghi. Báo Figaro đăng bài của hầu-tước Raousset Boulbon viết, tranh thật hiện vẫn treo tại nhà ông đã nhiều đời liên-tếp, không dời đổi, và tranh bày bán nơi nhà tầm-tầm quốc-te ở Paris, Hôtel Drouot là vật khả nghi. Rốt cuộc đâu vào đó, vấn-de lui êm vào bóng tối, không ai giải-quyết được, chỉ có ông Thánh nghè hội-họa biết mà ông không miệng nói.

Một điều biết chắc chắn “ba bó một giã” là mỗi ông thợ vẽ “tổ sư” đều có một lò riêng biệt, ngoại-trừ ông Ghirlandajo là khó tánh, kỳ dư mấy ông kia, thấy thấy đều dung-túng cho môn-đệ mình tha hồ và tự-do phóng bút vẽ chi thì vẽ, khi nào có bức “xem bộ xài được”, khi ấy thầy mới chấm-phá đôi chỗ rồi hạ bút ký tên mình vào, - như vậy, đó là tranh giả ư? Đúng ra đó là tranh một phần của trò, phần kia của tôn-sư phụ-bút, xin đừng cãi-cọ, và mối tệ-đoan kia vẫn tiếp tục sanh-sanh, trưởng-trưởng hoài-hoài không thôi, cho đến nay tục ấy vẫn còn! Rubens, Rembrandt, hay một họa-sĩ trứ danh nào khác, chỉ có công đưa ý-kiến ra cho môn-đồ khai thác, chợt khách hàng đến lò, thấy tranh vừa ý thì mua luôn, và thuở ấy, mua tranh như ta nay vào nhà làm đàn mua một cây đòn, khi đem về nhà hẽ đàn “kêu”, phát âm tiếng thanh, tốt, êm tai thì đó là may thời gặp được đàn quý, chớ nào nài chữ ký, tỷ dụ đàn của nhà Trần-Đinh-Thư Hà-nội, thuở tiền-chiến, hay đàn của hiệu “Tín-Thành” 250 đường Lê-văn-Duyệt (Hòa-Hưng) Sài-gòn, hoặc của một nhà khác, khiêm tốn hơn, cũng không cần chạm tên khắc hiệu chi, không cần-thiết.^(*)

(*) Một cây tranh, một cây kìm, cần gỗ trắng, Nguyễn-Tùng-Bá từ Sài-gòn mang xuống tỉnh Sóc-trăng, bán giá 5\$ (vàng 60\$ mỗi lượng), nay đàn ấy sót lại bán trên 20.000\$. Một tỳ-bà, đáy cầm-lai, mặt ngô-đồng, bán 18.000 năm 1983, nay giá trên 20.000 (vàng 80.000 một lượng). Trong báo “Temps nouveaux” (Tân thời-đại) số 29 tháng 9-1980 có đăng-một tin: cây đàn vĩ-cầm của nhạc-sư Stradivarius, sáng-chế năm 1715, nay trị-giá 1,2 millions de francs suisses, có một nhà hiếu-cố

Ông Rubens làm việc một cách “tài-tử” lắm, nào xem nghề vẽ làm trọng, ông là sứ-thần thay mặt cho vua, xuất ngoại là thường, thêm ông phóng-khoáng mãi ham vui chè chén với chị-em từ khách-phòng này qua sa-lon khác, thật ra ông không còn thì-giờ chăm chú nghề vẽ (trang 34), và có một giai-thoại này xin kể lại cho vui:

e) Về Utrillo.- Một hôm, tòa có một vụ án tranh chấp về chữ ký, và có vài bức tranh, rằng của Utrillo sáng-tác, nhưng người nhà của ông vẫn quả quyết là giả.

Utrillo bị lôi ra tòa nghe xử, báo Samedi soir (chiều thứ bảy) thuật như vầy:

Ngày 13-7-1950, các chuyên-gia giao-nghiệm đang cãi qua cãi lại, thì một ông quản-thủ viện bảo-tàng tên gọi Brenner quả-quyết “đó là tranh giả Utrillo” vì chữ ký, theo ông, không phải là chữ ký quen thấy của Utrillo vậy.

- *Coi lại xem - tòa nhắc chừng - hay đó là chữ ký của Utrillo phu-nhân?*

Brenner thua cũng vẫn không phải. Lúc ấy có một nhà giao-nghiệm tên Schoeller ra trước mặt tòa và khai

(tiếp trang 204)

gặp tại Anh-quốc, ông mua và tặng cho thành-phố Crémone là nơi nhau-rún của thầy đòn kỳ-tài Stradivarius, mỗi lần lấy ra đòn cho khách-quan nghe, vẫn có hai người lính đứng gần người kéo cây violon quí-báu này, để phòng đàn bị đánh tráo hay đánh cắp. (tập notes số XIV). Đàn kìm trong Nam, tôi chưa thấy cây nào xưa tới trăm năm. Một nhà họ Trần ở Tân-Định, hẻm Phan-Thanh-Giản có một đàn kìm nơi cần có khắc niêm-hiệu năm mua (1899), tương truyền đàn này trước của Triều (Rạch Gầm) đó là đàn quý đó.

huy ch tết: -Thua đúng là của ông Utrillo vẽ và do bà Utrillo mang ra tiệm đổi lấy áo hồ-cửu (fourrures).

Chừng ấy bà Lucie Valore (tức Utrillo phu-nhân) mới chịu khai thật và nhìn nhận "Vì thương áo và muốn có một hồ-cửu nhu ai" nên đành mang tội "cắp".

Mặc dầu vậy, Utrillo vẫn còn vĩnh-cường chịu một bức là của mình còn một bức kia là đáng ngờ. Sau đó phải mất thì giờ không ít và dày công xem đi xét lại mới rõ ra bức "đáng ngờ" ấy cũng của Utrillo tuốt luốt, chẳng qua vì vẽ đã quá lâu năm, Utrillo tô đi vẽ lại quá nhiều lượt quên phút và vì không kịp suy nghĩ nên chạy chối như vậy. Trong Nam có câu "tâm-bôn, khỏi lỗ vỗ về". Nên nhắc Utrillo vậy.

Cũng một phiên tòa ấy, nhưng trong vụ khác, đem ra xử một ông hoàng thú thiệt, tên và chức-vị rất dài là Georges Khoury Commène, duc de Santiago et de Compostelle, công-tước hai quận chớ chẳng chơi, lại phạm tội giả chữ ký và giả tranh của Renoir, Matisse, Picasso, ba nhà họa-sư danh tiếng. Nhưng công-tước khai "đó là tranh tập vẽ", tòa ân-huệ tha bổng, hú hồn (ce n'était que des pastiches, non des faux – tôi nhái, tôi học vẽ tôi chơi, chớ không có ý gian! (trang 70). (Lưỡi không xương, nhiều đường uốn-éo).

Trang 24.- Bây giờ mới rõ vào ngày trước kia:

- Albert Klomp phỏng tác theo họa-sĩ Paul Potter;
- Paul de Vos nhại des Suyders;

- Johann Van de Broda bắt chước nét vẽ của ông des Breughel de Velours, cũng như các ông des Wouvermann, David Téniers, des Tizano, Constantin Netscher, Van Dyck và Luca Giordano bắt chước nhau qua lại hà-rầm và lộn-lạo làm sao nay biết rõ của ai. Việc đã rồi nùi, nay biết làm sao phân-tách?

Phần đông lúc trước ký-kiểu của nhau là chẳng qua vì hám tiền, ngoài ra không có ý gì khác, buổi ban sơ chữ ký cũng chưa quan trọng và vì sau này các nhà chơi tranh đòi hỏi về chữ ký mới hóa ra có vấn-dề "mạo danh-tự". Duy một ông Michel Ange ký kiểu thày là Ghirlandajo là một ca đặc-biệt không giống một ai.

Trang 27.- Năm 1918, giữa trận đệ-nhứt thế-chiến Âu-châu (Đức-Pháp) bỗng xảy ra một vụ, viện bảo-tàng hoàng-gia Đức "Kaiser Friedrich Museum" xin điều-tra về một tranh ký Titien, lại lòi ra bảy tấm tranh của Le Titien, vẫn vẽ cùng một đề-tài: "Nàng vệ-nữ ham nhạc với tên đánh đại-phong-cầm" (Vénus se récréant avec la musique et le joueur de l'orgue).

Le Titien vẽ một bức như vậy, nhưng hiện nay viện Le Prado giữ hai bức, ở nước Anh có đến ba bức, một bức khác ở Dresden, một bức khác nữa ở La Haye, và đương như nghe nói có nhiều bức hiện lưu-lạc ở Ý, vậy chớ bức nào mới thật do Le Titien sáng-tác?

Trang 28.- Danh-họa Giorgione lãnh trang-trí cho điện Conseil de Venise, đang vẽ nửa chừng, Giorgione tạ thế vừa ba-mươi-ba tuổi (tuổi Nhan-Hồi) năm 1511,

công việc bô dở-dang và chính Le Titien nối tiếp Giorgione, và ông sau thay đổi vài chỗ của ông trước làm, và hiện nay tranh Conseil de Venise, vẫn còn đó, nhưng lẩn lộn phần nào của ai vẽ, khó mà quả quyết, và lấy đâu làm bằng cớ?

Vả lại, vấn-đề định tuổi một bức tranh, rất là lung-chừng, mờ-ám, không làm sao giám định chắc và quả quyết được.

Tỷ như bức kiệt-tác “L’adoration des mages” đã kể nỗi đoạn trước, theo ông André Villeboeuf thì vẫn của Greco vẽ, nhưng có người lại cho là của Du Bessan sáng-tác. Sau nhon lấy tranh ra tu-bổ mới thấy được sau lưng bức ấy ghi rõ ràng của Theotokupuli chớ không phải của hai ông nọ, chừng ấy các giáo-nghiệm-gia mới dành “câm miệng hến”!

Trang 34.- Xin nhắc lại ngày xưa học-trò đến nhà thầy để học nghề, thì vẫn sống chung, ăn ở chung, thầy có “món nghề” nào hay thì truyền-dạy, - trò như thầy chung vẽ, cùng theo một kiểu-cách, phương-pháp như nhau, khi nào trò vẽ, thầy ưng ý, thì thầy “khai sinh cho tranh”, “ký tên mình vào”, và cũng bán ra với danh-hiệu do mình sáng-tác, - lâu ngày thầy đã quên mà trò cũng không nhớ, rồi làm sao nói cho đúng “đứa con chán chường ấy, cha nó là thầy hay cha đẻ là đứa học trò kia!”

Trong khi ấy, trò vẫn “sao y” “ăn cắp kiểu” hệt của thầy, bắt chước cho nhuần tay, xưa lối học là vậy, từ cách pha màu đến cách cầm cọ để vẽ, hoặc nếu trò có

“hoa tay”, trò có thể thêm hay bớt theo thiên-tư phú tánh thì càng hay, những tranh vẽ được bao nhiêu đều dồn chứa tại nhà thầy, lâu ngày thầy cõi hạc mà trò cũng chầu trời, các bức họa bụi-bặm được đưa ra ánh-sáng, bán ra tiền, và muốn cho bức họa thêm nổi tiếng, - khách mua càng chịu, mà người bán cũng không ngần-ngại gì mà không ký vào một chữ ký “có danh sǎn”, mới nói nghe hồn-xược nhưng tỷ thí ký hai chữ “J.C.” vào mà đắt giá thì họ vẫn không ngần-ngại chút nào, và “J.C” là tên húy tên kiêng của Giê-su, Thánh-chúa. (trang 34).

Jordaens hay Rubens đều có lò riêng, học-trò đến thọ giáo, vừa học vừa sản-xuất, thầy cũng vừa phê chữ ký lúng xác, ký không xuể, ngày nay lục-lợi tìm được tờ hợp-đồng xưa giữa trò và thầy, thì khách mua hàng ngày nay cũng công-nhận là hợp-lệ, miễn sao chữ ký vẫn đúng là của vị danh-sư sở tại của lò ấy.

Khi Rubens từ trần vào năm 1640 thì tại lò còn sót ba bức tranh do vua nước I-pha-nho đặt vẽ, có một bức nay treo tại viện bảo-tàng thành Madrid, nhan-đề là “Persée et Andromède” (nhân-vật trong thần-thoại), vẫn do Jordaens vẽ tiếp mới được hoàn bích, và Jordaens lăm khi vẫn nhờ các bạn đồng-nghiệp tiếp tay với mình, khiến nay tranh cổ để lại vẫn lẩn-lộn giữa các danh-bút: Adrien van Utrecht, Jacob van Es, Jan Wildens, Paul de Vos, W. van Ehrenberg, Frans Snyders, Jan Fyt, không hoi đâu mà câu-nệ.

Những sự hợp công, vẽ tập-thể (nói theo nay) như vậy, làm cho các nhà giáo-nghiêm bối-rối vô cùng và không một giáo-nghiêm gia nào dám tự-phụ là không lầm-lạc. Trong một bức tranh xưa để lại, có chỗ do Suyders phỏng-tác, chỗ nữa do Jordaens lưu-bút, chỗ khác nữa lại do Paul de Vos phụ-họa, khiến ngày nay giáo-nghiêm, không khác chuyện trong Tiếu-lâm lâu quá nay không nhớ rõ, tích năm anh mù sờ vào thân xác con voi, đứa sờ tai, nói “nó như quạt thóc”, đứa sờ vòi, nói nó ngo-ngoe như con đỉa, chỗ thứ ba “chân voi” và chỗ thứ tư là “chỗ nào”, tôi quên mất, vị độc-giả nào còn nhớ xin điền vào đây, tôi cảm ơn lắm, duy chỗ thứ năm, nhớ mại-mại như là cái vật để gây giống, anh mù sờ vào đám hoảng-kinh la lớn lên: “Cha ôi, sao nó to bằng cột nhà”, chuyện đã quá xa xưa, tưởng không cần kể lại cho đúng, và việc giáo-nghiêm tranh, sách xưa và đồ cổ, tàng-tạm các nước văn-minh là như vậy đó (theo chỗ tôi hiểu). Viết đến đây nhớ lại lão mù rờ bụng voi, nói nó như cái trống chầu, có phải vậy chăng, xin chỉ giáo.

Vì vậy nhiều khi tranh của Jordaens mà có người vẫn định-ninh rằng “giả”, nói phân hai như thầy bói, nó chỉ “giả” một phần nào thôi, và vẫn có một phần là “thật”, và nói cho xuôi một đường là họa-sĩ thời đó đã tùy sở-trường mà vẽ giúp cho nhau, người khéo vẽ tay chân, người khác thiện-nghệ vẽ mày vẽ mặt. Đến sau, khi tranh cổ bán được tiền, thì khỏi nói, ở Paris, ở Flandres hay ở Italie, lò vẽ tranh giả, chỗ nào cũng có.

Trang 36.- Có một người nợ tên là Walter B... có nhiều nghề, vừa nhà buôn, đồ cổ vừa giáo-nghiêm-gia, phê-bình-gia, học-giả nửa sặc, sưu-tập-gia và mại-bán, Walter B... ấy đã bán qua Mỹ-quốc tranh ký Rembrandt, Rubens, Léonard de Vinci, nhiều đến số trăm, nói khiêm, hoặc hơn số ngàn, số vạn, nhưng nghĩ cho cùng, nếu đòi không sanh ra Walter B..., thì làm sao viện bảo-tàng Mỹ-quốc và sưu-tập-gia nước Mỹ giàu sụ ấy có đủ tranh để trình bày cho công-chứng nước họ thường-thức và để cho các nhà tỷ-phú kia có dịp khoe tiền, và để tiêu-khiển lúc sâu vì thua thằng Việt bé-con? Như đã nói nơi đoạn trước Van Dyck vẽ độ 70 hay 80 bức mà nước Mỹ nay chứa trên 2.000 tranh Van Dyck, thì đã thấy cái công của Walter B... (17-6-1984)

Tự thuở nay, bên Pháp bên Anh, việc đấu giá bán tranh cổ, tỷ như của Rembrandt vẫn có thường, khi thì quảng-cáo rầm rộ, khi lại êm rơ lặng tiếng. Năm 1890, có bày bán một bức, gọi là “Jésus et les disciples d'Emmaüs” (vẽ đức chúa Giê-su dự tiệc với các tông-đồ nơi thành Emmaüs, tranh này nay còn thấy nhiều nơi nhà các người theo Da-Tô). Tranh ký Rembrandt, thêm có ghi niên-hiệu sáng-tạo là năm 1656. Ông Bourgeois đấu giá mua được: 4.050fr. Lúc đấu, Bourgeois “làm hộp” chè ôm-tỏi khiến các nhà kia ngán nên không ai đấu lên, tranh về tay xong, Bourgeois không ngót lời bào-chuốt, và bán đến giá 75.000 fr. Khi ấy con cháu của người chủ trước (bà Legrand) đâm đơn ra tòa kiện nhà giáo-

nghiệm và nhà tăm-tăm thiếu sót trong nghề-nghiệp, tòa phái hai giáo-nghiệm khác xem tranh và cả hai đều tuyên bố tranh kiện-tụng là tranh giả, nhưng trong sách không cho hay phán-quyết của tòa: giả Rembrandt hay là Rembrandt giả.

Chúng ta hãy khoan cười người Mỹ sao quá dẽ-dài, mua tranh một cách bùa-bãi, không phân giả thiệt. Họ không dại khờ chi đâu và luật-lệ xứ họ vẫn có đề-phòng và hàng vào nước họ, họ đánh thuế doan thật cao để muốn khỏi thuế nặng thì đừng đem vô xứ đồ giả-mạo. Cho đến nay, cựu thế-giới đã mạo-tể và bán qua tân thế-giới vô số "tranh vẽ trên bối cũ" với màu cổ-thời, nhưng bọn con buôn vẫn tinh-ma không kém, chúng mua tranh cổ, muốn chở qua Mỹ và để tránh thuế nặng, chúng bôi trên tranh một lớp vẽ khác cho con mắt nhà doan lầm là tranh xoàng-xĩnh, đánh giá nhẹ, khi lột khỏi cửa nhà doan rồi, họ sẽ rửa tẩy lớp màu ở trên thì tranh trở lại như xưa. (trang 39).

Một lúc sau, nhà doan để ý thấy sao tranh Rembrandt nhập khẩu quá nhiều, khi ấy doan mới thắt chặt thêm sự canh-phòng và bắt được nhiều vụ mạ tròng đèn đánh lừa họ bấy lâu... Bọn buôn tranh lấy làm bối-rối: nếu cẩn rắng chịu trả thuế nặng, thì mất lời, có khi thâm vốn là khác, nhưng sau rốt họ nghĩ lại và thà chịu ẹp, bởi vì đem một tranh giả vô nước Mỹ, nhưng tranh ấy vẫn đóng thuế nặng, có giấy chứng nhận, thì có khác nào giấy chứng đó là tranh quý, bán thêm được tiền.

Trang 40.- Có một giai-thoại buồn cười: một nhà buôn tranh tên là Del... có mua với giá 40.000 fr. một bức tranh có chữ ký Rembrandt. Mua xong, Del... mời hai nhà giáo-nghiệm lành nghề đến xem, nhưng cả hai đều đồng một ý-khiến: tranh là tranh thật của Rembrandt rõ ràng, nhưng nay đã hóa ra vô dụng, vì trên tranh, chỉ còn chữ ký là thật, còn "màu hồ đã mất", trên tranh, nhiều tay vọc quá, vảy-mó làm sao nay không còn nét vẽ của Rembrandt, hoặc vì muộn qua mặt nhà doan, bôi màu trên tranh khiến nay đã mất giá-trị, biết làm sao gỡ vốn? Tranh nay mặt giống như mặt gái nhà Thủ buổi xuống chun! Trước khi dứt với Rembrandt, làm thử bảng thống-kê, suốt hai chục năm, doan cho vô nước Mỹ tất cả là:

- 9.428 tranh mang chữ ký Rembrandt,
- 103.227 tranh ký Corot,
- 4.236 tranh ký Ziem,
- 113.254 tranh ký Watteau.

Đó là chưa kể những tranh xoàng-xoàng, vô danh, cho nhập khẩu với thuế nhẹ. Có một họa-sĩ nọ để lại 140.000 tác-phẩm, lấy trung bình ông ta sống bao nhiêu tuổi và mỗi ngày vẽ được bao nhiêu tranh?

Trang 41.- Về ngón xảo trá của giới con buôn tranh, thì không biết kể sao cho xiết. Một khi nọ, họ dám đồn rằng ở Ý, đã tìm được một bức tranh cổ họa hình đức Giê-su thọ hình trên thập-tự-giá y như bức họa có trong

tay của giáo-sư Rostovzeff tìm gặp ở Syrie . Trên bức tranh, Chúa day mặt ngó qua bà Thánh Đồng-trinh, kế bên có hình thánh St. Jean đứng. Hai nhà giáo-nghiệm Ribezzo và di Costa khán-nghiệm và biên giấy chứng tranh kiểu-thức Hy-Mã (style Greco-Romain). Một sưu-tập-gia ở Chile đến mua, dứt giá 1.500.000 đô-la. Sau đó, cha L... từng nghiên-cứu nhiều về sự-tích của Chúa, cha L... ung dung nói nhỏ: "Tranh bán 1.500.000\$ là tranh không thật, vì làm sao đời Hy-Mã biết chon-dung Thánh-chúa mà họa cho đúng. Phải đợi đến thế-kỷ thứ IV, mới biết tạc hình Chúa, và lại đó cũng là do tưởng-tượng mà thôi, và tưởng-tượng mặt Chúa xinh đẹp ra làm sao là dựa theo câu trong Thánh-kinh Psaume XLV: "tu es beau, le plus beau des enfants de l'homme" (xinh đẹp, đẹp hơn tất cả những con do Người sinh ra): mặt trái xoan (ovale), da men mét, tóc và râu màu lúa-mì chín, lung cùm khom-khom (face ovale, pâle, cheveux et barbe, couleur de blé mûr,... légèrement voûté) d'après Jean Damascène. Vả lại người Hy-lạp vẫn tạc mặt Chúa không có râu. Nơi viện bảo-tàng Đức ở Berlin, cũng thấy Le Christ imberbe (không râu) tạc trên nấm mồ Soulou Monastir nhưng có một vầng hào-quang bao phủ trên đầu (Au remarquable musée de Berlin, on voit un sarcophage de Soulou Monastir qui porte un Christ sans barbe, auréolé d'un nimbe crucifère). (tr.43). Xét ra ngày xưa, chon-dung Chúa như chon-dung các quân-vương, thuở đó có ai dám ngó ngay mặt bao giờ, mà hòng vẽ y như tạc, và chỉ vẽ theo tưởng tượng mà thôi.

Trang 51.- Phong-trào chơi tranh, không khác chơi đồ cổ-ngoạn, hay chơi sách, vẫn đua đòi, hễ ai có gì thì mình cũng phải chạy làm sao cho có giống y mới chịu, như lốp trước, báo Nam-Phong khen quyển "Quả Dưa Đỏ" của nhà văn Nguyễn-Trọng-Thuật thì tú sách nào cũng mong có một cuốn Quả Dưa ĐỎ mới vừa lòng.

Ngày xưa nghe đồn tranh Watteau là tuyệt bút thì sắm Watteau, kế nghe Jean Baptiste Oudry vẽ còn tuyệt vời hơn nữa thì bỏ Watteau chạy theo Oudry mới chịu.

Thết rồi Oudry nhận hàng đặt đến không mọc đủ nhiều tay để cung-cấp cho phỉ, và đó cũng là một trong các nguyên-do thương-mãi lớn và kỹ-nghệ to trong nghề giả-tạo. Fragonard, Watteau, Léonard de Vinci, Rembrandt, Raphael, Le Titien, Vélasquez, Durer, Claude Lorrain, thiệt cũng có mà giả cũng nhiều...

Ông Fragonard trước là nhơn-ngõi của nàng La Guimard. Khi cơm không lành, canh hết ngọt, hai người xa nhau. Nàng vốn là một danh-kỹ danh vang của thế-kỷ XVIII. Khi ôm cầm bước sang thuyền khác, nàng không quên yêu-cầu Fragonard trang-trí cho mình một bức tranh cho tòa biệt-thự số 5 đường Chaussée d'Antin của tình-lang mới. Fragonard đa tình, lui cui vẽ vời cho mát dạ cựu nhơn-tình, nhưng một thời-gian sau, thấm mệt bỏ nửa chừng không vẽ. La Guimard cậy David nối điêu. Lúc ấy David đang buổi chưa ngộ thời nên cầm bút vẽ tiếp... Fragonard, một hôm sẽ lén trở lại xem bức họa của mình bỏ lỡ, nào ngờ nay thấy có tay người khác

vẽ thêm. Fragonard, để trêu tức nàng cựu ngực, “bạc như vôi, xanh như lá”, bèn lượm bút, sửa môi đang cười ra môi đang mếu khóc. Nàng La Guimard nào biết ắt-giáp gì, một hôm nàng đưa quan khách đến khoe tranh “Tây-Thi” nào ngờ đứng trước bức tranh nàng Vô-Diệm thì đã muộn rồi! (Lặng vàng đem đổi nụ cười, Miệng cười vẽ mếu, vàng mười hóa xi).

Họa-sĩ không tránh khỏi thói đa tình mỗi chút mỗi nỗi con bịnh Tè-Tuyên đúng-đúng! Fragonard thiệt là lầm chuyện. Có một bức tranh, Fragonard khởi phỏng-bút rồi cho môn-sanh ký tên là Vincent. Tranh đưa ra phòng triển-lãm nơi salon năm 1777 dưới tít là “Jeune homme donnant une leçon de dessin à une demoiselle” (chàng thiếu-niên dạy một thiếu-nữ vẽ). Theo lời ông Saint-Aubin kể lại, thì nhan tranh như trên không phải không duyên cớ. Tiền nhụt Fragonard đã công-phu dạy cô em vợ tên Marguerite Gérard, vừa mười sáu cái xuân ho-hó, dạy thế nào mà thày mê trò, anh rể yêu thầm em vợ. Fragonard bèn họa một bức tranh độc-đáo, chọn Marguerite làm người mẫu, và để xứng với gai-nhon, vẽ thêm kế bên một chàng thanh-niên đứng hầu, tranh vẽ được nửa chừng, họa-sĩ nhớ lại vợ là nàng Marie-Anne, vốn có máu Hoạn-Tho, bởi có ấy mới nhường cho Vincent ký tên, và sự thật dường thế, không có Saint-Aubin khai, thì có nhà giáo-nghiêm nào coi cho thấu?

Trong nghề buôn đồ cổ, tranh cổ, ngón gian không

biết đâu mà đề-phòng. Có một ông nọ, vốn là khách tha-phương ở đâu lại, nhơn vào một hiệu buôn, thấy một bức tranh ứng ý, bèn mua, khi trả tiền xong-xuôi, người chủ hiệu buôn nài cho biết chỗ ngụ, để bốn nhân mang bức họa tới, khỏi nhọc công bụng xách lòng-thông. Ông khách vui lòng cho biết địa-chỉ, chào rồi bước ra, nhưng chưa khỏi cửa, lại lật-đật trở vào, một hai nói để cho mình đem về, khỏi nhọc chủ nhà. Ông nầy lại nài-nỉ ân-cần, rằng đó là phong-tục đối với khách sang người nhã, và lại nếu khách có chút nghi-ngờ thì cứ ký tên vào bề trái noi sau lưng tấm tranh, khi đến nơi đến chỗ, khách dư thời giờ xem xét lại. Nói cách mấy, như có linh ứng gì mách bảo, khách nằng-nắng làm theo ý đã định và ngoa-ngoáy ôm tranh ra về cho một nước. Ông khách nầy là tay lão-luyện, đã từng biết mánh-lới bợm già con buôn. Ông ôm tranh, đi dọc đường thấy tranh sao nặng-nặng, khi về đến khách-sạn, tháo gói giấy bọc ngoài, mới rõ cái khung xấp đôi, trên mặt là tranh thật, dưới lớp đó còn một bức ở dưới, đó là tranh giả, nếu ban nãy, ông tin lời ký tên noi sau lưng tranh mua, thì khi giao hàng, chủ hiệu buôn giữ lại bức thiệt cho mình, và giao bức giả có chữ ký noi sau lưng, thì người mua có nói gì được, một khi biết mình bị đánh tráo! (trang 62).

Một lần nữa, cũng về tranh giả, vẽ trên một mảnh gỗ khá dày. Khi rọc miếng gỗ ra làm đôi, thì sẽ có hai bức tranh: bức trên là tranh “chính bản” có chữ ký đàng hoàng, còn bức dưới, trên mặt còn mới tinh-anh thì

muốn vẽ chi cưng xong, tùy theo ý muốn, vẽ thủy-mặc, sơn-thủy hay chon-dung đều được, “tranh có đảm-bảo”, vì sau tấm tranh mua nhà tầm-tầm thì có cơn dấu chứng minh, không nữa thì chủ hiệu buôn đóng dấu hiệu nhà mình vào, bằng chứng rõ ràng, coi đó làm chắc. (trang 63).

Còn một mánh-lới nữa là mỗi khi có tin một họa-sĩ tu-trần, và sự-nghiệp đem ra đấu giá phát mãi nhà tầm-tầm, thì các nhà buôn vẫn đua nhau giành-giựt mua tranh “di-bút” bất luận xấu tốt, toàn bích hay vẽ dở dang, mua là mua chữ ký, hiệu lò và mua con dấu ngày đấu giá. Rồi sẽ nhờ họa-sĩ khác tô-diểm vào là xong, vì vậy ngày nay còn thấy nhiều bức họa mang tên lò Delacroix sản-xuất, kỳ trung sự thật là các tranh ấy vẫn mang nhãn-hiệu cuộc phát mãi sau ngày họa-sĩ Delacroix mǎn phần, nhưng nào phải đúng do tay Delacroix vẽ. (trang 63).

Một lỗi khác, tuy tranh vẫn không phải do Delacroix vẽ-vời, người môn-đồ của Delacroix vốn là tay cẩn-thận, nên đã trình trước bức tranh bỏ dở của thầy và xin chữ ký của thanh-tra mỹ-thuật biên giấy chứng-nhận, tỷ như câu “peinture de Delacroix, oubliée dans le catalogue de ses oeuvres”, với cái câu này, tranh bán chạy vo, với giá cao là khác.

Gương nhà buôn và chế-tạo đồ xưa nhái cổ, ông Mailfert không bán một tranh 400.000 quan cho một vị quản-thủ viện bảo-tàng và chỉ nhận 90 quan, nếu nói

vì ông cao-thượng thì cũng được, nhưng theo tôi là tại Mailfert muốn bỏ mất 400.000 kia để cho ông nợ một bài học, nghề ông ông học chưa tới. 400.000 kiêm được chớ danh tiếng có tài khéo đến sản-xuất đồ nay mà ông kia lầm là xưa, thì thiên-kim còn rẻ!

Một ông khác, tên Emile Bernard, ông là họa-sĩ bức trung, tài vẽ tầm thường, bỗng vào năm 1937, thấy được một bức tranh của mình sáng-tác, mà khi trưng-bày noi phòng triển-lâm tranh ở Tokyo lại biến là tranh của P. Gauguin, lẽ đáng nếu ông muốn tài của mình hay giỏi đến các nhà chuyên-môn còn lầm với tranh của họa-sĩ kỳ tài P. Gauguin thì cũng vinh-vang lắm, nhưng Emile Bernard lại không ưng như vậy, và đã bắt buộc ban trị-sự cuộc triển-lâm phải cải-chính, “của César phải trả César”, ông mới vừa lòng. Tranh ấy năm xưa ông bán cho một người bạn, nay người bạn ấy trở nên nhà buôn, và đã bọc vàng viền thuốc, đổi tên để bán thêm lời, Emile Bernard là người ngay thẳng nên không ưa việc làm thiếu lương-tâm như vậy. (viết 18-6-1984).

Về hoa-tay giỏi nhái tranh cổ của Mailfert, đã nói trên đây và phải nhắc lại nữa thuộc về tài khả-nghi của các tay giáo-nghiệm, là một hôm nợ Mailfert đã bán được 1.000fr một bức nhỏ bút-diệu Hòa-lan y như điêu tranh treo ở viện bảo-tàng d'Orléans, tranh bán chẳng bao lâu, bỗng có một bà giáo-nghiệm đến khen lấy khen để, rằng tranh đã bán, đúng là tranh cổ, vừa cũ-kỹ, vừa đúng nét bút và đúng vải-bố của thời-đại, tranh ấy được

ông này khen là nét bút của Cornélius Van Beer, ông khác dám tuyên-bố tranh ấy vẽ lối 1790 đến 1830, ông khác nữa không đồng ý và nói tranh do thần bút của Van Petteghem sáng-tác lối năm 1650-1670, có trầy-tria năm 1750 và giãm chút ít vào năm 1870, lại còn dám cá-cược, rằng “tôi nói nếu có sai xin chịu phạt tiền”, Mailfert đợi nói đã đòi, bỗng tuyên-bố chính tay mình sáng-tác. Như vậy các cha giáo-nghiệm-gia có cắp-bằng, hay giỏi chõ nào? (trang 75).

- Về họa-sĩ Charles Jacques.- Lối năm 1880, ông này rất được nổi danh, tranh của ông bán rất chạy, các hiệu buôn đặt ông vẽ không kịp, rồi việc khó tránh xảy ra là có tranh giả của Charles Jacques xuất hiện. Vài nhà buôn gian xảo, bỗng ôm vài bức giả-tạo ấy, đến trình Charles Jacques xem và cậy chỉnh-đốn tranh vài nét qua-loa, ban đầu Charles Jacques thấy thích-thích vì sửa choi vài nét có tiền nhuận-bút bạc ngàn, nhưng sau đó ông từ-chối ngay khi biết được bọn kia ăn xổi trên đầu, tranh không phải của ông, nhưng vì có nét bút của ông và chữ ký của ông, “giả bỗng thành chon”, nó cho ông một ngàn, nó bán được bạc vạn, nó choi “cửa cha” ai chịu. (trang 67).

- Về Renoir.- Cũng trang 67 có nhắc chuyện Renoir được mời vào một hiệu buôn danh-tiếng ở đường Laffitte, chủ hiệu chỉ cho xem một bức tranh và phàn nàn đó là tranh nhái theo kiểu của nhà họa-sĩ Renoir này, ngờ đâu Renoir nhìn một giây lâu rồi nhìn nhận

tranh ấy ông vẽ buổi thiếu-thời, lúc chưa phát-tích, khỏi nói khi ông ra về, chủ hiệu sửa giá bán một-cái-một, vì ngang nhiên có lời chứng của tác-giả kia mà!

- Về Vlaminck, Utrillo, Picasso, Friesz, lối năm 1925, tranh giả mọc lên như nấm, và năm 1947, mọc đến đóng chứa thùng đầy qua thùng kia, để chở qua Mỹ, thét rồi chính các họa-sĩ cũng không biết mình đã vẽ được bao nhiêu, như ông Utrillo khai mình sáng-tác lối 3.500 bức, trong khi tờ báo Elle tháng 12 năm 1947, quả quyết có đến 100.000 Utrillo sang Mỹ, và tay chuyên làm tranh giả nhiều nhứt là một nữ họa-sĩ con cháu dòng La Tour, bà này khéo tay đến chính Utrillo thấy tranh phải khen “Mieux que les vrais”, còn khéo hơn tranh thật, tranh chính tay tôi vẽ. (trang 68).

Một tệ-đoan khác là nhà buôn làm giao-kèo với họa-sĩ, giao hết tranh của họa-sĩ chỉ mình đặc-quyền bán, thành thủ khi họa-sĩ, vì cần tiền vẽ và giao cho người khác bán, thì người bán này bị kiện bán đồ gian, tranh không phải tỷ như của Utrillo, vì Utrillo đã ký giao-kèo từ trước “độc-quyền sản-xuất” hay “độc-quyền phát-hành”. (trang 68).

Thành thủ sanh ra chuyện lôi-thôi, y như chuyện “vẫn con của mình đẻ, nhưng vì thiếu tờ khai sanh”, hóa ra “con không nhìn nhận”, và tranh mình vẽ mà hóa ra tranh không chính thức của mình, v.v.

- Về Ingres.- Năm 1875, họa-sĩ Ingres gặp một cảnh-ngộ khá rắc-rối. Có một ông tướng vô, có một tấm

tranh cổ, ông làm như gươm ông đeo càng sáng càng là báu-kiếm, nên ông sai thợ sửa cạo trên tấm tranh thế nào khiến cho gương mặt của tố-nữ trong tranh mất nét và không nhìn ra được đó là mỹ-nhơn nào. Ingres thấy vậy thương tình lấy bút sửa gương mặt nọ lại xinh tốt như xưa, và nay còn giải-thoại về tranh ấy thân hình là của Rembrandt, Titien, Raphael, nhưng mặt vẫn do Renoir vẽ-chó không sai chay, đúng là “đầu Ngô mình Sở” như bên ta thường nói. (tr.72).

- Họa-sĩ Dupré.- Ông vẫn lục-lục tài thường chó chảng hon ai, nhưng có đến hai anh em, anh là Jules, đắc thời, tranh được kẻ yêu người chuộng, em là Victor, nét bút như của anh nhưng bán không chạy, thừa dịp các nhà buôn mua tranh của Victor, được nói giá, đem về mạ trống đèn, đổi Victor ra Jules, chữ sau vẫn Dupré, có ông trời mà biết. (tr.78).

- Tranh tập-tàng. Từ xưa nay, “rau tập-tàng là ngon, con tập-tàng là khôn”, và chặng canh rau tập-tàng là xách rổ ra vườn gấp rau nào cũng hái, ấy vậy mà nồi canh tập-tàng, khi bụng đói, ngon ghê. Còn “con tập-tàng” là con quá nhiều cha, ai cũng vọc, cưng thử, đến khi ra làng hạ bút vào tờ khai sinh thì ẩn mặt nằm nhà, tuy vậy đứa con nhò nhiều máu nên khôn tột bực, tiếng Tây cũng thạo và tiếng Mỹ, Chà, Chêc đều rành. Đến nay lại có tranh tập-tàng là tranh lộn lạo, từ Cornu, Cherubino, Victor Tillet, nhận diện đó là của họa-sĩ Courbet, rồi từ Adrien Guignet vẽ, khai là

của Décamps, một mặt khác Lucien thành Géricault, Eugène Baudoin hóa ra tranh của Paul Guigou, tranh ký Monticelli ràng-ràng nhưng thật sự do anh em Chaix sáng-tác, tranh Georges Michel đều không phải do ông này sáng-tạo mà vẫn do Lebas hay d'Ivry làm, đếm ra 450 bức ký Georges Michel mà bán ra được 1.500.000fr thì ai lại không ham. (tr.78). Vả lại viết văn còn khó, dịch văn cần phải có duyên, tiểu-thuyết Kim-Dung do Hàn-Giang-Nhận dịch-thuật là nhiều người tìm mua, nay con nhạn đã bay về trời, nhà văn có tên như vậy cũng thôi ở Chợ Vườn Chuối để về chầu Diêm-vương, nhưng bản dịch tiểu-thuyết kiếm-hiệp vẫn còn nhiều Hàn-Giang-Nhận giả. Sách và truyện có nhiều trang mà còn nhiều giả-mạo, huống hồ tranh chỉ có một mặt, tha hồ chấm lọ tô son. Còn người đọc, còn người chơi tranh hay mua tranh gởi ra ngoại-quốc bán lấy đô-la, thì sách gian và tranh giả vẫn còn.

- Trở lại Corot.- Corot là một họa-sĩ có biệt-tài, noi đoạn trước đã nói tranh giả ký Corot, ở Mỹ-quốc nay có trên số ngàn, còn hai ca nầy xin kể luôn:

a) Một người mẫu, nước Ý, ngày trước có đứng hay ngồi làm kiểu cho Corot họa. Nay cũng sinh tài, vẽ được mấy bức, rồi ôm tranh lại Corot, “nhờ thầy chỉ giáo”. Corot gia-tâm bồi-chữa, sửa chỗ nầy, vá-víu chỗ kia, rồi cao hứng ký lệ tên mình vào, tranh xoàng trở nên danh-họa, Corot nào ngờ, và anh “mẫu” trở nên giàu húm. (tr.83).

b) Con gái thiên-kim của nam-tước Baron Bosio viết trong tờ báo “Causeries” (luận-đàm) của nàng rằng nàng có một lúc muốn bán bức-tranh Vệ-nữ (Vénus) của cha nàng phóng-tác, nhưng bán không chạy, vì nét vẽ còn vụng-về non-nớt, nàng ôm tranh lại nhờ Corot điểm-xuyết. Corot động lòng hào-hiệp, thêm vô vài nét, hóa Vệ-nữ (Vénus) thành nữ-thần dưới sông “Hà-bá” (Nymphe) tha thoát nằm trên bãi cỏ, Bosio tiểu-thơ đỡ ngặt và tranh bán rất nhiều tiền, “làm phúc làm doan” có nhiều cách, và đây là một. (tr.83).

- **Corot và Achard.** - Jean Achard là bạn tâm-giao của Corot. Hai người đã từng qua nước Ý tìm đề-tài và chung nhau vẽ tranh. Năm 1884, Achard từ trần, gia-tài sự-nghiệp đưa ra nhà tầm-tầm phát mãi. Tranh thật do tay Corot vẽ bỗng bị tình-nghi “không phải của Corot”, vì chung tìm gấp tại nhà Achard, và “phòng phát mãi” chứng minh như vậy. (trang 84).

- **Corot và Alexandre Dumas.** - Ai cũng biết danh Alexandre Dumas là nhà viết tiểu-thuyết không ai viết lại, bộ “Les trois mousquetaires”, ông Nguyễn-văn-Vĩnh lấy dịch ra bộ “Ba người ngự-lâm pháo-thủ” nay đọc còn thấy mê, Dumas mua tại hiệu Georges Petit, một bức tranh của Corot, ngã giá 12.000fr, tiền trả xong, Dumas mời thân bằng đến khoe cửa, nhưng một họa-sĩ tên là Trouillebert có mặt bữa ấy chê “bức tranh không thiệt của Corot”. Dumas nổi thầu-lâu mời anh khách xấu miệng ra khỏi cửa, nhưng Dumas vẫn chưa

yên tâm, ông đến viếng Trouillebert mòn trốn tạ lỗi, Trouillebert khai thiệt chính mình vẽ bức tranh ấy ngày nào và tại nơi nào, và lấy làm lạ vì sao ai chơi ác bô i tên mình và thế tên Corot vào đó. Khỏi nói, Dumas đi một vọt đến gian-hàng Georges Petit, ông nầy hoàn số tiền 12.000fr cho Dumas, và sau đó chuyện tranh Corot nầy đồn tùm-lùm lên, trong báo Le Phare de la Loire (báo Hải-đăng thành Loire) do bài của con rể của tổng-thống thời ấy của Pháp là ông Jules Grévy, nghĩa-tế Grévy là chàng Dreyfus, thuật tự sự thì ra Georges Petit đâm đơn kiện ra tòa (bài báo tố-cáo đăng trong tờ Figaro ngày 29-6-1883) kiện đổ lỗi cho nhà buôn Tedesco là người quen lớn giao thiệp nhiều với Corot và đã quả quyết tranh kia là tranh thiệt. Nhà buôn Tedesco, trong bức thư đề ngày 2 juillet, đăng cũng trong báo Figaro trút tội cho một nhà buôn khác nữa tên là Cordeil và Tedesco cũng trách nhà giáo-nghiêm Meissonier có một phần trách-nhiệm vì đã quả quyết tranh tranh-cãi đây là của Corot sáng-tác. “Bóng đổ thầy thầy đổ bóng”, “Cordeil khai bao nhiêu lòng-vòng là tội của ông De Reum, vì chính De Reum nầy đã giao tranh cho Cordeil bán kèm với một trung-gian bắt mối tên Kievert, và khai Tedesco đã giao 4.000 quan tới tay De Reum, chính Cordeil lãnh tiền còm (commission) chỉ có 200fr, nay phải hoàn 12.000fr cho Dumas, thật là muốn lời máu họng, vì vậy Tedesco phải “nuốt” tranh kia, hoàn tiền cho khỏi sự lôi thôi, nhưng đến đây câu

chuyện nào dứt và còn sôi-nổi hơn trước, vì có đơn Trouillebert thưa ra tòa, không cho Tedesco bán tấm tranh vì vốn của Trouillebert là người sáng-tác.

Một nhà giáo-nghiêm xấu mồm, đã kết-luận bằng câu “Quand je veux voir un beau COROT, je vais chez Trouillebert.” (Khi tôi muốn nhìn xem một tranh đẹp COROT, thì tôi cứ đến nhà Trouillebert mà xem mà ngắm). Trong sách, còn một câu này thúc-kết: “Il faut dire que ce Trouillebert, paysagiste consciencieux, faisait, sans avoir jamais vu de Corot, des Corot mieux que Corot lui-même. Quand on le lui apprit, il en fut tout chagrin, chercha à se corriger et refit sans cesse du Trouillebert, autant dire du Corot”. (Trouillebert này, chẳng qua là một nhà vẽ phong-cảnh, nhưng có tánh quá ư cẩn-thận, tuy không biết Corot, nhưng vẽ tranh điệu Corot còn khéo hơn do tay Corot vẽ ra. Khi Corot nghe thuật lại chuyện như vậy, ông ta lấy làm buồn-phiền, tự kiểm-thảo và đã rán vẽ kỹ càng hơn tranh điệu Trouillebert, tức điệu của mình là Corot), (nhưng đã lai-căn mất gốc, câu này là của tôi thêm). (tr.85). Đọc xong chuyện Corot-Trouillebert hay Trouillebert-Corot này, ngán càng thêm ngán. Té ra từ 1880 bên Pháp mua tranh và bán tranh cho đến nay, vẫn “rối như canh hẹ”, và bấy lâu tôi không chơi tranh là chí lý. Một lần tôi không dại không hư.

- Trang 86.- Từ ngày có cuộc tranh-tụng tranh Corot giả, tranh Trouillebert thiệt, một kết-quả bất ngờ

là tranh Corot bán không chạy nữa, vì khách hàng sợ lầm tranh “Corot giả” và đua nhau mua tranh Trouillebert, nhưng một thời-gian sau, thấy tranh ông sau này làm ra tiền, lại mọc ra vô số tranh Trouillebert giả, và cho đến ngày nay thị-trường tranh đành thù-thủ, thậm chí một tranh Corot, thứ thiệt, đưa ra phát mãi tại nhà tầm-tầm quốc-tế “Hôtel Drouot”, chỉ bán được với giá 50francs mà thôi. Và từ ấy bắt cứ tranh Trouillebert, thứ giả, thứ thiệt gì, đều kể chung là tranh Corot, và hai nhà họa-sĩ này không sản-xuất phi, thì đã có các cây bút-vẽ khác, như Aligny, Fleury, Jules Cagnet, Delaberge, Lapito, Poirot, Lesaint, Dutilleux, Prévost, Buchot, de Villers, đều không ký tên của mình và đồng xung “Corot sơ-bút” (Corot “première manière”, thét rồi có lão J. J. Xavier Didauld, các nhà kia đã chiếm danh-hiệu “Corot bản-xứ”, ông ta bèn chế ra và xung hiệu ký mới “Corot xứ Ý” (Corot d’Italie).

- Họa-sĩ trú danh Millet.- (tr.87). Millet là tác-giả bức tranh kiệt-tác “l’Angélus” (Hồi chuông “chiêu mộ” bên đạo Da-Tô), vẽ một bác nông-phu lột nón cúi đầu và một quê-nữ đặt thúng trứng xuống đất, cả hai kính-cẩn gởi hết tâm-tư thành-khổn vào ba tiếng lâng-lâng từ thánh-đường xa-xa đưa tới, bức tranh nguyên-tác, lọt về tay nhà chơi tranh Secrétan, khi ông này từ trần, tranh đem ra đấu giá, bán được 800.000fr là một giá cao kinh-khổng thời ấy, và Millet mất đã trên mươi-lăm năm, mà vẫn thấy tranh ký Millet còn mãi. Năm

1891, xét nhà tên thợ làm khung (encadreur) tên Masson ở Cherbourg, Tourlaville, gặp cả một lô Millet mới toanh “cắt chì”. Một hiệu buôn ở khu phố gần nhà hát Opéra bán cho một khách hàng Bỉ (Belge) một tranh vẽ hình Charles Chaplin (hè Charlot) được 24.000 fr, tranh xoàng-xinh rất tầm-thường, năm 1848, triển-lãm không ai để ý, thế mà sau khi cạo tên người vẽ và giả tên Millet vào là bán được giá như trên đã kể. Một nhà buôn khác tên Notlay, chuyên sản-xuất tranh giả ký Millet, đến viện Le Louvre vẫn mua lầm: quản-thủ Georges Lafenestre của viện này mua của Notlay một bức tranh, nhan là “Paysanne allaitant” (mẹ cho con bú) dưới bức tranh có chữ ký của Millet và đề niên-hiệu năm chế-tạo là 1841 rõ ràng. Ông Lafenestre trả số bạc giá mua là 3.000 quan và đem tranh về treo năm 1896, tháng septembre). Tranh treo chưa được bao lâu, tiếng dị-nghị lan rùm, Henri Rochefort, một người đa văn quảng-kiến thời ấy la lên rằng người của viện bảo-tàng xem thường dân-chúng và giới mỹ-thuật. Nhưng ông Georges Lafenestre vẫn cứng cổ cãi lại rằng tranh ông lừa mua vẫn là một kiệt-tác hiếm có. Người con trai của Millet cũng đến phân-bua rằng bức tranh có vẻ khá nghi, chừng ấy quản-thủ Lafenestre nhượng bộ đôi chút và tuyên bố bức tranh át sáng-tác lúc thiếu-thời của tác-giả, dầu sao đó vẫn là một tranh Millet thứ thiệt (son Millet était peut-être de la période de tatonnement du peintre, qu'il était peut être médiocre mais que c'était tout de même un Millet. C'était son coloris, c'était sa

patte, c'était sa griffe). Ông quản-thủ còn chứng-minh: vẫn màu sắc, vẫn chon cảng, vẫn móng vuốt Millet kia mà!

“C'était effectivement la griffe de la vente Millet que l'on avait calquée et reportée sur la ‘Paysanne allaitant’. Quand à la date: 1841, comment l'admettre, puisque Millet n'avait commencé ses paysanneries qu'avec le Vanneur en 1849? Cette fois, Georges Lafenestre et le Louvre étaient quinauds”. (Page 88). (Đúng thế, nhưng con dấu (móng vuốt, griffe) đó là con dấu lúc phát mãi sản-vật của Millet, bọn làm đồ giả nhái lại không khó và đã nhái hệt trên tranh “Người đàn bà nhà quê đang cho con bú” này. Và khi khảo về “niên-chế 1841”, khi ấy viện Louvre và quản-thủ Lafenestre đành bẽn lẽn chịu thua, vì trên tranh ghi năm là 1841, còn tài-liệu rành-rạnh là phải đến năm 1849, họa-sĩ Millet mới bắt đầu vẽ tranh “Le Vanneur”, “Người sảy thóc”, (tức Millet chỉ vẽ và nghiên-cứu cứ-chỉ người đồng-quê cũng từ sau năm 1849 mà thôi).

Nay xin nói tiếp tỡ như tranh “Người đàn bà nhà quê này” (Cette paysanne) cũng như tranh Angélus (Chuông chiều) treo nơi viện Le Louvre đều không phải do chính tay Millet phỏng-tác, nhưng có sao mấy tranh ấy vẫn bị tu-bổ sửa đi o-bế lại thế nào khiến chúng đều ô-dè mất bản-sắc xưa, như vậy mà còn chung bày cho công-chúng coi theo đó mà học-hỏi làm chi. Tranh của Millet vẫn bị giả-tạo mãi, thậm chí

người cháu nội của Millet là Jean-François Millet, mới mất năm 1875, vẫn tiếp-tục vẽ và giả-tạo tranh cũ của ông nội mình mãi, thế cũng gọi được là “gia-truyền” hay sao?

Thời-thế nay đã loạn rồi. Tại làng Barbizon (tôi có viếng noi nầy vào năm 1963), các họa-sĩ vô-danh đã làm giả liên tiếp tranh Millet, tranh Diaz, tranh Rousseau, tranh Corot, mãi mãi, và khi thời giả tranh tân-thời như đã nói, lại giả tranh cổ-thời, và giả được một tranh của Rembrandt, tranh “Un philosophe lisant” (triết-gia đọc sách), tranh giả nầy, lối năm 1914, bán ra được 13.000fr thì ai lại không ham. Làng Barbizon nầy nay đã có danh và rất nhiều du-khách được đưa đến thưởng thức tại chỗ nhiều danh-thắng “biển” (lều tranh, hang động, chỗ làm việc và sản-xuất của Millet và các tay bút-họa hữu danh khác)! (Miễn phê-bình).

Trong sách, nơi đoạn nầy, có viết câu: “Il faut à chaque âge ses plaisirs”, tôi xin dịch “mỗi tuổi phải có cuộc mua vui của nó”, nhưng xin có chút ý mọn rằng mua vui cách nầy là quá dễ-dãi, khiến những kẻ ngu như tôi đây đâm ra ngờ mỗi chọn thành và mỗi hiểu biết của những người quá văn-minh ở phuong Tây đối với mỹ-thuật nói chung và đối với ngành tôn-cố nói riêng vậy.

- Thị-hiếu của khách hàng.- Người Pháp ngày nay, đã thấy nhiều biến-đổi xảy ra trong xã-hội của họ, nên trong lối tiêu-khiển, sắm-sanh chung-dọn nhà cửa,

đã thay đổi nhiều trong ý-thức, kẻ ưa chuộng huy-chương, sắc-phục quân-binh (cocardier), kẻ lại thích phục-thù tái-chiến (revanchard, thua ở Điện-Biên chẳng hạn), kẻ thì bài-ngoại (chauvin) vì thương nước không nhầm cách, kẻ khác nữa chỉ lăng-nhăng’-dại-dột (niais) và thảy đều phí tiền vô lối. Một chàng họa-sĩ quê mùa, tên Bauquesne lãnh vẽ tranh “mão nguyên lồ” cho một nhà buôn nợ ở Paris, nhưng khi Bauquesne ra xem triển-lâm lại thấy tranh mình “ký tên người khác”, hiểu ra vì đổi tên như vậy bán chạy hơn, và mánh lới con buôn là vậy, có sá chi tranh “Bauquesne” lại ký “Cardin”? (Bên xứ mình, con trai của bà danh-cầm nợ, để tên cha thì là tư-sản, nên đổi họ đổi tên cho thành “bần-cố-nông” để được chấp nhận cho xuất ngoại).

- Lại mấy ca riêng biệt.- Ngày 18 décembre 1903, tòa án ở Paris có xử một vụ khác thường: một tên nợ, “V...” trước làm nghề người mẫu để cho người khác vẽ, nay ngứa nghề cũng cầm bút vẽ như ai, và bị bắt quả tang, đã giả-tạo, nào Delacroix, Corot, Daubigny, Th. Rousseau, Diaz, Harpignier, gần đủ mặt danh họa-sĩ cổ-kim. Xét nhà, bắt được trên 125 tranh giả. Ra tòa, bị cáo khai “tôi bán một tranh Corot, giá 300fr, thì đúng ra người mua đâu thiệt-thời cho bằng tôi!”. Mặc dầu câu nói có ý-vị nhưng bị cáo vẫn lãnh bốn tháng tù và 2.000 quan tiền vạ. Các vật tang đều bị tịch-thu, lạ nhứt là các nhà mua tranh giả, không một ai đứng ra kiện bị cáo về tội bội-tín vì nếu đứng tên nguyên-cáo (partie

civile) hóa ra “nhà mình có chứa tranh giả hay sao?”. Thà nín cho êm và đừng kiện, không khéo người ngoài biết được thì bộ môn tranh và đồ cổ chung bày trong nhà đều đáng nghi-ngờ không thiệt lại càng thêm báu.

- Về bức tranh *Cocaïne* của Zalamero ở Toulouse.- Ngày 20 janvier 1950, có tổ chức một cuộc triển-lâm tranh ở tỉnh Toulouse bên Pháp của Hội Thanh-niên Công-giáo (exposition de l'Association catholique des Etudiants à Toulouse). Từ thành Nice, gởi qua một bức tranh nhan là “Cocaïne” (bạch-phiến) (cô-ca-in), tác-giả là Zalamero, xung là môn-đệ của họa-sĩ lập-thể trú-danh Picasso. Tranh này được chấm đậu và được trình bày ở một chỗ danh-dự, ngày cắt dây băng khai-mạc, có đủ mặt thân-hào tai-mắt, ông khoa-trưởng Dottin đại-nhân, ông Chánh Án nơi tòa, ông đại-diện cho ngài quận-trưởng thành-phố, và các nhà tai mắt phê-bình-gia mỹ-thuật, ai ai cũng đều vỗ tay khen ngợi bức tranh tuyệt-phẩm.

Nhung tuyệt-phẩm, tuyệt-trần đâu không thấy, chỉ thấy chín ngày sau, hũ mắm vỡ tan-tành, không bịt mũi kịp! Đám thanh-niên học-sanh vỗ tay cười lớn: “Kiệt-tác kiểu Picasso của quý vị” là do chính bọn con đú vẽ, nǎm đúra bọn con, đúra vẽ môî, đúra vẽ mắt, đúra vẽ bàn cờ, đúra nữa cái bắp đùi, đúra chót nguệch-ngoạc vài nét rốt, chỉ không mấy chốc là xong bức họa, tốn nội vụ có sáu trăm bạc tiền mua màu, mà trêu được bao nhiêu “ngọc-nhân” của “quí-quan”? Tranh treo

ngược mà quý vị chẳng hay. Một giọt màu còn ướt nhẽo-nhão, ông giáo-nghiêm nọ lại khen “thần bút Á-Đông” xuất sắc. Thiếu chút nữa, tranh đã được mua và triển-lâm ở viện bảo-tàng. (“On avait accueilli l'oeuvre avec grand respect et exposé la chose à la place d'honneur, où le recteur Dottin, le premier président du Tribunal, le représentant du préfet, les critiques d'art l'avaient admirée et applaudie. Neuf jours plus tard, le chef-d'oeuvre avait été volé: gros émoi ici; immense éclat de rire du côté d'un groupe d'étudiants: “Votre merveille picassienne, c'est nous qui l'avons fabriquée en une heure et demie pour nous ficher des snobs”, révélèrent alors cinq étudiants. Six cents francs de peinture leur avait suffi. L'un avait fait les lèvres, un autre, les yeux; un autre, le damier; un autre, une jambe, à la vite vite, et le dernier avait parachevé le tout de quelques coups de pinceau au hasard. Pour faire mieux encore, il avait été entendu qu'on ferait accrocher le Zalamero à l'envers. Un peu de peinture mal séchée ayant coulé, ajouta à la magnificence de l'ensemble, ce qui permit à un savant critique d'art d'y reconnaître un “signe de profond orientalisme”. Encore un peu, et le chef-d'oeuvre allait être acheté par le musée”). (page 92)

- Về biệt-tài của giáo-nghiêm-gia.- Thiên-hạ đều tin giáo-nghiêm chuyên-môn đều là những bức kỳ-tài hiếm có. Và Hôtel Drouot là một nơi chuyên về đồ cổ, kinh-nghiêm vô song. Hai thứ ấy, hay giỏi “cái mốc xì!”.

Nhà đại-văn-hào Anatole France đã từng tuyên bố: "En France, les critiques d'art sont aveugles et les critiques musicaux sourds" (Tại Pháp, chuyên-viên mỹ-thuật thì đui, chuyên-viên âm-nhạc thì điếc). Bằng có là, tại Hôtel Drouot, người ta quả quyết những dessins ký tên của Eugène Deveria và đề niêm-hiệu 1868 đúng là của ông ấy, sau đó truy ra thì Deveria ty trần năm 1865, thì làm sao năm 1868 còn sống hầu vẽ-vòi, nếu "cải chính" rằng "di-phẩm" thì cũng không xong, vì "di-phẩm" vẫn phải đề ngày trước khi tắt hơi mới phải! (tr.102)

Kể từ đó, mới chế ra các danh-từ mị-thế: "Tableau attribué à..." thay vì "tableau par..." (tranh định là của...) thay vì "tableau của...", hoặc viết "tableau de l'Ecole de..." (tranh học phái ông này, ông nọ, vân vân).

Một con buôn nọ, bị Hôtel Drouot trả tranh về, không nhận bán, lại dám viết thơ cãi bướng, nếu biết tranh là chon chánh, thì không đủ để chơi, nào có bán ra, lại lòi thêm cái ngón vô lương thiện mà ngày nay bên nước ta thường thấy. Trước đây, nơi đường Hồng-thập-tự cũ, có một hiệu buôn thường treo bảng "của gia-bảo" và trữ lại những đồ cổ có giá-trị, duy khi khách hàng trả giá cao thì "gia-bảo" vẫn bán ra không tiếc. Gia-bảo là vậy đó hay sao? Hồi ông Trường-Lộc, đường Hồng-thập-tự? (viết ngày 20-6-84).

Kết luận: Những chuyện gì xảy ra bên xứ ta vẫn đã có từ trước bên Pháp, - tôi chỉ nói đây về giới chơi đồ cổ, sành-sứ và chơi sách, mấy năm sau giải-phóng

có việc chạy ra nước ngoài mới sanh ra việc mua tranh, tranh nay do các họa-sĩ ta vẽ dầu, hoặc vẽ màu, hoặc sơn-mài, nhưng chung qui chỉ lục-đục trong vòng lẩn-quẩn:

- Nghệ-thuật, mỹ-thuật là gì? Là từ cái không, làm ra cái có, từ cái có, làm ra đồng tiền. Ngày xưa, khi chánh-phủ dòng hoàng-triều Capet sụp đổ, từ-khi trong cung vua, bàn ghế thập vật trong đèn-dài các vương-hầu, đều đem bán ra tưởng cho dân hưởng, té ra dân nghèo đâu có tiền, đâu có đủ trí để mua và thằng hưởng gia-tài của quí-tộc Pháp, lại là anh bạn láng-giềng tóc đỏ, và khi Pháp tinh-ngộ thì đã trễ, "đồ xưa" đã chạy qua Anh-quốc gần hết rồi. Khi Mỹ qua mua, chỉ mua đồ dư đồ ế. Mấy lần bán đấu giá các vật dụng nhà quèn-quí, sắt vụn, đồng-thau vụn, sau cách-mạng năm 1789, - đồ bỏ cũng có người mua giàn, chun đèn chì đem về nhà xem lại, đó là bạc cũ, mốc và thâm đen, chùi lại sáng hóa ra chun đèn bằng bạc. Những chun vàng-vàng, bán với giá đồng-thau, thật ra là chun đèn bằng vàng, nhưng bên Pháp ít có vàng-y và vẫn thường là vàng-xi (vàng métal doré) hoặc vàng pha bạc (argent doré, gọi vermeil).

Bên Trung-quốc, nhà Thanh sụp-đổ năm 1912, cho đến những năm gần đây, khoảng 1960-1980, nhà giáo-nghiệp Pháp Beurdeley sang Bắc-kinh, vẫn còn gặp đồ sứ đòi bà Tây Thái-hậu, vẫn nằm trong thùng chưa khui mở và còn mới toanh, và đó là đồ sứ của lò Cảnh-Đức-

Trấn (Giang-Tây) làm trước đồi Quang-Tự và nạp vào kho vua, chưa từng lấy ra dùng và đợi năm cách-mạng Tôn-Dật-Tiên, mới lấy trong kho vua ra bán đỗ bán tháo, cũng như đồ sành (porcelaine) người Tàu bán ra sau khi lật đỗ nhà Thanh, ông Grandidier mua giá rẻ mạt và cho đến nay, sưu-tập-phẩm của ông di-chúc cho lại nhà nước Pháp nhưng vẫn nằm trên gác viện bảo-tàng Guimet, vì thiếu người chuyên-gia sắp-xếp trình bày.

Bên nước ta, quý và hiếm nhứt là đồ sứ men lam trong cung-nội Huế, quen gọi theo Tây là "bleu de Hué", lại hất hủi chê và không biết giá-trị, đua nhau tìm và mua đồ "men ngọc" (gọi theo Bắc), đồ gốm da nước biển céladon (gọi theo Nam), và khi cắp-ca cắp-cùm ôm ra được, tưởng làm ra tiền đõ khổ, té ra ế-ẩm và thua những món săn có tại Pháp và Âu-châu, Mỹ-quốc, vì họ biết chơi trước ta nhiều và họ đã mua từ lâu bên Trung-quốc hoặc ở Á-Đông (Tân-gia-ba, Nhứt-bản, Việt-Nam thời tiền chiến) – céladon có săn bên Âu-châu là vật mua sắm từ trước đây và kể về "phẩm" vẫn đẹp và cao giá hơn vì họ lựa trước, và céladon bên Việt vốn là muộn-màng kém hơn nhiều.

Cái đáng quý trọng lại xem khinh, tôi muốn nhắc lại đây chuyện mấy chục thoi vàng (mỗi thoi nặng mười lạng), dân chài chài được noi bãi Sầm-Son thời ông Bảo-Đại còn làm vua, đó là vàng do Cống Chỉnh cướp trong cung chúa Trịnh, nhưng trời không cho gian-hùng làm giàu nên thuyền của Chỉnh đắm nơi biển Sầm-Son, khi

dân chài tìm gặp thì vàng bị ngâm nước ngọt trăm năm nên mốc đen, dân chài tưởng là chì là kẽm, bán theo giá "đồ phế-thải lạc-son", nếu nhà đương-cuộc thời ấy có chút kinh-nghiệm chỉ bảo cho dân, thì đâu có chuyện tái-diễn năm ấy tích "đem vàng đi đổ sông Ngô" như thế.

Năm 1975, khi ngôi vua Cao-Miên đổ ngã, bao nhiêu vật quý chùa Thổ trên Nam-Vang tuy không chòn nhưng đã bỏ chạy vào Sài-gòn, tượng Phật trên mấy trăm năm, bằng bạc, bằng vàng, khách-trú là người lợi-dụng, mua đi bán lại, tôi lấy mắt ngó mà không hề mua sắm, vì thuở nay, tôi không thích để Phật trong nhà, vì Phật thì phải ở chùa, duy có người Tây-phương gọi Phật là ngoạn-vật, và bởi mất tín-ngưỡng, nên ngày nay xã-hội mới đảo-đIÊN như thế.

- Đồ chạm.- Gỗ chạm, ngà chạm, hoặc mạ vàng, từng vang bóng một thời, rồi kế tang-thương chìm-nổi... Bên Trung-quốc, làm cách-mạng văn-hóa, đồ chạm trong nhà dân, bọn tú-dân-bang đều sai trẻ con vào đục-phá bỏ những gì mỹ-thuật, bắt tội là di-tích của phong-kien. Ở Huế thời ông Diệm, tôi từng thấy kèo son son phết vàng, noi lăng-tẩm bọn dốt-nát lấy làm cây chống buồng chuối đang trổ, chuối một quầy giá đáng mấy mươi mà làm tội một cây kèo "lá ngọc cành vàng"? Năm 1963 ấy, tôi cũng thấy noi một lăng vua, một tủ đài Minh-Mạng, son son thếp vàng, nhưng bỏ trơ ngoài sân mặc cho mưa dầu nắng dãi, chỉ vì đó là di-tích nhà vua, và

ông Diệm, một con dòng mây đời ăn lộc Nguyễn mà dốc lòng phế Nguyễn. Nhưng luật trời khiến: ngày nay gia-dinh Diệm ra sao và con cháu nhà Nguyễn, ông dốc lòng tiêu-diệt, mà con cháu nhà Nguyễn vẫn còn.

Đời là giả, không có chi là thiệt. Đèn đài xưa, bị phá hú, sau khi sửa chữa thì đèn đài ấy đâu phải là nguyên là không tì-vết. Tôi đọc sử Pháp, thấy nói thánh-đường Notre Dame de Paris, thời cách-mạng, các tượng đá trên vách, ông thánh này, bà nữ thần nọ, đều bị hạ bệ và lôi kéo xuống đất, bỏ nghênh-ngang chặt đường chặt sân, dân thành-phố chịu không nổi mùi xú-uế do-bẩn nên xin nhà nước chở đi chỗ khác cho có vệ-sinh, nhưng nhà nước cách-mạng 1789 quá nghèo và không đủ xe chuyên-chở, nên bán các tượng đá ấy cho dân làm xà-bần để xây nền cất nhà, ngờ đâu năm 1978, nhọn đào đất ở Paris, có người đã gấp lại gần đủ mặt các tượng đá cũ của Notre Dame de Paris, nhà nước không trọng và bán làm đồ phế-thải, nhưng đã có nhà Mạnh-Thường ẩn-danh ra tay nghĩa-hiệp lén mua lên và chôn-giấu cho ngày nay gấp lại, và một khi nhà nước sáng-suốt, xét vì nhà thờ Notre Dame, kiến-trúc-sư Violet-le-Duc đã sửa-sang đẹp-đẽ rồi, nay cũng không đủ tiền lôi tượng đã săn và thay thế tượng xưa vào, nên thành-phố Paris, tôi nói sáng-suốt là vậy, đã để y Notre Dame de Paris khỏi sửa-chữa và bao nhiêu tượng đá gấp lại, nay đề nghị mở thêm một gian phòng và chung bày thêm nơi viện bảo-tàng cổ-tích Musée de Cluny, những sáu-mươi tượng cổ biên thêm vài thẻ chỉ dạy rằng đó là "di-tích sót lại của Notre Dame

de Paris", Nhà-nước Pháp đỡ tổn tiền, và Nhà-nước ta nên lấy đó làm gương tốt. (21-6-84).

Trên đây là tôi thuật theo báo *Revue des deux mondes*, số tháng juin 1978 mua chợ trời, bài viết nhan "Les rois retrouvés de Notre Dame de Paris" của François Giscard d'Estaing). Xưa Pháp tưởng các tượng đá ấy là tượng vua chúa té ra không phải, và ngộ thay đến đá cũng tang-thương, và một thời-gian đâu hoàn lại đó, ai dám chê vật vô-trí mà vẫn có số-mạng.

Điêu-khắc-gia Pháp, August Rodin, vốn là một bức sú-phó, thế mà vẫn từng làm đồ giả, và tượng đồng Honoré de Balzac, nhà nước đặt cho Rodin làm, nhưng vẫn bị chê, và bốn mươi năm sau, Rodin chết rồi, nhà nước mới mua tượng này đem đặt tại đại-lộ Raspail như ngày nay đã thấy. Đang thời đó, nhiều tiếng thị phi chê tượng không "thật Balzac", Rodin mất ngày 17 novembre 1917, nhà văn Georges de La Fouchardière hạ bút phê câu: "cần gì cách làm, có chữ ký là thật rồi" (*la façon de produire importe peu, du moment que la signature est vraie*). (tr.157).

Đế Napoléon 1^{er} cũng bị phỉnh. Ngày đế túc-vị, cận-thần thân-tín là bộ-trưởng Denon dâng cho ngài cầm một cây vương-trượng (sceptre) quý-báu, vì tương-truyền là của vua Charlemagne ngày trước, sau đó cây gậy-linh này được trưng-bày noi viện Le Louvre làm di-tích hai vua, đến sau tra cứu ra, đó là gậy cầm tay của một đứa trẻ vô danh, hát kinh trong thánh-đường (chamtre)

thế-kỷ XIV, viện Louvre biết được rút giấu không kịp.
(trang 189)

Chiếc ngự-bào, áo choàng của đế Napoléon, cũng chọn điển sai, abeille, loài ong là tượng-trung cho phụ-nữ cần-cù, kết áo hoàng-hậu thì phải, và kết vào áo vua anh-hùng này thì chỉ làm trò cười cho người biết chuyện.

Napoléon là anh-hùng cái-thế một thời gian, Hitler cũng vọc-vạch kinh-thiên động-địa, “dọc ngang nào biết trên đầu có ai” (K.) trong một thuở, hai vị này, tôi đọc sách nào nay đã quên, nhớ mại “lớn tiếng lớn tâm, nhưng ‘bửu-bối’ nhỏ xíu”, theo lời mấy ông giải-phẫu thuật lại, và chính bà Joséphine de Beauharnais lấy vua để cậy thần cậy thế, chớ vẫn bất mãn về việc kia, nghe đâu ông Diệm cũng sao đó cho nên dành ở độc thân cho đến mãn đời, anh-hùng là chỗ nào chớ không phải ở chỗ đó hay sao?

- Về đồ chạm bằng ngà, nghệ-thuật của Tàu chiếm bức nhứt, hột ngà chạm “cửu-khúc liên-hoàn” không biết mấy lớp, lớp này xoay tròn trong lớp kia, thảy đều khéo tinh-vi kỹ-xảo tuyệt thế, xưa bán chỉ vài trăm bạc, người Huế chạm không thua, nhưng nước nhuộm ngà, sắc đẹp hơn, họ giao ngà cho tiên-nâu tông-tiu và nhựa thuốc làm cho ngà lên nước bóng. Tôi từng thấy người Huế-đô kho ngà và chế thuốc tím permanganate cho ngà mới hóa ra cổ, nhưng làm sao bóng bằng nhựa thuốc phiện. Âu-châu vẫn biết chạm ngà, nhưng các tượng thánh chạm trên ngà voi mammouth, không tinh-

vi bằng ngà Trung-hoa hoặc Việt-Nam, riêng Nhựt-bản, họ chạm những netzké, ngà chạm hình nhon-vật hay thú-cầm lại khéo một cách khác, nghệ riêng ăn đứt.

Cách nay độ bốn mươi năm, ở Chợ-lớn và ở Chợ cũ Sài-gòn, vài hiệu buôn nữ-trang, kim-hoàn thường có bán “hột cà-na chạm”, mỗi hột giá năm đồng bạc (vàng 60\$ mỗi lạng) tạc hình thuyền du-lịch, dưới đáy chạm tết-vi bài phú “Tô-Đông-Pha du Xích-bích”, trong thuyền có nhon vật ngồi, mỗi cửa sổ hai bên thuyền, hai cửa mở ra được và cánh cửa khép vào dễ-dàng, trên mui có tiệc dọn sẵn thấy rõ từng cái chén đôi đũa, trước mũi thuyền có tiểu đồng canh nồi nước pha trà, cà-na là trái chua chua, ngâm nước thấm giọng và giải-khát rất hiệu-nghiêm, hột cà-na lớn vừa bằng ngón tay cái, thế mà chạm lồng vào cả một giang-san thế-giới, từ Hồng-kông (Trung-quốc) mang qua đây lối 1940 mà bán chỉ có 5\$. Vì không ký tên, nên những mỹ-thuật phẩm này xét ra thật quý và không giả-mạo. Sinh-hoạt thời ấy thật vừa túi con nhà chơi đồ cổ, buổi ấy, gạo chín xu (0\$09) một lít, đúng là cảnh thiên-đàng, tuy vậy mà dân vẫn la lên vì bán một giá gạo (2\$00) chưa đủ đóng thuế thân, mỗi năm 4\$50 đối với người lao-động và 5\$50 đối với dân tư-sản, đóng thuế xong lấy đêm làm ngày và muôn ra đến Hà-nội, chỉ dâng hai tấm ảnh 5x4 và đóng 0\$50 sẽ có một tấm giấy gọi “thông-hành” đi khắp Lào-Miền, Huế khởi cần xin phép nhà chức-trách, ấy mà đó là thời nô-lệ thực dân à.

Bên Pháp, thợ chạm có danh, Graillon, trước làm thợ đóng giày, sau đổi nghề hóa ra nhà điêu-khắc, vừa có thêm một quán nhỏ, ở Dieppe, chuyên làm ngà giả cổ đời moyen-âge (đời trung-cổ), năm 1855 vẫn còn sản-xuất, và bán chạy vo-vo và Delorge là một điêu-khắc-gia có biệt-tài, nhái được đồ đời Louis XIV và đời Louis XV, không ký tên danh-hiệu xưa và chỉ chế-tạo theo điệu “à la manière de...” (môn phái lò..”) các nhà buôn mua về nướng, kho, tô màu sê bán cao giá, giả rằng ngà cổ. (trang 163).

- về bưu-hoa (con tem, con cò gởi thơ).- Những mảnh giấy có mảnh-lực thay chim nhạn đưa thơ này, có trước bên Anh-quốc, vào năm 1837, do một người tên Rowland Hill bày ra trước tiên. Năm 1849, gởi thơ dán tem, được nước Pháp chấp nhận, nước Thổ-nhĩ-kỳ noi theo từ 14 năm sau, và cho đến năm 1863, tục-lệ này mới lan-tràn khắp châu Âu.

Sau đó mới có người sưu-tập và lần hồi lại có tem giả, bán được nhiều tiền... Người Anh lanh trí hơn ai, nên đã đặt một bộ-môn tem tại viện British-Museum để làm mẫu, rồi lại bày ra đưa tem đến phòng phát-mãi, tỷ dụ năm 1904, một con tem bé-tí nhưng hiếm-hoi màu xanh-lơ giá bán khi còn mới chưa dùng là hai xu (deux pence, penny), xuất phát từ cù lao île Maurice (Pont Office) đấu giá có người mua đến 36.250 francs và người mua ấy là hoàng-tử Anh-quốc (prince de Galles) sau này lên ngôi là vua Georges V. Qua năm 1907, bộ môn của

Ernard, le Roi d'Etioles, toàn bộ bán được 827.752fr, như thế này, ai lại không ham chơi tem và sao lại chẳng có gian-nhơn giả tem làm tiền. Ngày nay phong trào này đã trở thành quốc-tế, có in sách cho biết giá và hình thức mỗi năm và mỗi nước. Ở Sài-gòn bộ-môn quý giá nhứt, thời tiền chiến là cửa chưởng-khế Mathieu, cầm cố vào Đông-Dương ngân-hàng vay được số bạc 600.000\$ (khi ấy là lớn lăm), khi Mathieu mất, nhà băng xin bán tại Sài-gòn vì sợ chở xa bị đánh tráo, nhưng người thừa kế của Mathieu một hai nài Tòa cho gởi qua Hôtel Drouot, Paris thì bán mới có nhiều người tranh đấu và khôi thiệt thòi, kiện-tụng lòng vòng và tôi không rõ kết quả. Trong Nam trước 1975 có ông Nguyễn-Bảo-Tụng có cho ra một cuốn nhỏ chỉ dẫn và ông là một trong những người chơi tem trước tiên trong xứ. (trang 172).

Trang 183 kể chuyện chiếc mũ vàng của vua Saïtapharnès, xưa đến thế-kỷ thứ 3 trước Tây-lịch, viện Louvre mua năm 1896 giá 200.000fr, đến sau rõ lại mũ ấy tân-tạo, và vụ này tôi đã kể rồi trong bộ *Hiếu-cố đặc-san*, nên nay không viết lại. (Viện Louvre mà còn lầm-lạc, huống hồ mất phàm như chúng ta. (viết 21-6-1984).

- Alexandre Lenoir.- Nhơn-vật này, tôi kể lại đây, là để cho thấy một chức-viên có đôi chút tín-nhiệm trong tay, khi quá dẽ-dai thiếu trách-nhiệm, thì mở đường cho “làm giả-mạo” mà chức-viên ấy nào ngờ.

A. Lenoir làm quản-thủ co-quan coi về đền-dài của Nhà-nước vào đầu thế-kỷ XIX. Lenoir nói một tiếng là ra tiền ra bạc, ví dụ chứng nhận tác-phẩm nào là "cổ" là "chơn-chánh" thì tác-phẩm ấy từ nay hóa xưa. Có chín món "émail, émaux", - trong tự-diển Đào-Duy-Anh dịch là "đồ thất-bảo", theo tôi đó là đồ "Pháp-lam" hay "Pháp-lan" hay "Pháp-lang" đều được, vì đích thị là đồ cũng gọi là "cloisonné", vì cloisonné là chia ra nhiều ngăn nhiều lớp, đồ cloisonné là đồ bằng đồng có dát ô nho nhỏ, đổ men màu vào là cloisonné, còn viết "Pháp-lan" là vật chế trước tại Hòa-lan, - khi viết "Pháp-lang" thì "lang" là một thứ ngọc ấy, trở lại chín émaux bày lối năm 1800 tại một tiệm lạc-son ở Paris, thế mà Lenoir biên giấy chứng chín món ấy, dưới chữ ký của Pierre Courtoys, vẫn chế-tạo tại Limoges năm 1559, đã chung bày noi điện Madrid ở hoa-lâm Bois de Boulogne, sau dời về chung tại viện bảo-tàng Cluny, nhưng làm sao qua mặt được người thức-thời như Mailfert, đã từng làm đồ giả-tạo quá quen nên thấy là biết ngay và nói ra chúng ta nay mới rõ.

Mailfert cho biết những émaux của bà Diane de Poitiers đặt trong khuê-phòng ở lâu-dài Anet, luôn cả những món đá chạm tương-truyền của Germain Pilon trên ngôi mộ lăng François 1^{er}, thảy đều giả tuốt. (trang 191). Nhưng không phải chỉ có viện Le Louvre là lầm-lạc, các viện ngoại-quốc ở Budapest hay ở Berlin, cũng vẫn lầm-lạc, chẳng qua bọn gian-phi quá tinh-xảo, và

người chọn thành quân-tử, riêng đây là các quản-thủ viện bảo-tàng, vẫn không hơn tích thầy Tử-Cống, vẫn bị thằng đầu bếp qua mặt, sai nó mua cá, nó lấy tiền đánh bạc thua mất, về nhà dối chủ, mua được cá, nó sợ ươn, đi về nửa đường thấy ao bên lề, bèn thả cá, nó ngáp vài cái, cá lội đi mất dạng, thày Tử-Cống không quở la lại vỗ tay cười lớn, thằng bếp nói có lý, cá kia gấp nước... "ngư thủy tương phùng" mà rầy nỗi chi?

- Michel Chasles.- Ông là một học-giả có tiếng tăm, ông bị gạt vì quá tin một thằng gian tên Vrain-Lucas, nó lòn-lõi bán cho ông vô số tác-phẩm cổ (thủ-bút, thơ viết tay chữ của Pascal, Newton, Molière, Rotrou, La Bruyère, Montesquieu, Rabelais, Shakespeare, rồi lần lượt bút-tích Marie-Madeleine, Jules César, Sapho, Platon, thậm chí có tới di-bút Jeanne d'Arc, Charlemagne, Cléopâtre, Alexandre, thiếu chút nữa ông Michel Chasles chờ mua chữ của chúa Giê-su, cái nghè săn tiền mà ít ra đường giao thiệp với ai, ông Michel Chasles quá tin noi tài học-giả của mình, thêm quá tin lời đường-mật của Vrain-Lucas vốn là thằng điếm-chảy, ông mù-quáng quên xét làm gì Vrain-Lucas tàng-trữ quá nhiều của báu như vậy, hỏi gì ít lâu sau là nó đem lại có liền, đến khi biết được trong 27.000 món của ông mua, giỏi lắm có được 100 món chon, thật, và số tiền ông đã tuôn lên đến 140.000 francs, móc túi học-giả vốn là quá dẽ (trang 193), và đây là một gương cho nhà chơi đồ cổ dư tiền, lăng phí.

- Victor Hugo, Courteline.- Những văn-sĩ, khi tho-thói, ai ai cũng đều có máu phong-lưu, mua sắm đồ xưa. Ta đã xem rồi tích Alexandre Dumas mua tranh Corot, khi biết rằng giả, trả tranh lấy tiền về; năm 1893, phát mãi sau ngày lâm-chung, bộ-môn collection của nhà chơi đồ cổ Spitzer mới rõ đại đa số đều không thiệt.

Duy có nhà văn Georges Courteline có óc khác lạ hon ai, là thay vì chơi đồ cổ và "đồ thiệt" để sợ lầm đồ giả-mạo, Courteline bày ra chơi "đồ giả" (faux), tranh quái-lạ vẽ khác thường (des ouvrages de peinture ridicules), như vậy mà khỏi lầm!

Victor Hugo, đã nổi danh, nên vật gì của ông, vẫn được nhiều người chuộng. Một giao-thoại: có một người Anh, sang kinh-đô Paris, gặp nơi nhà một người bán đồ lạc-son một ngoạn-hảo có vẽ hai chữ "V" "H", ông ta lật đật mua, nhút định mình đã gặp một di-vật lạc-loài của nhà văn Pháp, ngờ đâu sau đó rõ lại ngoạn-hảo-vật kia vốn là một vật quá tầm thường, vật đựng giấm chua và dầu ô-liu để bàn ăn, vì giấm, Pháp gọi là Vinaigre, và dầu là Huile, trên ngoạn-vật đề hai chữ tắt V. H. vây thôi. (trang 194).

- Alfred Gauvain.- Được nhắc lại đây để cho thấy nhơn-tâm biến đổi. Sơ khởi, Gauvain chỉ giỏi nghề vá sửa đồ sứt vòi mẻ miệng, nhưng lâu ngày sanh tật, rắp ranh leo thang muốn làm nhà sáng-tác (créateur). Năm 1878, sản-phẩm của Gauvain được chung-bày triển-lãm tại điện Trocadéro, và các nhà sành sỏi lão-

luyện như Spitzer, Nieuwerkerque, nam-tước Rothschild đều lầm với cổ vật xưa đến thế-kỷ XV, XVI, khiến Gauvain bắt trớn. Một hôm có một khách lạ đến cậy tìm một cổ kiếm (giuwom xưa) của I-pha-nho đời thứ XVI, ít lâu sau, quả Gauvain có vật quý bán liền. Một hôm khác, lại có viễn khách hỏi Gauvain và cậy tìm một hausse-col, tức một mảnh giáp che cổ và vai của võ-cử đời xưa, thế mà Gauvain cũng cung cấp được, và hai người chủ giuwom xưa và giáp xưa, hai người đổi với nhau, cả hai đều mừng thầm cho mãi đến lâu sau mới biết "hai cổ vật" ấy cùng do Gauvain sản-xuất. Nhưng dễ gì họ chịu nói ra là mình lầm, và xét thêm, những giáp xưa, mao sắt, kiếm xưa, giáp nguyên bộ của tướng võ đời cổ, thường thấy chung-bày nơi New-York, bộ-môn hữu danh Crozat, Horace Walpole, (mua sắm từ năm 1772), đều nêu liệt vào đồ vật của lò Alfred Gauvain tân-chế. (trang 196).

Và tỷ như lò làm đồ sứ Manufacture de Sèvres, nay còn sờ-sờ (và năm 1963, tôi từng đến viếng), ngày nay thử ta đi đến đó đặt làm một món Sèvres, thì lò làm ra được liền, và Sèvres vẫn là Sèvres, bất luận tân hay cổ, vì khuôn mẫu vẫn là khuôn mẫu cũ, nói nữa bằng thừa, (trang 197), không như "Nội-Phủ" khó giả-tạo, vì lò cũ đã không còn, và đồ "Nội-Phủ" nhờ xem theo sự lạc-tinh (patine) mà định được.

Đến đây mở một dấu ngoặc: về các vật cũ: đàm xưa, vải cũ, huy-chương, sách cổ, bình trà, bình rượu bằng

kim khí (thau, chì, kẽm), vật xưa binh-khí, gươm, súng, thật là khó phân biệt chon, giả, xưa, nay. (trang 205).

- Jean Garnier.- Jean Garnier này, vừa giỏi nghề điêu-khắc, chạm trổ (sculpteur, ciseleur), vừa thiện nghệ dát đồng dát bạc dát thiếc (émailleur), nhưng ông có lương tâm nên món nào làm ra là ký tên và bán ra theo giá lương-thiện, duy khi con buôn đến mua của ông rồi đem về đổi tên khác thì làm sao tránh? Viện bảo-tàng South-Kensington Museum có nhiều món cổ, ghi là của Benvenuto Cellini, kỳ trung đều do tay Jean Garnier chế-tạo. (trang 198).

Năm 1942, có người đem đến viện Mỹ-thuật ở Paris, một bình xưa loại có hai quai và gọi "amphore", bình bằng vàng, có giấy chứng nhận tìm được tại Pompéi (lúc xưa bị chôn vùi trong tro lửa hỏa-diệm-son Vésuve năm 79 dương-lịch), nhưng bình này đã đem bán một lần năm 1936, trị giá 3 millions, chẳng những không mua mà còn báo tin cho nhà chức trách, - giấy chứng nhận lại do một giáo-hoàng thủ-ký, nhưng vì giá quá cao, vật khó tin nên ế độ. (trang 199).

Đến đây chấm dứt là vừa. Ôi! Giả ôi là giả! Mạnh-Lệ-Quân là nàng gái đẹp trong một tiểu-thuyết Tàu do một người thiếu-phụ đặt ra. Khi Lê-Quân sang cả, thì lại có hai ba nàng con gái, ham có chồng sang, nhảy vô nhận mình là Lê-Quân, và đó là nhon-vật mà vẫn giả. Đì hỏi con chị, khi cưới về là cưới con em: giả và lỡ rồi phải ưng làm vợ, "tưởng đặng xung anh, hóa dượng mầy"!

Khi lựa là sứ Lê, đồ trong Nội-Phủ, trả tiền xong đem về, hóa ra đồ Nhựt, đồ Đài-loan, giả và tiền đã mất. Không dám đi sâu vào triết-lý, không viết về tranh đòi bây giờ, vì không muốn đụng chạm. Kể lại các việc xảy ra bên Tây, và thấy bên ấy, người làm politique (chính-trị-gia) chuyên lừa thân chủ mình là quần-chúng; nghị-sĩ lừa cử-tri; đàn bà và đàn ông lừa nhau (việc này đâu đâu đều có, không riêng gì Pháp); kỹ-nghệ lừa thương-gia; thương-gia bịa người mua, tớ gạ thầy gạt chủ, chủ phỉnh người làm công, danh-từ "faux vieux" (giả xưa), faux-vrai (giả là đồ thật), vrai-faux (thật là giả ngay), đều là danh-từ của Tây bày, ông bà ta nói tiếng mẹ đẻ, những chữ ấy xưa kia chưa có. Nước ta không xưa bì Trung-quốc, Ai-cập, Ấn-độ, nhưng nhờ tôn-giáo không bắt buộc và tha hồ tự-do, khiến nên cari cũng tập ăn cay đến ghiền và đòi cà-ri Ấn-độ, bít-tết cũng xoi, caviar càng chịu, con giòi con mè đều biết mùi, hoan hô người Việt và giả ôi là giả. Choi đồ giả như Courteline mới thật chắc tay khỏi lầm. (22-6-1984).

Bào-ảnh, cái bọt và cái bóng

Choi đồ cổ, mua sắm đồ xưa là tục nấm-nuối cỗ thời, có kim thì phải có cổ, - đời không lý như vầy hoài, và chơi vật xưa là nuôi chút hi-vọng, để quên đời mong-mị. Thiết tưởng đó là một thú vui lành mạnh, không nên làm cho dân chán nản thôi chơi.

Đã sạch-sành-sanh như con bạc thua một mẻ to trút túi, tuy vậy còn cỏ còn voi, từ túp lều xây dựng cho trở lại phố nhỏ nhà rộng, óc mỹ-thuật làm cho nhà như "người đau mới mạnh", chòi lá ăn bộ-vận với ghế bàn ợp-ep, nhà tranh phải giường tre, ván dầu mới xứng, nhưng không phải mẫn kiếp chịu nghèo, lâu ngày sắm được bàn thờ, tủ, liền thì đã ra hàng khá-giả. Muốn cho dân mạt kiếp hoài hay sao? Thì phải cho dân còn giữ lại một thú tiêu-khiển với chứ. Nước chúng ta không có lâu-dài cổ (châteaux) như bên Pháp, không có điện-den bằng đá xưa như trên Angkor của Miên, cũng

không có kiểu chùa Phật cổ như bên Nhựt, giữ mấy trăm năm không trầy-trụa, vì trẻ con và người Nhựt không có óc phá-phách viết bậy-bạ như bên ta, thậm chí ngoài Bắc có phủ chúa Trịnh thì vua chót nhà Lê đốt mất, điện Cần-Chánh ở Huế cũng làm mồi cho lửa, còn lại một tòa cung-điện nhà Nguyễn, có lẽ mối-một rồi đây cũng găm-nhấm chờ ngày sụp đổ, trong nước còn lại chút ít vật xưa, tưởng nên khuyến khích bảo-tồn, giữ cho không đem ra nước ngoài là phải, nhưng đăng-ký, tịch-thu, làm cho dân sợ tẩu-tán tán-li bán rẻ mất dấu-tích của dòng-họ, tưởng không khác bắt trong nước thục lùi sống trở lại cảnh trần-truồng cổ lồ. Tiến-bộ là vậy à?

Thua là thua vật lớn đền đài, chớ vật nhỏ, đồ ngoạn-hảo, chúng ta không thiếu. Và nên để cho dân chơi. Tôi đã từng thấy ở Huế, người ta bỏ ngoài mua gió những tủ gỗ quý, sơn son thếp vàng, vì chê là vật di-tích của vua chúa, và dùng một cây kèo trong cung nhà Nguyễn, lấy một vật đáng giá bạc ngàn như vậy, đem chổng ngoài vườn phơi nắng phơi mưa để giữ một buồng chuối không đáng mấy đồng tiền khỏi ngã đổ rót rơi vào bùn cát, thật là hủy hoại và phí của.

Ngày xưa sắm hòm để chôn người chết. Nay người chết không đất để gởi xác mục, tôi dám chắc trẻ con luôn cả thanh-niên tuổi dưới đôi mươi, làm sao biết và tả bộ-vận chiếc quan-tài: hòm đất là gì, hòm vỏ măng, nắp trấp, hòm mái, hòm chun ngang là gì, hòm lèo,

hởm súc ra sao, ruong xe giường hòm là cái thá gì, ấy, tuy những danh-từ ấy có nhan-nhản trong tiếng nói ông bà để lại, thuộc văn-hóa, văn-minh Việt cần phải biết, không biết là người mất gốc đi rồi.

Cái hòm, không cần biết đến, còn như bộ chén-trà, cung-kiếm, sách-đèn là gì? Thì phải dung cho dân còn giữ lại cho cháu con biết, không thì mất luôn văn-hóa, và đâu còn tinh-thần dân-tộc. (23-6-84)

Vài mánh-lới của con buôn đồ cổ Tây-phương

Trước khi vào đề, tôi xin thuật lại những gì tôi biết chung quanh tủ bàn trong Nam. Không kể những ghế bàn từ trước đời Minh-Mạng, những vật ấy trong những năm loạn-ly vì giặc Ngụy-Khôi, đều bị tiêu-hao trong binh lửa, và lại cũng không có nhiều, một là vì dân-cư không dư tiền, ít se-sua, hai là dầu có của cũng không dám phô-trương vì nạn quan thường dòm ngó, trong nước lại chưa được yên-ổn cho lắm. Phải đợi thái-bình trở lại, nhứt là trong khoảng đầu thế-kỷ Delacroix, những năm 1901-1920, đất rừng khai phá thành ruộng nơi Hậu-giang, khiến dân có tiền lo dựng nhà-cửa, nhưng vẫn còn theo phong-tục cổ, nhà trệt năm cột gỗ đã là khá-giả, và cách chưng đọn trong nhà, gồm bàn thờ tổ-tiên có lư-hương đồng, lục bình Giang-Tây mua trong Chợ-lớn, vài bộ ván gỗ, thường là ba tấm, gọi bộ ván ba, bộ ngựa ba (ba tấm ván), đã là nhà "có máu mặt" lắm rồi. Khi phóng

đường xe lửa lên rừng cao, miệt Tấn-linh (Biên-hòa, Thủ-dầu-một) nhon phá rừng già cốt cây cổ-thụ thiên-niên, mới có ván-hai, tức bộ ván hai tấm, mỗi tấm dài trên ba mét, bề ngang cỡ 0,90 mét, bề dày cỡ một tấc Tây (0,10 mét) và lúc ấy lối 1920, nơi sản-xuất "đồ mộc" vẫn là ở Lái-thiêu (thuộc tỉnh Thủ-dầu-một) có hai nhà làm đồ gỗ lớn là nhà Nguyễn-Hiệp-Hòa và Nguyễn-Long-Thao mướn thợ khéo từ Bắc vô, cẩn ốc xa-cù và chạm trổ rồng-phụng tú-linh, trong khi ấy, nơi đường Catinat có nhiều nhà thương-gia lớn từ Hà-nội vào Nam lập nghiệp, như: nhà Đào-Huống-Mai bán tủ cẩn khéo, và ghế sa-lông kiểu Louis XV, chum chạm mai-trúc, lung ghế cẩn xa-cù, toàn bằng gỗ quý và danh-từ gỗ gụ, lim, vàng-tâm bắt đầu làm quen với tai, nhĩ trong Nam từ ấy. Xuống đến những năm 1930-1945, miệt Biên-hòa với kỹ-nghệ mới, vườn cao-su, đồn-điền lớn, người Tây phục thủy-thổ, đem vốn qua làm ăn lớn, khi ấy họ mới chở qua bàn ghế tân-thời, ghế có nệm ngồi êm-ái và lung ghế lót gấm quý, nhưng người thợ mộc khéo của ta vẫn lấy kiểu ấy mà biến thành ghế danh-mộc, có mặt chạm trổ kiểu Pháp, rồi sau này vì gỗ bên xứ ta có vân săn đẹp, nên bàn ghế để mặt tròn, khoe vân rực-rỡ của thớ cây, hoặc dùng ốc xa-cù thay cho gấm Tây-phương khó kiếm. Khi ấy nhà nước Pháp mới mở trường dạy về công-nghệ, và có trong Nam cả thảy các trường cõ Trung-học:

- trường ở Biên-hòa, dạy làm đồ gốm (ngày nay gốm nhái céladon đời Tây đã khó kiếm);

- trường ở Gia-định dạy vẽ;
- trường ở đường Mac-Mahon (Sài-gòn) dạy thêu, nhưng ít học-trò nên sớm đẹp, ít ai biết;
- trường ở Thủ-dầu-một dạy làm đồ mộc;
- trường dạy nghề máy tàu, máy xe hơi ở Sài-gòn nay là trường Cao-Thắng;
- trường ở Sài-gòn, đường Chasseloup, gọi "trường bá-nghệ", nhưng chuyên đồ mộc như trên Thủ-dầu-một. (Nhờ hai trường này mà người thợ học được cách ghép đồ mộc kỹ hơn xưa và chú-trọng về mộng-mẹo y cỡ nhau, chó lúc trước chỉ chăm chú khéo léo bóng-bẩy mà ít quan tâm đến đúng mục đích ni-tắc, vân vân.
- một ngành bị bỏ quên là nghề làm đồ-mồi, để tự nhiên người Hà-tiên khai thác theo cổ-truyền, cũng như nghề làm vòng bằng huyền, cũng chỉ ở Hà-tiên mới có huyền, v.v.

Thời tiền chiến, đường Catinat có nhà Chauvin, Tây lai Bắc, chuyên bán đồ bạc, đồ-mồi, ngà.

Trước đài Minh-Mạng thì trong Nam, rừng rú còn nhiều, dân cư thưa thớt, nhà các quan to thì phần nhiều là người Miền Trung, vào đây làm tuần-phủ, án-sát, hết nhiệm-vụ thì lui về quê-quán, bàn ghế đem theo đủ dùng là chế-tạo ở Miền Trung, khi đổi đi thì chở theo, năm khi mười họa mới nhường lại cho mấy ông bá-hộ trong này mà cũng chẳng nhiều. Một nơi qui-tụ nhiều

bàn ghế cổ có giá-trị, theo tôi biết và thấy, thì chỉ nơi nhà cổ ông Trương-Vĩnh-Ký và một nơi nữa là nhà từ-đường dòng Trương-Minh-Giảng ở Gò-Vấp, còn những nhà đồng thời với ông Ký, như nhà Đỗ-Hữu-Phương (Chợ-lớn) nhà ông Trần-Tử-Ca (Hốc-môn), lúc tôi lên đây thì không còn dịp đến được mà xem hòng biết. Chợ-lớn có vài nhà bá-hộ (giàu lớn) như nhà Hộ Xưởng, Hộ Định, tôi từng thấy, nhưng bàn ghế và lối chung dọn đã lai-căn, không lấy ra làm tỷ-du được. Tôi nhắc lại trước giặc Ngụy Khôi, trong Nam bàn ghế rất ít, dân quen dùng lợ hũ để dồn áo quần vào, bèo-nhèo trối kệ nhưng tránh được con mắt thèm muốn của quan và của quân gian. Người Tàu, họ vẫn dùng bàn ghế theo kiểu của họ, tiệm buôn nhỏ, thì bàn ghế bằng cây thông trắng, có sơn mài sơ một lớp để tránh mối-mọt và bán thật rẻ (Ba tôi có để lại hai bàn vuông, gọi bàn độc, bằng gỗ thông, sau mua được đồ Lái-Thiêu chở xuống Sóc-trăng, thì hai bàn gỗ thông bán ra chưa được tám đồng, nhưng xin chó quên một đồng thời đó đi chợ mua thức ăn ba bốn ngày và vĩ-vèo có gà có vịt, và sáu đồng bạc là mua được một chỉ vàng. Khi phá rừng mở đường hỏa-xa, cây trên rừng nhiều cây sống có trên mấy trăm năm. Năm triển-lâm Luro, lối năm 1942, và trước nữa vào năm 1928, lúc tôi cưới vợ, Sài-gòn có bày hai cuộc triển-lâm, và tôi từng thấy một bàn tròn toàn gỗ trắc, mặt bàn kinh-tâm chín tấc Tây, nguyên một miếng gỗ liền lạc, trong thẻ ghi lấy ở Sơn-Tây trong trận đánh có Henri Rivière, tức lối 1885, gỗ trắc thuở nay lớn cỡ sáu

tắc mặt là khó kiếm rồi, cái bàn này đến 0,90 mét mặt là hy-hữu, đã lành-lẽ là đủ quý, thêm cẩn xa-cù ốc ngũ sắc, cẩn tế-vi kiểu “lưỡng long tranh châu” thật khéo, chun bàn là ba con cá hóa-long giốn sóng, xem thật tân-kỳ, thế mà treo giá sáu-trăm-đồng (600\$) cho tới ngày bế mạc, không thấy có người mua, duy nhất bộ “ván một” gỗ bên vàng lườm, mặt bè ngang 1,60 mét liền một miếng, giá 1.600\$ chỉ có nhà giàu ở Sa-dec mua một tấm, và lúc ấy tôi muốn lăm nhưng chỉ lấy mắt ngó chớ làm gì có tiền mua nổi? Lối năm khai trương nhà hát Biên-hùng ở Biên-hòa, vào trào ông Diệm tức gần đây, lối 1962, tôi thấy một bộ ván gỗ đỏ “bên” chun quì, nguyên một tấm, dài 3,20m, dày 0,80m, bè ngang 1,80m, thật là hy-hữu vô song, giá là 30.000\$, tôi muốn lăm và ngày nay còn tiếc, nhưng nhín tiền để dựng nhà có ích hơn, và khi tôi về đo lại, lúc ấy nhà vừa dựng lên nhưng các cửa không cửa nào đem lọt bộ ván vào trong, và không lý phá cửa để mua bộ ván. Nếu nay còn, bộ ván 1,80 mét bè ngang này giá biết là bao nhiêu, đố biết. Thuở nay, ít ai ham sắm những vật ế-độ như vậy vì chỉ trêu tức lòng tham thiên hạ, nếu yếu bóng vía khó cầm, và vật quá quý, thường hại chủ, và cửa tìm người hay kén chủ cũng vì hiểu bao nhiêu ấy.

Đùng một cái, sau ngày giải-phóng, nhứt là từ 1976, ùn ùn đua nhau và bắt chước nhau, tìm phương chạy ra nước ngoài, gia-tư tế-nhuyễn bán đổ bán tháo lấy tiền chạy trốn. Bàn ghế tủ thờ ván ngựa đều nôn và

muốn chạy theo chủ, duy chăng biết sử-dụng chon-cảng chờ người đến mua. Nghe ham quá: một bộ ván ba tấm, trước mua vài trăm, nay nó trả cả trăm ngàn, lớp sơ bị tịch thu lớp ham tiền bán lẹ để ngày nay nằm dưới đất. Một bộ sa-lông nệm gấm quý, bán được một triệu mừng quýnh, chiều vợ về mới hay có giấu trong nệm một lạng vàng, nay vốn liếng đi đòi nhà ma, chồng hối là chồng báo hại. Chợ bàn ghế ban đầu qui tụ chung quanh lăng cha Cả, dài theo đường Lê-văn-Duyệt, nay thâu gọn xóm Trần-Quí-Cáp và thỉnh thoảng trong xóm vắng còn nghe tiếng rao thằng làm mối đi xe đạp hỏi: “ai có bàn ghế tủ ván bán không”... ho-ho... đã bán từ khuya.

*

* * *

Những bàn ghế trong Nam, toàn bằng gỗ quý: đầu tiên, trọng dụng trắc, vừa bền, vừa có nước bóng hơn các gỗ khác (chỉ thua mun, Pháp gọi ébène, nay còn lại danh-tù ébéniste là thợ chuyên làm đồ mun, sau làm đủ thứ gỗ quý). Trắc có hai loại, loại lâu ngày thâm đen, loại kia, Tàu gọi “hồng-mộc” về lâu vẫn còn đỏ màu kiêng-gián, Pháp khi gọi bois de rose, acajou, đều là trắc. Có một thứ ván xen vàng-đen như da cọp, gọi “trắc-hổ-bì”, nhưng rất hiếm và một đôi chỗ trong thân cây trổ màu như vậy, nên thêm quý. Khi trên rừng bót gấp gỗ trắc, thì cẩm-lai đứng đầu các gỗ danh-mộc. Cẩm-lai có nhiều loại, cây có dác trắng nhiều, khi dác và gỗ xen lộn nhau thì gọi “cẩm-lai lộn ruột” rất là khó kiếm

vì vân cây đen-đỏ-trắng-hồng chen nhau đủ màu thật là lạ mắt. Cẩm-lai chia ra có “cẩm-lai sông lớn”, từ rường Lào-Miên thả theo bờ xuống, cây vóc to, thớ cây cũng to, và giá-trị kém cẩm-lai núi Miền Trung và rừng cao Biên-hòa, Thủ-dầu-một, thịt mịn, nước bóng cũng đẹp hơn loại mọc gần nước; duy gỗ cẩm-lai thường nứt xé, khó có ván liền, và vì vậy, làm ra đồ mộc giá càng cao. Tiếp theo hai thứ gỗ thượng hạng ấy, thì có giáng-hương, nhiều thứ gỗ (-sừng, -mật, -đỗ, v.v.) cây tươi thịt trắng, lâu ngày thâm đen, nhưng gỗ giòn, mộng chốt thường gãy, nên gỗ thua trắc và cẩm-lai nhiều. Phong-trào ngày nay ham bán đổi tiền, chớ sau này bàn ghế xưa, sẽ được giá lăm. Tôi thuật lại như dưới đây cho thấy người Pháp đã làm nghề buôn bàn ghế cổ trước ta nhiều và những mánh lới kể ra đây không cốt ý chỉ đường cho nhà buôn trong này, vì về ngón lanh-lợi gian-xảo họ có dư-thừa, lẽ nào còn “giúp giáo thêm cho giặc”.

Trong quyển “Au pays des antiquaires”, tác-giả là André Mailfert, từ một thầy vẽ peintre-aquarelliste, chuyên vẽ màu pha với nước, tự-điển gọi “thủy-thái-họa”, năm 1904 còn chật vật với chữ “nghèo”, đến 1929 đã trở nên triệu-phú, giải nghệ và đào-tạo được trên 250 thợ, kẻ làm đồ ngang, người chạm-trổ, người sơn phết và đều có nghề, - nghề chế biến tu-bổ bàn ghế gãy chon gãy cẳng, sau là thợ “làm đồ xưa giả”.

Mailfert viết sách để lại, chỉ hết những điều bí-mật

trong nghề nhái cổ, nào cách làm cho da gỗ trổ rạn, giống gỗ trên trăm năm, nào cách mạ vàng, nào cách giả trứng muỗi đóng nơi kẹt góc bàn ghế cổ, gọi “cacas de mouches” (cứt ruồi tủa, muỗi đẻ trứng), ban đầu Mailfert làm đồ nhỏ như gương soi mặt kiểu Louis XV, lần hồi giả đồ lớn vóc hơn, tỷ như “trumeau” của các lâu-dài cổ, bên ta không có trumeau nên tự-điển giải nghĩa là bản lót tường ở giữa hai khung cửa, hoặc trumeau là tấm kính soi treo trên lò sưởi, theo tôi đó là tấm biển chạm và soi chỉ, không treo theo bề ngang và thường dựng đứng giữa hai khung cửa như đã cắt nghĩa nơi trên, và khi thành thạo nghề nhái cổ xong rồi, Mailfert tuyển thêm thợ khéo, gồm một thợ mộc làm đồ ngang, một thợ chạm gỗ, một thợ sơn màu, và ba thợ năm sau, Mailfert trở nên triệu-phú, dưới tay có đến hai trăm năm thợ chuyên-môn lành nghề, nhưng Mailfert giữ được tinh lương-thiện chí-thú làm ăn không có ý gian, là những đồ vật chế-tạo ra, như baromètre (phong-vũ-biểu) kiểu mặt trời thế-kỷ trước, gương soi mặt treo vách đời Louis XV (miroir de style Louis XV), trumeau xưa, bình-phong mạ vàng (écran en bois sculpté et doré), tủ đựng áo quần có ngăn kéo gọi commode, và ghế dài, ghế phô-toi kiểu cổ (bergère et fauteuil Louis XV, Louis XVI) vân vân, lò Mailfert gia-tạo khéo cho đến đỗi nhiều viện bảo-tàng thâu nhặt và chung-bày dưới danh-từ “cổ-kí đời này đời nọ”, nhưng như đã nói Mailfert vẫn bán giá hạ, không ghi trong sách mẫu là

"đồ cổ", duy bọn con buôn gian-manh, khi mua về, mới làm hộp và gạ bán cho nhà giàu khắp nơi, Mailfert viết trong sách rằng đã mua các giường cũ đời Louis Philippe (mất năm 1868) và dùng gỗ xưa nầy mà chế ra bàn ghế cổ thời, mất phàm khó phân biệt "trắng-den". Nơi đây, tôi xin mở một dấu ngoặc để trở lại gỗ danh-mộc của chúng ta săn có thật là quý báu, duy chúng ta sử-dụng rất là phí phạm. Giữa đầu thế-kỷ XX, khi phóng đường xe hỏa ra Miền Trung, gấp giữa rừng những gốc cổ thụ thiên nhiên, vào đời ấy lưỡi cưa chưa được lưỡi dài như sau nầy, nên khó sả-bổ và rọc những gốc trên hai thước bè trực kính, vì vậy ban đầu phí phạm, cốt cho cây ngã xuống rồi dùng rựa đẽo lăn đến thành bộ ván đôi hay ván một bỏ không biết bao nhiêu là gỗ cây liền; lại nữa, lúc ấy trên rừng, cọp và thú dữ còn thật nhiều, cho nên thợ cưa cây súc lớn, vẫn xây giàn-trò cỡ hai thước bè cao và đứng trên giàn ấy mà kéo cưa, vừa khỏi đỉa cắn, cọp xoi, duy bở trọn khúc gốc cây thật uổng sau nầy mới nghĩ ra và mót lại, là khi có lưỡi cưa dài tầm vóc, thợ trở lên rừng, đào chung quanh các gốc bỏ sót năm xưa, và sả đúng lấy từng tấm ván tùy ý muốn, hoặc gốc nào không đúng cỡ bè đứng, thì cắt theo chiều ngang, gọt từng tấm dày cỡ năm phân sáu phân Tây, dùng gỗ cắt ngang ấy làm mặt bàn tròn, nay còn sót lại mặt bàn trên 1,50m bè trực, và lối 1920 bán thật rẻ, mặt bàn liền nguyên miếng chun bàn một khúc gỗ to tiện tròn dưới có ba chun, vẫn nguyên miếng và vốn là rễ cây hay nhánh lớn sót lại của cổ-thụ năm

xưa, giá bán thật hời, vài trăm một bàn, tuy hình vóc không tân-thời nhưng bền chắc vô cùng vì chế-tạo bằng gỗ nguyên cây, nguyên súc.

Ngày nay gỗ trên rừng đã hiếm, thợ làm bàn ghế đã biết mua lại ván đôi ván ba cũ, sả mỏng làm mặt tủ mắc tiền, chó chi Mailfert qua đây, chắc thợ ta tranh giành mua không lại lão. Nhưng như đã nói Mailfert chỉ chế-tạo, và lành nghề chưa đủ, phải cần có người tiêu-thụ, và phận sự ấy thuộc về bọn con buôn.

Ngày nay người Tây người Mỹ biết chế ra loại keo gắn thật dính để dán sắt, đá, gỗ, sành, dán xong, chế nước sôi cũng không rã, nên đồ mộc thường dùng ván ép và gắn keo, bót dùng gỗ nguyên miếng. Ngày xưa thợ ghép sườn nhà, khi ghép xong một bộ sườn, muốn biết khéo cùng chăng, có cách thử là ngâm những đầu sườn vào nước, khi nước không chen vào ổ mộng, và đầu sườn ngâm nước không ướt mới là thợ khéo. Ngày nay thợ biết ghép mộng (mộng đuôi cá, mộng khay trà) không mấy người giữ được cái khéo thời xưa, miễn biết đóng cây đinh, và biết gắn keo là đủ xung biết làm đồ mộc.

Nghề buôn đồ cổ, nhứt là bàn ghế, tủ cẩn, giường chạm, đâu đâu cũng thế, chỉ chuyên mạ tròng đèn và ít được lương thiện. Mấy chục năm về trước, thợ mộc giao tủ bàn, thường khiêng vác vào chợ-chợ nhá-nhem tối. Họ đổ thừa món đồ vừa làm xong buổi chiều và phải đợi cơm nước xong xả mới khiêng giao cho chủ. Kỳ thật là buổi ba chớp bốn sáng ấy chủ ít thấy theo

và tỳ-vết, cây nút thoa keo cũng chấp nhận, khi thấy thì tiền đã về tay thợ và thợ đã về từ ban nãy, xa rồi...

Ngày nay nhà buôn đồ cổ bên Âu, đều có mòn bài, khách mua hàng vẫn dắt theo nhà giáo-nghiệm và phải trả tiền mua bán có giấy chứng nhận, vật cổ đến đời nào...

1. Ca thứ nhứt.- Một người đem một phong-vũ-biểu xưa, nhờ Mailfert sửa chữa những chỗ hư hỏng. Mailfert lấy kiểu và làm lại được y như cái cũ và khéo cho đến đỗi khi đến lấy hàng, người chủ chọn món giả lấy về. Về sau Mailfert thấy một viện bảo-tàng nọ triển-lâm món đồ của mình làm ra, Mailfert phân trần, vị quản-thủ khuyên Mailfert giữ kín để tránh lôi thôi. (Như vậy think thoảng nhà chứa đồ xưa cho công chúng xem, vẫn lưu-trữ đồ không thiệt).

2. Ca thứ nhì.- Món đồ giả làm xong, con buôn mua về, đem gởi noi một lâu-đài cổ mà người chủ đi vắng. Viện quản-gia của lâu-đài cổ nhận tiền đút lót, cho con buôn chở món đồ đến, đặt vào bên vách, lại phun chất màu vào vách giả như món ấy đúng chỗ ấy đã lâu năm, sau đó con buôn dẫn khách sộp đến lâu-đài, ông tỳ-phú thấy món vật vừa con mắt, đẩy thử món vật ra thì có dấu dạng trên vách ràng-ràng, tỳ-phú chở món ấy qua Mỹ xong, tưởng mua được vật cổ, té ra vẫn do lò Mailfert chế-tạo, người làm ra món đồ vẫn không nói, chủ lâu-đài đâu có mất món nào hòng kêu-la, chỉ người mua bị gạt, viên quản-gia nặng túi và con buôn thì no bóc ké. Tinh đời!

3. Ca thứ ba.- Một thiếu-phụ dòng quý tộc xuống tóc xin tu noi một tu-viện nữ. Nàng dâng cho tu-viện một bộ sa-lông cổ gồm bốn ghế phô-toi quý giá. Nàng chẳng may từ trần. Viện mời một nhà buôn đến mua bộ ghế, gọi đèn bù tiền "dầu đèn công-quả". Chịu giá mua là 20.000 fr. Bốn tháng sau, nhà buôn chở lại viện trả lại bộ ghế, và than ế ẩm, khi nào có khách chịu mua, sẽ đến lấy bộ ghế, còn số tiền mua là 20.000 quan sẽ trả lúc đến nhận ghế chở ra, tức không thiệt thòi cho viện chút nào. Ít lâu sau, quả nhà buôn dẫn khách Mỹ đến xem và lấy bộ ghế, tiền trao cháo mức, cuộc mua bán này bè ngoài xem rất là lương-thiện, viện vẫn nhận đủ số tiền 20.000 như lời hẹn, nào thiệt thòi gì, khách Mỹ mừng mua được của xưa, té ra con buôn quá tinh ma, khi nó chở trả cho viện bộ ghế là bộ ghế giả, do Mailfert lanh làm y hệt bộ ghế cổ của tu-viện, bộ thật đã bán, lời một lần, bộ mới cũng bán được luôn, lời lần hai, Mailfert nhận một số tiền là tiền công lương thiện, chỉ con buôn làm ăn cách ấy, mà người ham chơi đồ cổ vẫn còn hoài, nhưng không nên lấy làm lạ. "Cũ người mới ta" nay nên đổi lại "Mới người, cũ ta" là vậy.

4. Ca thứ tư.- Một quan tòa, xung minh là học giả, thêm có tính ham chơi đồ cổ. Ông đến Mailfert dặn kiểm cho mình một bộ ghế kiểu Louis XV, Mailfert than không dễ gì kiểm gấp vì đồ thật vẫn hiếm hoi lắm, họa may ông chờ một thời gian, và Mailfert mách ở tỉnh Avignon dường như có thấy một bộ ghế y như ý ông

muốn, nhưng không chắc gì nài được vì người chủ có xu nhiều, vị quan tòa nghe ham, sai Mailfert đi Avignon dọ thử, tiền sở phí ông đài thọ, bốn tháng sau quả Mailfert mua được và bộ ghế theo toa xe lửa từ Avignon chở về, có vé trả tiền ba-ga hắn hoi, vị quan tòa rất bằng lòng và thường khoe với quan khách đến nhà, bộ sa-lông quý và cổ, nhưng Mailfert đã dẹp tiệm, Pháp vừa xảy ra chiến tranh, Mailfert đã giàu và sợ “ăn quen chồn đèn măc bấy”, gạt túi tuổi này đã vừa và vừa tuổi ngồi lần chuỗi hột.

Nay, đeo nữ-trang thiệt, rạ đường e bị lột, đàn bà đeo đồ giả là thường thấy. Nói thật ít ai tin, viết như vầy và kết thúc nơi đây là đủ. (24-6-84)

*

* *

Một nhà bán tranh có lương-tâm nhà nghề: Ambroise Vollard

Trong giới mua và bán tranh và đồ cổ, không phải hết thảy đều xấu, như Ambroise Vollard, thật là khó kiếm. Người xứ Bòn-bon (île de la Réunion), sau khi đậu Tú-tài, toan học nghề thuốc, không xong, toan học luật, học xong, nhảy qua tập-sự nghề bào-chế thuốc, tưởng sẽ bán cao-đơn hoàn-tán, nhưng cũng không xong, rốt cuộc trở nên nhà buôn tranh cổ và tranh mới, có mắt tinh-đòi, biết phân biệt ngọc-đá vàng-thau, nâng-đỡ các

họa-sĩ chưa thành danh, Renoir, Corot, nhứt là có lương-tâm với nghề, mua bán rất sòng-phẳng, viết để lại một tác-phẩm duyên-dáng, tiếc thay tôi không còn thì giờ để coi theo đó viết lại cho đồng-bào thưởng-thức, và dám khuyên người hay chữ nên tìm đọc quyển “Souvenirs d'un marchand de tableaux” nói và dạy về tranh. Kể-lể về tableaux là khô khan, thế mà sách ông, tôi đọc quên ăn quên ngủ đủ biết có duyên và hấp dẫn đến bực nào.

Tỷ-phú chơi tranh, xin kể:

a) Ông tên Calouste Gulbenkian, ngoài có biệt-danh “Monsieur cinq pour cent” (lão-ông Ngũ-phân chi Bá), nôm là “ông già ăn năm phần trăm tiền lời”, vì ông là tỷ-phú làm mối khai thác mỏ dầu hỏa dầu hôi, và mỗi khi đặt máy khoan, máy chạy, có dầu đưa lên khỏi mặt đất xong, bán ra tiền, là phải đền sở-phí khό nhọc công của ông là 5% tiền lãi mỗi lít hay mỗi tấn dầu bom lên và biết mấy tỷ mấy ngàn tỷ mà đếm, và có thể nói không sơ sai là sức giàu của ông, địch-thể nhiều quốc-gia Trung-Á. Trong quyển “Guerre du pétrole” (Presse de la Cité, Paris) tác-giả là Léonard Mosley, viết về C. Gulbenkian, nơi truong 243, đã hạ bút viết: “l'homme le plus riche du monde”. Chỉ có vài hàng dầu mỗi năm phải nạp vào túi ông, cả 20.000.000\$ thì đủ hiểu lời nói ấy không ngoa.

Áy thế mà ông có nhiều tật không ai có. Nói ra đây

chi cho khôi có người trách đưa dưới mắt độc-giả chuyện nhóp nhơ của nhóm nằm trên đống vàng, nhưng không nói làm sao biết được khía cạnh tư-bản giàu nút trúng, khi muốn tập tành chơi tranh chơi đồ cổ.

Gulbenkian có vợ là Nevarte Gulbenkian, đẹp và mập ú-na ú-nần, thứ gái quá lứa đã nân, bồng-bột tình-dục, lão đưa lên ở Paris, mua biệt-thự thật sang đường avenue d'Iéna, nhưng lão chỉ đến mỗi ngày một lần vào giờ ăn trưa, (déjeuner), và mỗi tuần nhụt, lão tính sổ một lần, lợp trả tiền chi-tiêu lợp trả tiền nàng mua-sắm vặt cho nhon-tình, nhưng không bao giờ lão nghĩ chuyện ly-dị, vì lão bắt nàng ở đó giữ-gìn một bộ-môn cổ-vật, phần đông là "không thiệt", gồm tranh lõa-thể ký tên danh-họa Cézanne, Renoir, Monet, Degas, các tranh này phần lớn đều do Sir Kenneth Clark, cố-vấn chuyên-môn làm mối bán, và thỉnh thoảng lão đưa đến đây chiêm-ngưỡng toàn khách sộp của giới chơi đồ cổ từ phương.

Riêng lão thì ở tháng ở năm nơi khách-sạn sang trọng hôtel du Ritz, để tự-do trưng-giốn với gái giang-hồ thay như thay dĩa hát, và về vấn-đề "ham chơi trống bồi" này, con của lão là Nubar Gulbenkian, có một câu "Au fur et à mesure que passaient les années, ses maîtresses (à Calouste) se faisaient plus jeunes et vers la fin de sa vie, seules les Lolita pouvaient le stimuler. Il se plaisait à dire, et le défunt Lord Evens était d'accord avec lui sur ce point, que si une très jeune fille ne pouvait que souffrir d'avoir des relations sexuelles avec

un vieillard dans la mesure où elle perdait sa jeunesse dans l'affaire, les fonctions sexuelles dudit vieillard ne pouvaient qu'en être régénérées", écrit Nubar Gulbenkian, fils de Calouste. (page 244). (Câu này, tôi chưa cho người lịch-duyệt Pháp-văn đọc và hiểu lấy, và tóm tắt là câu ấy, ta đã gọn lỏn trong câu rất ngắn mà đầy đủ: "Thiếu-âm bổ lão-dương"!).

Tánh lập-dị của lão (Calouste Gulbenkian) là không ai có. Lập-dị đây là bo-bo giữ của. Tiền nhụt lão có nạp-dụng một đầu bếp người Turc (dân Thổ-nhĩ-kỳ), khi thôi việc, lão có biếu viên ngự-thiện này một ống để nhồi bột làm bánh (rouleau à pâtisserie), sau đó lão hay được rằng bếp đi nấu ăn cho viên đại-sứ Thổ-nhĩ ở Nga, lão không bằng lòng và đã sai hai thám-tử riêng lén lút qua Moscou, lấy cho được cái ống nhồi bột kia về cho lão thì lão mới nghe. "Ôi! Chiếc thoa là của mấy mươi?"(K.). Nhưng ngón biển-lận của lão mới thật là không ai sánh kịp. Đối với con ruột là công-tử Nubar, xin tiền của lão bao nhiêu, lão đều không từ-chối, duy Nubar vẫn thấy mỗi lần được cha tặng tiền cho con xài, thì lại thấy tiền mướn gian-phòng nơi khách-sạn chàng ở cũng tăng theo mãi mãi, và khi cha từ trần thì con mới rõ khách-sạn mình trú-ngụ vẫn là của cha mình đứng tên tạo-lập và khai-thác, nghĩa là người cha đã cẩn-thận một tay đưa tiền cho con, tay kia thâu lại bằng lén giá tiền phòng, - cho hay nhon-tình phụ-tử là như vậy hay sao? (trang 245 và trang 257).

b) Jean-Paul Getty là một tỷ-phú khác, không kém Calouste Gulbenkian về ngón rít-róng và biến-lận. Getty chuộng đi và dùng ô-tô cũ mèm và vẫn thích đàn bà. Getty ly-dị năm lần và than một câu bất hủ: "Les femmes ne supportent pas qu'un homme soit attaché à ce qu'il fait... En fait, elles n'apprécient pas qu'il s'attache à autre chose qu'à elles-mêmes." (tr. 262) (Đàn bà không thích người đàn ông (chồng) lo việc riêng và chỉ lo cho họ thì họ mới ưa thích). Năm 1948, Getty còn là một tráng-niên khỏe mạnh, với hai chữ "tráng-kiệm". Gốc người xứ Irlande (Anh-quốc), nhập-tịch thành Mỹ-kiều vùng Minneapolis, Getty, người cao và ốm, mặt dài và uy-nghi như con sư-tử, tâm-địa thấp-hèn không như sư-tử chút nào, và vào tuổi 56 (năm-mươi-sáu tuổi) đã khét tiếng là một tỷ-phú có bản-lĩnh, trông nom khai-thác dầu hỏa như trông nom canh đánh phé sạt bài cào.

Calouste Gulbenkian và Jean-Paul Getty là hai tỷ-phú cùng một sở thích chơi tranh lõa-thể, và hai nhà đại tư-bản này, chỉ có tranh khiêu dâm và đàn bà trẻ đẹp là "đeo" tiền họ được, nhưng người đẹp vẫn phải thí thân cho họ "đeo thêm dấu sắt", thì họ mới lời tiền. (25-6-84).

(Iran là Perse, Irak là Mésopotamie, Arabie Séoudite là Arabie trong sách xưa, người Việt ta đều thèm muốn sống bên xứ họ để xài xǎng cho sướng, xin chớ quên xứ ấy nóng nực chỉ có loài rắn độc như rắn hổ-mang (naja), cào-cào, ruồi và bọ-kẹp sinh sống và chịu nóng

nổi, Iran không có nước uống nước tắm như ta khan dầu và Iran có bộ-trưởng coi về tiết-kiệm nước dùng, ai phí nước bị phạt...)

*
* *

Cặp vợ chồng đời Tống đã biết sưu-tập chữ cổ trên đồng và bia đá đời trước

Sự-tích rất cảm động này, tôi không đọc trong sách Tàu và vẫn đọc trong một bản Pháp-văn do một người Hòa-lan, ông Robert Van Gulik, tác-giả quyển *La vie sexuelle dans la Chine ancienne*, viết ra Anh-văn và do Louis Evrard dịch ra Pháp-ngữ (Gallimard xuất-bản). Ông Van Gulik, lão-thông Hán-tự, có vợ người Trung-hoa, đã để lại một bộ sao-lục hình trắng-den xuất-bản từ đời Minh, khảo về "mây-mưa" nhan là "Hoa-dinh cẩm-trận" ("Hoa-ying-kin-tchen", Ordre de Bataille Chatoyant du Camp Fleuri), nhưng ông cẩn-thận, chỉ in lại làm một số rất ít và ký-thác noi các thư-viện công-cộng hoàn-cầu trú-danh, tỷ như ở Pháp là viện bảo-tàng Musée Guimet, thư-viện quốc-gia Bibliothèque Nationale và trường đại-học Sorbonne, v.v. và sau đây là bản tôi dịch lại sự-tích, trích trong sách *La vie sexuelle dans la Chine ancienne* đã dẫn, từ trang 301 đến trang 304, sự tích ấy như vầy:

"Tôi, Li Ts'ing-tchao, bút-hiệu Yi-an, cha tôi là Li K'o-fei vốn dòng hàn-mặc, mẹ tôi là con gái ông Wang

Kong-tchen (1012-1085), thuộc giống tho-huong. Được mười-chín tuổi, tôi gá duyên cùng chàng Tchao Ming-tch'eng, có tánh ham nghiên-cứu về cổ-học, nhà tuy nghèo, chàng có cao-vọng muốn sưu-tập cổ-văn chạm trên đồng cổ hoặc khắc trên đá cổ từ các thời-đại cổ-kim. Rủi thay là chúng tôi sanh nhầm thời buổi loạn-ly, giặc Kim Thát-Đát nhiễu-nhương từ phương Bắc kéo binh lan-tràn, binh triều-đình ngã không-lại. Năm 1127, giặc chiếm trọn miền Bắc, xâm-lấn đến đô-thành P'ien-liang (nay là phủ K'ai-feng). Đức hoàng-thượng mông-trần, lập đô mới tại Lin-an (Hang-tchow), giang-san nhà Tống nấm nuối tồn-tại ở miền Nam này cho đến năm 1279.

Tiên-phu mất giữa lúc di-đô ấy, để lại cho thiếp sách vở, bộ-môn cổ-vật sưu-tập bấy lâu và bản thảo Tsin-che-lou (*Répertoire des Inscriptions sur Bronze et sur Pierre*) gồm ba mươi tập. Không xiết gian-nan, chân yếu tay mềm, thiếp cố gìn-giữ chút gì của tiên-phu để lại, và khi thiếp tạm định-cư ở Hang-tchow, khi ấy thiếp mới gắng gượng không nại tài sơ trí mọn, sao chép lại thành sách bao nhiêu di-tích và công-phu tìm-tòi của người bạc-mạng, và các việc đã xảy ra cho tiên-thiếp làm sao, nay xin thuật lại thô-kịch vài hàng sơ lược:

"Lúc cưới tôi, thì chồng tôi được hai-mươi-mốt tuổi. Chàng theo đuổi việc học-hành xôi kinh nấu sứ tại kinh-đô là P'ien-liang. Hai gia-đình cha mẹ chúng tôi đều vừa đủ ăn, và việc chi độ hồ-khẩu rất là chật vật. Mặc dầu vậy, tháng nào như tháng nầy, chồng tôi vẫn ky-cóp

tiện-tận trong số học-bổng, để dành được lối năm trăm đồng điếu, nếu có thiếu thì cầm áo cầm quần, thế nào cũng xuống chợ gần chùa Hsiang-kouo, chọn lựa và mua vài bản cổ-văn vài đôi hoa-quả, chuyến về chúng tôi vừa nhâm-nhi vừa thưởng-thức cùng đọc văn xưa, tưởng chừng tiên trên thiên-đàng không-hơn. Cách hai năm sau, chồng tôi thi đậu và được bổ-nhiệm làm quan cách xa đô-thành, tuy vậy chúng tôi đã được cơm no áo ấm và khỏi lo về vật-chất miếng ăn miếng mặc. Nhờ vậy chồng tôi tha hồ sưu-tập và mua được khá nhiều bản văn-cổ từ các noi xa gần gấp được. Lâu ngày chúng tôi góp nhród được một số khá quan-trọng, những bản văn-cổ nào chúng tôi chưa có, thì chồng tôi xin sao-chép lại y những bản cổ khi gấp tại nhà cha mẹ hoặc nhà anh em nào còn tàng-trữ. Chúng tôi say mê việc sưu-tập đến quên ăn quên ngủ, và mỗi khi chồng tôi gấp hoặc một bản chữ cổ hoặc một bức danh-họa tranh xưa, hoặc một lọ cổ-đồng có giá-trị thì chồng tôi không ngại gì mà chẳng cầm đồ thế đặc mua cho được mới vừa lòng. Tôi còn nhớ rành-rạnh vào khoảng lối những năm 1102-1106, có một khách viễn-phương đem lại nhà cho xem một bức tranh cổ, do nhà họa-sĩ tài-danh Hsu Hsi chấm hoa mẫu-đơn và trị giá 20.000 tiền điếu. Số bạc ấy, giá thử đổi với bức phú-hộ vương-giả cũng không với tôi, huống hồ gì vợ chồng chúng tôi? Chúng tôi giữ được bức tranh nơi nhà suốt hai ngày rồi phải trả, và suốt mấy ngày liên tiếp, chúng tôi ngồi nhau, tiếc-hối dàu-dàu. Nhưng sau, chồng tôi được thăng chức và tú sách và tú

chứa cổ-vật càng thêm mở rộng. Một phần lớn bồng-lộc làm ra đều đồ dồn về cổ-văn cổ-khí. Một lần mua được sách xưa hoặc văn-cổ, chúng tôi gia-công dò-đọc bối-di những chỗ sơ-sót, viết thẻ, bồi dán những chỗ hư-rách, mua được một cuốn tranh thì mở ra xem và cuốn lại không biết mấy lần, mua được một lọ cổ-đồng thì rờ-rẫm săm-soi phê-bình chủ-trích những chỗ theo-vít trầy-trụa cũ, quên mất cả thời-gian, đêm chầy canh lụn, cho đến khi nào đèn nến tắt queo mới chịu nghỉ-ngoi an giấc. Góp gió thành bão, tụ thiểu thành đa, nhờ bèn chí suru-tập nên bộ-môn của chúng tôi, kể về phẩm cung như lượng, dấu bộ-môn của các bức vương-tôn cũng khó so sánh kịp. Tôi may thời trí nhớ rất là minh-mẫn sáng suốt, và mỗi đêm, com nước xong, vợ chồng chúng tôi ngồi noi thô-phòng "Koei-lai", thi nhau thách-đố: "câu văn nào, ở trong đoạn văn nào, nằm trong quyển sách nào và sách ấy hiện đứng nơi ngăn nào, kệ tủ nào, ai mau lẹ nói trúng thì được thưởng-thức chén trà nước nhứt", mặt tình đối-đáp, tay cầm tay, cả cười, một đôi khi trà rơi thẩm áo nào hay. Ôi chao, nếu được mãn đời hạnh-phúc liên tục như vầy hoài cho đến thuở răng long tóc bạc. Tuy tiền tài eo hẹp, nhưng quả thảnh-thơi trí-não, hạnh-phúc tràn-trề...

Nhưng than ôi, cuộc chiến-chinh vẫn kéo dài, và binh quốc-gia bại nhiều hơn thắng. Chàng Tchao Ming-tch'eng được bổ làm tri-phủ ở tỉnh Sơn-đông, cách chiến-trường không xa, bỗng có tin sét đánh, quân địch

đã kéo đến ùn-ùn chiếm đoạt Biên-kinh. Chúng tôi khôn xiết kinh-hoàng, ngó nhau mà lo giàm cho thập-vật suru-tập, lòng không xiết bối-hồi, đóng đóng niêm-niêm của mồ-hôi nước mắt. Chúng tôi thầm biết khó mà qua khỏi con nguy và các cửa dày công dành-dụm này rồi sẽ ra sao?

Kể từ những năm 1127-1129, đạo quân triều-đình rút lòn xuống phương Nam, gia-đình chồng tôi chạy theo và bán lòn, bỏ lại lòn hồi những sách-vở giấy-má đồ xưa bấy lâu tích-trữ tâng-tiu hơn vàng hơn ngọc. Mùa hè năm 1129, chồng tôi được yết-kiến long-nhan, lúc ấy ngài ngự tại Hang-tchow và đức vua bổ-nhiệm chồng tôi làm tri-phủ nơi phủ Wou-hsing, thuộc tỉnh Tchö-kiang. Chúng tôi cùng ngồi thuyền được một khoảng đường rồi dành phải chia tay, chồng tôi đi phó-niệm một mình, và tôi phải tìm chỗ an trú một nơi khác. Ngày 13 tháng 6, vai mang khăn gói, chồng tôi rời thuyền tách dặm lên bờ, cặp mắt sáng quắc, uy-nghi hùng-hổ, ôi xiết bao là lâm-liệt trong bộ nhung-phục chính-phu. Tôi ngồi dưới thuyền mà bối-hồi tắc dạ. Tôi với hỏi, nếu thành nguy chợ vỡ thì thân-phận này ra sao? Khi ấy tôi còn thấy chồng tôi ngồi trên ngựa lấy tay khoát-khoát: 'Hiền-thê khó giữ được an-toàn trọn cả. Xin nhớ nếu có bồ nào, hãy rời trước những gì bồ-bộn nặng-nề, rồi đến lượt y-phục mùng-mèn, kế đến sách-tranh, qua cổ-đồng, nhưng thế nào cũng cố gắng giữ lại mớ từ-khí sứ-sành, ráng giữ lấy đổi mạng giữ lấy cho đến kỳ-cùng'. Tôi nghe được có

bấy nhiêu rồi từ ấy, bóng chàng lui vào vô định và kể từ ấy chúng tôi không thấy mặt nhau nữa. Chạy theo tới đạo binh có vua ngự thì chàng kiệt-quệ đau nặng và thở hoi cuối-cùng. Tôi và hầu-thiếp sống được là may”.

Suốt ba năm ròng-rã chạy rày đây mai đó, khi tá túc nhà quen bạn tác, khi đùm đậu nhà thân quyền mẹ cha, có lẽ cũng trong lúc khôn xiết hoạn-nạn này mà Tchao phu-nhon sáng-tác một bài từ điệu Ts'ai-sang-tze, dịch ra Pháp-văn như sau:

Devant notre fenêtre

*Sont les bananiers que nous plantâmes,
Leur vert ombrage emplit la cour.
Leur vert ombrage emplit la cour.*

*Leurs feuilles s'ouvrent et se referment comme s'ils
Voulaient mettre leur sentiment à nu.*

*La tête appuyée sur mon oreiller de tristesse
Au plus profond de la nuit, j'écoute la pluie,
Gouttes, gouttes sur les feuilles,
Gouttes, gouttes sur les feuilles.*

*Qu'il ne puisse plus entendre ce bruit
J'en ai le coeur brisé.*

Dịch thoát không cần sát chữ:

Trước song bụi chuối tay tròng,
Xanh xanh tàu chuối mát lòng sân trong.
Lá xanh đưa đẩy lòng-thòng,
Nửa chừng khép mở non lòng chuối tơ.
Nệm cõi gối chiếc bơ-phờ,

Giọt mưa điểm điểm hững hờ lòng đơn,
Giọt nào ướt lá mưa trơn?
Giọt nào dứt giọt, nỗi hờn dứt đâu?
Lòng nào lòng chẳng âu sầu?

Phu-nhon bán lần bán hồi món này qua món khác, kẻ trộm đánh cắp một mớ, nhưng bản thảo của chồng, phu-nhon giữ mãi không rời tay và đến năm 1132, tuổi độ năm-mươi-hai, phu-nhon định cư tại Hang-tchow, chỉnh đốn bản thảo và cho xuất-bản, tự tay đề lời bạt. Bạt-văn ấy đề niên-hiệu 1234, có câu: “Muốn có phải biết hy-sinh, muốn hiệp phải biết biệt-ly, tình đời là thế” (Pour avoir, il faut aussi se préparer à perdre; si l'on veut être unis, il faut aussi compter avec la séparation. Ainsi va le monde). (page 304).

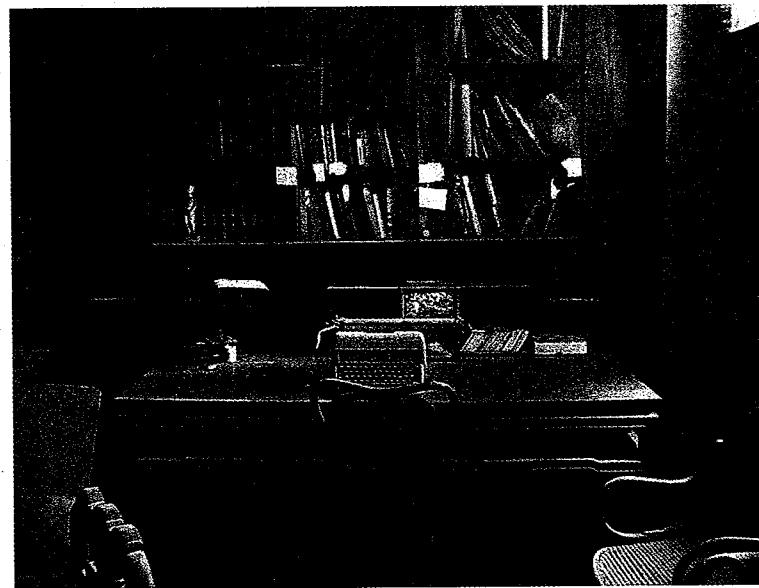
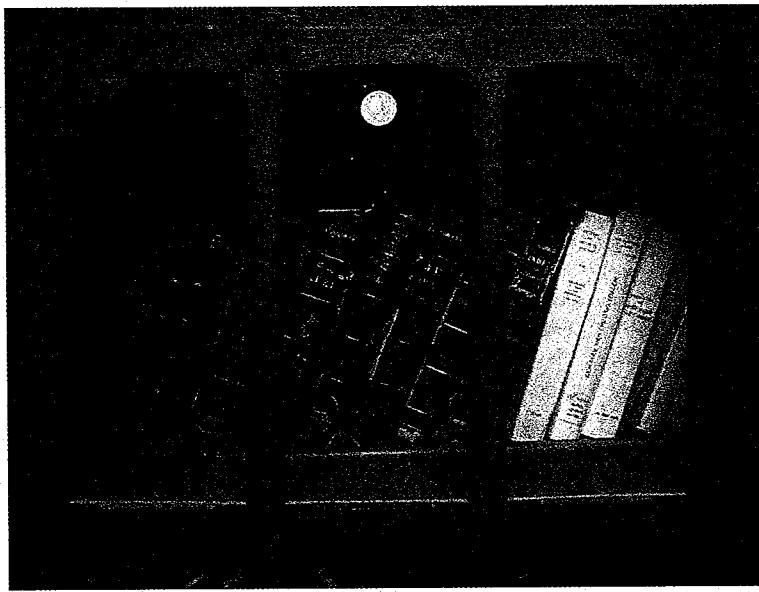
In xong quyển sách di-tích của chồng, phu-nhon rời Hang-tchow, từ ấy biệt vô âm-tín.

Chú.- Li Ts'ing-tchao: Lý Thanh-Chiêu? Tchao Ming-tch'eng: Triệu Minh-Thành?

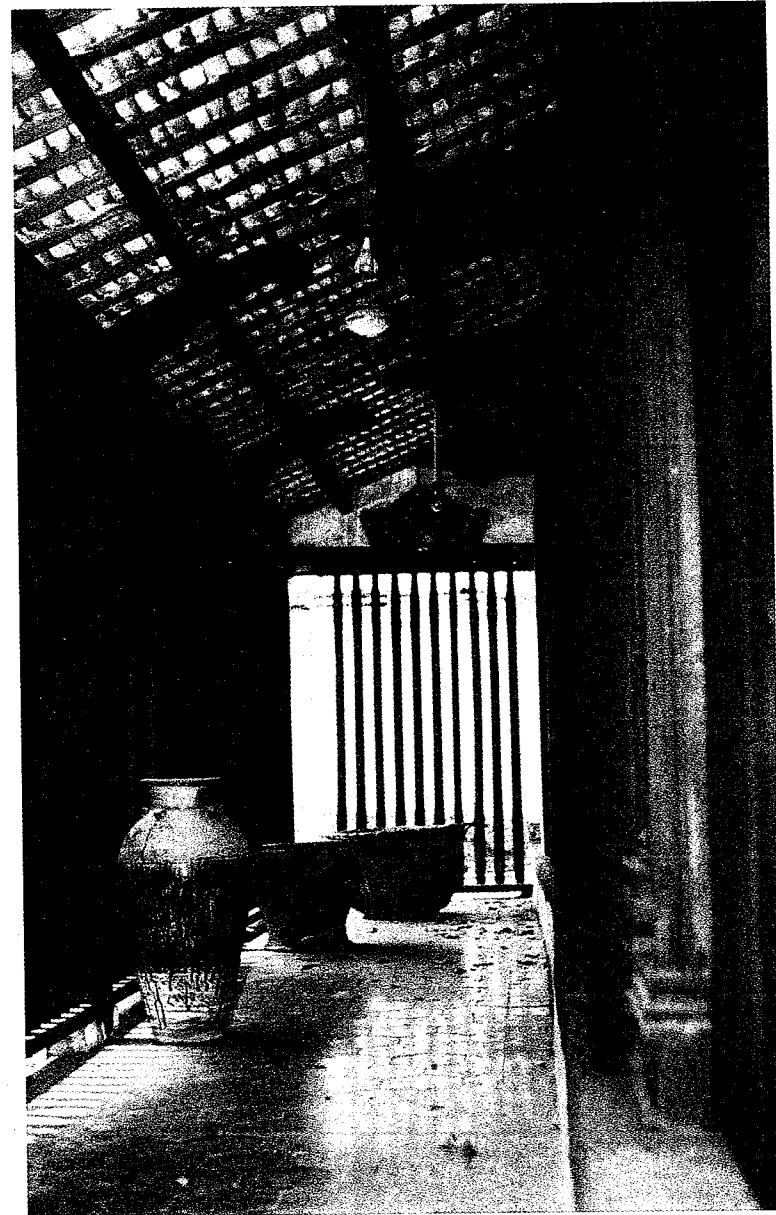
Phải đọc nhiều và cần tra cứu nhiều, tôi xin chưa và không dám dịch tên nhon-vật khác, về địa danh, đã có dịch sẵn trong tự-diển. (viết 26-6-84).

Có nhiều người sợ hãi là cảnh vật già không chịu nổi dùi bút lác mòi. Nhưng
không có duyên нет hay không bằng đũa pho, tuổi già không còn con duyên có ban mới
để sống. Theo tôi, dù sau thời gian ngắn, nó là tình bạn bè, và sự kết giao theo
tôi là một đặc điểm quan trọng của Trung Quốc có tài năng, sau bao
bầu bạn tôi có kha nhiều nhiệm vụ cần đỡ đỡ cho họ và ngược lại. Sau con nhỏ
chó, cái tên thường y là "Mèo hay hổ mèo mèo" với ai, rồi ta sẽ hỏi mèo là
người thế nào? Về suối đó tôi, tôi kết nghĩa người du hùng. Tôi là tung cỏ và
nay vẫn còn có "tung-hoa xanh thím ti-ti-kim" ra gi. Nhóm chính bón ấy là
tên me tôi cho là tốt nhất. Tôi là riau kẽi với con dê sét-amon và voi non phu-
gia mà nhiều người như trại khinh te. Cung nhà có ban là tùng cựu tôi sống cho
đó này, có ban là an nô tôi tiếp tục và có can đảm sống cho đến hiện giờ, mà cũng
co ban là tung làm cho tôi khỏe hết mức mà. Một lần-tiền chung cho ban sang cùn
như ban hàn, bài luận là- và- hào hùng xé bài, là- chúa nòi với nhau thiêng thiêng
lèo nẹp mìn. Nếu tôi không truy nghiên cứu và tên mèo hót chàng ta không thua-
tết này với voi- trai- mẹ, thi kim Ay, là- co xin- tu- chay/ cho- mèo

Các bài hát làm bao giờ với một nhau, như là Kinh Phúc và bài hát Sân Lồng, trong bài Tình yêu, bài hát Cố Đô, bài hát Ngày là một bài hát Đoàn thiền



Bàn viết của cụ Vương. -Ảnh: Bùi Nam



Hiên nhà Vương Hồng Sển. -Ảnh: Trần Ngọc Sinh

MỤC LỤC

CHUYỆN CỦA MÌNH, PHẢI NÓI TRƯỚC	11
NGHỆ-THUẬT CHƠI SÁCH	15
NÓI CHUYỆN NÀNG	22
NẾU ĐỜI LẤY 100 NĂM LÀM HẠN...	35
CẨM HỨNG LAN MAN, CHỮ LÀ MẶN-HÚNG	36
KHÚC QUANH 80 (VIRAGE À 80)	53
MỘT THÚ	74
TÔI VÀ CUỐN SÁCH	83
TAY, NGÓN TAY, BÀN TAY	123
NGHÈ VIẾT LÁCH	130
NHẮC LẠI MỘT CHUYỆN CŨ VÀO NĂM 1972: GIẢI THƯỞNG TUYỀN-DƯƠNG SỰ-NGHỆ VĂN-CHƯƠNG - HỌC THUẬT - MỸ THUẬT	178
NÊN CHƠI SÁCH HAY LÀ NÊN MUA TRANH?	194
BẢO-ÁNH, CÁI BỌT VÀ CÁI BÓNG	252

CUỐN SÁCH VÀ TÔI

Vương Hồng Sển

Chủ trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN MINH NHỰT
Chủ trách nhiệm nội dung: NGUYỄN THẾ TRUẬT

Biên tập: TRẦN NGỌC SINH

Bìa: BÙI NAM

Sửa bản in: AN SAN

Kỹ thuật vi tính: THU TƯỚC

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596
Fax: (08) 38437450
E-mail: nxltre@hcm.vnn.vn
Website: www.nxltre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, phường Bạch Đằng,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (04) 37734544
Fax: (04) 35123395
E-mail: chinhanh@nxltre.com.vn

Khổ 14 x 20 cm. Số: 164-2011/CXB/746-346/Tre.

Quyết định xuất bản số: 878A/QĐ-Tre, ngày 31 tháng 12 năm 2011.

In 1.000 cuốn, tại CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHUYẾN HỌC PHÍA NAM, Tp. HCM.

In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2012.